

QUYÊN “BỒN”
(*Catukka-Nipāta*)

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
[Năm Mười Kinh Đầu].....	1
NHÓM 1. LÀNG BHAᅀA	1
1 (1) <i>Đã Hiểu</i>	1
2 (2) <i>Bị Rớt Khởi</i>	2
3 (3) <i>Bị Tôn Hai (1)</i>	3
4 (4) <i>Bị Tôn Hai (2)</i>	4
5 (5) <i>Theo Dòng Chảy</i>	5
6 (6) <i>Người Ít Học</i>	7
7 (7) <i>Họ Làm Đẹp</i>	9
8 (8) <i>Sự Tự Tin</i>	9
9 (9) <i>Dục Vọng</i>	11
10 (10) <i>Sự Trói Buộc</i>	11
NHÓM 2. ĐANG BƯỚC ĐI	16
11 (1) <i>Khi Đang Bước Đi ...</i>	16
12 (2) <i>Giới Hạnh</i>	17
13 (3) <i>Sự Chuyên Cần Tu</i>	18
14 (3) <i>Sự Kiểm Chế</i>	19
15 (5) <i>Được Cho Là Bạc Nhất</i>	20
16 (6) <i>Sự Tinh Tế</i>	21
17 (7) <i>Đường Sai (1)</i>	22
18 (8) <i>Đường Sai (2)</i>	22

19 (9) <i>Đường Sai (3)</i>	22
20 (10) <i>Người Phân Phần Cơm Trưa</i>	23
NHÓM 3. URUVELĀ	24
21 (1) <i>Ở Uruvelā (1)</i>	24
22 (2) <i>Ở Uruvelā (2)</i>	26
23 (3) <i>Thế Giới</i>	28
24 (4) <i>Kāḷaka</i>	30
25 (5) <i>Đời Sống Tâm Linh</i>	32
26 (6) <i>Những Người Lừa Dối</i>	33
27 (7) <i>Sự Biết Hồi Lòng</i>	33
28 (8) <i>Truyền Thống Thánh Thiện</i>	34
29 (9) <i>Những Yếu Tố Giáo Pháp</i>	36
30 (10) <i>Những Du Sĩ</i>	37
NHÓM 4. BÁNH XE	41
31 (1) <i>Bánh Xe</i>	41
32 (2) <i>Duy Trì</i>	41
33 (3) <i>Sự Tử</i>	42
34 (4) <i>Niềm Tin</i>	44
35 (5) <i>Bà-La-Môn Vassakāra</i>	45
36 (6) <i>Bà-La-Môn Doṇa</i>	48
37 (7) <i>Không Sa Sút</i>	49
38 (8) <i>Rút Lui</i>	51
39 (9) <i>Bà-La-Môn Ujjaya</i>	53
40 (10) <i>Bà-La-Môn Udāyī</i>	54

NHÓM 5. ROHITASSA	56
41 (1) <i>Sự Định Tâm</i>	56
42 (2) <i>Những Câu Hỏi</i>	58
43 (3) <i>Sự Tức Giận (1)</i>	58
44 (4) <i>Sự Tức Giận (2)</i>	59
45 (5) <i>Rohitassa (1)</i>	60
46 (6) <i>Rohitassa (2)</i>	62
47 (7) <i>Rất Xa Nhau</i>	62
48 (8) <i>Visākha</i>	63
49 (9) <i>Những Sự Đảo Điên</i>	64
50 (10) <i>Những Ô Nhiễm</i>	65
[Năm Mười Kinh Thứ Hai]	67
NHÓM 1. NHỮNG DÒNG CHẢY PHƯỚC ĐỨC	67
51 (1) <i>Những Dòng Phước Đức (1)</i>	67
52 (2) <i>Những Dòng Phước Đức (2)</i>	68
53 (3) <i>Sống Chung (1)</i>	70
54 (4) <i>Sống Chung (2)</i>	72
55 (5) <i>Sống Giống Nhau (1)</i>	72
56 (6) <i>Sống Giống Nhau (2)</i>	74
57 (7) <i>Suppavāsā</i>	74
58 (8) <i>Sudatta</i> [= Cấp Cô Độc]	75
59 (9) <i>Thức-ăn</i>	76
60 (10) <i>Sự Thực Hành Đúng Dẫn Của Người Tại Gia</i>	76
NHÓM 2. NHỮNG VIỆC LÀM XỨNG ĐÁNG	79

61 (1) <i>Những Việc Làm Xứng Đáng</i>	79
62 (2) <i>Không Bị Nợ Nần</i>	83
63 (3) <i>Sống Với Vị Trời ...</i>	85
64 (4) <i>Địa Ngục</i>	86
65 (5) <i>Dựa Theo Sắc Thân ...</i>	86
66 (6) <i>Tham Dục</i>	87
67 (7) <i>Rắn</i>	87
68 (8) <i>Đề-Bà-Đạt-Đa</i>	89
69 (9) <i>Sự Chuyên Cần Tu</i>	89
70 (10) <i>Bất Chính</i>	90
NHÓM 3. KHÔNG THỂ LÀM LỖI	93
71 (1) <i>Sự Chuyên Cần Tu</i>	93
72 (2) <i>Cách Nhìn</i>	93
73 (3) <i>Người Xấu: Cô Dâu</i>	93
74 (4) <i>Bạc Nhất (1)</i>	96
75 (5) <i>Bạc Nhất (2)</i>	96
76 (6) <i>Kusinārā</i>	96
77 (7) <i>Những Vấn Đề Không Thể Nghĩ Bàn</i>	97
78 (8) <i>Những Sự Cúng Dường</i>	98
79 (9) <i>Việc Làm Ăn</i>	99
80 (10) <i>Kamboja</i>	100
NHÓM 4. KHÔNG LAY CHUYỀN	101
81 (1) <i>Sát Sinh</i>	101
82 (2) <i>Nói Dối</i>	101

83 (3) <i>Chê Bai</i>	101
84 (4) <i>Sự Tức Giận</i>	102
85 (5) <i>Bóng Tối</i>	103
86 (6) <i>Cúi Xuống</i>	104
87 (7) <i>Con Trai Cả</i> (bốn loại sa-môn)	104
88 (8) <i>Những Gông Cùm</i> (bốn loại sa-môn)	107
89 (9) <i>Chánh Kiến ...</i> (bốn loại sa-môn)	108
90 (10) <i>Các Uẩn</i> (bốn loại sa-môn)	109
NHÓM 5. A-TU-LA	111
91 (1) <i>Những A-Tu-La</i>	111
92 (2) <i>Định ... (1)</i>	111
93 (3) <i>Định ... (2)</i>	112
94 (4) <i>Định ... (3)</i>	113
95 (5) <i>Như Gõ Hỏa Táng</i>	114
96 (6) <i>Tham</i>	115
97 (7) <i>Nhanh Trí</i>	116
98 (8) <i>Vì Phúc Lợi Của Mình ...</i>	118
99 (9) <i>Những Giới Luật Tu Hành</i>	118
100 (10) <i>Potaliya</i>	120
[Năm Mười Kinh Thứ Ba]	123
NHÓM 1 (LOẠI) MÂY	123
101 (1) <i>(Loại) Mây (1)</i>	123
102 (2) <i>(Loại) Mây (2)</i>	124
103 (3) <i>(Loại) Bình</i>	125

104 (4) (Loại) Hồ Nước	126
105 (5) (Loại) Xoài	127
106 (6) (Loại) Xoài	128
107 (7) (Loại) Chuột	128
108 (8) (Loại) Bò.....	129
109 (9) (Loại) Cây Cối.....	131
110 (10) (Loại) Rắn	132
NHÓM 2. KESI	134
111 (1) Kesi	134
112 (2) Tốc Độ	136
113 (3) Gậy Thúc Ngựa.....	137
114 (4) Voi Đực.....	140
115 (5) Việc Mình Làm	142
116 (6) Sự Chuyên Chú.....	143
117 (7) Sự Phòng Hộ.....	144
118 (8) Truyền Cảm Hứng	144
119 (9) Những Hiểm Họa (1).....	145
120 (10) Những Hiểm Họa (2).....	145
NHÓM 3. NHỮNG HIỂM HỌA.....	146
121 (1) Phải Tự Trách Mình.....	146
122 (2) Hiểm Họa Bị Sóng Cuốn	147
123 (2) Sự Khác Biệt (1).....	150
124 (4) Sự Khác Biệt (2).....	153
125 (5) Tâm Từ (1)	153

126 (6) <i>Tâm Từ (2)</i>	156
127 (7) <i>Kỳ Lạ (1)</i>	157
128 (8) <i>Kỳ Lạ (2)</i>	158
129 (9) <i>Kỳ Lạ (3)</i>	159
130 (10) <i>Kỳ Lạ (4)</i>	160
NHÓM 4. NGƯỜI	162
131 (1) <i>Những Công Cùm</i>	162
132 (2) <i>Sự Nhận Định</i>	163
133 (3) <i>Thuộc Loại Hiểu Nhanh</i>	163
134 (4) <i>Sự Cố Gắng</i>	163
135 (5) <i>Tội Lỗi</i>	164
136 (6) <i>Giới Hạnh ... (1)</i>	164
137 (7) <i>Giới Hạnh ... (2)</i>	165
138 (8) <i>Tách Ly Để Tu</i>	165
139 (9) <i>Người Thuyết Pháp</i>	166
140 (10) <i>Những Người Nói</i>	167
NHÓM 5. NHỮNG HÀO QUANG	168
141 (1) <i>Những Hào Quang</i>	168
142 (2) <i>Những Sự Chiếu Sáng</i>	168
143 (3) <i>Những Ánh Sáng</i>	168
144 (4) <i>Những Sự Tỏa Sáng</i>	168
145 (5) <i>Những Thứ Chiếu Sáng</i>	168
146 (6) <i>Những Thời Lúc (1)</i>	169
147 (7) <i>Những Thời Lúc (2)</i>	169

148 (8) <i>Hành Vi (1)</i>	169
149 (9) <i>Hành Vi (2)</i>	170
150 (10) <i>Những Cốt Lỗi</i>	170
[Năm Mười Kinh Thứ Tư]	171
NHÓM 1. CÁC CĂN	171
151 (1) <i>Các Căn</i>	171
152 (2) <i>Năng Lực Niềm Tin ... (các lực)</i>	171
153 (3) <i>Năng Lực Trí Tuệ ...</i>	171
154 (4) <i>Năng Lực Chánh Niệm ...</i>	171
155 (5) <i>Năng Lực Quán Xét ...</i>	171
156 (6) <i>Những Đại Kiếp</i>	172
157 (7) <i>Bệnh</i>	172
158 (8) <i>Sa Sút</i>	173
159 (9) <i>Tỳ Kheo Ni</i>	174
160 (10) <i>Một Bậc Phúc Lành</i>	177
NHÓM 2. NHỮNG KIỂU TU	180
161 (1) <i>Ngăn Gọn</i>	180
162 (2) <i>Chi Tiết</i>	180
163 (3) <i>Sự Không Hấp Dẫn</i>	181
164 (4) <i>Nhẫn (1)</i>	183
165 (5) <i>Nhẫn (2)</i>	185
166 (6) <i>Cả Hai</i>	185
167 (7) <i>Mục-Kiền-Liên</i>	186
168 (8) <i>Xá-Lợi-Phất</i>	187

169 (9) <i>Nhờ Sự Cố Gắng (Thêm)</i>	187
170 (10) <i>Kết Hợp Với Nhau</i>	189
NHÓM 3 CỐ-Ý	191
171 (1) <i>Sự Cố Ý</i>	191
172 (2) <i>Sự Phân Tích</i>	194
173 (3) <i>Câu-Hi-La</i>	195
174 (4) <i>Ānanda</i>	196
175 (5) <i>Upavāṇa</i>	196
176 (6) <i>Ước Nguyện</i>	198
177 (7) <i>Rāhula</i>	198
178 (8) <i>Hồ Giữ Nước</i>	200
179 (9) <i>Niết-Bàn</i>	201
180 (10) <i>(Bổn) Sự Tham Chiếu Lớn</i>	202
NHÓM 4. NHỮNG BÀ-LA-MÔN	206
181 (1) <i>Chiến Binh</i>	206
182 (2) <i>Người Bảo Đảm</i>	207
183 (3) <i>Đã Nghe</i>	208
184 (4) <i>Không Sợ Hãi</i>	209
185 (5) <i>Những Sự Thật Của Bà-La-Môn</i>	212
186 (6) <i>Sự Tinh Nhạy</i>	213
187 (7) <i>Vassakāra</i>	216
188 (8) <i>Upaka</i>	218
189 (9) <i>Sự Chứng Ngộ</i>	220
190 (10) <i>Ngày Bỏ-Tát</i>	220

NHÓM 5. NHÓM LỚN.....	224
191 (1) <i>Nghe Theo Bằng Tai</i>	224
192 (2) <i>Những Điều Thật</i>	227
193 (3) <i>Ông Bhaddiya</i>	230
194 (4) <i>Thị Trần Sāpūga</i>	235
195 (5) <i>Ông Vappa</i>	237
196 (6) <i>Ông Sāḷha</i>	242
197 (7) <i>Hoàng Hậu Mallikā</i>	245
198 (8) <i>Hành Hạ Bản Thân</i>	247
199 (9) <i>Dục Vọng</i>	256
200 (10) <i>Tình Cảm</i>	257
[Năm Mười Kinh Thứ Năm].....	261
NHÓM 1. NGƯỜI TỐT	261
201 (1) <i>Những Giới Luật Tu Hành</i>	261
202 (2) <i>Không Có Niềm Tin</i>	262
203 (3) <i>Bảy Hành Động</i>	263
204 (4) <i>Mười Hành Động</i>	263
205 (5) <i>Tám Phần Tu</i> (của Bát Thánh Đạo).....	264
206 (6) <i>Mười Phần Tu</i>	265
207 (7) <i>Tính Nết Xấu (1)</i>	265
208 (8) <i>Tính Nết Xấu (2)</i>	266
209 (9) <i>Tính Nết Xấu (3)</i>	266
210 (10) <i>Tính nết Xấu (4)</i>	267
NHÓM 2. LÀM ĐẸP CHO HỘI CHÚNG	268

211 (1) <i>Hội Chúng</i>	268
212 (2) <i>Cách Nhìn</i>	268
213 (3) <i>Không Biết Ôn</i>	268
214 (4) <i>Sát Sinh</i>	269
215 (5) <i>Đạo (1)</i>	269
216 (6) <i>Đạo (2)</i>	269
217 (7) <i>Cách Nói Ra (1)</i>	270
218 (8) <i>Cách Nói Ra (2)</i>	270
219 (9) <i>Không Biết Xấu Hổ Lương Tâm</i>	270
220 (10) <i>Không Có Trí</i>	271
NHÓM 3. HÀNH VI THIÊN	272
221 (1) <i>Hành Vi Sai</i>	272
222 (2) <i>Cách Nhìn</i>	272
223 (3) <i>Không Biết Ôn</i>	272
224 (4) <i>Sát Sinh</i>	273
225 (5) <i>Đạo (1)</i>	273
226 (6) <i>Đạo (2)</i>	273
227 (7) <i>Cách Nói Ra (1)</i>	274
228 (8) <i>Cách Nói Ra (2)</i>	274
229 (9) <i>Không Biết Xấu Hổ Lương Tâm</i>	274
230 (10) <i>Không Có Trí</i>	275
231 (11) <i>Thi Sĩ</i>	275
NHÓM 4. NGHIỆP	276
232 (1) <i>Một Cách Ngắn Gọn</i>	276

233 (2) <i>Một Cách Chi Tiết</i>	276
234 (3) <i>Bà-La-Môn Soṇakāyana</i>	278
235 (4) <i>Những Giới Luật Tu Hành (1)</i>	278
236 (5) <i>Những Giới Luật Tu Hành (2)</i>	279
237 (6) <i>Tám Chi Thánh Đạo</i>	280
238 (7) <i>Bảy Chi Giác Ngộ</i>	280
239 (8) <i>Đáng Chê Trách</i>	281
240 (9) <i>Không Gây Khổ Đau</i>	281
241 (10) <i>Những Sa-môn</i>	282
242 (11) <i>Những Ích Lợi Của Một Người Tốt</i>	283
NHÓM 5. NHỮNG HIỂM HỌA CỦA SỰ PHẠM TỘI	284
243 (1) <i>Sự Chia Rẽ</i>	284
244 (2) <i>Những Sự Phạm Tội</i>	285
245 (3) <i>Sự Tu Học</i>	288
246 (4) <i>Tư Thế Nằm</i>	290
247 (5) <i>Đáng Được Xây Bảo Tháp</i>	290
248 (6) <i>Tăng Trưởng Trí Tuệ</i>	291
249 (7) <i>Hữu Ích</i>	291
250 (8) <i>Những Tuyên Bố (1)</i>	291
251 (9) <i>Những Tuyên Bố (2)</i>	291
252 (10) <i>Những Tuyên Bố (3)</i>	292
253 (11) <i>Những Tuyên Bố (4)</i>	292
NHÓM 6. SỰ-BIẾT TRỰC TIẾP	293
254 (1) <i>Sự-Biết Trực Tiếp</i>	293

255 (2) <i>Những Sự Tìm Kiếm</i>	293
256 (3) <i>Duy Trì</i>	294
257 (4) <i>Māluṅkyāputta</i>	294
258 (5) <i>Những Gia Đình</i>	296
259 (6) <i>Thuần Chứng (1)</i>	296
260 (7) <i>Thuần Chứng (2)</i>	297
261 (8) <i>Những Năng Lực</i>	298
262 (9) <i>Sống Tu Trong Rừng</i>	298
263 (10) <i>Hành Động</i>	298
NHÓM 7. NHỮNG ĐƯỜNG NGHIỆP	300
264 (1) <i>Sát Sinh</i>	300
265 (2)—273 (10) <i>Gian Cắp</i>	300
NHÓM 8. NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC	302
274 (1) <i>Bốn Nền Tảng Chánh Niệm</i> (Tứ niệm xứ)	302
275 (2) <i>Bốn Sự Chuyên Cần Tu Đúng Đắn</i> (Tứ chánh cần).....	302
276 (3) <i>Bốn Cơ Sở Thần Thông</i> (Tứ thần túc).....	303
277 (4)—303 (30)	303
304 (31)—783 (510)	303
BẢNG VIẾT TẮT	307
CHÚ THÍCH	311

Kính Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

[Năm Mười Kinh Đầu]

NHÓM 1

LÀNG BHAṄḌA

1 (1) *Đã Hiểu*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Vajji (Bạt-kỳ), ở làng Bhaṅḍa. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:⁶¹⁸

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì không hiểu và không thâm nhập bốn điều cho nên ta và các thầy đã lang thang và trôi giạt trong quãng thời gian dài thăm thẳm (luân hồi) như vậy.⁶¹⁹

“Này các Tỳ kheo, chính vì không hiểu và không thâm nhập giới-hạnh thánh thiện, thiên-định [sự định-tâm] thánh thiện, trí-tuệ thánh thiện, và sự giải-thoát thánh thiện cho nên ta và các thầy đã lang thang và trôi giạt trong quãng thời gian dài thăm thẳm như vậy.

“Giới-hạnh thánh thiện đã được hiểu và được thâm nhập. Thiên-định thánh thiện đã được hiểu và được thâm nhập. Trí-tuệ thánh thiện đã được hiểu và được thâm nhập. Sự giải-thoát thánh thiện đã được hiểu và được thâm nhập. Dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái) đã bị cắt đứt; đường dẫn tới hiện-hữu đã bị phá hủy;⁶²⁰ từ nay không còn sự tái hiện-hữu nữa.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy nói thêm như vậy:

“Giới-hạnh, thiên-định, trí-tuệ

Và sự giải-thoát vô thượng:
Cò-Đàm, bậc lừng lẫy,
Đã tự mình hiểu hết những điều đó.

“Sau khi đã trực-tiếp biết những điều này,
Đức Phật đã chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỷ kheo.
Vị Thầy, người đã làm nên sự kết-thúc khổ,
Bậc với Tâm-Nhìn, đã chứng ngộ Niết-bàn.”⁶²¹

2 (2) Bị Rớt Khỏi

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỷ kheo, người không có bốn điều thì coi như đã bị rớt khỏi Giáo Pháp và giới-luật này. Bốn đó là gì? (1) Một người không có giới-hạnh thánh thiện thì coi như đã bị rớt khỏi Giáo Pháp và giới-luật này. (2) Người không có thiên-định [sự định-tâm] thánh thiện ... (3) Người không có trí-tuệ thánh thiện ... (4) Người không có sự giải-thoát thánh thiện thì coi như đã bị rớt khỏi Giáo Pháp và giới-luật này.

“Nhưng, này các Tỷ kheo, người có được bốn điều thì như an toàn⁶²² trong Giáo Pháp và giới-luật này. Bốn đó là gì? (1) Người có được giới-hạnh thánh thiện thì coi như an toàn trong Giáo Pháp và giới-luật này. (2) Người có được thiên-định thánh thiện ... (3) Người có được trí-tuệ thánh thiện ... (4) Người có được sự giải-thoát thánh thiện thì coi như an toàn trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

Bị sụp đổ và sa ngã,
Kẻ tham bị rớt khỏi (Giáo Pháp),
Thì quay trở lại (thế tục).
(Còn người) đã làm xong trách phận,
Vui thích điều đáng vui thích,
Thì được đạt tới hạnh phúc bởi sự hạnh phúc.⁶²³

3 (3) Bị Tồn Hại (1)

(I) “Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất thì người ngu, dở, xấu cứ duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương (về đức hạnh, về tâm); người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều tổn-phước. Bốn đó là gì?”

(1) “Không điều tra và suy xét kỹ, người đó nói lời khen người đáng bị chê trách. (2) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó nói lời chê người đáng được khen ngợi. (3) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó tin một vấn đề đáng bị nghi ngờ. (4) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó nghi ngờ một vấn đề đáng được tin chắc. Có bốn phẩm chất này thì người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương; người đó là đáng chê trách và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều tổn-phước.

(II) “Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất, người trí, giỏi, tốt thiện duy trì bản thân mình không bị tổn hại và tổn thương; người đó là không bị chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước-đức. Bốn đó là gì?”

(1) “Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó nói lời chê trách người đáng bị chê trách. (2) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó nói lời khen ngợi người đáng được khen ngợi. (3) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó nghi ngờ một vấn đề còn đáng nghi ngờ. (4) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó tin một vấn đề đáng được tin chắc. Có được bốn phẩm chất này, người trí, giỏi, tốt thiện duy trì bản thân mình không bị tổn hại và tổn thương; người đó là không bị chê trách và không bị quở trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước-đức.”

Người đó khen người đáng chê,⁶²⁴

Hoặc chê người đáng khen

Thì như cú ném bằng miệng (tà khẩu) xui rủi

Do đó không tìm thấy an lạc.

Chỉ là một cú ném con xúc xắc không may

Nhưng kết quả thua sạch tài sản,
[Mất sạch] tất cả, kể cả bản thân mình;
Nhưng cú ném này còn xui rủi hơn nhiều, đó là:
Chấp chứa sự thù ghét đối với những bậc phúc lành. [a] ⁶²⁵
Suốt thời gian dài 136 ngàn *nirabbuda*,
Cộng 05 *abbuda*, [b] ⁶²⁶
Người vu khống những thánh nhân sẽ bị đọa địa ngục
Sau khi đã bôi xấu họ với lời nói và tâm ý xấu ác.”

4 (4) Bị Tôn Hại (2)

(I) “Này các Tỳ kheo, do đối xử sai trái với bốn người, người ngu, dờ, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương (về đức hạnh, về tâm); người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều tổn-phước. Bốn đó là gì? (1) Đối xử sai trái với mẹ, thì người ngu, dờ, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương; người đó là đáng chê trách và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều tổn-phước. (2) Đối xử sai trái với cha ... (3) Đối xử sai trái với Như Lai ... (4) Đối xử sai trái với đệ tử của Như Lai ... Do đối xử sai trái với bốn người này, người ngu, dờ, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương; người đó là đáng chê trách và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều tổn-phước.

(II) “Này các Tỳ kheo, do đối xử đúng đắn với bốn người, người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị tổn hại và tổn thương; người đó là không bị chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước đức. Bốn đó là gì? (1) Đối xử đúng đắn với mẹ, thì người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị tổn hại và tổn thương; người đó là không bị chê trách và không bị quở trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước-đức. (2) Đối xử đúng đắn với cha ... (3) Đối xử đúng đắn với Như Lai ... (4) Đối xử đúng đắn

với đệ tử của Như Lai ... Do đối xử đúng đắn với bốn người này, người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị tổn hại và tổn thương; người đó là không bị chê trách và không bị quở trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước-đức.”

Người cư xử sai trái
 Với cha và mẹ mình,
 Với Như Lai bậc giác-ngộ,
 Hoặc với đệ tử của Như Lai,
 Thì tạo nhiều tổn-phước.

Bởi do hành vi bất chính đó
 Đối với cha và mẹ,
 Bậc trí hiền phê phán loại người đó trong thế gian,
 Sau khi chết người đó bị đọa trong cảnh giới thống khổ.

Người cư xử đúng đắn
 Với cha và mẹ mình,
 Với Như Lai bậc giác-ngộ,
 Và đệ tử của Như Lai,
 Thì tạo nhiều phước-đức.

Vì hành vi chân chính đó
 Đối với cha và mẹ mình,
 Bậc trí hiền khen ngợi loại người đó trong thế gian này,
 Sau khi chết người đó hưởng phúc trong cõi trời.⁶²⁷

5 (5) Theo Dòng Chảy

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người đi theo dòng chảy; người đi ngược dòng chảy; người vững chắc ở bên trong; và bà-la-môn đứng trên nền đất cao, sau khi đã vượt qua và vượt khỏi.⁶²⁸

(1) “Và cái gì là người đi theo dòng chảy? Ở đây, có người mê đắm

những dục-lạc [khoái-lạc giác quan] và làm những việc xấu ác. Đây được gọi là người đi theo dòng chảy.

(2) “Và cái gì là người đi ngược dòng chảy? Ở đây, có người không mê đắm những dục-lạc và không làm những việc xấu ác. Dù bị đau khổ hay ưu buồn đến giàn giụa nước mắt, người đó vẫn sống đời sống tâm linh trong sạch và toàn thiện. Đây được gọi là người đi ngược dòng chảy.

(4) “Và cái gì là người vững chắc ở bên trong? Ở đây, có người, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), đã thành bậc tái sinh tự động (trong một cõi Tịnh cư thiên) và rồi sẽ chứng luôn Niết-bàn ở đó chứ không còn quay lại thế gian này từ cõi đó (bậc Bất-lai). Đây được gọi là người vững chắc ở bên trong.

(5) “Và cái gì là bà-la-môn đứng trên nền đất cao (chỗ an toàn), sau khi đã vượt qua (bờ bên kia, bỉ ngạn) và vượt khỏi (luân hồi sinh tử). Ở đây, có người, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây được gọi là người đã vượt qua và đã vượt khỏi, là bà-la-môn đứng trên nền đất cao.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

Người thiếu kiểm soát về dục-lạc,
Không từ bỏ nhục-dục, khoái hưởng dục-lạc,
Thì tái tục quay lại⁶²⁹ cảnh sinh-già,
Chìm đắm trong dục-vọng,
Đó là “người buông xuôi theo dòng”.

Do vậy, người có trí biết thiết lập sự chánh-niệm,
Không nương thân nơi dục-lạc hay những việc làm xấu ác,
Mà nên từ bỏ dục-lạc, cho dù phải chịu nhiều đau khổ:
Đó được gọi là “người lội ngược dòng”.

Người đã dẹp bỏ năm ô-nhiễm,
Là học nhân đã hoàn thành,⁶³⁰ đã bất khả thối chuyển,

Đã chứng đắc sự làm-chủ cái tâm,
 Với các căn đều điềm-tĩnh:
 Đó được gọi là “người vững chắc ở bên trong”.

Người đã thấu ngộ mọi thứ thượng và hạ,
 Đã đốt sạch chúng, nên chúng đã mất và không còn nữa:
 Bạc sa-môn đó đã sống đời sống tâm linh,
 Đã đạt tới sự kết-thúc thế giới
 Được gọi là “người đã vượt thoát”.

6 (6) Người Ít Học

“Này các Tỳ kheo, bốn loại này người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Một người học ít không có ý định (dụng ý, chủ ý, mục đích) về những điều mình đã học; người học ít có ý định về những điều mình đã học; người học nhiều không có ý định về những điều mình đã học; và người học nhiều có ý định về những điều mình đã học.

(1) “Và theo cách nào là một người học ít không có ý định về những điều mình đã học? Ở đây, có người đã học ít—từ nhiều thể loại—kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tụng cảm hứng nói ra (kinh Phật tụng thuyết), kinh trích dẫn, kinh bốn sinh (tiền kiếp của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp⁶³¹—và người đó không hiểu ý nghĩa của những điều mình đã học; người đó không hiểu được Giáo Pháp; và người đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Theo cách như vậy là một người học ít không có ý định về những điều mình đã học.

(2) “Và theo cách nào là một người học ít có ý định về những điều mình đã học? Ở đây, có người đã học ít—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... và kinh vấn đáp—nhưng người đó hiểu ý nghĩa của những điều mình đã học; người đó hiểu được Giáo Pháp; và người đó thực hành đúng theo Giáo Pháp. Theo cách như vậy là một người ít học có ý định về những điều mình đã học.

(3) “Và theo cách nào là một người học nhiều không có ý định về những điều mình đã học? Ở đây, có người đã học nhiều—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... và kinh vấn đáp—nhưng người đó không hiểu ý nghĩa của những điều mình đã học; người đó không hiểu được Giáo Pháp; và người đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Theo cách như vậy là một người học nhiều không có ý định về những điều mình đã học.

(4) “Và theo cách nào là một người học nhiều có ý định về những điều mình đã học? Ở đây, có người đã học nhiều—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... và kinh vấn đáp—và người đó hiểu ý nghĩa của những điều mình đã học; người đó hiểu được Giáo Pháp; và người đó thực hành đúng theo Giáo Pháp. Theo cách như vậy là một người học nhiều có ý định về những điều mình đã học.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

Người ít học, và không ổn định về những giới-hạnh,
Người khác chỉ trích người đó về cả hai mặt đó.
Giới-hạnh và sự học-hiểu.

Người học ít, nhưng thiện khéo ổn định về những giới-hạnh,
Người khác khen ngợi người đó về giới-hạnh,
Và sự học (ít mà) thành công.⁶³²

Người học nhiều, nhưng không ổn định về những giới-hạnh,
Người khác chê bai người đó vì phần thiếu giới-hạnh,
Và sự học (nhiều mà) không thành công.

Người học nhiều, và ổn định về những giới-hạnh,
Người khác khen ngợi người đó về cả hai mặt đó.
Giới-hạnh và sự học-hiểu.

Khi một đệ tử của Phật là người học nhiều học cao,
Là một người thông thạo về Giáo Pháp,
Được phú cho trí-tuệ,
Thì giống như đồng tiền được đúc từ vàng núi được tinh luyện,

Thì ai còn có thể chê trách vị đó?

Ngay cả những thiên thần cũng khen ngợi vị ấy,

Ngay cả trời Brahmā cũng khen ngợi vị ấy.

7 (7) *Họ Làm Đẹp*

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này là giỏi, có kỷ luật, tự tin, có học hiểu, thông thạo về Giáo Pháp, thực hành đúng theo Giáo Pháp, là họ làm đẹp cho Tăng Đoàn. Bốn đó là gì?

(1) “Một Tỳ kheo là giỏi, có kỷ luật, tự tin, có học hiểu, thông thạo về Giáo Pháp, thực hành đúng theo Giáo Pháp, là người đó làm đẹp cho Tăng Đoàn. (2) Một Tỳ kheo ni là giỏi ... (3) Một đệ tử tại gia nam là giỏi ... (4) Một đệ tử tại gia nữ là giỏi, có kỷ luật, tự tin, có học hiểu, là thông thạo về Giáo Pháp, thực hành đúng theo Giáo Pháp, là người đó làm đẹp cho Tăng Đoàn.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người là giỏi, có kỷ luật, tự tin, có học hiểu, thông thạo về Giáo Pháp, thực hành đúng theo Giáo Pháp, là họ làm đẹp cho Tăng Đoàn.”

Một người tu là giỏi và tự tin,
Học nhiều, thông thạo về Giáo Pháp,
Thực hành đúng theo Giáo Pháp,
Thì người đó là sự làm đẹp cho Tăng Đoàn.

Một Tỳ kheo thành tựu về giới-hạnh,
Một Tỳ kheo ni có sự học-hiểu,
Một đệ tử tại gia nam được phú cho niềm-tin,
Một đệ tử tại gia nữ được phú cho niềm-tin:
Đó là những người làm đẹp cho Tăng Đoàn;
Họ là những sự tô điểm cho Tăng Đoàn.

8 (8) *Sự Tự Tin*

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại sự tự-tin mà Như Lai có được, do có được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời Brahma (= bánh xe Giáo Pháp).⁶³³ Bốn đó là gì?

(1) “Ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay trời Brahmā hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý nếu phê phán ta như vậy: ‘Ông tuyên bố mình đã giác-ngộ toàn thiện, nhưng ông chưa giác-ngộ toàn thiện về những điều đó.’ Do ta không thấy có căn cứ nào như vậy nên ta sống an toàn, không sợ hãi, và tự tin.

(2) “Ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay trời Brahmā hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý nếu phê phán ta như vậy: ‘Ông tuyên bố mình đã tiêu diệt ô-nhiễm, nhưng ông chưa tiêu diệt mọi ô-nhiễm.’ Do ta không thấy có căn cứ nào như vậy nên ta sống an toàn, không sợ hãi, và tự tin.

(3) “Ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay trời Brahmā hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý nếu phê phán ta như vậy: ‘Những điều ông cho là trở ngại lại không có khả năng cản trở những người thực hành [dính vào, tham gia vào] chúng.’ Do ta không thấy có căn cứ nào như vậy nên ta sống an toàn, không sợ hãi, và tự tin.

(4) “Ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay trời Brahmā hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý nếu phê phán ta như vậy: ‘Giáo Pháp không đưa người thực hành nó đi tới sự diệt-khổ là mục tiêu mà vì nó ông đã chỉ dạy Giáo Pháp đó.’⁶³⁴ Do ta không thấy có căn cứ nào như vậy nên ta sống an toàn, không sợ hãi, và tự tin.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn sự tự-tin mà Như Lai có được, do có được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và thiết lập sự quay

chuyên bánh xe của trời Brahma.”

Những căn cứ khác nhau,
 Những tu sĩ và bà-la-môn đã dựa vào,
 Để phê phán này nọ,
 Cũng không đụng được đến Như Lai:
 Bậc tự-tin, bậc đã vượt khỏi
 Những lối mòn của giáo điều.⁶³⁵

Là bậc toàn-thiện, đã vượt khỏi [mọi sự thế gian],
 Người đã thiết lập sự chuyển dịch bánh xe Giáo Pháp,
 Vì sự bi-mẫn đối với chúng sinh.
 Chúng sinh kính lễ một bậc như vậy:
 Là bậc nhất trong những thiên thần và loài người,
 Là bậc đã vượt thoát khỏi sự hiện-hữu.

9 (9) Dục Vọng

“Này các Tỳ kheo, có bốn cách dục-vọng (ái) khởi sinh bên trong một Tỳ kheo. Bốn đó là gì? Dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo vì mấy chuyện y-áo, thức-ăn, chỗ-ở, hay vì muốn có được sự-sống ở đây hay chỗ khác.⁶³⁶ Đây là bốn cách dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo.”

Với dục-vọng đồng hành,
 Một người lang thang thời gian dài thăm thẳm.
 Từ trạng thái (kiếp) này tới trạng thái khác,
 Không thoát khỏi luân-hồi sinh tử.
 Sau khi nhìn thấy sự nguy-hại—
 Rằng dục-vọng chính là nguồn-gốc của khổ đau—
 Hết dục-vọng, không còn nắm chấp,
 Một Tỳ kheo lang thang một cách có chánh-niệm.

10 (10) Sự Trói Buộc

(I) “Này các Tỳ kheo, có bốn sự trói-buộc (ách) này. Bốn đó là gì? Sự trói buộc của nhục-dục, sự trói buộc của sự hiện-hữu, sự trói buộc của quan-điểm này nọ, và sự trói buộc của vô-minh.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự trói buộc của nhục-dục (dục)? Ở đây, có người không hiểu được nguồn-gốc (sinh) và sự phai-biến (diệt), sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đúng như chúng thực là. Khi một người không hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì sự tham nhục dục, thích nhục dục, say đắm nhục nhục, luyến ái nhục dục, say mê nhục dục, khát nhục dục, đam mê nhục dục, chấp thủ nhục dục (dục thủ), và dục vọng nhục dục (dục ái) cứ nằm sâu bên trong người đó đối với những khoái-lạc giác quan. Đây được gọi là sự trói buộc của nhục-dục.

(2) “Như vậy là sự trói buộc của nhục-dục. Và cái gì là sự trói buộc của sự hiện-hữu (hữu)? Ở đây, có người không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với những trạng thái hiện-hữu.⁶³⁷ Khi một người không hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì sự tham hiện-hữu, thích hiện-hữu, say đắm hiện-hữu, luyến ái hiện-hữu, đam-mê được hiện-hữu, dính chấp hiện-hữu (hữu thủ), và dục-vọng hiện-hữu (hữu ái) cứ nằm sâu bên trong người đó đối với những trạng thái hiện-hữu. Đây được gọi là sự trói buộc của sự hiện-hữu.

(3) “Như vậy là sự trói buộc của sự hiện-hữu. Và cái gì là sự trói buộc của những quan-điểm này nọ (kiến)? Ở đây, có người không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với những quan-điểm này nọ. Khi một người không hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì sự tham quan-điểm, thích quan-điểm, say đắm quan-điểm, luyến ái quan-điểm, đam-mê quan-điểm, dính chấp quan-điểm (kiến thủ), và dục-vọng quan-điểm (kiến ái) cứ nằm sâu bên trong người đó đối với những quan-điểm này nọ. Đây được gọi là sự trói buộc của những quan-điểm này nọ.

(4) “Như vậy là sự trói buộc của những quan-điểm này nọ. Và cái gì là sự trói buộc của vô-minh? Ở đây, có người không hiểu được nguồn-gốc

và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu xúc xứ, sáu căn). Khi một người không hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì sự vô-minh và sự không-biết (vô tri) cứ nằm sâu bên trong người đó đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc. Đây được gọi là sự trói buộc của vô-minh.

“Như vậy là sự trói buộc của nhục-dục, sự trói buộc của sự hiện-hữu, và sự trói buộc của những quan-điểm này nọ, và sự trói buộc của vô-minh.

“Một người *bị gông cùm bởi* những trạng thái bất thiện xấu ác—là những thứ làm ô nhiễm người đó, đưa đến sự tái hiện-hữu mới (tái sinh), gây khổ đau, chín muồi thành sự khổ đau, dẫn tới sự sinh-già-chết trong tương lai—thì người đó được cho là ‘không được an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc’. Đây là bốn sự trói-buộc.

(II) “Này các Tỳ kheo, có bốn sự chặt-đứt sự trói buộc này. Bốn đó là gì? Sự chặt-đứt sự trói buộc của nhục-dục, sự chặt-đứt sự trói buộc của sự hiện-hữu, sự chặt-đứt sự trói buộc của quan-điểm này nọ, và sự chặt-đứt sự trói buộc của vô-minh.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chặt-đứt sự trói buộc của nhục-dục? Ở đây, có người hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đúng như chúng thực là. Khi một người hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì sự tham nhục dục, thích nhục dục, say đắm nhục dục, luyến ái nhục dục, say mê nhục dục, khát nhục dục, đam mê nhục dục, chấp thủ nhục dục (dục thủ), và dục vọng nhục dục (dục ái) *không* nằm bên trong người đó đối với những khoái-lạc giác quan. Đây được gọi là sự chặt-đứt sự trói buộc của nhục-dục.

(2) “Như vậy là sự chặt-đứt sự trói buộc của nhục-dục. Và cái gì là sự chặt-đứt sự trói buộc của sự hiện-hữu (hữu)? Ở đây, có người hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với những trạng thái hiện-hữu. Khi một người hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì sự tham hiện-hữu, thích hiện-hữu, say đắm

hiện-hữu, luyến ái hiện-hữu, đam-mê được hiện-hữu, dính chấp hiện-hữu (hữu thủ), và dục-vọng hiện-hữu (hữu ái) *không* nằm bên trong người đó đối với những trạng thái hiện-hữu. Đây được gọi là sự chặt-đứt sự trói buộc của sự hiện-hữu.

(3) “Nhu vậy là sự chặt-đứt sự trói buộc của sự hiện-hữu. Và cái gì là sự chặt-đứt sự trói buộc của những quan-điểm này nọ (kiến)? Ở đây, có người hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với những quan-điểm này nọ. Khi một người hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì sự tham quan-điểm, thích quan-điểm, say đắm quan-điểm, luyến ái quan-điểm, đam-mê quan-điểm, dính chấp quan-điểm (kiến thủ), và dục-vọng quan-điểm (kiến ái) *không* nằm bên trong người đó đối với những quan-điểm này nọ. Đây được gọi là sự chặt-đứt sự trói buộc của những quan-điểm này nọ.

(4) “Nhu vậy là sự chặt-đứt sự trói buộc của những quan-điểm này nọ. Và cái gì là sự chặt-đứt sự trói buộc của vô-minh? Ở đây, có người hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu xúc xứ, sáu căn). Khi một người hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì sự vô-minh và sự không-biết (vô tri) *không* nằm bên trong người đó đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc. Đây được gọi là sự chặt-đứt sự trói buộc của vô-minh.

“Nhu vậy là sự chặt-đứt sự trói buộc của nhục-dục, sự chặt-đứt sự trói buộc của sự hiện-hữu, sự chặt-đứt sự trói buộc của những quan-điểm này nọ, và sự chặt-đứt sự trói buộc của vô-minh.

“Một người *đã lìa xa khỏi* những trạng thái bất thiện xấu ác—là những thứ làm ô nhiễm người đó, đưa đến sự tái hiện-hữu mới (tái sinh), gây khổ đau, chín muồi thành sự khổ đau, dẫn tới sự sinh-già-chết trong tương lai—thì người đó được cho là ‘an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc’. Đây là bốn sự chặt-đứt sự trói-buộc.

Bị gông cùm bởi sự trói buộc của nhục-dục, và
Sự trói buộc của sự hiện-hữu,

Bị gông cùm bởi những tà-kiến,
Do vô-minh dẫn đầu,
Nên chúng sinh cứ đi mãi trong luân-hồi,
Sinh tử, tử sinh.

Nhưng sau khi đã thấu hiểu,
Những khoái-lạc giác quan và sự trói buộc của sự hiện-hữu;
Sau khi đã búng bỏ sự trói-buộc của những quan-điểm này nọ,
Và đã hóa giải vô-minh,
Những bậc mâu-ni đã chặt-đứt mọi sự trói buộc;
Họ đã vượt khỏi sự trói buộc.⁶³⁸

NHÓM 2

ĐANG BƯỚC ĐI

11 (I) Khi Đang Bước Đi ... ⁶³⁹

(I) (1) Nay các Tỳ kheo, nếu một ý nghĩ tham-dục, một ý nghĩ ác-ý, hay một ý nghĩ gây-hại khởi sinh bên trong một Tỳ kheo trong khi người đó đang bước đi (như: đang đi bộ, đang đi thiền), và người đó dung dưỡng nó, chứ không dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó và xóa sổ nó, thì Tỳ kheo đó được cho là không có sự nhiệt-thành và sự biết sợ-hãi về lương tâm (nếu làm điều sai xấu); người đó là thường trực và liên tục lười-biếng và thiếu nỗ-lực tu (thiếu tinh tấn) trong khi đang bước đi.

(2) “Nếu một ý nghĩ tham-dục ... khởi sinh bên trong một Tỳ kheo khi người đó đang đứng ... (3) Nếu một ý nghĩ tham-dục ... khởi sinh bên trong một Tỳ kheo khi người đó đang ngồi ... (4) Nếu một ý nghĩ tham-dục ... khởi sinh bên trong một Tỳ kheo khi đang nằm [chưa ngủ], và người đó dung dưỡng nó, chứ không dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó và xóa sổ nó, thì Tỳ kheo đó được cho là không có sự nhiệt-thành và sự biết sợ-hãi về lương tâm; người đó là thường trực và liên tục lười-biếng và thiếu nỗ-lực tu (tinh tấn) trong khi đang đứng ... đang ngồi ... đang nằm.”

Dù đang đi hay đang đứng,
Đang ngồi hay đang nằm,
Tỳ kheo nào nghĩ những ý-nghĩ xấu
Liên hệ với đời sống tại gia,
Coi như đã bước vào con đường tai hại,
Bị mê lầm bởi những thứ giả lừa:
Một Tỳ kheo như vậy không thể nào đạt tới
Sự giác-ngộ cao nhất.

Nhưng ai, khi đang đi,
Đang đứng, đang ngồi, hay đang nằm,
Đã làm lẫn lộn những ý-nghĩ (các hành),
Và vui thích sự làm lẫn lộn ý-nghĩ:

Một Tỳ kheo như vậy thì có thể đạt đến
Sự giác-ngộ cao nhất.

12 (2) Giới Hạnh

“Này các Tỳ kheo, hãy sống giữ giới theo giới-hạnh, giữ giới theo Pātimokkha [Giới Bản Tỳ Kheo]. Hãy sống được kiềm chế bởi Pātimokkha, có được phẩm hạnh và nơi nương-tựa tốt lành, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, hãy tu tập theo những điều giới luật đó. Sau khi đã làm được vậy, các thầy nên làm thêm những gì nữa?

(1) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã trừ bỏ tham-dục và sự ác-ý trong khi đi; nếu người đó dẹp bỏ luôn sự đờ-đần và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), sự bất-an và hối-tiếc (trao cử hối quá), và sự nghi-ngờ;⁶⁴⁰ nếu sự nỗ-lực tu (tinh tấn) của người đó được phát khởi chứ không yếu xìu; nếu sự chánh-niệm của người đó được thiết lập và không bị lãng xãng; nếu thân người đó được tĩnh-lặng và không bị quấy động; nếu tâm người đó đạt-định và đạt nhất-điểm, thì Tỳ kheo đó được cho là nhiệt-thành và biết sợ-hãi về lương tâm (nếu làm điều sai xấu); người đó là thường trực và liên tục nỗ-lực tu và kiên-định trong khi đang đi.

(2) “Nếu một Tỳ kheo đã trừ bỏ tham-dục và sự ác-ý trong khi đang đứng ... (3) Nếu một Tỳ kheo đã trừ bỏ tham-dục và sự ác-ý trong khi đang ngồi ... (4) Nếu một Tỳ kheo đã trừ bỏ tham-dục và sự ác-ý trong khi đang nằm [chưa ngủ]; nếu người đó dẹp bỏ luôn sự đờ-đần và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ; nếu sự nỗ-lực tu (tinh tấn) của người đó được phát khởi chứ không yếu xìu; nếu sự chánh-niệm của người đó được thiết lập và không bị lãng xãng; nếu thân người đó được tĩnh-lặng và không bị quấy động; nếu tâm người đó đạt-định và đạt nhất-điểm, thì Tỳ kheo đó được cho là nhiệt-thành và biết sợ-hãi về lương tâm (nếu làm điều sai xấu); người đó là thường trực và liên tục nỗ-lực tu và kiên-định trong khi đang đứng ... đang ngồi ... đang nằm.”

Khi đi biết chế ngự,
Khi đứng, khi ngồi, khi nằm biết chế ngự,
Khi co chân một Tỳ kheo biết chế ngự,
Khi duỗi chân người đó biết chế ngự.

Trên, dưới, dọc, ngang,
Đến tận cùng thế giới,
Người đó là người soi xét kỹ càng sự sinh và diệt
Của các pháp là (năm) uẩn.

Tu học trong những pháp trực dẫn tới
Sự vắng-lặng của tâm (định), luôn có chánh-niệm,
Người ta gọi một Tỳ kheo như vậy:
Là một người thường trực kiên-định.

13 (3) Sự Chuyên Cần Tu

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần)? Bốn đó là gì? (1) Ở đây, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn (dục) không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh, người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh ... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Đây là bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn.”

Những ai chuyên-cần tu một cách đúng đắn,
Sẽ vượt qua cõi Ma Vương [Māra];
Họ không còn bị dính buộc,
Đã vượt qua nỗi sợ về sinh-tử.

Họ mãi nguyện, không còn bị khích-động,
 Đã chinh phục Ma Vương và yên cương của hắn;
 Những bậc hạnh-phúc đó đã chinh phục
 Tất cả những đạo quân của Namuci [tức Ma Vương].⁶⁴¹

14 (3) *Sự Kiểm Chế ...*

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự chuyên-cần tu (tinh cần) này. Bốn đó là gì? Sự chuyên-cần tu bằng sự kiểm-chế, sự chuyên-cần tu bằng sự dẹp-bỏ, sự chuyên-cần tu bằng sự tu-tập, và sự chuyên-cần tu bằng sự phòng-hộ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự kiểm-chế? Ở đây, khi nhìn thấy một hình sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không nắm giữ những tướng nét và đặc điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để mắt không được kiểm chế thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập sự kiểm-chế nó, người đó phòng-hộ căn mắt, người đó đảm trách sự kiểm-chế căn mắt.

“Khi nghe thấy một âm-thanh ... người thấy một mùi-hương ... nếm thấy một mùi-vị ... cảm thấy một đối tượng chạm xúc với thân ... nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không nắm giữ những tướng nét và đặc điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để tâm không được kiểm chế thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập sự kiểm-chế nó, người đó phòng-hộ căn tâm, người đó đảm trách sự kiểm-chế căn tâm.

(2) “Và cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự dẹp-bỏ? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó, và xóa sổ nó.

“Người đó không dung dưỡng một ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh ... một ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh ... những trạng thái bất thiện xấu ác mỗi khi chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó, và xóa sổ

nó. Đây được gọi là sự chuyên-cần tu bằng sự dẹp-bỏ.

(3) “Và cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự tu-tập? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm), [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát [tới sự thoát-ly].

“Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự phân-giải những hiện-tượng (trạch pháp) ... sự nỗ-lực tu (tinh tấn) ... sự hoan-hỷ (hỷ) ... sự tĩnh-lặng (khinh an) ... sự định-tâm (định) ... sự buông-xả (xả), [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Đây được gọi là sự chuyên-cần tu bằng sự tu-tập.

(4) “Và cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự phòng-hộ? Ở đây, một Tỳ kheo phòng hộ một đối-tượng thiền là rất tốt (là cơ sở) cho sự định-tâm: (đó là) sự nhận-thức về một bộ xương (người), sự nhận-thức về một tử thi bị giòi đục, sự nhận-thức về một tử thi đã tái xanh, sự nhận-thức về một tử thi đang sinh thối, sự nhận-thức về một tử thi đang nứt chảy, sự nhận-thức về một tử thi đang trương phồng.⁶⁴² Đây được gọi là sự chuyên-cần tu bằng sự phòng-hộ.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại sự chuyên-cần tu.”

Sự kiềm-chế và sự dẹp-bỏ,

Sự tu-tập và sự phòng-hộ:

Bốn sự chuyên-cần tu (tứ cần) này đã được chỉ dạy

Bởi bậc Hậu Duệ của Thái Dương (tức chỉ Phật).

Bằng phương tiện này thì một Tỳ kheo ở đây

Có thể đạt đến sự diệt-khổ.

15 (5) Được Cho Là Bậc Nhất

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố về những người là bậc nhất. Bốn đó là gì?

“Bậc nhất về thân-sống là Rāhu, vua của những quỷ thần a-tu-la

[asura].⁶⁴³ (2) Bậc nhất về thụ hưởng đục-lạc là Vua Mandhātā.⁶⁴⁴ (3) Bậc nhất về quyền hành là Ma Vương Ác Ma. (4) Trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và Trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất. Đây là bốn sự tuyên bố về những ai là bậc nhất.”

Rāhu là bậc nhất về thân-sống,
Vua Mandhātā là bậc nhất về thụ hưởng đục-lạc,
Ma Vương là bậc nhất trong những kẻ cai-trị,
Sáng chói với quyền lực và vinh quang.

Trong thế giới này có những thiên thần,
Trên, dưới, dọc, ngang,
Đến tận cùng thế giới,
Đức Phật được cho là bậc nhất.

16 (6) Sự Tinh Tế

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại sự tinh tế này.⁶⁴⁵ Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo có được sự tinh tế tuyệt vời (cao nhất) về *thể-sắc* (sắc). Người đó không còn nhận thức bất kỳ sự tinh tế nào khác về thể-sắc tốt hơn hay siêu vi hơn sự tinh tế đó; người đó không khát nguyện có được bất kỳ sự tinh tế nào khác về thể-sắc tốt hơn hay siêu vi hơn sự tinh tế đó. (2) Người đó có được sự tinh tế tuyệt vời về *cảm-giác* (thọ) ... (3) ... sự tinh tế tuyệt vời về *nhận-thức* (tưởng) ... (4) ... sự tinh tế tuyệt vời về *những sự tạo-tác* (hành) ... Người đó không còn nhận thức bất kỳ sự tinh tế nào khác về thể-sắc tốt hơn hay siêu vi hơn sự tinh tế đó; người đó không khát nguyện có được bất kỳ sự tinh tế nào khác về thể-sắc tốt hơn hay siêu vi hơn sự tinh tế đó.

“Đây là bốn loại sự tinh tế.”

Sau khi đã biết sự tinh tế về thể-sắc,
Sự khởi sinh của những cảm-giác,

Cách mà nhận-thức khởi sinh,
Và nơi nó biết mắt;
Sau khi đã biết những sự tạo-tác:
Chỉ là ‘kẻ lạ’, là ‘khổ’, và không phải cái ‘ta’,
Là đích thực Tỳ kheo đó đã nhìn thấy một cách chánh đúng,⁶⁴⁶
Được bình-an và vui thích trạng thái bình-an.
Vị ấy mang thân cuối cùng của mình,
Sau khi đã chinh phục Ma Vương và yên cương của hấn.

17 (7) Đường Sai (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn cách khiến người ta chọn đường sai. Bốn đó là gì? Người chọn đường sai vì tham, vì sân, vì si, hay vì sợ-hãi. Đó là bốn cách khiến người ta chọn đường sai.”

Nếu do tham, sân, si hay sợ-hãi
Một người ngược ngạo với Giáo Pháp,
Thì thanh danh người đó càng lúc càng tiêu giảm,
Như trăng trong hai tuần tối khuyết đi.

18 (8) Đường Sai (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn cách giúp người ta không chọn đường sai. Bốn đó là gì? Người không chọn đường sai vì tham, vì sân, vì si, hay vì sợ-hãi. Đó là bốn cách giúp người ta không chọn đường sai.”

Nếu một người không ngược ngạo với Giáo Pháp
Do bị tham, sân, si hay sợ-hãi,
Thì thanh danh của người đó càng lúc càng đầy lên,
Như trăng trong hai tuần sáng tròn lên.

19 (9) Đường Sai (3)

[Kính này là gồm có lời của 02 kinh kể trên gộp lại, và phần thi kệ là thi kệ của 02 kinh đó gộp lại.]

20 (10) Người Phân Phần Com Trưa

“Này các Tỳ kheo, nếu một người phân phần com trưa⁶⁴⁷ có bốn phẩm chất này thì người đó bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người đó chọn đường sai vì tham, vì sân, vì si, hay vì sợ-hãi. Nếu một người phân phần com trưa có bốn phẩm chất như vậy thì người đó bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, nếu một người phân phần com trưa có được bốn phẩm chất này thì người đó được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người đó không chọn đường sai vì tham, vì sân, vì si, hay vì sợ-hãi. Nếu một người phân phần com trưa có được bốn phẩm chất như vậy thì người đó được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.

Những người không tự chế ngự về những dục-lạc,
 Những người không chân chính, không kính trọng Giáo Pháp,
 Cứ lạc lối do tham, sân, và sợ-hãi,⁶⁴⁸
 Thì được gọi là một hội chúng ố nhiễm.
 Bạc Sa-Môn là người-biết (tức Phật) đã nói như vậy.
 Bởi vậy, nhóm người tốt thiện là những người đáng khen,
 Họ vững chắc về Giáo Pháp, không làm điều gì xấu,
 Không bị lay chuyển bởi tham, sân, và sợ-hãi,
 Thì được gọi là một hội chúng ưu tú.
 Bạc Sa-Môn là người-biết đã nói như vậy.

NHÓM 3

URUVELĀ

21 (1) Ở Uruvelā (1)

Tôi nghe như vậy.⁶⁴⁹ Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, trong một lần khi ta đang sống ở Uruvelā, bên bờ sông Nerañjarā (Ni-liên-thuyền), chỗ gốc Cây Đa (Banyan) của người Chấn Dê, sau khi ta mới giác-ngộ toàn thiện. Lúc đó, trong khi ta đang ở một mình trong sự tách-ly như vậy, một tiến trình ý nghĩ đã khởi sinh trong tâm ta như vậy: ‘Thật là khổ nếu sống không có sự tôn vinh và kính trọng (người khác). Giờ có tu sĩ hay bà-la-môn nào để ta có thể tôn vinh, kính trọng, và sống dựa (tùy thuộc) vào người đó?’

“Rồi điều này đã xảy đến với ta: (1) ‘Nếu đồng (uẩn) giới-hạnh của ta là chưa toàn thiện, thì để hoàn thiện nó ta sẽ tôn vinh, kính trọng, và sống dựa vào một tu sĩ hay bà-la-môn khác. Tuy nhiên, trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, ta không thấy có một tu sĩ hay bà-la-môn nào khác đã hoàn thiện hơn ta về giới-hạnh để ta có thể tôn vinh, kính trọng, và sống dựa vào người đó.

(2) “‘Nếu đồng thiên-định của ta là chưa toàn thiện, thì để hoàn thiện nó ta sẽ tôn vinh, kính trọng, và sống dựa vào một tu sĩ hay bà-la-môn khác. Tuy nhiên ... ta không thấy có một tu sĩ hay bà-la-môn nào khác đã hoàn thiện hơn ta về thiên-định để ta có thể tôn vinh, kính trọng, và sống dựa vào người đó.

(3) “‘Nếu đồng trí-tuệ của ta là chưa toàn thiện, thì để hoàn thiện nó ta sẽ tôn vinh, kính trọng, và sống nương dựa vào một tu sĩ hay bà-la-môn

khác. Tuy nhiên ... ta không thấy có một tu sĩ hay bà-la-môn nào khác đã hoàn thiện hơn ta về trí-tuệ để ta có thể tôn vinh, kính trọng, và sống dựa vào người đó.

(4) “Nếu đồng sự giải-thoát của ta là chưa toàn thiện, thì để hoàn thiện nó ta sẽ tôn vinh, kính trọng, và sống nương dựa vào một tu sĩ hay bà-la-môn khác. Tuy nhiên ... ta không thấy có một tu sĩ hay bà-la-môn nào khác đã hoàn thiện hơn ta về sự giải-thoát để ta có thể tôn vinh, kính trọng, và sống dựa vào người đó.

“Ý này đã xảy đến với ta: ‘Vậy thì ta chỉ tôn vinh, kính trọng, và sống dựa theo Giáo Pháp này, là cái ta đã được giác-ngộ toàn thiện.’

“Lúc đó vị trời Brahmā Sahampati, sau khi bằng tâm mình biết được sự phản chiếu trong tâm ta, đã nhanh như một người khỏe mạnh đuổi hay co cánh tay, biến mất khỏi cõi trời và hiện ra ngay trước ta. Vị trời xếp lại phần y áo trên một vai, đầu gối phải quỳ xuống mặt đất, kính lễ ta, và nói: ‘Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác trong quá khứ—những bậc Thế Tôn đó chỉ tôn vinh, kính trọng, và sống dựa theo Giáo Pháp mà thôi. Những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác trong tương lai—những bậc Thế Tôn đó cũng sẽ chỉ tôn vinh, kính trọng, và sống dựa theo Giáo Pháp mà thôi. Vậy thì giờ đức Thế Tôn là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác trong hiện tại, cũng chỉ tôn vinh, kính trọng, và sống dựa theo Giáo Pháp mà thôi.’

“Đây là lời vị trời Brahmā Sahampati đã nói. Sau khi nói xong, vị ấy nói thêm điều này (bằng thi kệ):

“Những vị Phật toàn giác trong quá khứ,
Những vị Phật trong tương lai,
Và bậc ấy là vị Phật hiện tại,
Đã trừ bỏ mọi ưu sầu:
Tất cả họ đều đã sống, đang sống,
Và [trong tương lai] sẽ sống

Kính trọng Giáo Pháp thiện lành.

Đây là phẩm chất của tất cả các vị Phật.

“Do vậy ai mong muốn sự tốt đẹp,⁶⁵⁰

Khát nguyện đạt tới điều lớn-lao,

Thì nên sâu sắc tôn kính Giáo Pháp thiện lành,

Tưởng niệm Giáo Pháp của chư Phật.”

Đây là lời vị trời Brahmā Sahampati đã nói. Sau đó vị trời kính lễ, giữ ta ở hướng bên phải của mình và biến mất ngay tại đó. Sau đó, sau khi đã nhận biết lời thỉnh cầu của vị trời đó và điều đó cũng phù hợp đối với bản thân ta, ta chỉ tôn vinh, kính trọng, và sống nương dựa theo Giáo Pháp, là cái ta đã được giác-ngộ toàn thiện. Và nay Tăng Đoàn đã đạt được sự lớn-lao, ta cũng có luôn sự kính trọng đối với Tăng Đoàn.”

22 (2) Ở Uruvelā (2)

“Này các Tỳ kheo, trong một lần khi ta đang sống ở Uruvelā, bên bờ sông Nerañjarā (Ni-liên-thuyền), chỗ gốc Cây Đa (Banyan) của người Chấn Dê, sau khi ta mới giác-ngộ toàn thiện. Lúc đó có một số bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối, họ đã đến gặp ta và chào hỏi qua lại với ta. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và nói với ta:

“Thầy Cò-đàm, chúng tôi đã nghe nói: ‘Sa-môn Cò-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối; ông ta cũng không đứng dậy hay nhường chỗ ngồi cho họ.’ Đây đúng là sự thật, bởi vì Thầy Cò-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối; thầy cũng không đứng dậy hay nhường chỗ ngồi cho họ. Thầy Cò-đàm, điều này là không phù hợp (không lễ phép).”⁶⁵¹

“Ý này đã xảy đến với ta: ‘Những vị này không biết cái gì là một bậc

trưởng lão hay những phẩm chất nào làm nên một bậc trưởng lão. Mặc dù có người là già tuổi—tám mươi, chín mươi, hay một trăm năm—nhưng nếu người đó nói lúc không phù hợp, nói sai sự thật, nói điều không ích lợi, nói trái với Giáo Pháp và giới-luật; nếu vào lúc không phù hợp người đó nói những lời không chính đáng, vô lý, dong dài và không ích lợi, thì người đó được coi là một người già ngu ngốc [như con nít].

‘Nhưng có người dù trẻ tuổi, một thanh niên tóc còn xanh, được phú cho hạnh phúc của tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời, nếu người đó nói lúc phù hợp, nói điều sự thật, nói điều có ích lợi, nói về Giáo Pháp và giới-luật, và nếu vào lúc phù hợp người đó nói những lời chính đáng, hữu lý, gọn gàng và có ích lợi, thì người đó được coi là một trưởng lão có trí.’

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất này làm nên một bậc trưởng lão. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới Bốn Tỳ kheo], có được phẩm-hạnh và nơi nương-tựa tốt lành, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ lãnh những giới luật tu hành, người đó tu tập theo chúng.

(2) “Người đó học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những gì mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, chúng cho thấy [tuyên bố] đời sống tâm linh tinh khiết và toàn thiện—những giáo lý như vậy người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm trí, đã tụng đọc, đã điều tra tìm hiểu bằng tâm, và đã thâm nhập tốt bằng cách-nhìn (chánh kiến).

(3) “Người đó là người nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, có thể chứng đắc những tầng thiên định (những tầng thiên định đó) tạo nên cái tâm bậc cao và là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này.

(4) “Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này,

bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiệm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Đây là bốn phẩm chất làm nên một bậc trưởng lão.”

Người đần độn với tâm bất an,⁶⁵²
Người nói chuyện tầm phào,
Những ý nghĩ thì bất ổn định
Thích nghe giáo lý xấu,
Nắm giữ những quan điểm xấu, thiếu tôn trọng,
Là còn đứng rất xa tầm vóc của một trưởng lão.

Nhưng người đã thành tựu về giới-hạnh,
Đã học-hiểu nhiều, và luôn thấy-biết,
Tự chủ về những yếu-tố của sự vững chắc,
Là người thấy rõ ý-nghĩa bằng trí-tuệ;
Đã vượt trên tất cả mọi hiện-tượng,
Không bị cản cỗi; luôn thấy-biết;⁶⁵³

Người đã dẹp bỏ sự sinh tử,
Đã đạt đỉnh cao trong đời sống tâm linh (phạm hạnh),
Bên trong mình không còn những ô-nhiễm—
Đó là người ta gọi là trưởng lão.
Một Tỷ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận),
Thì được gọi là một bậc trưởng lão.

23 (3) Thế Giới ⁶⁵⁴

“Này các Tỷ kheo, Như Lai đã hoàn-toàn tỉnh thức (liễu giác) đối với thế giới;⁶⁵⁵ Như Lai đã xuất-ly khỏi thế giới. Như lai đã hoàn-toàn tỉnh thức đối với nguồn-gốc của thế giới; Như Lai đã dẹp-bỏ nguồn-gốc của thế giới. Như Lai đã hoàn-toàn tỉnh thức đối với sự chấm-dứt của thế giới; Như Lai đã chứng-ngộ sự chấm-dứt của thế giới. Như Lai đã hoàn-toàn tỉnh thức đối với con-đường dẫn tới sự chấm-dứt thế giới; Như Lai đã tu

tập con-đường dẫn tới sự chấm-dứt thế giới.

(1) “Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—Nhu Lai đã hoàn-toàn tỉnh thức đối với tất cả những thứ đó; do vậy bậc ấy mới được gọi là Như Lai.⁶⁵⁶

(2) “Này các Tỳ kheo, những gì Như Lai nói, thốt ra, hay tuyên thuyết vào canh giữa cái đêm Như Lai đã tỉnh thức đến sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng (tức vào lúc giác-ngộ) và vào cái đêm Như Lai đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn; lúc qua đời),⁶⁵⁷ tất cả đều chỉ là vậy và không sai khác; do vậy bậc ấy mới được gọi là Như Lai.⁶⁵⁸

(3) “Này các Tỳ kheo, Như Lai nói sao làm vậy; làm sao nói vậy. Bởi vì Như Lai nói sao làm vậy và làm sao nói vậy, nên bậc ấy mới được gọi là Như Lai.⁶⁵⁹

(4) “Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, Như Lai là người chiến thắng, là người không ai thắng, là người nhìn thấy toàn-thể, là người nắm lấy sự làm-chủ; do vậy bậc ấy mới được gọi là Như Lai.”

Sau khi đã trực-tiếp biết tất cả thế giới—

Tất cả trong thế giới đúng như nó thực là—

Bậc ấy xuất-ly khỏi thế giới,

Không dính-líu gì với tất cả thế giới.

Đó là người chiến thắng trong tất cả,

Là bậc trí đã tháo bung mọi gút-mắc.

Đã đạt tới sự bình-an tốt thượng,

Là Niết-bàn, ở đó không còn sự sợ-hãi nào nữa.

Người đó là Đức Phật, đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm

Không còn phiền rối, mọi sự nghi-ngờ đều đã dứt sạch;

Sau khi đã đạt tới sự tiêu-diệt nghiệp, bậc ấy
Được giải-thoát trong sự tắt-ngấm mọi sự thu-nạp (sinh y tận diệt).

Bậc ấy là đức Thế Tôn, là Đức Phật,
Bậc ấy là sư tử vô thượng,
Trong thế giới này có những thiên thần,
Bậc ấy thiết lập sự chuyển dịch bánh xe của trời Brahmā.

Như vậy những thiên thần và loài người,
Ai đã quy y theo Đức Phật,
Tề tựu lại, và cùng kính lễ Đức Phật,
Bậc đại vĩ không còn xao động gì:

“Được thuần phục, bậc ấy là bậc nhất trong số người thuần phục;
Được bình an, bậc ấy là bậc nhất trong số người mang lại bình-an;
Được giải thoát, bậc ấy là đứng-đầu trong số người giải thoát;
Vượt qua bờ, bậc ấy là bậc nhất trong số người dẫn dắt qua bờ.”

Như vậy quả thực họ kính lễ Đức Phật,
Bậc đại vĩ không còn xao động gì.
Trong thế giới này có những thiên thần,
Không có ai có thể tranh bằng với bậc ấy.

24 (4) *Kāḷaka*

[Tôi nghe như vậy.]⁶⁶⁰ Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāketa, ở khu Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Kāḷaka.⁶⁶¹ Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo: “Này các Tỷ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỷ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(i) “Này các Tỷ kheo, trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta đều biết (tri).

(ii) “Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta đã trực-tiếp biết (liễu tri). Chúng đã được biết bởi Như Lai,⁶⁶² nhưng Như Lai đã không bị lệ thuộc theo nó.⁶⁶³

(iii) “Này các Tỳ kheo, nếu ta nói: ‘Trong thế giới này có những thiên thần ... thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta đều không biết’, nói vậy là sai về phần ta. (so với sự biết rõ của ta)

(iv) “Này các Tỳ kheo, nếu ta nói: ‘Trong thế giới này có những thiên thần ... thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta biết và không biết’, nói vậy là cũng sai về phần ta.⁶⁶⁴ (so với sự biết rõ của ta)

(v) “Này các Tỳ kheo, nếu ta nói: ‘Trong thế giới này có những thiên thần ... thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta không biết cũng không phải không biết’, nói vậy là một lỗi về phần ta.⁶⁶⁵ (so với sự biết rõ của ta)

“Vậy đó, (1) sau khi đã nhìn thấy thứ có thể được nhìn thấy, Như Lai không nhận làm thứ được nhìn thấy, không nhận làm thứ không được nhìn thấy, không nhận làm thứ có thể được nhìn thấy, không nhận làm ai là người nhìn thấy.⁶⁶⁶ (2) Sau khi đã nghe thấy thứ có thể được nghe, Như Lai không nhận làm thứ được nghe, không nhận làm thứ không được nghe, không nhận làm thứ có thể được nghe, không nhận làm ai là người nghe. (3) Sau khi đã cảm thấy (cảm nhận) thứ có thể được cảm thấy, Như Lai không nhận làm thứ được cảm thấy, không nhận làm thứ không được cảm thấy, không nhận làm thứ có thể được cảm thấy, không nhận làm ai là người cảm thấy. (4) Sau khi đã nhận biết thứ có thể được nhận biết, Như Lai không nhận làm thứ được nhận biết, không nhận làm thứ không được nhận biết, không nhận làm thứ có thể được nhận biết, không nhận làm ai

là người nhận biết.

“Nhu vậy đó, này các Tỳ kheo, luôn tự tại (ung dung, ổn định, vẫn vậy, bình tâm) đối với những thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, và được nhận biết, Như Lai là một bậc tự tại.⁶⁶⁷ Và, ta nói rằng, không có người tự tại nào xuất sắc và siêu phàm hơn bậc tự tại đó (tức Như Lai).”

Giữa những người tự ép buộc bản thân, bậc Tự Tại
Không coi sự gì là rốt ráo đúng hay sai
Đối với mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, hay cảm nhận,
Mà người đời chấp thủ và coi chúng là sự thật.⁶⁶⁸

Do họ đã nhìn thấy mũi tên này,⁶⁶⁹
Mà người ta chấp thủ và cố chấp theo nó,
[Nên họ cứ nói:] “Tôi biết, tôi thấy, nó đúng là vậy”,
Những Như Lai không chấp thủ theo điều gì.

25 (5) *Đời Sống Tâm Linh*

“Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này được sống (i) không phải vì mục đích để lừa dối người ta và phỉnh dụ người ta; (ii) cũng không phải vì (để được) lợi, danh, cung kính; (iii) cũng không phải vì cái lợi được thắng cãi trong những cuộc tranh cãi; (iv) cũng không phải với ý nghĩ: ‘Để người ta biết mình (đi tu) như vậy.’ Thay vì vậy, đời sống tâm linh này được sống vì mục đích để có được sự kiềm-chế, sự dẹp-bỏ, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt.”⁶⁷⁰

Đức Thế Tôn chỉ dạy đời sống tâm linh,
Không dựa theo truyền thống, dẫn tới đỉnh cao là Niết-bàn,
Được sống vì mục đích có được:
Sự kiềm-chế và sự dẹp-bỏ.⁶⁷¹

Đây là đạo của những chúng sinh vĩ đại,⁶⁷²
Là đạo được bước theo bởi những người-thấy vĩ đại.

Những ai thực hành nó
 Như đã được chỉ dạy bởi Đức Phật,
 Làm đúng theo sự chỉ dẫn của Phật,
 Sẽ làm được sự chấm-dứt khổ.

26 (6) Những Người Lừa Dối ⁶⁷³

“Này các Tỳ kheo, (1) những ai là những kẻ lừa dối, bướng bỉnh, nói nhiều, giả danh, kiêu căng, và không định-tâm thì không phải là những Tỳ kheo của ta.⁶⁷⁴ (2) Họ đã lạc đường khỏi Giáo Pháp và giới-luật này, và họ không đạt được sự trưởng thành, sự tiến bộ, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. (3) Nhưng những Tỳ kheo trung thực, chân thành, kiên định, biết tuân thủ, và khéo định-tâm là những Tỳ kheo của ta. (4) Họ đã không lạc đường khỏi Giáo Pháp và giới-luật này, và họ đạt được sự trưởng thành, sự tiến bộ, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

Những ai là những kẻ lừa dối, bướng bỉnh, nói nhiều,
 Giả danh, kiêu căng, và không định-tâm,
 Thì không tiến bộ trong Giáo Pháp
 Mà bậc Toàn Giác đã chỉ dạy.

Nhưng những người trung thực và chân thành,
 Kiên định, biết tuân thủ, và khéo đạt-định,
 Thì làm nên sự tiến bộ trong Giáo Pháp
 Mà bậc Toàn Giác đã chỉ dạy.

27 (7) Sự Biết Hàn Lòng

“Này các Tỳ kheo, có bốn thứ nhỏ nhất, chúng dễ dàng có được và không bị chê trách (phi tội lỗi). Bốn đó là gì?

(1) “Y-áo (y phục, cà sa) được làm từ giẻ rách là thứ nhỏ nhất so với đủ loại y-áo, nó dễ dàng có được và không bị chê trách. (2) Chút thức-ăn

khất thực là thứ nhỏ nhất so với đủ loại bữa-ăn, nó dễ dàng có được và không bị chê trách. (3) Chỗ gốc cây là thứ nhỏ nhất so với đủ loại chỗ-ở, nó dễ dàng có được và không bị chê trách. (4) Chút nước-tiểu hôi thối là thứ nhỏ nhất so với đủ loại thuốc-men, nó dễ dàng có được và không bị chê trách.⁶⁷⁵

“Có bốn thứ nhỏ nhất, chúng dễ dàng có được và không bị chê trách. Khi một Tỷ kheo biết hài-lòng với thứ nhỏ nhất và dễ dàng có được như vậy, ta nói, người đó có một trong những yếu-tố (chi phần) của đời sống sa-môn (sa-môn hạnh).”

Khi một người biết hài-lòng với những thứ:
Không bị chê trách, nhỏ nhất, và dễ dàng có được;
Khi tâm một người không bị phiền muộn:
Vì một chỗ-ở,
Vì y-phục, thức-ăn và thức-uống,
Thì người đó ở đâu cũng không bị trở ngại.⁶⁷⁶

Nói một cách đúng đắn, những phẩm-chất này
Là đúng phù hợp với đời sống tu sĩ (sa-môn),
Và chúng là đạt-được bởi một Tỷ kheo⁶⁷⁷
Là người biết hài-lòng và chuyên-chú tu hành.

28 (8) *Truyền Thống Thánh Thiện* ⁶⁷⁸

“Này các Tỷ kheo, có bốn truyền thống thánh thiện, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỷ kheo biết hài-lòng với mọi thứ y-áo, và người đó nói lời đề cao sự biết hài-lòng với mọi thứ y-áo, và người đó không vì chuyện y-áo mà dính vào sự tìm kiếm sai trái hay làm những việc không phù hợp (với giới-luật).⁶⁷⁹ Nếu không có được y-áo, người đó cũng không

bị kích động; và nếu có được y-áo, người đó dùng nó nhưng không bị trói buộc theo nó, không mê thích nó và không bị thu hút trong nó một cách mù quáng; người đó nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự thoát-khỏi nó. Hơn nữa, người đó không tự khen mình hay chê bai người khác về vấn đề (y-áo) này. Tỳ kheo nào là người thiện khéo về điều này, chuyên-chú, thường rõ-biết (tỉnh giác) và thường có chánh-niệm, thì được cho là đang đứng trong một truyền thống thánh thiện cổ xưa, nguyên thủy.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo hài lòng với mọi thứ thức-ăn khát thực, và người đó nói lời đề cao sự biết hài-lòng với mọi thứ thức-ăn khát thực, và người đó không vì chuyện thức-ăn mà dính vào sự tìm kiếm sai trái hay làm những việc không phù hợp. Nếu không có được thức-ăn, người đó cũng không bị kích động; và nếu có được thức-ăn, người đó dùng nó những không bị trói buộc theo nó, không mê thích nó, và không bị thu hút trong nó một cách mù quáng; người đó nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự thoát-khỏi nó. Hơn nữa, người đó không tự khen mình hay chê bai người khác về vấn đề (thức-ăn) này. Tỳ kheo nào là người thiện khéo về điều này, chuyên-chú, thường rõ-biết và thường có chánh-niệm, thì được cho là đang đứng trong một truyền thống thánh thiện cổ xưa, nguyên thủy.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo hài lòng với mọi thứ chỗ-ở, và người đó nói lời đề cao sự biết hài-lòng với mọi thứ chỗ-ở, và người đó không vì chuyện chỗ-ở mà dính vào sự tìm kiếm sai trái hay làm những việc không phù hợp. Nếu không có được chỗ-ở, người đó cũng không bị kích động; và nếu có được chỗ-ở, người đó dùng nó những không bị trói buộc theo nó, không mê thích nó, và không bị thu hút trong nó một cách mù quáng; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự thoát-khỏi nó. Hơn nữa, người đó không tự khen mình hay chê bai người khác về vấn đề (chỗ-ở) này. Tỳ kheo nào là người thiện khéo về điều này, chuyên-chú, thường rõ-biết và chánh-niệm, thì được cho là đang đứng trong một truyền thống thánh thiện cổ xưa, nguyên thủy. **

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo tìm thấy sự vui-thích trong sự thiền-tập (tu

thiền), vui-thích với sự thiên-tập; tìm thấy sự vui-thích trong sự dẹp-bỏ, vui-thích với sự dẹp-bỏ.⁶⁸⁰ Hơn nữa, người đó không tự khen mình hay chê bai người khác về vấn đề (thiền-tập hay sự dẹp-bỏ) này. Tỳ kheo nào là người thiện khéo về điều này, chuyên-chú, thường rõ-biết và thường có chánh-niệm, thì được cho là đang đứng trong một truyền thống thánh thiện cổ xưa, nguyên thủy.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn truyền thống thánh thiện, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được bốn truyền thống thánh thiện này, nếu sống ở xứ đông, người đó chiến thắng sự bất-mãn, sự bất-mãn không thắng người đó; nếu sống ở xứ tây ... nam ... bắc người đó chiến thắng sự bất-mãn, sự bất-mãn không thắng người đó. Vì lý do gì? Vì người đó là một bậc kiên định, người chiến thắng sự bất-mãn và khoái-lạc.”

Sự bất-mãn không thắng bậc kiên trung,⁶⁸¹

[Bởi vì] bậc kiên trung không bị thắng bởi sự bất-mãn.⁶⁸²

Bậc kiên trung chiến thắng sự bất-mãn,

[Bởi vì] bậc kiên trung là một người chiến thắng sự bất-mãn.

Ai có thể cản trở người xưa tan

Là người đã phá bỏ tất cả nghiệp?

Ai xứng đáng để chê trách người đó

Là người giống như đồng tiền được làm từ vàng núi tinh luyện?

Ngay cả những thiên thần cũng khen ngợi một người như vậy,

Ngay cả vị trời Brahmā cũng khen ngợi người đó.

29 (9) Những Yếu Tố Giáo Pháp

“Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố Giáo Pháp này,⁶⁸³ từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa

từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Bốn đó là gì?

(1) “Sự không thèm-muốn (vô tham) là một yếu-tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. (2) Sự thiện-chí (vô ác) là một yếu-tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu ... (3) Sự chánh-niệm là một yếu-tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu ... (4) Sự chánh-định là một yếu-tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu ... không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.

“Đây là bốn yếu-tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.”

Người tu nên sống không còn thèm-muốn,
 Với trái tim đầy thiện-chí.
 Người tu nên có chánh-niệm và nhất-điểm trong tâm,
 Bên trong khéo đạt-định.

30 (10) Những Du Sĩ

Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Bấy giờ, vào lúc đó có một số du sĩ rất nổi tiếng cũng đang trú ngụ trong tịnh xá (khu ở) của những du sĩ bên bờ sông Sappinī; đó là những du sĩ Annabhāra, Varadhara, Sakuludāyī, và những du sĩ rất nổi tiếng khác.

Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú) và đi đến tịnh xá của những du sĩ bên bờ sông Sappinī. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với các du sĩ đó:

“Này các du sĩ, có bốn yếu-tố Giáo Pháp này, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Bốn đó là gì?

(1) “Sự không thêm-muốn (vô tham) là một yếu-tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. (2) Sự thiện-chí là một yếu-tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu ... (3) Sự chánh-niệm là một yếu-tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu ... (4) Sự chánh-định là một yếu-tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu ... không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.

“Đây là bốn yếu-tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.”

(1) “Này các du sĩ, nếu có ai nói rằng: ‘Tôi không đồng ý [từ chối, phản bác] sự không thêm-muốn (vô tham) là một yếu-tố Giáo Pháp, và tôi có thể chỉ ra một tu sĩ hay bà-la-môn [đích thực, chân chính] mà đầy sự thêm-muốn, đắm sâu trong dục lạc’ thì ta sẽ trả lời người đó như vậy: ‘(Nếu có ai nói mình là tu sĩ/ bà-la-môn chân chính mà như vậy thì): Hãy mời họ đến, nói chuyện, và thảo luận. Hãy cho ta thấy họ mạnh mẽ ra sao!’. Thực vậy, không ai có thể không đồng ý sự không thêm-muốn (vô tham) là một yếu-tố Giáo Pháp và có thể chỉ ra ‘một tu sĩ hay bà-la-môn [đích thực, chân chính] mà lại đầy sự thêm-muốn, đắm sâu trong dục-lạc’ như vậy.

(2) “Nếu có ai nói rằng: ‘Tôi không đồng ý sự thiện-chí (vô ác) là một yếu-tố Giáo Pháp, và tôi có thể chỉ ra một tu sĩ hay bà-la-môn [đích thực, chân chính] mà có tâm đầy sự ác-ý và có những ý định thù-ghét’ thì ta sẽ trả lời người đó như vậy: ‘Hãy mời họ đến, nói chuyện, và thảo luận. Hãy cho ta thấy họ mạnh mẽ ra sao!’. Thực vậy, không ai có thể không đồng ý

sự thiện-chí (vô ác) là một yếu-tố Giáo Pháp và có thể chỉ ra ‘một tu sĩ hay bà-la-môn [đích thực, chân chính] mà lại có tâm đầy sự ác-ý và có những ý định thù-ghét’ như vậy.

(3) “Nếu có ai nói rằng: ‘Tôi không đồng ý sự chánh-niệm là một yếu-tố Giáo Pháp, và tôi có thể chỉ ra một tu sĩ hay bà-la-môn [đích thực, chân chính] mà có tâm mờ-rối (thất niệm) và thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác)’ thì ta sẽ trả lời người đó như vậy: ‘Hãy mời họ đến, nói chuyện, và thảo luận. Hãy cho ta thấy họ mạnh mẽ ra sao!’. Thực vậy, không ai có thể không đồng ý sự chánh-niệm là một yếu-tố Giáo Pháp và có thể chỉ ra ‘một tu sĩ hay bà-la-môn [đích thực, chân chính] mà lại có tâm mờ-rối và thiếu rõ-biết’ như vậy.

(4) “Nếu có ai nói rằng: ‘Tôi không đồng ý sự chánh-định là một yếu-tố Giáo Pháp, và tôi có thể chỉ ra một tu sĩ hay bà-la-môn [đích thực, chân chính] là người không đạt-định (thất định), có một cái tâm lăng xăng’ thì ta sẽ trả lời người đó như vậy: ‘Hãy mời họ đến, nói chuyện, và thảo luận. Hãy cho ta thấy họ mạnh mẽ ra sao!’. Thực vậy, không ai có thể không đồng ý sự chánh-định là một yếu-tố Giáo Pháp và có thể chỉ ra ‘một tu sĩ hay bà-la-môn [đích thực, chân chính] lại là người không đạt-định, với một cái tâm lang thang’ như vậy.

“Này các du sĩ, nếu có ai nghĩ bốn yếu-tố Giáo Pháp này nên được phản bác và chối bỏ, thì chính họ, ngay trong kiếp này, phải chịu sự phê phán và phản bác dựa trên bốn cơ-sở hữu lý này.⁶⁸⁴ Bốn đó là gì?

“(1) Nếu các người phản bác và chối bỏ sự không thêm-muốn (vô tham) là một yếu-tố Giáo Pháp, thì các người phải kính trọng và khen ngợi ‘những tu sĩ và bà-la-môn đầy sự thêm-muốn và đắm sâu trong dục-lạc’ hay sao? (2) Nếu các người phản bác và chối bỏ sự thiện-chí (vô ác) là một yếu-tố Giáo Pháp, thì các người phải kính trọng và khen ngợi ‘những tu sĩ và bà-la-môn có tâm đầy ác-ý và có những ý định thù-ghét’, hay sao? (3) Nếu các người phản bác và chối bỏ sự chánh-niệm là yếu-tố Giáo Pháp, thì các người phải kính trọng và khen ngợi ‘những tu sĩ và bà-la-môn có tâm mờ-rối và thiếu sự rõ-biết’, hay sao? (4) Nếu các người phản

bác và chối bỏ sự chánh-định là một yếu-tố Giáo Pháp, thì các người phải kính trọng và khen ngợi ‘những tu sĩ và bà-la-môn là người không đạt-định, với một cái tâm lãng xãng’, hay sao?.

“Này các du sĩ, nếu có ai nghĩ bốn yếu-tố Giáo Pháp này nên bị phản bác và chối bỏ, thì chính họ, ngay trong kiếp này, phải chịu sự phê phán và phản bác dựa trên bốn cơ-sở hữu lý như vậy. Ngay cả những du sĩ như Vassa và Bhañña ở xứ Ukkalā, là những người nắm giữ thuyết phi nhân-duyên, thuyết phi hành-động (phi tác nghiệp), và thuyết tự-diệt (diệt vong), cũng không nghĩ những yếu-tố Giáo Pháp này nên bị phản bác và chối bỏ. Vì lý do gì? Vì họ sợ sẽ bị chê bai, bị công kích, và bị phản bác.”⁶⁸⁵

Người đầy thiện-chí, luôn có chánh-niệm
Ở bên trong được khéo đạt-định,
Đang tu tập để loại bỏ sự thèm-muốn,
Thì được gọi là một người chuyên-chú (tu hành).

NHÓM 4

BÁNH XE

31 (1) *Bánh Xe*

“Này các Tỳ kheo, có bốn bánh xe này. Khi bốn bánh xe này quay chuyển, những thiên thần và con người nào có được chúng thì họ sẽ mau đạt được sự lớn-lao và nhiều của-cải. Bốn đó là gì? Đó là: (i) sự sống ở nơi thích hợp, (ii) sự nhờ vào những người tốt, (iii) sự quyết tâm đúng đắn, và (iv) những công đức đã làm trong quá khứ.⁶⁸⁶ Đây là bốn bánh xe. Khi bốn bánh xe này quay chuyển, những thiên thần và những người nào có được chúng thì họ sẽ mau đạt được sự lớn-lao và nhiều của-cải.”

Khi một người sống ở nơi thích hợp,
 Và giao lưu thân cận với những người trí hiền,
 Khi người đó đã lập sự quyết tâm đúng đắn,
 Và đã tạo nhiều công đức trong quá khứ,
 Thì lúa gạo, của cải, danh tiếng và danh phận,
 Cùng với sự hạnh phúc sẽ tích lũy cho người đó.

32 (2) *Duy Trì*

“Có bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp (hảo hữu). Bốn đó là gì? Quà tặng, lời nói thân ái, hành vi thiện ích (từ thiện), và sự vô tư (không thiên vị).⁶⁸⁷ Đây là bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ.”

Sự tặng quà, lời nói thân ái,
 Hành vi thiện ích, và sự không thiên vị
 Trong thế sự đa đoan,
 Là thích hợp để điều chỉnh mọi trường hợp:
 Là những phương tiện để duy trì mối quan hệ tốt lành,
 Giống như chốt trục bánh xe của chiếc xe đang chạy.
 Nếu không có những phương tiện như vậy

Để duy trì mối quan hệ tốt lành,
Thì không cha mẹ nào
Có thể có được sự tôn trọng
Và sự kính trọng từ những con cháu.

Nhưng do đã có những phương tiện này
Để duy trì mối quan hệ tốt lành,
Cho nên những bậc hiền trí tôn trọng những cha mẹ;
Nhờ vậy họ đạt được sự lớn-lao,
Và họ được ngợi khen.

33 (3) *Su Tử*

“Này các Tỳ kheo, vào buổi chiều tối, sư tử, vua của những loài thú, ra khỏi hang ổ của nó, rướn duỗi mình, quan sát bốn hướng xung quanh, và cất tiếng gầm sư tử ba lần. Rồi nó bắt đầu đi săn mồi.

“Khi nghe tiếng gầm của sư tử, hầu hết những con thú đều cảm thấy sợ-hãi, cảm nhận sự cấp-bách và sự khủng-khiếp. Những con sống trong hang lỗ liền chui vô hang lỗ; những con sống dưới nước liền lặn xuống nước; những con sống trong rừng liền chạy vô rừng; và chim chóc thì bay thoát lên trên trời. Ngay cả những con voi đực hoàng gia, đang được cột chặt bằng dây thừng chắc chắn trong những làng mạc, thành thị và trong kinh thành, cũng vùng vẫy bứt phá dây thừng; chúng sợ hãi đến mức tiểu tiện đại tiện và tháo chạy tứ tung. Trong những loài thú, sư tử, vua của những loài thú, thật là mạnh mẽ, thật uy dũng và uy lực.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi Như Lai khởi sinh trong thế gian này, là một bậc A-la-hán, bậc toàn giác, đã thành tựu đầy đủ về trí-biết đích thực và phẩm hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, là người huấn luyện tối thượng của những người cần được huấn luyện, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn, bậc ấy đã chỉ dạy Giáo Pháp như vậy: ‘(1) Đây là sự hiện-hữu cá thể (danh tính), (2) này là nguồn-gốc của sự hiện-hữu cá thể, (3)

này là sự chấm-dứt của sự hiện-hữu cá thể, (4) này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá thể.’⁶⁸⁸

“Khi những thiên thần, là những chúng sinh sống đại thọ, đẹp đẽ, đang hưởng lạc, đang sống rất lâu trong những thiên cung cõi trời, nghe thấy lời dạy của Như Lai về Giáo Pháp như vậy, hầu hết họ đều cảm thấy sợ-hãi, cảm nhận sự cấp-bách và sự khủng-khiếp, (họ nghĩ như vậy):⁶⁸⁹ ‘Coi chừng chúng ta đích thực là vô thường, cho dù chúng ta nghĩ mình là thường hằng; coi chừng chúng ta đích thực là biến hoại, cho dù chúng ta nghĩ mình là trường tồn; coi chừng chúng ta đích thực là không bất tử, cho dù chúng ta nghĩ mình là bất tử. Coi chừng chúng ta là vô thường, biến hoại, không bất tử, đang bị nằm trong sự hiện-hữu cá thể (danh tính).’⁶⁹⁰ Trong thế giới này có những thiên thần, Như Lai thật là mạnh mẽ, thật uy dũng và uy lực.”

Khi, thông qua trí-biết trực tiếp,
Đức Phật, vị thầy, bậc vô song,
Trong thế giới này có những thiên thần,
Thiết lập sự quay chuyển bánh xe Giáo Pháp,
[Phật dạy] về ‘danh-tính’, sự chấm-dứt của nó,
Nguồn-gốc của ‘danh tính’,
Và con-đường Bát thánh đạo
Dẫn tới sự lắng lặn sự khổ.

Rồi ngay cả những thiên thần có những kiếp đại thọ—
Đẹp đẽ, sáng chói hào quang—
Trở nên sợ-hãi và đầy khủng-khiếp
Giống như muôn thú khi nghe tiếng gầm sư tử
“Hình như chúng ta cũng bị vô thường
Không vượt khỏi ‘danh-tính’ này” [họ đã nói vậy],
Sau khi nghe được lời của bậc A-la-hán (Phật)
Là bậc Tụ Tại đã giải-thoát tròn vẹn.”

34 (4) Niềm Tin

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại bậc nhất của sự tự-tin. Bốn đó là gì?

(1) “Dù chúng sinh có cao siêu tới mức nào, từ loài không chân hoặc hai chân, bốn chân, hoặc nhiều chân, có sắc-thân hoặc không có sắc-thân (sắc hay phi sắc), có nhận-thức (tưởng) hoặc không có nhận-thức (phi tưởng), cho tới loại không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng), thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi loài. Những ai có sự tự-tin vào Đức Phật là có sự tự-tin vào (vị) bậc nhất, và những ai có sự tự-tin vào (vị) bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.

(2) “Dù những pháp hữu-vi (những hiện-tượng có điều-kiện) có cao siêu tới mức nào, thì Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi sự. Những ai có sự tự-tin vào Bát Thánh Đạo là có sự tự-tin vào (đạo) bậc nhất, và những ai có sự tự-tin vào (đạo) bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.

(3) “Dù những pháp hữu-vi hay vô-vi⁶⁹¹ có cao siêu tới mức nào, sự chán-bỏ được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi sự, đó là, sự nghiền nát sự tự-cao, sự loại bỏ sự thèm-khát, sự búng bỏ sự dính-mắc, sự kết thúc vòng luân-hồi, sự tiêu diệt dục-vọng (ái tận), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn. Những ai có sự tự-tin vào Giáo Pháp là có sự tự-tin vào (thứ) bậc nhất, và những ai có sự tự-tin vào (thứ) bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.

(4) “Dù các cộng đồng hay đoàn thể (tôn giáo) có cao siêu tới mức nào, thì Tăng Đoàn những đệ tử của Như Lai được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả đó; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám hạng người—Tăng Đoàn của Như Lai là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Những ai có sự tự-tin vào Tăng Đoàn là có sự tự-tin vào (chỗ) bậc nhất, và những ai có sự tự-tin vào (chỗ) bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.”

Đối với những ai có sự tự-tin đối với chỗ bậc nhất,
 Biết Giáo Pháp bậc nhất,
 Tin tưởng vào Đức Phật—vị bậc nhất—
 Là bậc vô-thượng, bậc đáng cúng-dường;

Đối với những ai có sự tự-tin vào Giáo Pháp,
 Ở trong sự bình-an của sự chán-bỏ,
 Đối với ai có sự tự-tin vào Tăng đoàn bậc nhất
 Là phước-diền vô thượng ở trên đời;

Đối với ai tặng quà cho chỗ bậc nhất,
 Thì loại bậc nhất của phước-đức sẽ gia tăng:
 Loại bậc nhất của tuổi thọ, sắc đẹp và huy hoàng,
 Thanh danh, hạnh phúc và sức mạnh.

Người có trí là người bô thí cho chỗ bậc nhất,⁶⁹²
 Đạt định dựa trên Giáo Pháp bậc nhất,
 Sau khi này tái sinh thành tiên hay thành người,
 Sẽ vui sống, sau khi đã đạt được (phước quả) bậc nhất.

35 (5) *Bà-La-Môn Vassakāra*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc đó có một bà-la-môn Vassakāra, ông là tể tướng của nước Ma-kiệt-đà (Magadha), đã đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói:

“Thầy Cô-đàm, chúng tôi mô tả một người có được bốn phẩm chất là một bậc đại nhân có đại trí. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người học cao trong nhiều lĩnh vực học thuật. (2) Người đó hiểu nghĩa của những điều khác nhau, nên người đó có thể nói ‘Đây là nghĩa của điều này; đây là nghĩa của điều kia.’ (3) Người đó có trí nhớ tốt; người đó nhớ và nhớ lại những gì đã được làm và nói từ lâu. (4) Người đó giỏi khéo và chuyên cần trong sự chú tâm vào những công việc khác nhau của một gia chủ; người

đó có sự phán đoán giỏi về chúng để thực hiện và sắp xếp chúng một cách phù hợp. Chúng tôi mô tả người có được bốn phẩm chất đó là một bậc đại nhân có đại trí. Nếu Thầy Cồ-đàm nghĩ điều tôi mới nói ra nên được tán đồng, thì thầy tán đồng nó. Nếu thầy nghĩ điều tôi mới nói ra nên được bác bỏ, thì thầy bác bỏ nó.”

“Này bà-la-môn, ta không tán đồng hay bác bỏ điều đó. Thay vì vậy, ta mô tả một người có được bốn phẩm chất [khác] là một bậc đại nhân có đại trí. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, người đó thực hành vì ích lợi và hạnh phúc của nhiều người; người đó là người thiết lập nhiều người trong phương pháp thánh thiện, đó là, trong sự tốt đẹp của Giáo Pháp, trong sự thiện lành của Giáo Pháp.⁶⁹³ (2) Người đó nghĩ điều mình muốn nghĩ và không nghĩ điều mình không muốn nghĩ; người đó ý định những điều mình ý định và không ý định những điều mình không muốn ý định; như vậy người đó đã đạt tới sự làm-chủ về tâm đối với những cách suy nghĩ tư duy. (3) Người đó, nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, có thể chứng đắc những tầng thiên định (những tầng thiên định đó) vốn tạo nên (phần, trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (4) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Này bà-la-môn, ta không tán đồng hay bác bỏ điều đó. Nhưng ta mô tả một người có được bốn phẩm chất như vậy là một bậc đại nhân có đại trí.”

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm, thật hay khéo là cách điều này đã được tuyên thuyết bởi Thầy Cồ-đàm. Và chúng tôi coi Thầy Cồ-đàm là một người có được bốn phẩm chất này. (1) Thầy Cồ-Đàm là người thực hành vì ích lợi và hạnh phúc của nhiều người; thầy là người thiết lập nhiều người trong phương pháp thánh thiện, đó là, trong sự tốt đẹp của Giáo Pháp, trong sự thiện lành của Giáo Pháp. (2) Thầy Cồ-Đàm nghĩ điều mình muốn nghĩ và không nghĩ điều mình không muốn nghĩ;

thầy ý định những điều mình ý định và không ý định những điều mình không muốn ý định; như vậy thầy đã đạt tới sự làm-chủ về tâm đối với những cách suy nghĩ tư duy. (3) Thầy Cồ-Đàm, nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, có thể chứng đắc những tầng thiền định vốn tạo nên (phần, trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (4) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, Thầy Cồ-Đàm đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, Thầy Cồ-Đàm an trú trong đó.”

“Chắc chắn là như vậy, này bà-la-môn, (cho dù) lời của ông như đang moi móc và chọc ghẹo.⁶⁹⁴ Tuy nhiên, ta sẽ trả lời ông. (1) Đúng vậy, ta đang thực hành vì ích lợi và hạnh phúc của nhiều người; ta là người đã thiết lập nhiều người trong phương pháp thánh thiện, đó là, trong sự tốt đẹp của Giáo Pháp, trong sự thiện lành của Giáo Pháp. (2) Ta nghĩ những điều mình muốn nghĩ và không nghĩ những điều mình không muốn nghĩ; ta ý định những điều mình định và không ý định những điều mình không ý định; như vậy ta đã đạt tới sự làm-chủ về tâm đối với những cách suy nghĩ tư duy. (3) Ta, nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, có thể chứng đắc những tầng thiền định vốn tạo nên (phần, trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (4) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, ta đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, ta an trú trong đó.”

Bậc ấy thiết lập để chúng sinh
 Được thoát khỏi lưới bẫy thần chết;
 Bậc ấy khai mở Giáo Pháp, phương pháp (tu tập)
 Vì ích lợi của những thiên thần và loài người;
 Bậc ấy là người mà nhiều người có được niềm-tin
 Sau khi họ gặp và lắng nghe bậc ấy;
 Bậc ấy thiện thảo về đạo và về thứ không phải đạo,
 Bậc vô-nhiễm là người đã hoàn thành trách phận;

Bậc Giác Ngộ mang thân cuối cùng này
Thì được gọi là “bậc đại nhân có đại trí”.

36 (6) Bà-La-Môn Doṇa

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi trên đường lộ từ Ukkaṭṭhā đến Setavya. Có bà-la-môn tên là Doṇa cũng đang đi trên tuyến đường này. Lúc đó bà-la-môn Doṇa nhìn thấy những bánh xe ngàn căm trong dấu chân của đức Thế Tôn, với những vành và trục, đầy đủ mọi chi tiết,⁶⁹⁵ và nghĩ rằng: “Thật là đáng ngạc nhiên và kỳ diệu! Đây không phải những dấu chân của người thường!”

Rồi đức Thế Tôn ra khỏi đường lộ và ngồi dưới một gốc cây, ngồi chéo chân, giữ thân thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Lần theo dấu chân của đức Thế Tôn, bà-la-môn đến nơi nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây—đẹp đẽ, đáng tin tưởng, với các căn bình an và tâm bình an, một người đã chứng đắc sự tu luyện và sự tinh mẫn cao nhất, giống như một con voi đực đã được thuần chủng và được phòng hộ với các căn được kiểm soát. Rồi ông ta đến gặp đức Thế Tôn và nói:

(1) “Thưa ngài, có phải ngài là thiên thần?”⁶⁹⁶

“Ta sẽ không là thiên thần, này bà-la-môn.”

(2) “Có phải ngài là càn-thát-bà [gandhabba]?”

“Ta sẽ không là càn-thát-bà, này bà-la-môn.”

(3) “Có phải ngài là dạ-xoa [yakkha]?”⁶⁹⁷

“Ta sẽ không là dạ-xoa, này bà-la-môn.”

(4) “Có phải ngài là người?”

“Ta sẽ không là người, này bà-la-môn.”

“Này ngài, khi được hỏi: ‘Có phải ngài là thiên thần?’ ... ‘Có phải ngài là càn-thát-bà?’ ... ‘Có phải ngài là dạ-xoa?’ ... ‘Có phải ngài là người?’, ngài trả lời ‘Ta sẽ không là người, này bà-la-môn’. Vậy thì ngài

là gì?”

(1) “Này bà-la-môn, ta đã dẹp bỏ những ô-nhiễm (lậu hoặc) mà do có chúng ta sẽ (tái sinh) thành thiên thần; ta đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. (2) Ta đã dẹp bỏ những ô-nhiễm mà do có chúng ta sẽ thành càn-thát-bà ... (3) ... do có chúng ta sẽ thành dạ-xoa ... (4) ...do có chúng ta sẽ thành người; ta đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai.

“Giống như một bông sen xanh, sen hồng, hay sen trắng, dù được sinh ra trong nước và lớn lên trong nước, (nhưng) nó đã mọc lên khỏi nước và đứng (trên) không còn bị dính dơ bởi nước. Cũng giống như vậy, dù được sinh ra trong thế gian này và lớn lên trong thế gian này, ta đã vượt trên khỏi thế gian và sống không còn bị dính thế gian. Này bà-la-môn, hãy nhớ rằng, ta là một vị Phật.

“Ta đã tiêu diệt những ô-nhiễm
 Mà nếu còn chúng ta sẽ bị tái sinh thành thiên-thần,
 Hay thành càn-thát-bà bay qua lại trên trời;
 Hay thành quỷ dạ-xoa;
 Hay trở lại làm người:⁶⁹⁸
 Ta đã xua tan và cắt bỏ những ô-nhiễm đó.

“Đẹp đẽ như một bông sen trắng,
 Không còn bị dính bùn dơ bởi nước,
 Ta không còn bị dính nhiễm bởi thế gian:
 Do vậy, này bà-la-môn, ta là một vị Phật.”⁶⁹⁹

37 (7) Không Sa Sút

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất thì không thể nào bị sa sút và đang ở gần Niết-bàn. Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo hoàn thiện về giới-hạnh, phòng hộ các cửa của sáu-căn cảm nhận (phòng

hộ sáu căn), tuân thủ sự tiết-độ trong ăn uống, và thường chú-ý đến (hết mình vì) sự tinh-thức.

(1) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã hoàn thiện về giới-hạnh? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới Bản Tỳ kheo], có được phẩm-hạnh và nơi nương-tựa tốt lành, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Theo cách này là một Tỳ kheo đã hoàn thiện về giới-hạnh.

(2) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo phòng hộ các cửa của sáu căn cảm-nhận? Ở đây, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không nắm giữ những tướng nét và đặc điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để mắt không được kiềm chế thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách sự kiềm chế căn-mắt.

“Khi nghe thấy một âm-thanh ... Khi ngửi thấy một mùi-hương ... nếm thấy một mùi-vị ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc với thân ... Khi bằng tâm nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỳ kheo không nắm giữ tướng nét và đặc điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để tai ... để tâm không được kiềm chế thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, người đó đảm trách sự kiềm chế căn-tai ... căn-tâm.

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo tuân thủ sự tiết-độ trong ăn uống? Ở đây, sau khi suy xét kỹ càng, một Tỳ kheo tiêu dùng thức-ăn: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn—mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: ‘Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác cũ (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới.’⁷⁰⁰ Và tôi sẽ được

khỏe mạnh, và không bị chê trách (phi tội lỗi), và sống được an ổn.”
Theo cách này là một Tỳ kheo tuân thủ sự tiết độ trong ăn uống.

(4) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo thường chú-ý đến sự tỉnh-thức? Ở đây, trong suốt ngày, trong khi đang đi tới đi lui và trong khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những phẩm chất [tâm tính] gây chướng ngại. Vào canh một của đêm, trong khi đang đi tới đi lui và trong khi đang ngồi, người đó thanh lọc tâm mình khỏi những phẩm chất gây chướng ngại. Trong canh giữa của đêm, người đó nằm xuống nghiêng mình bên phải theo tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), sau khi đã lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ thức dậy. Sau khi thức dậy, trong canh cuối của đêm, trong khi đang đi tới đi lui và trong khi đang ngồi, người đó thanh lọc tâm mình khỏi những phẩm chất gây chướng ngại. Theo cách này là một Tỳ kheo thường chú-ý đến sự tỉnh-thức.

“Một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất này thì không thể nào bị sa sút và đang ở gần Niết-bàn.”

Được thiết lập trong giới-hạnh,
Được kiềm chế ở sáu căn cảm-nhận,
Tiết-độ trong ăn uống,
Chú-ý đến sự tỉnh-thức:

Một Tỳ kheo sống một cách nhiệt thành như vậy,
Ngày đêm không biết mệt mỏi,
Tu tập những phẩm chất thiện lành,⁷⁰¹
Để đạt tới sự an-toàn thoát khỏi sự trôi-buộc.

Một Tỳ kheo vui thích sự chuyên-chú,
Nhìn thấy sự nguy-hại trong sự lơ-tâm phóng dật,
Thì không thể nào bị sa sút:
Người đó ở gần Niết-bàn.⁷⁰²

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã xua tan những sự-thật thuộc cá nhân, đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm, và đã làm lắng lặn thân-hành thì được cho là đã rút-lui.⁷⁰³

(1) “Và này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo đã xua tan những sự-thật thuộc cá nhân?⁷⁰⁴ Ở đây, có những sự thật thuộc cá nhân bình thường được nắm giữ bởi những tu sĩ và bà-la-môn bình thường— như là, ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới không bất diệt’; ‘Thế giới là hữu hạn’ hay ‘Thế giới là vô hạn’; ‘Linh hồn và thể xác là một’ hay ‘Linh hồn và thể xác là khác nhau’; ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’—một Tỳ kheo đã giục bỏ và xua tan tất cả những vấn đề này, đã từ bỏ chúng, đã từ chối chúng, đã buông bỏ chúng, đã trừ bỏ và dẹp bỏ chúng.⁷⁰⁵ Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã xua tan những sự-thật thuộc cá nhân.

(2) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ sự tìm kiếm những khoái-lạc giác quan (dục lạc), và đã ngừng sự tìm cầu một đời sống tâm linh.⁷⁰⁶ Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm.

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã làm lắng lặn thân-hành? Ở đây: với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ, và cộng với sự không còn buồn-vui trước đó, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã làm lắng lặn thân-hành.⁷⁰⁷

(4) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã rút-lui? Ở đây, một Tỳ kheo đã trừ bỏ sự tự-ta (sự ta-là, ngã mạn), đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã rút-lui.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã xua tan những sự-thật thuộc cá nhân, đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm, và đã làm lắng lặn thân-hành như

vậy thì được cho là đã rút-lui.”

Tìm kiếm đục-lạc,
 Tìm kiếm sự hiện-hữu,
 Tìm kiếm một đời-sống tâm linh;
 Sự nắm chặt ‘Nhu vậy mới là sự-thật’,
 Chỉ là những quan-điểm [vốn chỉ là] những sự phồng lên:⁷⁰⁸
 Đối với người đã hoàn toàn tách ly khỏi đục-vọng
 Đã được giải thoát bằng sự tiêu diệt đục-vọng,
 Thì sự tìm-kiếm như vậy đã được dẹp bỏ,
 Và những quan-điểm này nọ đã được búng bỏ.
 Vị Tỳ kheo đó bình-an, có chánh-niệm
 Tĩnh-mặc, đã không bị đánh bại, đã giác-ngộ
 Bằng sự xuyên phá sự ‘tự-ta’ (ngã mạn)
 Được gọi là “người đã rút-lui.”

39 (9) Bà-La-Môn Ujjaya

Lúc đó có bà-la-môn tên Ujjaya đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cò-đàm có đề cao việc cúng tế?”

“Này bà-la-môn, ta không đề cao tất cả mọi sự cúng tế cũng không thoái thác tất cả mọi sự cúng tế. (1) Ta không đề cao sự cúng tế bạo lực trong đó những trâu, bò, dê, cừu, gà, heo bị sát hại, trong đó những sinh vật khác nhau bị lôi tới lò mổ. (2) Vì lý do gì? Vì những A-la-hán và những người đã bước vào thánh đạo A-la-hán không tham dự sự cúng tế bạo lực.

(3) “Nhưng ta đề cao sự cúng tế phi bạo lực trong đó những trâu, bò, dê, cừu, gà, heo không bị sát hại, trong đó những sinh vật khác nhau không bị tàn sát, đó là, sự thường xuyên bố-thí, đó là sự cúng-kính theo

phong tục của gia đình.⁷⁰⁹ (4) Vì lý do gì? Vì những A-la-hán và những người đã bước vào thánh đạo A-la-hán sẽ tham dự sự cúng tế phi bạo lực.”⁷¹⁰

Cúng tế ngựa, cúng tế người,
Sammāpāsa, vājapeyya, niraggala:⁷¹¹
Những đại lễ tế như vậy, chứa đầy bạo lực,⁷¹²
Đâu mang lại phước quả lớn nào.

Bậc nhìn-thấy với chánh-hạnh,
Không tham dự những màn cúng tế đó,
Nơi mà dê, cừu, trâu, bò,
Và những sinh vật bị tàn sát.

Nhưng khi họ thường dâng cúng theo phong tục gia đình,
Là những sự cúng tế không có bạo lực,
Không có dê, cừu, trâu, bò,
Hay những sinh vật bị giết hại.

Đó là sự dâng cúng mà những bậc nhìn-thấy
Với chánh-hạnh có tham dự,
Người có trí biết sự dâng cúng loại này,
Sự cúng kính như vậy rất có phước quả.

Với người biết sự dâng cúng như vậy,
Điều đó thực sự tốt hơn, không bao giờ xấu hơn.
Sự cúng kính như vậy đích thực là lớn lao,
Và những thiên thần cũng thấy vui lòng.

40 (10) Bà-La-Môn Udāyī

Lúc đó có bà-la-môn tên là Udāyī đã đến gặp đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn: [*Phần lời kinh giống hệt lời kinh kể trên.*]

Khi sự dâng cúng là hợp lúc và phải phép
Được chuẩn bị kỹ càng và không có bạo lực,

Thì những người được tự-chủ về đời sống tâm linh
Sẽ tham dự sự dâng cúng như vậy.

Những ai trong thế gian đã tháo bỏ những vỏ-bọc,⁷¹³
Là người đã vượt khỏi thời gian và số phận,⁷¹⁴
Đó là những vị Phật biết rành rõ về sự cúng tế,⁷¹⁵
Sẽ đề cao sự dâng cúng như vậy.

Sau khi đã chuẩn bị món đồ thích hợp,
Dù là lễ dâng cúng bình thường, hay tưởng nhớ người đã chết,
Một người thực hiện sự dâng cúng với một cái tâm thành-tín
Đối với những bậc chân tu—
Đó là ruộng công đức màu mỡ.

Khi những thứ gì có được một cách chân chính
Được cúng dường một cách chân chính,
Được dâng cúng một cách chân chính,
Cho những người xứng đáng được cúng dường,
Thì sự dâng cúng đó là lớn lao,
Và những thiên thần cũng vui lòng.

Người có-trí được phú cho niềm-tin,
Sau khi đã dâng cúng như vậy với cái tâm bố-thí,
Sẽ được tái sinh trong một cõi hạnh phúc,
Trong một nơi [cõi] không có khổ đau.

NHÓM 5

ROHITASSA

41 (I) Sự Định Tâm

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tu tập sự định-tâm. Bốn đó là gì? (1) Có sự tu tập sự định-tâm [nếu được tu tập và tu dưỡng] sẽ dẫn tới sự an trú hạnh phúc ngay trong kiếp này.⁷¹⁶ (2) Có sự tu tập sự định-tâm sẽ dẫn tới sự chứng đắc sự-biết và sự-thấy. (3) Có sự tu tập sự định-tâm sẽ dẫn tới sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác). (4) Có sự tu tập sự định-tâm sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận).

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập sự định-tâm sẽ dẫn tới sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này? Ở đây: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’

(ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm hết tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’

(iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’

(iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sừng-khô (không còn sừng hay khô), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (hết hỷ, hết ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không

còn sượng hay khô, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’⁷¹⁷

(2) “Và cái gì là sự tu tập sự định-tâm sẽ dẫn tới sự chứng đắc sự-biết và sự-thấy?⁷¹⁸ Ở đây, một Tỳ kheo chú-tâm (tác ý) tới sự nhận-thức về ánh sáng; người đó tập trung vào sự nhận-thức về ban ngày như vậy: ‘Ngày sao, đêm vậy; đêm sao, ngày vậy.’⁷¹⁹ Vậy đó, với một cái tâm mở rộng và không bị che phủ, người đó tu tập một cái tâm thấm nhuần sự chiếu sáng. Đây là sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự chứng đắc sự-biết và sự-thấy.

(3) “Và cái gì là sự tu tập sự định-tâm sẽ dẫn tới sự chánh-niệm và sự rõ-biết? Ở đây, một Tỳ kheo biết những cảm-giác (thọ) khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất; người đó biết những nhận-thức (tưởng) khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất; người đó biết những ý-nghĩ (hành) khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất.⁷²⁰ Đây là sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự chánh-niệm và sự rõ-biết.

(4) “Và cái gì là sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát sự khởi sinh và biến mất (sinh và diệt) trong năm uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn), như vậy: ‘Này là sắc-thân (sắc), này là nguồn-gốc của nó, này là sự phai-biến của nó; này là cảm-giác (thọ) ... này là nhận-thức (tưởng) ... này là những sự tạo-tác (hành) ... này là thức (thức), này là nguồn-gốc của nó ... này là sự phai-biến của nó.’ Đây là sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự tiêu-diệt những ô-nhiễm (lậu tận).

“Đây là bốn sự tu tập sự định-tâm. Và chính đề cập tới điều này nên ta đã nói trong phần “*Những Câu Hỏi Của Punnaka*”, thuộc chương “*Pārāyana*” (Qua Bờ Kia, Đáo Bỉ Ngạn) như sau:

“Sau khi đã thấu hiểu những thứ thượng và thứ hạ của thế giới,
 Người đó không động vọng bởi bất cứ gì trong thế giới.
 Bình an, hiền dịu, hết phiền rối, hết mong cầu,
 Ta nói rằng, người đó đã vượt khỏi sinh-già.”⁷²¹

42 (2) Những Câu Hỏi

“Này các Tỳ kheo, có bốn cách này để trả lời những câu hỏi. Bốn đó là gì? (1) Có câu hỏi nên được trả lời một cách dứt-dạc (đúng hay sai); (2) có câu hỏi nên được trả lời sau khi phân-giải; (3) có câu hỏi nên được trả lời bằng câu-hỏi lại; và (4) có câu hỏi nên được bỏ qua (không trả lời; như Phật, chỉ im lặng). Đây là bốn cách trả lời những câu hỏi.”⁷²²

Có câu hỏi được trả lời một cách dứt-khoát,
Có câu hỏi được trả lời sau khi phân-giải;
Loại thứ ba được trả lời bằng câu-hỏi lại,
Loại thứ tư thì nên bỏ qua.

Khi một Tỳ kheo biết cách trả lời,
Mỗi câu hỏi theo mỗi cách phù hợp,
Người đó được cho là thiện khéo
Về bốn loại câu hỏi.

Người đó khó bị tấn công, khó bị đánh bại,
Sâu sắc, khó bị công kích;
Người đó biết giỏi về cả hai điều:
Điều gì ích lợi và điều gì gây hại.

Người có trí tránh điều gây hại,
Chỉ làm lấy những điều ích lợi,
Bằng cách đạt tới điều ích lợi,
Người vững chãi đó được gọi là hiền trí.

43 (3) Sự Tức Giận (1)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người coi trọng [đánh giá cao] sự tức giận, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (2) người coi trọng sự chê bai, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (3) người coi trọng lợi lộc, không coi trọng Giáo Pháp

tốt lành; (4) người coi trọng vinh danh, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành. Đây là bốn loại người được thấy có trong thế gian.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người [khác] được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự tức giận; (2) người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự chê bai; (3) người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng lợi lộc; (4) người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng vinh danh. Đây là bốn loại người [khác] được thấy có trong thế gian.”

Những Tỳ kheo coi trọng sự tức giận và sự chê bai,
Coi trọng lợi lộc và vinh danh,
Thì không trưởng thành trong Giáo Pháp tốt lành
Đã được chỉ dạy bởi bậc Giác Ngộ.

Nhưng những ai coi trọng Giáo Pháp thiện lành,
Là người sống trú như vậy trong quá khứ, và trong hiện tại,
Là thực sự trưởng thành trong Giáo Pháp
Được chỉ dạy bởi bậc Giác Ngộ.

44 (4) Sự Tức Giận (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều này trái với Giáo Pháp tốt lành. Bốn đó là gì? (1) Coi trọng sự tức giận, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (2) coi trọng sự chê bai, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (3) coi trọng lợi lộc, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (4) coi trọng vinh danh, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành. Đây là bốn điều trái với Giáo Pháp tốt lành.

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều [khác] hợp với Giáo Pháp tốt lành. Bốn đó là gì? (1) Coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự tức giận; (2) coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự chê bai; (3) coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng lợi lộc; (4) coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng vinh danh. Đây là bốn điều [khác] hợp với Giáo Pháp tốt lành.”

Những Tỳ kheo coi trọng sự tức giận và sự chê bai,
Coi trọng lợi lộc và vinh danh,
Thì như những hạt giống bị thổi rửa trong ruộng đồng:
Họ không trưởng thành trong Giáo Pháp tốt lành.

Nhưng những ai coi trọng Giáo Pháp thiện lành,
Là người sống trú như vậy trong quá khứ, và trong hiện tại,
Thì giống như những cây được thảo được tưới ẩm:
Họ trưởng thành trong Giáo Pháp thiện lành.

45 (5) *Rohitassa (I)* ⁷²³

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, khi đêm đã khuya, có một thiên thần trẻ tên Rohitassa, với sắc đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết Khu Vườn Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn. Vị tiên kính lễ đức Thế Tôn, đứng qua một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, có thể nào bằng cách du hành sẽ biết được, thấy được hay tới được chỗ kết-thức thế giới, chỗ một người không còn sinh, không già và chết, không qua đời và tái sinh?”

“Này bạn tiên, ta nói rằng bằng sự du hành thì không thể nào biết được, thấy được, hay tới được [đạt tới] chỗ kết-thức thế giới, chỗ một người không còn sinh, không già và chết, không qua đời và tái sinh.”

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thế Tôn, cách mà đức Thế Tôn đã tuyên thuyết như vậy: ‘Này bạn tiên, ta nói rằng bằng sự du hành thì không thể nào biết được, thấy được, hay tới được chỗ kết-thức thế giới, chỗ một người không còn sinh, không già và chết, không qua đời và tái sinh.’”

“Thưa Thế Tôn, trong quá khứ, con từng là một người-thấy (tu sĩ, ẩn sĩ, kiến giả) tên là Rohitassa, con trai của Bhoja, con là người có được năng-lực tâm linh [thần thông], có thể bay xuyên bầu trời. Tốc độ của con

(nhANH) như một mũi tên nhẹ được bắn bởi một cung thủ dùng loại cung cứng lớn⁷²⁴—đã được thao luyện, thiện thạo, và đầy kinh nghiệm⁷²⁵—bắn xuyên qua bóng một cây bồ đề [palmyra]. Sải chân của con có thể bước từ bờ đông đại dương sang bờ tây. Lúc đó, khi con có được tốc độ và sải chân như vậy, một ước nguyện đã khởi sinh trong con như vậy: ‘Ta sẽ tới được [đạt tới] chỗ kết-thúc thế giới bằng sự du hành.’ Nhờ có tuổi thọ 100 năm, sống được 100 năm, con đã du hành suốt 100 năm không dừng lại, trừ những lúc ăn, uống, nhai, và nếm, đại tiện, và tiểu tiện, và ngủ để giải sự mệt mỏi; nhưng con đã qua đời dọc đường chứ không tới được chỗ kết-thúc thế giới.

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thế Tôn, that hay khéo là cách mà đức Thế Tôn đã tuyên thuyết như vậy: ‘Này bạn tiên, ta nói rằng bằng sự du hành thì không thể nào biết được, thấy được, hay tới được chỗ kết-thúc thế giới, chỗ một người không còn sinh, không già và chết, không qua đời và tái sinh.’”

“Này bạn tiên, ta nói rằng bằng sự du hành thì không thể nào biết được, thấy được, hay tới được chỗ kết-thúc thế giới, chỗ một người không còn sinh, không già và chết, không qua đời và tái sinh. Và ta nói rằng, nếu không tới được chỗ kết-thúc thế giới thì cũng không (có sự) làm được sự chấm-dứt đối với sự khổ. Chính trong cái thân dài hơn một thước tám này có [được phú cho] sự nhận-thức và tâm, ta tuyên bố về (1) thế giới, (2) nguồn-gốc thế giới, (3) sự chấm-dứt của thế giới, và (4) con-đường dẫn tới sự chấm-dứt thế giới.”

Chỗ kết-thúc thế giới không bao giờ tới được,
 Bằng cách du hành [qua khắp thế gian].
 Nhưng nếu không tới được chỗ kết-thúc thế giới,
 Thì không đạt tới sự chấm-dứt khổ.

Vì vậy, bậc trí, người biết thế giới
 Người đã đạt tới chỗ kết-thúc thế giới và đã sống phạm-hạnh,
 Sau khi đã biết chỗ kết-thúc thế giới, được bình-an,
 Không còn mong muốn thế giới này hay thế giới nào khác.

46 (6) *Rohitassa* (2)

Rồi khi đêm đã qua, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần trẻ tên Rohitassa, với sắc đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết Khu Vườn Jeta, đã đến gặp ta. Vị tiên kính lễ ta, đứng qua một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, có thể nào bằng cách du hành sẽ biết được, thấy được hay tới được chỗ kết-thức thế giới, chỗ một người không còn sinh, không già và chết, không qua đời và tái sinh?”

[Phần còn lại giống nội dung kinh kể trên, gồm cả phần thi kệ, chỉ khác là một mình Phật kể lại.]

47 (7) *Rất Xa Nhau*

“Này các Tỳ kheo, có bốn cặp này cực kỳ xa nhau. Bốn đó là gì? (1) Trời và đất. (2) Bờ này [gần] và bờ kia [xa] của đại dương. (3) Nơi mặt trời mọc và nơi nó lặn. (4) Giáo lý của người tốt thiện và giáo lý của người xấu ác. Đây là bốn cặp cực kỳ xa nhau.”

Trời và đất xa vời nhau,
Bờ này bờ kia của đại dương xa vời nhau,
Và nơi mặt trời mọc
(Cũng rất xa) nơi nó lặn.

Nhưng còn xa nhau hơn nhiều,
Là giáo lý của người thiện và giáo lý của người ác.⁷²⁶
Người đi theo những người thiện thì bền lòng
Dù bao lâu vẫn vậy, trước sau như một.
Người theo những người ác thì đổi thay, tráo trở;
Vì vậy giáo lý của người tốt thiện,
Là rất xa với giáo lý của người xấu ác.

48 (8) *Visākha* ⁷²⁷

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Visākha Pañcālīputta đang chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỷ kheo trong hội trường (chỗ họp của các Tỷ kheo, chỗ họp chúng) bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, [được nói] bằng lời nói được trau chuốt, rõ ràng, rõ tiếng, giảng bày về ý nghĩa, sâu rộng, và không bị vấp.

Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến hội trường. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với các Tỷ kheo như vậy:

“Này các Tỷ kheo, (lúc này) ai đã đang chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỷ kheo trong hội trường này bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, [được nói] bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, [được nói] bằng lời nói được trau chuốt, rõ ràng, rõ tiếng, giảng bày về ý nghĩa, sâu rộng, và không bị vấp, như vậy?”

“Đó là Ngài Visākha Pañcālīputta, thưa Thế Tôn.” Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Visākha Pañcālīputta như vậy:

“Tốt, tốt, này Visākha! Tốt thay thầy đã chỉ dạy các Tỷ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp như vậy.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Khi người trí ở giữa những người ngu,
Họ không biết vị đó nếu vị đó không thuyết giảng.⁷²⁸
Nhưng họ sẽ biết vị đó nếu vị đó thuyết giảng,
Chỉ dạy trạng thái bất-tử.

“Vị đó nên nói và thuyết minh Giáo Pháp
Vị đó giương cao ngọn cờ của bậc nhìn-thấy.
Những lời thuyết hay khéo là ngọn cờ của bậc nhìn-thấy:
Bởi Giáo Pháp là ngọn cờ của những bậc nhìn-thấy.”

49 (9) Những Sự Đảo Điên

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự đảo điên (đảo lộn, sai lộn, sai ngược) của nhận-thức (tưởng), sự đảo điên của tâm, và sự đảo điên của cách-nhìn (kiến).⁷²⁹ Bốn đó là gì? (1) Sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là “coi thứ vô thường là thường hằng”; (2) sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là “coi thứ khổ là sướng”;⁷³⁰ (3) sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là “coi thứ vô ngã là bản ngã”; (4) sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là “coi thứ không hấp dẫn (không sạch, bất tịnh, không đẹp đẽ) là hấp dẫn (sạch, tịnh, đẹp đẽ)”. Đây là bốn sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn.

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự không đảo điên của nhận-thức, sự không đảo điên của tâm, và sự không đảo điên của cách-nhìn. Bốn đó là gì? (1) Sự không đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là “coi thứ vô thường là vô thường”; (2) sự không đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là “coi thứ khổ là khổ”; (3) sự không đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là “coi thứ vô ngã là vô ngã”; (4) sự không đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là “coi thứ không hấp dẫn là không hấp dẫn”. Đây là bốn sự không đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn.”

Cứ nhận thức (tưởng) là thường hằng trong thứ vô thường
 Cứ nhận thức là sướng trong thứ khổ,
 Cứ nhận thức là bản ngã trong thứ vô ngã,
 Và nhận thức là hấp dẫn trong thứ không hấp dẫn.
 Chúng sinh cứ nương theo cách-nhìn sai lạc (tà kiến),⁷³¹
 Tâm họ bị đảo lộn, nhận-thức họ bị vẩn vọ.

Những người như vậy bị trói buộc bởi ách của Ma Vương,
 Không thể đạt tới sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc.
 Chúng sinh cứ liên tục trong vòng luân-hồi,
 Cứ mãi đi trong sinh tử.

Nhưng khi những vị Phật khởi sinh trong thế gian,

Phát chiếu hào quang sáng tỏ,
Họ cho thấy Giáo Pháp này,
Đẫn tới sự làm lặn sự khổ.

Sau khi nghe được Giáo Pháp,
Người trí lấy lại được sự sáng suốt,
Họ nhìn thấy những thứ vô thường là vô thường,
Và những thứ khổ là khổ.

Họ nhìn thấy những thứ vô ngã là vô ngã,
Những thứ không hấp dẫn là không hấp dẫn.
Nhờ sự thu được chánh-kiến như vậy,
Họ đã vượt qua tất cả sự khổ.

50 (10) Những Ô Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự ô-nhiễm này do chúng mà mặt trời và mặt trăng không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng. Bốn đó là gì? Mây-mù là một ô-nhiễm do đó mà mặt trời và mặt trăng không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng; sương-mù là một ô-nhiễm⁷³²... khói-bụi là một ô-nhiễm ... và Rāhu, vua của những quỷ thần, là một ô-nhiễm do đó mà mặt trời và mặt trăng không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có bốn sự ô-nhiễm của những tu sĩ và bà-la-môn do chúng mà họ không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng. Bốn đó là gì?

(1) “Có những tu sĩ và bà-la-môn uống rượu nặng rượu nhẹ (hay thức uống lên men như bia) và không kiêng cử việc uống rượu bia. Đây là sự ô-nhiễm thứ nhất do đó mà những tu sĩ và bà-la-môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng.

(2) “Có những tu sĩ và bà-la-môn mê thích dâm dục và không kiêng cử sự dâm dục. Đây là sự ô-nhiễm thứ hai do đó mà những tu sĩ và bà-la-môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng. **

(3) “Có những tu sĩ và bà-la-môn nhận vàng bạc (và tiền) và không kiêng cử việc nhận vàng bạc (và tiền) (Các Tỷ kheo và Tỷ kheo ni thì bị cấm theo giới-luật). Đây là sự ô-nhiễm thứ ba do đó mà những tu sĩ và bà-la-môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng.

(4) “Có những tu sĩ và bà-la-môn sống bằng sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) và không kiêng cử sự mưu-sinh sai trái. Đây là sự ô-nhiễm thứ tư do đó mà những tu sĩ và bà-la-môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng.

“Đây là bốn sự ô-nhiễm của những tu sĩ và bà-la-môn do chúng mà những tu sĩ và bà-la-môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng.”⁷³³

Có những tu sĩ và bà-la-môn,
Bị lôi kéo lếch la bởi tham và sân;
Những người bị che cản bởi vô-minh
Thì cứ đi tìm khoái-lạc trong những thứ sung sướng.

Họ uống rượu uống bia,
Mê thích hành vi tính dục;
Những kẻ ngu si đó
Cũng nhận lấy tiền bạc quý kim.

Có những tu sĩ và bà-la-môn
Sống bằng việc mưu-sinh sai trái.
Đây là những ô-nhiễm (lậu hoặc) mà Đức Phật—
Bạc hậu duệ của Thái Dương—đã mô tả.

Do bị ô nhiễm bởi những thứ này
Nên có những tu sĩ và bà-la-môn—
Là những sinh vật không sạch và bụi bẩn—⁷³⁴
Không thể tỏa sáng và chiếu sáng.

Bị che lấp trong bóng tối,
Những kẻ nô lệ cho dục-vọng, cứ bị lôi đi lếch la
Rồi nhận lấy sự hiện-hữu mới (tái sinh rồi rồi lại chết),
Và lấp đầy thêm những mộ địa khủng khiếp.

[Năm Mười Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1

NHỮNG DÒNG CHẢY PHƯỚC ĐỨC

51 (1) Những Dòng Phước Đức (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy này của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người cúng dường. Bốn đó là gì?⁷³⁵

“Khi một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trong sự định-tâm vô lượng của tâm⁷³⁶ trong khi đang hưởng dụng (1) y-phục [đã được cúng dường cho mình], thì người [cúng dường; thí chủ] tích tạo một dòng chảy của phước-đức vô lượng, là dòng chảy của điều thiện, một dưỡng chất của hạnh phúc ... dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của thí chủ đó ... (2) thức-ăn ... (3) chỗ-ở ... (4) thuốc-thang và chu cấp cho người bệnh [đã được cúng dường cho mình], thì người [cúng dường; thí chủ] tích tạo một dòng chảy của phước-đức vô lượng, dòng chảy của điều thiện, một dưỡng chất của hạnh phúc ... dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của thí chủ đó.

“Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, là những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người cúng dường.

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy của phước-đức, là bốn dòng chảy của điều thiện, thì không dễ gì đo lường phước-đức của người đó mà nói: ‘Dòng chảy phước-đức của người đó, là dòng chảy của điều thiện, dưỡng chất của hạnh phúc của người đó

là nhiều bao nhiêu vậy hay bao nhiêu vậy’; mà phải coi đó là một khối phước-đức khổng lồ, vô lường, vô lượng.

“Này các Tỳ kheo, giống như không dễ gì đo lường nước trong đại dương mà nói: ‘Có rất nhiều thùng nước’, hay ‘nhiều trăm thùng nước’, hay ‘nhiều ngàn thùng nước’, hay ‘nhiều trăm ngàn thùng nước’ như vậy hay như vậy; mà phải coi đó là một khối nước khổng lồ, vô lường, vô lượng. Cũng giống như vậy, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy phước-đức ... phải coi đó là một khối phước-đức khổng lồ, vô lường, vô lượng.”

“Nhu nhiều dòng sông được dùng bởi bao quần chúng,
Đều chảy xuống dốc, cuối cùng ra tới biển,
Thành một khối nước khổng lồ, một biển nước vô biên,
Bể chứa đáng sợ, lại chứa đầy châu báu;
Giống vậy, những dòng chảy phước đức chảy tới người có trí—
Là người biết bố thí thức ăn, thức uống, y áo vải vóc,
[Chúng chảy tới] người bố thí chỗ nằm, chỗ ngồi, và chăn mền—
Giống những dòng sông mang nước dồn tới biển cả.”

52 (2) Những Dòng Phước Đức (2) ⁷³⁷

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người cúng dường. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một đệ tử thánh thiện có được niềm-tin không lay chuyển vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phước-lành (thiện thệ), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và

loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.']. Đây là dòng chảy thứ nhất của phước-đức ...

(2) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện có được niềm-tin không lay chuyển vào Giáo Pháp như vậy: [‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.']. Đây là dòng chảy thứ hai của phước-đức ...

(3) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện có được niềm tin không lay chuyển vào Tăng Đoàn như vậy: [‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại (bậc) người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).’]. Đây là dòng chảy thứ ba của phước-đức ...

(4) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện có được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng, (chúng) không bị sút mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị vết ố, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người có trí, không bị chấp thủ, dẫn tới đạt định.']. Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức ...

“Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người cúng dường.”

“Khi người có niềm-tin vào Như Lai (Phật)
(Niềm-tin) bất lay chuyển và được thiết lập thiện khéo,
Và những giới-hạnh là tốt thiện
Được những bậc thánh nhân quý trọng và khen ngợi;

Khi người có niềm-tin vào Tăng Đoàn (Tăng)
Và cách-nhìn của người đó đã được chánh trực,
Họ nói người đó là không nghèo nàn
Rằng đời sống của người đó không được sống một cách vô ích.
“Bởi vậy một người thông minh,
Ghi nhớ giáo pháp của Đức Phật (Pháp)
Thì nên chú ý đến niềm-tin và giới-hạnh,
Đến sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp.”⁷³⁸

53 (3) *Sống Chung (1)*

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang đi trên đường lộ từ Madhurā tới Verañjā, và có một số người gồm các gia chủ và các bà vợ cũng đang đi trên tuyến đường đó. Rồi đức Thế Tôn bước ra khỏi đường lộ và đến ngồi dưới một gốc cây. Các gia chủ và các bà vợ của họ nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi đó, họ đến gặp, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ:

“Này các gia chủ, có bốn sự sống chung [hôn nhân]. Bốn là gì? Một kẻ khốn khổ [bất hạnh, khốn nạn] sống với một kẻ khốn khổ; một kẻ khốn khổ sống với một nữ thiên thần; một thiên thần sống với một kẻ khốn khổ; một thiên thần sống với một nữ thiên thần.

(1) “Và theo cách nào là một kẻ khốn khổ sống với một kẻ khốn khổ?⁷³⁹ Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm ngoại tình, nói-dối nói láo, và rượu chè hút chích, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật; người chồng là vô đạo đức, tính nết xấu xa; người chồng sống ở nhà với một cái tâm bị dính nhiễm tính keo kiệt; người chồng chê bai và chửi mắng những tu sĩ và bà-la-môn. - Và người vợ thì cũng đầy những tính xấu giống vậy. Theo cách như vậy là một kẻ khốn khổ đang sống với một kẻ khốn khổ.

(2) “Và theo cách nào là một kẻ khốn khổ sống với một nữ thiên thần? Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát-sinh ... chê bai và chửi

mắng những tu sĩ và bà-la-môn. - Nhưng người vợ thì sống không sát-sinh ... không rượu chè hút chích; người vợ thì có giới-hạnh, tính nết tốt thiện; người vợ sống ở nhà với cái tâm không bị dính nhiễm tính keo kiệt; người vợ không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Theo cách như vậy là một kẻ khốn khổ đang sống với một nữ thiên thần.

(3) “Và theo cách nào là một thiên thần sống với một kẻ khốn khổ? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống không sát-sinh ... không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. - Nhưng người vợ thì sát-sinh ... chê bai và chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một kẻ khốn khổ.

(4) “Và theo cách nào là một thiên thần sống với một nữ thiên thần? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống không sát-sinh ... không rượu chè, hút chích; người chồng là có giới-hạnh, tính nết tốt thiện; người chồng sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo kiệt; người chồng không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. - Và người vợ cũng đầy những tính tốt giống vậy. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một thiên thần.

“Này các gia chủ, đó là bốn sự sống chung.”

Khi cả hai đều vô đạo đức,
Ti tiện và chửi bới,
Đó là vợ và chồng
Sống chung như những kẻ khốn khổ.

Khi người chồng là thất đức,
Ti tiện và chửi bới,
Nhưng vợ thì đức hạnh,
Rộng lòng, từ thiện.
Cô ấy là nữ thiên thần,
Sống chung với một kẻ khốn khổ.

Khi người chồng là đức hạnh,
Rộng lòng, từ thiện,

Nhưng vợ thì thất đức,
Ti tiện và chửi bới,
Cô ấy là kẻ khôn khổ
Sống chung với một thiên thần.

Nếu vợ và chồng được phú cho niềm-tin,
Từ thiện và biết tự chủ,
Sống cuộc đời chân chính,
Nói với nhau bằng những lời dễ chịu.

Thì nhiều ích lợi được tích lũy cho họ
Và họ sống an ổn.
Những kẻ thù ghét họ sẽ buồn rầu
Khi (thấy) cả hai họ đều giống nhau về giới-hạnh.

Sau khi đã thực hành Giáo Pháp ở đây,
Cùng sống trong giới-hạnh và những sự trai giới,
Thích (tái sinh trong) một cõi trời [sau khi chết],
Họ sẽ vui sướng, thụ hưởng dục lạc (cõi tiên).

54 (4) Sống Chung (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự sống chung [hôn nhân]. Bốn là gì? Một kẻ khôn khổ sống với một kẻ khôn khổ; một kẻ khôn khổ sống với một nữ thiên thần; một thiên thần sống với một kẻ khôn khổ; một thiên thần sống với một nữ thiên thần.

[Nội dung y hết kinh kể trên gồm cả phần thi kệ, chỉ khác là kinh này Phật đang nói cho các Tỳ kheo.]

55 (5) Sống Giống Nhau (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Bhagga, gần Sumsumāragiri, trong khu Vườn Nai ở khu rừng Bhesakalā. Một buổi sáng đức Thế Tôn mặc y phục, mang cà sa và bình bát đi tới nhà của gia

chủ tên Nakulapitā. Sau khi đến nơi, đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi gia chủ Nakulapitā [cha của Nakula] và vợ của ông ta là Nakulamātā [mẹ của Nakula] ra gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên.⁷⁴⁰ Sau khi ngồi xuống như vậy, gia chủ Nakulapitā thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, kể từ khi người vợ trẻ Nakulamātā được cưới về nhà cho con khi con vẫn còn trẻ, con không nhớ mình đã từng làm gì trái phạm với vợ con dù trong ý-nghĩ, càng không có trong hành-động. Thưa Thế Tôn, chúng con ước chúng con gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau.”

Rồi đến lượt người vợ Nakulamātā đã thưa với đức Thế Tôn như vậy: “Thưa Thế Tôn, kể từ khi con được cưới về nhà của người chồng trẻ Nakulapitā khi con vẫn còn là cô gái trẻ, con không nhớ mình đã từng làm gì trái phạm với chồng con dù trong ý-nghĩ, càng không có trong hành-động. Thưa Thế Tôn, chúng con ước chúng con gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau.”

Rồi đức Thế Tôn đã nói như vậy: “Này gia chủ, nếu cả vợ và chồng cùng mong ước gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau, thì hai người phải có cùng niềm-tin, cùng giới-hạnh, cùng sự rộng lòng bố-thí, cùng trí-tuệ; nếu được vậy thì hai người sẽ gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau.”

Khi cả vợ và chồng được phú cho niềm-tin,
 Từ thiện và tự chủ,
 Cùng sống cuộc đời một cách chân chính,
 Nói với nhau bằng những lời dễ chịu.

Thì nhiều ích lợi được tích lũy cho họ
 Và họ sống an ổn.

Những kẻ thù ghét họ sẽ buồn rầu,
 Khi (thấy) cả hai họ đều giống nhau về giới-hạnh.

Sau khi đã thực hành Giáo Pháp ở đây,

Cùng sống trong giới-hạnh và những sự trai giới,
Thích (tái sinh trong) một cõi trời [sau khi chết],
Họ sẽ vui sướng, thụ hưởng dục lạc (cõi tiên).

56 (6) *Sóng Giống Nhau (2)*

“Này các Tỳ kheo, nếu cả vợ và chồng đều mong ước nhìn thấy nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau, thì họ nên có cùng niềm-tin, cùng giới-hạnh, cùng sự rộng lòng bố-thí, cùng trí-tuệ; nếu được vậy thì hai người sẽ gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau.”

[*Tiếp tục bằng phân thi kệ của kinh kể trên.*]

57 (7) *Suppavāsā*

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Koliya (Câu-lợi), gần một thị trấn của họ có tên là thị trấn Sajjana. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của một cô con gái người Kolia tên là Suppavāsā, đến nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn.⁷⁴¹ Cô Suppavāsā người Koliya đã đích thân bằng tay mình phục vụ và làm vui lòng Thế Tôn bằng nhiều thứ món ăn ngon. Sau khi đức Thế Tôn ăn xong bữa và dẹp bình bát qua một bên, cô Suppavāsā ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với cô:

“Này Suppavāsā, một nữ thánh đệ tử, bằng sự cúng dường thức-ăn là cô cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức ăn. Bốn đó là gì? Cô cho tặng tuổi-thọ, sắc-đẹp, hạnh-phúc, sức-mạnh, và sự sáng-suốt. (1) Bằng sự cho tặng tuổi-thọ, bản thân cô sẽ được phú cho tuổi-thọ, cho dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (2) Bằng sự cho tặng sắc-đẹp, bản thân cô sẽ được phú cho sắc-đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (3) Bằng sự cho tặng hạnh-phúc, bản thân cô sẽ được phú cho hạnh-phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (4) Bằng cách cho tặng sức-mạnh, bản thân cô sẽ được phú cho sức-mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một nữ thánh đệ tử,

bằng sự cúng dường thức-ăn là cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức ăn.”

Khi một người bố thí thức-ăn được chuẩn bị kỹ càng,
Sạch, ngon, thơm,
Cho những bậc chánh trực là những người
Được tán dương và có giới-hạnh xuất sắc,
Thì sự cúng dường đó, vốn nối kết công đức với công đức,
Được khen ngợi là “đầy phước quả”
Bởi những bậc hiểu-biết thế gian.⁷⁴²

Những ai tưởng niệm sự bố-thí như vậy,
Thì họ sống trong thế gian được truyền cảm hứng bằng sự hoan-hỷ.
Sau khi đã loại bỏ ô-nhiễm của tánh keo-kiệt và gốc rễ của nó,
Họ không bị tội lỗi, và đi lên cõi trời.

58 (8) *Sudatta* [= Cấp Cô Độc]

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc [Sudatta Anāthapiṇḍika] đến gặp đức Thế Tôn. Rồi Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện, bằng sự cúng dường thức-ăn là người đó cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức ăn. Bốn đó là gì? Người đó cho tặng tuổi-thọ, sắc-đẹp, hạnh-phúc, sức-mạnh, và sự sáng-suốt. (1) Bằng sự cho tặng tuổi-thọ, người đó sẽ được phú cho tuổi-thọ, cho dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (2) Bằng sự cho tặng sắc-đẹp, người đó sẽ được phú cho sắc-đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (3) Bằng sự cho tặng hạnh-phúc, người đó sẽ được phú cho hạnh-phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (4) Bằng sự cho tặng sức-mạnh, người đó sẽ được phú cho sức-mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một đệ tử thánh thiện, bằng sự cúng dường thức-ăn là cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức ăn.”

Khi một người cung kính cúng dường thức-ăn đúng thời lúc
Cho những bậc tự-chủ ăn những thức-ăn người khác bố thí,

Là coi như cung cấp cho họ bốn thứ:
Tuổi thọ, sắc-đẹp, hạnh-phúc, và sức mạnh.
Người cho tặng tuổi-thọ và sắc đẹp,
Cho tặng hạnh-phúc và sức mạnh,
Thì sau này sẽ có được sự trường thọ và thanh danh,
Cho dù tái sinh ở nơi nào.

59 (9) Thức-ăn

“Này các Tỳ kheo, khi một thí chủ cúng dường thức-ăn là người đó cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức-ăn. Bốn đó là gì? Người đó cho tặng tuổi-thọ, sắc đẹp, hạnh phúc, và sức-mạnh ... *[giống kinh kể trên]* ... Này các Tỳ kheo, khi một thí chủ cúng dường thức-ăn là người đó cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức-ăn.”

[Tiếp tục phân thi kệ như kinh kể trên.]

60 (10) Sự Thực Hành Đúng Đắn Của Người Tại Gia

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, một đệ tử thánh thiện có được bốn phẩm chất này là đang thực hành theo cách đúng đắn đối với người tại gia, là một cách đưa đến sự đạt được thanh danh (tiếng tốt) và dẫn tới (tái sinh) cõi trời. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết phục vụ Tăng Đoàn những Tỳ kheo bằng những y-phục; người đó phục vụ Tăng Đoàn những Tỳ kheo bằng thức-ăn ... chỗ-ở ... thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. ⁷⁴³

“Này gia chủ, một đệ tử thánh thiện có được bốn phẩm chất này là đang thực hành theo cách đúng đắn đối với người tại gia, là một cách đưa

đến sự đạt được thanh danh và dẫn tới (tái sinh) cõi trời.”

Khi người có trí thực hành cách thức
Đúng đắn đối với hàng đệ tử tại gia, họ phục vụ
Những Tỳ kheo đức-hạnh và có phẩm-hạnh chánh trực
Với những y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang:
Thì đối với họ cả ngày và đêm
Công đức luôn gia tăng;
Sau khi đã làm những nghiệp xuất sắc như vậy,
Họ sẽ qua đời và đi lên một cõi trời.

NHÓM 2

NHỮNG VIỆC LÀM XỨNG ĐÁNG

61 (1) Những Việc Làm Xứng Đáng

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

(I)

“Này gia chủ, có bốn điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Người ta nghĩ: ‘Cầu cho sự giàu-có đến với tôi một cách chân chính!’ Đây là điều thứ nhất được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian.

(2) “Sau khi có được sự giàu-có một cách chân chính, người ta lại nghĩ: ‘Cầu cho danh-tiếng đến với tôi và người thân và những vị thầy thụ giới của tôi!’⁷⁴⁴ Đây là điều thứ hai được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian.

(3) “Sau khi có được sự giàu-có một cách chân chính và có được danh-tiếng cho mình và cho người thân và những người thầy của mình, người ta lại nghĩ: ‘Cầu cho tôi sống lâu và hưởng được tuổi thọ dài!’ Đây là điều thứ ba được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian.

(4) “Sau khi có được sự giàu có một cách chân chính và có được danh-tiếng cho mình và cho người thân và những người thầy của mình, và sống lâu và hưởng được tuổi thọ dài, người ta lại nghĩ: ‘Khi thân tan rã, sau khi chết, cầu cho tôi được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời!’ Đây là điều thứ tư được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian.

“Đây là bốn điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian.

(II)

“Này gia chủ, có bốn điều [khác] dẫn tới đạt được bốn điều (mong ước) nói trên. Bốn đó là gì? Sự thành tựu về niềm-tin, sự thành tựu về giới-hạnh, sự thành tựu về sự rộng lòng bố-thí, và sự thành tựu về trí-tuệ.

(1) “Và, này gia chủ, cái gì là sự thành tựu về niềm-tin? Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin; người đó đặt niềm-tin vào sự giác ngộ của Như Lai như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thế), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]. Đây được gọi là sự thành tựu về niềm-tin. (tín)

(2) “Và cái gì là sự thành tựu về giới-hạnh? Ở đây, một đệ tử thánh thiện kiêng cử sát-sinh, kiêng cử uống rượu nặng, rượu nhẹ (bia) và dùng các chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây là sự thành tựu về giới-hạnh. (giới).

(3) “Cái gì là thành tựu về sự rộng lòng bố-thí? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện sống tại gia với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo kiệt, rộng lòng hào hiệp, mở rộng bàn tay, vui thích sự từ bỏ, đóng góp từ thiện, thích sự cho đi và chia sẻ.’ Đây được gọi là sự thành tựu về sự rộng lòng bố-thí. (thí)

(4) “Và cái gì là sự thành tựu về trí-tuệ? Nếu một người sống với cái tâm (trái tim, lòng dạ) bị chinh phục bởi sự thèm-muốn và sự tham-lam bất chính, thì người đó cứ làm những việc phải nên tránh bỏ và không làm bổn phận nên làm, do vậy thanh danh và hạnh phúc của người đó sẽ bị hủy hoại. Nếu người đó sống với một cái tâm bị chinh phục bởi sự ác-ý ... bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ... bởi sự bất-an và hối-tiếc ... bởi sự nghi-ngờ, thì người đó cứ làm những việc phải nên tránh bỏ và không làm bổn phận nên làm, do vậy thanh danh và hạnh phúc của người đó sẽ bị hủy hoại.

“Này gia chủ, khi một đệ tử thánh thiện đã hiểu được: ‘Sự thèm-

muốn và sự tham-lam bất chính là một sự ô-nhiễm của tâm’, thì người đó dẹp bỏ nó. Khi người đó hiểu được: ‘Sự ác-ý ... ‘Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ... ‘Sự bất-an và hối-tiếc ... ‘Sự nghi-ngờ là một sự ô-nhiễm của tâm’, thì người đó dẹp bỏ nó.

“Này gia chủ, khi một đệ tử thánh thiện đã hiểu được: ‘Sự thèm-muốn và sự tham-lam bất chính là một sự ô-nhiễm của tâm’ và đã dẹp bỏ nó; khi người đó hiểu được: ‘Sự ác-ý ... ‘Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ... ‘Sự bất-an và hối-tiếc ... ‘Sự nghi-ngờ là một sự ô-nhiễm của tâm’ và đã dẹp bỏ nó, thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện có trí-tuệ lớn, có trí-tuệ rộng, là người nhìn thấy tầm-vóc,⁷⁴⁵ người đã thành tựu về trí-tuệ. Đây được gọi là sự thành tựu về trí-tuệ.

“Này gia chủ, đây là bốn điều [khác] dẫn tới đạt được bốn điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó mà đạt được trong thế gian.

(III)

“Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm bốn việc xứng đáng. Bốn đó là gì?

(1) Với tài sản được làm ra như vậy, người đó *(i)* làm cho bản thân mình hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho mình được hạnh phúc như vậy; người đó *(ii)* làm cho cha mẹ hạnh phúc và vui lòng, và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó *(iii)* làm cho vợ con mình, người ở, người làm, và người phục vụ hạnh phúc và vui lòng, và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó *(iv)* làm cho bạn bè và đồng sự hạnh phúc và vui lòng, và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy. Đây là trường hợp thứ nhất tài sản đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng.

(2) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người

đệ tử thánh thiện biết chia ra các khoản dự phòng rủi ro bị mất mát do hỏa hoạn và lũ lụt, bị cướp hoặc bị tịch thu bởi các vua chúa, hoặc bị chiếm đoạt bởi những người thừa kế bất nghĩa; người đó làm cho bản thân mình được an toàn khỏi những rủi ro đó. Đây là trường hợp thứ hai tài sản đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng.

(3) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết thực hiện năm loại cúng lễ: đối với những người thân thuộc, khách khứa, ông bà tổ tiên, nhà vua, và các thiên thần. Đây là trường hợp thứ ba tài sản đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng.

(4) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện thiết lập một sự cúng dường cao thượng là cúng dường thức-ăn—đó là một sự cúng dường thuộc cõi trời (phạm thí),⁷⁴⁶ dẫn tới an lạc, đưa đến (tái sinh) cõi trời—cho những tu sĩ và những bà-la-môn là những người đã kiềm chế khỏi sự say-sưa (phù hoa) và sự lơ-tâm phóng dật, những người đã sống an-định trong sự nhẫn-nhịn và hiền-từ, là những người thuần-hóa hóa bản thân mình, làm tĩnh-lặng bản thân mình, và tu-tập bản thân để đạt tới Niết-bàn. Đây là trường hợp thứ tư tài sản đã được tiêu dùng tốt, đã được sử dụng một cách đúng đắn, và đã được dùng cho lý do xứng đáng.

“Này gia chủ, đó là bốn việc xứng đáng mà người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính.

“Đối với ai tiêu xài tài sản vào chỗ khác ngoài bốn việc xứng đáng này, thì tài sản đó được cho là đã bị tiêu xài lãng phí, đã bị phung phí, và đã bị sử dụng một cách vô công ích. Nhưng đối với ai biết tiêu dùng tài sản vào bốn việc xứng đáng nói trên, thì tài sản đó cho là đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng.”

“Tôi đã hưởng thụ sự tài sản,
 Đã nuôi nấng những người thân,
 Và đã vượt qua những nghịch cảnh.
 Tôi đã làm sự cúng dường cao thượng,
 Và đã thực hiện năm sự dâng cúng.
 Tôi đã phục vụ những Tỷ kheo đức hạnh
 Là những vị tự-chủ sống độc thân.”⁷⁴⁷

“Tôi đã thành tựu mọi mục đích,
 Mà một người trí, đang sống tại gia,
 Có thể muốn làm khi mong cầu sự giàu có.
 Những việc tôi đã làm tôi không hề hối tiếc.”

Tưởng niệm điều này, một người phạm sinh tử
 Vẫn vững tâm trong Giáo Pháp thánh thiện.
 Người ta khen ngợi người đó ở đây trong kiếp này,
 Và sau khi chết người đó hưởng phước trên cõi trời.

62 (2) Không Bị Nợ Nần

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, có bốn loại sự hạnh-phúc có thể đạt được bởi một người tại gia sống đời thụ hưởng dục-lạc (khoái-lạc giác quan) tùy lúc và tùy thời. Bốn đó là gì? Đó là sự hạnh-phúc khi có tài sản, sự hạnh-phúc khi hưởng thụ, sự hạnh-phúc vì không nợ nần, và sự hạnh-phúc vì không tội-lỗi.”⁷⁴⁸

(1) “Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc khi có tài sản? Ở đây một người tại gia sở hữu tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính. Mỗi khi người đó nghĩ: ‘Tôi sở hữu tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát ... có được một

cách chân chính’, thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui lòng. Đây được gọi là sự hạnh-phúc khi có tài sản.

(2) “Và, này gia chủ, cái gì là sự hạnh-phúc khi hưởng thụ? Ở đây, với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, một người tại gia được thụ hưởng của cải và làm những việc công đức. Mỗi khi người đó nghĩ: ‘Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát ... có được một cách chân chính, tôi hưởng thụ của cải của tôi và làm những việc công đức’, thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui lòng. Đó được gọi là sự hạnh-phúc khi thụ hưởng.

(3) “Và, này gia chủ, cái gì là sự hạnh-phúc vì không bị nợ nần? Ở đây một người tại gia không nợ bất cứ ai ở mức độ nào, dù lớn hay nhỏ. Mỗi khi người đó nghĩ: ‘Tôi không nợ bất cứ ai ở mức độ nào, dù lớn hay nhỏ’, thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui lòng. Đó được gọi là sự hạnh-phúc vì không bị nợ nần.

(4) “Và, này gia chủ, cái gì là sự hạnh-phúc vì không tội lỗi? Ở đây, này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện được phú cho hành-động của thân, lời-nói, và tâm không tội lỗi (ba nghiệp phi tội lỗi). Mỗi khi người đó nghĩ: ‘Tôi được phú cho hành-động của thân, lời-nói, và tâm không tội lỗi’, thì người đó trải nghiệm một niềm hạnh-phúc và vui lòng. Đó được gọi là sự hạnh-phúc vì không tội lỗi.

“Này gia chủ, đó là bốn loại sự hạnh-phúc mà một người tại gia sống đời thụ hưởng dục-lạc có thể đạt được, tùy lúc và tùy thời.”

Sau khi đã biết ‘sự hạnh-phúc vì không bị nợ nần’,
Một người nên nhớ lại⁷⁴⁹ ‘sự hạnh-phúc khi có tài sản’.
Sau khi thụ hưởng ‘sự hạnh-phúc khi hưởng thụ’,
Một người phạm nhìn thấy rõ ràng mọi sự bằng trí-tuệ.

Còn người trí, trong khi nhìn thấy rõ ràng mọi sự
Thì biết (phân biệt) cả hai loại⁷⁵⁰ sự hạnh-phúc.
Loại kia (gồm 03 sự hạnh-phúc đầu) thì không đáng bằng

Một phần mười sáu của ‘sự hạnh-phúc vì không tội lỗi’.⁷⁵¹

63 (3) Sống Với Vị Trời ... ⁷⁵²

“Này các Tỳ kheo, (1) những gia đình sống với vị Trời (Brāhma) là khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (2) Những gia đình sống với các vị thầy đầu tiên là khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (3) Những gia đình sống với những vị tiên đầu tiên là khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (4) Những gia đình sống với các bậc đáng được cúng dường là khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính.

“Này các Tỳ kheo, ‘vị Trời’ ở đây là chữ chỉ cha mẹ. ‘Các vị thầy đầu tiên’ ở đây là chữ chỉ cha mẹ. ‘Những vị tiên đầu tiên’ ở đây là chữ chỉ cha mẹ. ‘Các bậc đáng cúng dường’ ở đây là chữ chỉ cha mẹ. Và vì sao như vậy? Vì cha mẹ giúp đỡ rất nhiều cho con cái; cha mẹ nuôi lớn, nuôi dưỡng con cái, và cho con thấy thế gian.”

Cha mẹ được gọi là “vị Trời”,
 Cũng được gọi là “các vị thầy đầu tiên”.
 Họ đáng được dâng tặng các thứ bởi con cái,
 Vì họ có lòng bi-mẫn dành cho con cháu.
 Do vậy một người khôn ngoan nên biết kính trọng cha mẹ
 Và đối xử cha mẹ với sự tôn kính.

Một người nên phục vụ cha mẹ thức ăn, thức uống,
 Quần áo và giường chiếu,
 Xoa bóp và tắm rửa,
 Và rửa chân cho cha mẹ.

Bởi vì sự phụng sự đó
 Đối với cha và mẹ mình
 Bậc trí hiền khen ngợi loại người con đó trong thế gian này,
 Sau khi chết người con đó hưởng phúc trong cõi trời.

64 (4) Địa Ngục ⁷⁵³

“Này các Tỳ kheo, ai có bốn bản tính này thì bị đọa xuống địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, và nói-dối nói láo. Ai có bốn bản tính này thì bị đọa xuống địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó.”

Sát-sinh, lấy của không được cho,
Nói-dối nói láo,
Và ăn ở với vợ (hay chồng) người khác:
Bậc trí hiền không khen ngợi những việc làm đó.

65 (5) Dựa Theo Sắc Thân ...

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người xét đoán và tin dựa theo sắc-thân (của người thầy). (2) Người xét đoán và tin dựa theo trên lời-nói. (3) Người xét đoán và tin dựa theo sự bản thô khổ hạnh. (4) Người xét đoán và tin dựa theo Giáo Pháp. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”⁷⁵⁴

Người xét đoán dựa theo thân-sắc,
Và người xét đoán dựa theo giọng-nói,
Đều do bị điều khiển bởi dục và tham;
Những người đó không hiểu biết.⁷⁵⁵

Người không biết bên trong (tâm mình),
Và cũng không thấy ngoài (người khác),
Là một người ngu bị che cản mọi phía,
Thì bị lôi cuốn theo lời-nói.

Người không biết bên trong,
Nhưng nhìn thấy rõ bên ngoài,
Nhìn thấy kết quả ở bên ngoài,
Thì cũng bị lôi cuốn theo lời-nói.

Nhưng người biết bên trong,

Và nhìn thấy rõ bên ngoài,
Nhìn thấy không bị những chướng-ngại,
Thì không bị lôi cuốn theo lời-nói.

66 (6) *Tham Dục ...*

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người tham dục, người sân hận, người si mờ, và người tự-ta (ngã mạn, ta-đây). Đây là bốn loại người được thấy có trong thế gian.”

Chúng sinh bị say đắm bởi những thứ khêu gợi,
Tìm kiếm khoái lạc trong những thứ dễ chịu,
Chúng sinh thấp hèn bị trói buộc bởi si-mê (vô minh),⁷⁵⁶
Càng ngày càng thêm bị trói buộc.

Những người vô minh cứ đi đây đó,
Tạo ra nghiệp bất thiện,
Được sinh ra từ sự tham, sân, si:
Những việc gây phiền khổ sở tạo ra sự khổ đau.

Người bị che cản bởi vô minh,
Mù quáng, thiếu mắt để nhìn thấy
Cho đúng bản chất của mọi sự,
Thì không nghĩ về điều đó theo cách như vậy.⁷⁵⁷

67 (7) *Rắn*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó, ở Sāvattthī, có một Tỳ kheo bị rắn cắn chết.⁷⁵⁸ Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có một Tỳ kheo đã bị rắn cắn chết.”

[Đức Thế Tôn đã nói:] “Đúng vậy, này các Tỳ kheo, vị Tỳ kheo đó đã

không bao trùm (thấm đẫm, phóng rải, hướng) tâm-từ tới bốn họ nhà [gia đình, dòng] rắn vua (rắn chúa).⁷⁵⁹ Vì nếu thầy ấy biết làm như vậy thì thầy ấy đã không bị rắn cắn chết. Bốn đó là gì? Họ rắn vua *virūpakkha*, họ rắn vua *erāpatha*, họ rắn vua *chabyāputta*, và họ rắn vua *gotamaka*. Đúng vậy, vị Tỳ kheo đó đã không bao trùm tâm-từ tới bốn họ nhà rắn vua. Vì nếu thầy ấy biết làm như vậy thì thầy ấy đã không bị rắn cắn chết.

“Này các Tỳ kheo, ta chỉ thị cho các thầy hãy bao trùm tâm-từ tới khắp bốn họ nhà rắn vua, vì sự an ninh, sự an toàn, và sự bảo hộ cho các thầy.”

Tôi có tâm-từ đối với họ rắn *virūpakkha*;

Đối với họ rắn *erāpatha*, tôi có tâm-từ.

Tôi có tâm-từ đối với họ rắn *chabyāputta*;

Đối với họ rắn *gotamaka* đen, tôi có tâm-từ.

Tôi có tâm-từ đối với những loài không chân;

Đối với loài hai chân tôi cũng có tâm-từ.

Tôi có tâm-từ đối với loài bốn chân;

Đối với loài nhiều chân tôi cũng có tâm-từ.

Mong cho loài không chân không hại tôi;

Mong cho loài hai chân không hại tôi;

Mong cho loài bốn chân không hại tôi;

Mong cho loài nhiều chân không hại tôi.

Mong cho tất cả chúng sinh, tất cả mọi vật sống

Tất cả mọi sinh vật, mọi người,

Có được phúc lành,

Cầu mong mọi sự xấu không xảy đến với ai.

“Đức Phật là vô lượng, Giáo Pháp là vô lượng, Tăng Đoàn là vô lượng; những loài bò leo, rắn, bò cạp, rít, nhện, thằn lằn, và chuột đều là hữu hạn. Tôi đã làm một sự phòng hộ, tôi đã làm được sự bảo vệ. Mong những sinh vật hãy tránh lui. Tôi kính lễ đức Thế Tôn, kính lễ bảy vị Phật Toàn Giác.”⁷⁶⁰

68 (8) *Đề-Bà-Đạt-Đa* ⁷⁶¹

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền, không lâu sau khi Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bỏ đi (khỏi giáo đoàn của Phật). Ở đó, khi đề cập tới Đề-bà-đạt-đa, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, cái sự ‘lợi, vinh, cung kính’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh dẫn tới sự tàn hoại và hủy diệt của chính ông ấy. Giống như (1) cây chuối lá, (2) cây tre, hay (3) cây sậy khi nó ra hoa kết quả là dẫn tới sự tàn hoại và hủy diệt của chính nó; cũng giống như vậy, sự ‘lợi, vinh, cung kính’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh là dẫn tới sự tàn hoại và hủy diệt của chính ông ấy. (4) Giống như một con la khi nó mang thai là dẫn tới sự tàn hoại và hủy diệt của chính nó; cũng giống như vậy, cái sự ‘lợi, vinh, cung kính’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh là dẫn tới sự tàn hoại và hủy diệt của chính ông ta.

Như chính trái quả của mình hủy diệt cây chuối
 Như chính trái quả của mình hủy diệt cây tre và cây sậy
 Như chính bào thai của mình hủy diệt con la
 Cũng như cái ‘lợi danh’ hủy diệt kẻ vô lại.

69 (9) *Sự Chuyên Cần Tu*

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự chuyên-cần tu (tinh cần) này. Bốn đó là gì? Sự chuyên-cần tu bằng sự kiềm-chế, sự chuyên-cần tu bằng sự dẹp-bỏ, sự chuyên-cần tu bằng sự tu-tập, và sự chuyên-cần tu bằng sự phòng-hộ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự kiềm-chế (chế ngự)? Ở đây, một Tỳ kheo phát tạo mong-muốn (dục) *không làm khởi sinh những phẩm chất bất thiện xấu ác chưa khởi sinh*; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm mình, và chuyên-cần tu (tinh cần). Đây được gọi là sự chuyên-cần tu bằng sự kiềm-

ché.

(2) “Và cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự đẹp-bỏ? Ở đây, một Tỳ kheo phát tạo mong-muốn *đẹp bỏ những phẩm chất bất thiện xấu ác đã khởi sinh*; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm mình, và chuyên-cần tu. Đây được gọi là sự chuyên-cần tu bằng sự đẹp-bỏ.

(3) “Và cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự tu-tập? Ở đây, một Tỳ kheo phát tạo mong-muốn *tu tập những phẩm chất thiện lành chưa khởi sinh*; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm mình, và chuyên-cần tu. Đây được gọi là sự chuyên-cần tu bằng sự tu-tập.

(4) “Và cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự phòng-hộ? Ở đây, một Tỳ kheo phát tạo mong-muốn *duy trì những phẩm chất thiện lành đã khởi sinh*, để chúng không bị sa sút, mà gia tăng, lớn rộng và hoàn thiện; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm mình, và chuyên-cần tu. Đây được gọi là sự chuyên-cần tu bằng sự phòng-hộ.

“Đây là bốn sự chuyên-cần tu.”

Kiểm-chế và đẹp-bỏ,

Tu-tập và duy-trì:

Là những cách chuyên-cần tu,

Được chỉ dạy bởi bậc Hậu Duệ Thái Dương (tức Phật).

Một Tỳ kheo là người nhiệt thành ở đây

Thì có thể chứng ngộ sự diệt khổ.

70 (10) *Bất Chính* ⁷⁶²

(1) “Khi vua chúa là bất chính (phi pháp),⁷⁶³ các chư hầu hoàng gia cũng trở nên bất chính. Khi các chư hầu là bất chính, các bà-la-môn và các gia chủ cũng trở nên bất chính.⁷⁶⁴ Khi các bà-la-môn và các gia chủ là bất chính, những người trong thành thị và làng quê cũng trở nên bất chính. Khi những người trong thành thị và làng quê là bất chính, mặt trời và mặt

trăng mọc chiếu lệch tà. Khi mặt trời và mặt trăng mọc chiếu lệch tà, những vì sao và chòm sao cũng mọc chiếu lệch tà. Khi những vì sao và chòm sao mọc chiếu lệch tà, ngày và đêm cũng đến đi lệch thời . . . tháng và nửa tháng cũng đến đi lệch thời . . . các mùa và năm cũng đến đi lệch thời. Khi các mùa và năm đến đi lệch thời, gió thổi lệch thời và trái gió khó ngờ. Khi gió thổi lệch thời và trái gió khó ngờ, các thiên thần trở nên buồn bã. Khi các thiên thần buồn bã, nước mưa khô cạn. Khi nước mưa khô cạn, mùa màng bị trái thời trái vụ. Khi người ăn gạo cốc trái quả trái thời trái vụ (không đều đặn, lúc đói lúc no), họ sống không được thọ, trở nên xấu xí, yếu sức, và bệnh tật.⁷⁶⁵

(2) “Nhưng, khi vua chúa là chân chính (hợp pháp), các chư hầu hoàng gia cũng trở nên chân chính. Khi các chư hầu là chân chính, các bà-la-môn và các gia chủ cũng trở nên chân chính. Khi các bà-la-môn và các gia chủ là chân chính, những người trong thành thị và làng quê cũng trở nên chân chính. Khi những người trong thành thị và làng quê là chân chính, mặt trời và mặt trăng mọc chiếu chính hướng. Khi mặt trời và mặt trăng mọc chiếu chính hướng, những vì sao và chòm sao cũng mọc chiếu chính hướng. Khi những vì sao và chòm sao mọc chiếu chính hướng, ngày và đêm cũng đến đi đúng thời . . . tháng và nửa tháng cũng đến đi đúng thời . . . các mùa và năm cũng đến đi đúng thời. Khi các mùa và năm đến đi đúng thời, gió thổi đúng thời và thuận gió dễ canh. Khi gió thổi đúng thời và thuận gió dễ canh, các thiên thần không bị buồn bã. Khi các thiên thần không bị buồn bã, mưa nước đủ đầy. Khi mưa nước đủ đầy, mùa màng được thuận thời đúng vụ. Khi người ăn gạo cốc trái quả thuận thời đúng vụ (đều đặn, đầy đủ), họ sống sẽ sống được thọ, trở nên đẹp đẽ, sức mạnh, và sức khỏe.

Khi đàn bò đi ngang ngã ba đường,
 Nếu con đầu đàn đi quanh co,
 Thì những con khác cũng đi theo quanh co,
 Bởi con đầu đàn đã đi quanh co.

Trong quần thể con người cũng vậy,

Khi một người được coi là đứng đầu lãnh đạo,
Mà hành xử bất chính,
Thì người khác cũng làm theo như vậy.
Cả vương quốc đều chán ngán thất vọng,
Nếu nhà vua là bất chính, tà đạo.

Khi đàn bò đi ngang ngã ba đường,
Nếu con đầu đàn đi thẳng đường băng qua,
Thì những con khác cũng thẳng đường băng qua,
Bởi con đầu đàn đã đi thẳng qua.

Trong quần thể con người cũng vậy,
Khi một người được coi là đứng đầu lãnh đạo,
Biết hành xử chân chính,
Thì người khác cũng làm theo như vậy.
Cả vương quốc đều hân hoan vui mừng,
Nếu nhà vua là chân chính, chánh đạo.

NHÓM 3

KHÔNG THỂ LÀM LỖI

71 (1) *Sự Chuyên Cần Tu*

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất này là đang tu tập theo con đường (đường lối, cách thức) không thể làm lỗi (= không bị sai lầm, không sai lạc, không sai trật, không lộn đường) và đã đặt được nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.⁷⁶⁶ Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh (giới), có học-hiểu nhiều (đa văn), có nỗ-lực tu (tinh tấn), và có trí (tuệ). Một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất này là đang tu tập theo con đường không thể làm lỗi và đã đặt được nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

72 (2) *Cách Nhìn*

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất này là đang tu tập theo con đường không thể làm lỗi và đã đặt được nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Bốn đó là gì? Ý nghĩ từ-bỏ, ý nghĩ thiện-chí, ý nghĩ vô-hại, và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến).⁷⁶⁷ Một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất này là đang tu tập theo con đường không thể làm lỗi và đã đặt được nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

73 (3) *Người Xấu: Cô Dâu*

(I)

“Này các Tỳ kheo, một người có bốn phẩm chất thì có thể được hiểu là một người xấu. Bốn đó là gì?

(1) “Này các Tỳ kheo, ở đây một người xấu kể ra những lỗi-sai của người khác ngay cả khi không được hỏi về chúng, huống chi khi được hỏi còn kể ra đến mức nào. Khi được hỏi về chúng, theo từng câu hỏi, thì người đó nói về những lỗi-sai của người khác một cách không ngập ngừng

hay bỏ sót, đầy đủ chi tiết. Điều này có thể được hiểu: ‘Đây là một người xấu.’

(2) “Lại nữa, một người xấu không kể về những đức-hạnh [giới hạnh] của người khác ngay cả khi được hỏi về chúng, huống chi khi không được hỏi thì câm nín đến mức nào. Nhưng khi được hỏi về chúng, theo từng câu hỏi, thì người đó nói về những đức-hạnh của người khác một cách ngập ngừng và bỏ bớt, chỉ nói qua loa [không đầy đủ chi tiết]. Điều này có thể được hiểu: ‘Đây là một người xấu.’

(3) “Lại nữa, một người xấu không nói ra những lỗi-sai của mình ngay cả khi được hỏi về chúng, huống chi khi không được hỏi thì câm nín đến mức nào. Khi được hỏi về chúng, theo từng câu hỏi, thì người đó nói về những lỗi-sai của mình một cách ngập ngừng và bỏ bớt, chỉ nói qua loa. Điều này có thể được hiểu: ‘Đây là một người xấu.’

(4) “Lại nữa, một người xấu kể về những đức-hạnh của mình ngay cả khi không được hỏi về chúng, huống chi khi được hỏi thì kể nhiều đến mức nào. Khi được hỏi về chúng, theo từng câu hỏi, thì người đó nói về những đức-hạnh của mình một cách không ngập ngừng hay bỏ sót, đầy đủ chi tiết. Điều này có thể được hiểu: ‘Đây là một người xấu.’

“Người có bốn phẩm chất này có thể được hiểu là một người xấu.

(II)

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] thì có thể được hiểu là một người tốt. Bốn đó là gì?

(1) “Này các Tỳ kheo, ở đây một người tốt không kể ra những lỗi-sai của người khác ngay cả khi được hỏi về chúng, huống chi khi không được hỏi thì câm nín đến mức nào. Nhưng khi được hỏi về chúng, theo từng câu hỏi, thì người đó nói về những lỗi-sai của người khác một cách ngập ngừng và bỏ bớt, chỉ nói qua loa. Điều này có thể được hiểu: ‘Đây là một người tốt.’

(2) “Lại nữa, một người tốt kể về những đức-hạnh [giới hạnh] của

người khác ngay cả khi không được hỏi về chúng, huống chi khi được hỏi thì kể nhiều đến mức nào. Khi được hỏi về chúng, theo từng câu hỏi, thì người đó kể về những đức-hạnh của người khác một cách không ngập ngừng hay bỏ sót, đầy đủ chi tiết. Điều này có thể được hiểu: ‘Đây là một người tốt.’

(3) “Lại nữa, một người tốt nói ra những lỗi-sai của mình ngay cả khi không được hỏi về chúng, huống chi khi được hỏi thì nói ra đến mức nào. Khi được hỏi về chúng, theo từng câu hỏi, thì người đó nói ra những lỗi-sai của mình một cách không ngập ngừng hay bỏ sót, đầy đủ chi tiết. Điều này có thể được hiểu: ‘Đây là một người tốt.’

(4) “Lại nữa, một người tốt không nói về những đức-hạnh của mình ngay cả khi được hỏi về chúng, huống chi khi không được hỏi thì câm nín đến mức nào. Nhưng khi được hỏi về chúng, theo từng câu hỏi, thì người đó nói về những đức-hạnh của mình một cách ngập ngừng và bỏ sót, chỉ nói qua loa. Điều này có thể được hiểu: ‘Đây là một người tốt.’

“Người có bốn phẩm chất này có thể được hiểu là một người tốt.

(III)

“Này các Tỳ kheo,⁷⁶⁸ ví dụ có một cô dâu lúc vừa mới được cưới về nhà, dù là ban đêm hay ban ngày, đầu tiên thì cô ta thiết lập một cảm-nhận nhạy bén về sự biết xấu-hổ lương tâm (tâm) và sự biết sợ-hãi làm điều sai trái (quý) (chẳng hạn về mặt đạo đức: như sợ mắc lỗi, sợ làm điều sai, sợ thất lễ) đối với mẹ chồng, cha chồng, chồng, và thậm chí đối với những nô bộc, những người làm công, và những người hầu. Nhưng sau một thời gian, sau khi đã sống chung và thân thiện với họ, cô ta lại nói giọng (chửi) như vậy với mẹ chồng, cha chồng, và chồng: ‘Biển đi! Các người thì biết gì mà nói?’

“Cũng giống như vậy, ví dụ có mấy Tỳ kheo ở đây lúc vừa mới rời bỏ đời sống tại gia và bước vào đời sống xuất gia tu hành, dù là ban đêm hay ban ngày, đầu tiên họ cũng thiết lập một cảm nhận nhạy bén về sự biết xấu-hổ lương tâm (tâm) và sự biết sợ-hãi làm điều sai trái (quý) (chẳng

hạn về mặt đạo đức: như sợ mắc lỗi, sợ làm điều phạm giới, sợ thất lễ) đối với những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam, những đệ tử tại gia nữ, và thậm chí đối với những sa-di và những người làm công quả (ở chùa). Nhưng sau một thời gian, sau khi đã sống chung và thân thiện với họ, mấy Tỳ kheo này lại nói giọng (chửi) như vậy với họ: ‘Biển đi! Các người thì biết gì mà nói?’

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm giống như tâm của một cô dâu mới vừa bước vào nhà chồng.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

74 (4) Bậc Nhất (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn thứ này là bậc nhất. Bốn đó là gì? Loại bậc nhất của giới-hạnh, loại bậc nhất của thiên-định, loại bậc nhất của trí-tuệ, và loại bậc nhất của sự giải-thoát. Đây là bốn thứ là thứ bậc nhất.”

75 (5) Bậc Nhất (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn thứ này là bậc nhất. Bốn đó là gì? Bậc nhất của sắc-thân (sắc), bậc nhất của những cảm-giác (thọ), bậc nhất của nhận-thức (tưởng), và bậc nhất trong số những trạng thái hiện-hữu. Đây là bốn thứ là thứ bậc nhất.”⁷⁶⁹

76 (6) Kusinārā

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Kusinārā, (đang nằm nghỉ) giữa hai cây sa-la (long thọ), trong khu vườn cây sa-la của những người Malla ở xứ Upavattana, vào thời lúc (sắp) Bát-niết-bàn của mình. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có thể có Tỳ kheo còn có sự nghi-ngờ hay không chắc-chắn về Phật, hay về Giáo Pháp, hay về Tăng Đoàn, về con-đường (đạo) hay sự tu-học.⁷⁷⁰ Này các Tỳ kheo, các thầy cứ hỏi. Đừng để sau này hối tiếc khi nghĩ lại rằng: ‘Vị Thầy của chúng ta đã ở trước mặt chúng ta, mà chúng ta đã không thể tự mình hỏi đức Thế Tôn khi chúng ta đang ở trước mặt đức Thế Tôn.’”

Sau khi Phật nói xong điều này, các Tỳ kheo vẫn im lặng.

Thêm một lần thứ hai và đến lần thứ ba, Đức Thế Tôn vẫn hỏi các Tỳ kheo như vậy. Các Tỳ kheo vẫn im lặng sau lần thứ ba.

Rồi Đức Phật đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, có thể là trường hợp các thầy không muốn đặt câu hỏi vì lòng kính trọng đối với Vị Thầy, vậy thì hãy nói câu hỏi của mình cho một đạo hữu.” (tức nhờ đạo hữu hỏi giùm để khỏi ngại). Sau khi điều này được nói ra, các Tỳ kheo cũng vẫn im lặng.

Sau đó, Ngài Ananda mới thưa với Đức Thế Tôn rằng:

“Thật kỳ diệu và tuyệt vời, thưa đức Thế Tôn. Con tự tin rằng trong Tăng đoàn những Tỳ kheo ở đây không có một người nào còn có sự nghi-ngờ hay không chắc-chắn về Phật, hay về Giáo Pháp, hay về Tăng Đoàn, về con-đường (đạo) hay về sự tu-tập.”

“Này Ananda, thầy đã nói ra sự tự tin của mình. Nhưng Như Lai cũng biết rõ điều đó là sự thật. Vì trong số năm trăm Tỳ kheo này, ngay cả thấp nhất cũng là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi đọa, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.”

77 (7) Những Vấn Đề Không Thể Nghĩ Bàn

“Này các Tỳ kheo, có bốn vấn đề không thể nghĩ bàn (nghĩ tới, hiểu tới, hiểu ra, tưởng ra)⁷⁷¹ này mà người thường không nên cố gắng để hiểu;

ai cố để hiểu tới chúng thì chỉ gạt lấy sự điên khùng và thất vọng mà thôi. Bốn đó là gì? (1) Trú xứ (lãnh địa, cảnh giới) của những vị Phật là vấn đề không thể nghĩ bàn, nên người thường không nên cố gắng để hiểu; ai cố để hiểu tới nó thì chỉ gạt lấy sự điên khùng và thất vọng mà thôi. (2) Trú xứ của người tu trong tầng thiên định [jhāna] là không thể nghĩ bàn ... (3) Quả của nghiệp quả là không thể nghĩ bàn ... (4) Sự suy đoán về thế giới là vấn đề không thể nghĩ bàn, nên người thường không nên cố gắng để hiểu; ai cố để hiểu tới nó thì chỉ gạt lấy sự điên khùng và thất vọng mà thôi.⁷⁷² Đây là bốn vấn đề không thể nghĩ bàn, nên người thường không nên cố gắng để hiểu; ai cố để hiểu tới chúng thì chỉ gạt lấy sự điên khùng và thất vọng mà thôi.”

78 (8) Những Sự Cúng Dường

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự thanh lọc (thanh tịnh) này của những sự cúng dường.⁷⁷³ Bốn đó là gì? (1) Có sự cúng dường được thanh lọc bởi người bố thí, không phải bởi người nhận. (2) Có sự cúng dường được thanh lọc bởi người nhận, không phải bởi người bố thí. (3) Có sự cúng dường không được thanh lọc bởi người bố thí hay bởi người nhận. (4) Có sự cúng dường được thanh lọc bởi cả người bố thí và người nhận.

(1) “Và giờ, theo cách nào sự cúng dường được thanh lọc bởi người bố thí, không bởi người nhận? Ở đây, người bố thí là đức-hạnh [có giới-hạnh], tính nét tốt thiện và người nhận là vô đạo đức (thất đức), tính nét xấu. Như vậy sự cúng dường được thanh lọc bởi người bố thí, không bởi người nhận.

(2) “Và theo cách nào sự cúng dường được thanh lọc bởi người nhận, không bởi người bố thí? Ở đây, người bố thí là vô đạo đức, tính nét xấu và người nhận là đức-hạnh, tính nét tốt thiện. Như vậy sự cúng dường được thanh lọc bởi người nhận, không bởi người bố thí.

(3) “Và theo cách nào sự cúng dường không được thanh lọc bởi cả người nhận và người bố thí? Ở đây, người bố thí là vô đạo đức, tính nét

xấu và người nhận cũng là vô đạo đức, tính nết xấu. Như vậy sự cúng dường không được thanh lọc bởi cả người bố thí và người nhận.

(4) “Và theo cách nào sự cúng dường được thanh lọc bởi cả người bố thí và người nhận? Ở đây, người bố thí là đức-hạnh, tính nết tốt thiện, và người nhận cũng là đức-hạnh, tính nết tốt thiện. Như vậy sự cúng dường được thanh lọc bởi cả người bố thí và người nhận.

“Đây là bốn loại sự thanh lọc của sự cúng dường.”

79 (9) Việc Làm Ăn

Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, tại sao cùng một loại công việc làm ăn, (1) có người làm là thất bại; (2) có người làm không đạt tới mức mong đợi; (3) có người đạt được mức mong đợi; (4) có người đạt hơn mức mong đợi?

(1) “Này Xá-lợi-phất, ở đây có người đến gặp một tu sĩ hay bà-la-môn và hỏi họ cần những thứ gì (để mình cúng dường, bố thí), nhưng sau đó không chịu bố thí những thứ mà họ đang cần. Sau khi qua đời, nếu có được tái sinh lại cõi này, người đó có làm công việc làm ăn gì cũng bị thất bại.

(2) “Có người đến gặp một tu sĩ hay bà-la-môn và hỏi họ cần những thứ gì (để mình cúng dường, bố thí), nhưng sau đó không bố thí đầy đủ những thứ mà họ đang cần. Sau khi qua đời, nếu có được tái sinh lại cõi này, người đó có làm công việc làm ăn gì cũng không đạt được mức mong đợi.

(3) “Có người đến gặp một tu sĩ hay bà-la-môn và hỏi họ cần những thứ gì (để mình cúng dường, bố thí), và sau đó bố thí đầy đủ những thứ mà họ đang cần. Sau khi qua đời, nếu có được tái sinh lại cõi này, người đó có làm công việc làm ăn gì cũng đạt được mức mong đợi.

(4) “Có người đến gặp một tu sĩ hay bà-la-môn và hỏi họ cần những thứ gì (để mình cúng dường, bố thí), và sau đó bố thí nhiều hơn những thứ mà họ đang cần. Sau khi qua đời, nếu có được tái sinh lại cõi này, người đó có làm công việc làm ăn gì cũng đạt được nhiều hơn mức mong đợi.

“Này Xá-lợi-phất, đây là lý do tại sao với cùng một loại công việc làm ăn, có người làm là thất bại; có người làm không đạt tới mức kỳ vọng; có người đạt được mức mong đợi; có người đạt nhiều hơn mức mong đợi.”

80 (10) *Kamboja*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, tại sao những phụ nữ không ngồi trong các hội đồng, hay tham gia việc làm ăn kinh doanh, hay đi tới Kamboja?”⁷⁷⁴

“Này Ānanda, phụ nữ dễ bị tức giận; phụ nữ hay ghen tỵ; phụ nữ hay hà tiện; phụ nữ ít trí khôn. Đây là lý do tại sao những phụ nữ không ngồi trong các hội đồng, hay tham gia việc làm ăn kinh doanh, hay đi tới Kamboja.”

NHÓM 4

KHÔNG LAY CHUYỂN

81 (1) Sát Sinh

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, và nói-dối nói láo. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người kiêng cử sát-sinh, kiêng cử gian-cấp, kiêng cử tà-dâm, và kiêng cử nói-dối nói láo. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

82 (2) Nói Dối

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, và nói chuyện tầm-phào tán dóc. Người có được bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] thì được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người kiêng cử sự nói-dối nói láo, kiêng cử sự nói lời gây chia-rẽ, kiêng cử sự nói lời gắt-gông nạt nộ, và kiêng cử sự nói chuyện tầm-phào tán dóc. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

83 (3) Chê Bai

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa

ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? (1) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó khen ngợi người đáng bị chê trách. (2) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó chê bai người đáng được khen ngợi. (3) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó tin một vấn đề đáng nghi ngờ. (4) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó không tin một vấn đề đáng tin tưởng. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] thì được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? (1) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó chê trách người đáng bị chê trách. (2) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó khen ngợi người đáng được khen ngợi. (3) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó nghi ngờ vấn đề đáng nghi ngờ. (4) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó tin một vấn đề đáng tin tưởng. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

84 (4) Sự Tức Giận

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người coi trọng sự tức-giận, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp); người đó coi trọng sự chê-bai, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; người đó coi trọng lợi-lộc, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; người đó coi trọng vinh-danh, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự tức-giận; người đó coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự chê-bai; người đó coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng lợi-lộc; người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng vinh-danh. Người có bốn phẩm chất này được ký thác

trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

85 (5) *Bóng Tối* ⁷⁷⁵

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người từ tối hướng tới tối, người từ tối hướng tới sáng, người từ sáng hướng tới tối, và người từ sáng hướng tới sáng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người từ tối hướng tới tối? (i) Ở đây, có người được tái sinh trong một gia đình thấp tẻ—là một gia đình giai cấp hạ-tiện (caṇḍāla, chiên-đà-la, nô lệ), hay làm nghề tre nứa, hay nghề săn bắn, hay nghề đóng xe bò, hay nghề lượm rác—một gia đình nghèo đói thiếu ăn thiếu uống, sống sót khó khăn, ở đó hiếm hoi kiếm được thức ăn và quần áo; và người đó là xấu xí, khó nhìn, và dị tướng, bệnh tật như đui mù, cùi tay, què quặt, hay bại liệt;⁷⁷⁶ người đó không kiếm được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ, vòng hoa, nước hoa và phấn sáp, giường chiếu, chỗ ở, đèn đóm. (ii) Và người đó còn làm những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm (ba tà nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Theo cách như vậy là một người đi từ tối tới tối.

(2) “Và theo cách nào là một người từ tối hướng tới sáng? (i) Ở đây, có người được tái sinh trong một gia đình thấp tẻ ... (*như đoạn kể trên*). (ii) Nhưng người đó làm những hành-vi đúng đắn của thân, lời-nói, và tâm (ba chánh nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Theo cách như vậy là một người từ tối hướng tới sáng.

(3) “Và theo cách nào là một người từ sáng hướng tới tối? (i) Ở đây, có người được sinh ra trong một gia đình cao quý—như một gia đình giàu có của người giai cấp chiến-sĩ (khattiya), gia đình giàu có của bà-la-môn, hay gia đình giàu có của một gia chủ—gia đình thì giàu có, với nhiều tài sản và của cải, nhiều vàng bạc, nhiều báu vật và tư trang, nhiều của cải và

lúa gạo; và người đó thì đẹp đẽ, hấp dẫn, duyên dáng, có làn da đẹp bậc nhất. Người đó có được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ; vòng hoa, nước hoa và phấn sáp; giường chiếu, nhà cửa và đèn sáng. (ii) Nhưng người đó làm những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm (ba tà nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Theo cách như vậy là một người từ sáng hướng tới tối.

(4) “Và theo cách nào là một người từ sáng hướng tới sáng? (i) Ở đây, có người được sinh ra trong một gia đình cao quý ... *(như đoạn kể trên)*. (ii) Và người đó làm những hành vi đúng đắn của thân, lời-nói, và tâm (ba chánh nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Theo cách như vậy là một người từ sáng hướng tới sáng.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

86 (6) Cúi Xuống

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người cúi xuống thì cúi xuống thấp luôn, người cúi xuống rồi đứng lên thấp, người đứng lên rồi lại cúi xuống, và người đứng lên thì đứng lên cao nữa.⁷⁷⁷

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

87 (7) Con Trai Cả (bốn loại sa-môn)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Sa-môn (tu sĩ, chỉ các Tỳ kheo) bất lay động, sa-môn hoa sen trắng, sa-môn hoa sen đỏ (hồng), và sa-môn tinh tế trong số những sa-môn.⁷⁷⁸

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người là một sa-môn bất lay động? Ở đây, một Tỳ kheo là một bậc học-nhân đang tu tập theo

con-đường (đạo), người sống khát nguyện sẽ đạt tới ‘sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc’ (của luân-hồi). Giống như người con trai cả (thái tử) của một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương—thái tử đó giờ chưa được phong vương, nhưng rồi cũng sẽ được phong vương—sẽ đạt tới sự bất lay động.⁷⁷⁹ Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo là một bậc học-nhân đang tu tập theo con-đường, sống khát nguyện sẽ đạt tới ‘sự an-toàn khỏi sự trói-buộc’.⁷⁸⁰ Chính theo cách này một người là một sa-môn bất lay động.

(2) “Và theo cách nào một người là một sa-môn hoa sen trắng? Ở đây, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó; nhưng người đó vẫn chưa an trú (trong trạng thái) sau khi đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải-thoát (tức vẫn chưa có sự trải nghiệm trực tiếp về tám sự giải-thoát). Chính theo cách này một người là một sa-môn hoa sen trắng.⁷⁸¹

(3) “Và theo cách nào một người là sa-môn hoa sen đỏ (hồng)? Ở đây, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó; và người đó an trú sau khi đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải-thoát. Chính theo cách này một người là sa-môn hoa sen đỏ.⁷⁸²

(4) “Và theo cách nào một người là sa-môn tinh tế trong số những sa-môn? { Ở đây, (i) một Tỳ kheo thường dùng *y-phục* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình;⁷⁸³ người đó thường ăn *thức-ăn* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi ăn thứ không được cúng dường cho chính mình; người đó thường dùng *chỗ-ở* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình; người đó thường dùng *thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình. (ii) Những Tỳ kheo đạo hữu mà vị ấy đang sống

chung thường cư xử với vị ấy bằng những hành-động, lời-nói, và tâm-ý dễ chịu, hiếm khi có hành-động, lời-nói hay tâm-ý nào khó chịu. Họ thường tặng cho vị ấy những thứ đáng thích, hiếm khi có thứ nào khó thích. **(iii)** Những sự khó khổ (khó chịu, không an ổn) sinh ra từ mật, đờm, gió, hay sự kết hợp của chúng; ⁷⁸⁴ sự khó khổ sinh ra do thay đổi khí hậu; sự khó khổ sinh ra do hành vi bất cẩn; sự khó khổ sinh ra do bị tấn công; hoặc sự khó khổ sinh ra do quả của nghiệp (kamma)—những sự khó khổ này không thường khởi sinh trong vị ấy nữa. ⁷⁸⁵ Vị ấy hiếm khi bệnh yếu. **(iv)** Vị ấy nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (jhāna) (chúng) vốn tạo nên phần tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. **(v)** Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó. } Chính theo cách này một người là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn.

{ “Này các Tỳ kheo, nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vậy: ‘Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn’ thì chính là về ta người đó nói điều đó. **(i)** Bởi vì ta thường dùng *y-phục* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường ăn *thức-ăn* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi ăn thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường dùng *chỗ-ở* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường dùng *thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta. **(ii)** Những Tỳ kheo mà ta đang sống chung thường cư xử với ta bằng những hành-động, lời-nói, và tâm-ý dễ chịu, hiếm khi có hành-động, lời-nói hay tâm-ý nào khó chịu. Họ thường tặng cho ta những thứ đáng thích, hiếm khi có thứ nào khó thích. **(iii)** Những sự khó khổ sinh ra từ mật, đờm, gió, hay sự kết hợp của chúng; sự khó khổ sinh ra do thay đổi khí hậu; sự khó khổ sinh ra do hành vi bất cẩn; sự khó khổ sinh ra do bị tấn công; hoặc sự khó khổ sinh ra do quả của nghiệp (kamma)—những sự khó khổ này

không thường khởi sinh trong ta nữa. Ta hiếm khi bệnh yếu. (iv) Ta, nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (jhāna) (chúng) vốn tạo nên phần tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (v) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, ta đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, ta an trú trong đó. Nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vậy: ‘Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn’ thì chính là về ta người đó nói điều đó. }

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

88 (8) Những Gong Cùm (bốn loại sa-môn)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Sa-môn (tu sĩ, chỉ các Tỳ kheo) bắt lay động, sa-môn hoa sen trắng, sa-môn hoa sen đỏ (hồng), và sa-môn tinh tế trong số những sa-môn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người là một sa-môn bắt lay động? Ở đây, với sự đã tiêu diệt ba gông-cùm (đầu tiên), một Tỳ kheo là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh] xuống cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng đến sự giác-ngộ. Chính theo cách này một người là một sa-môn bắt lay động.

(2) “Và theo cách nào một người là một sa-môn hoa sen trắng? Ở đây, với sự tiêu diệt ba gông-cùm (đầu tiên), cộng với sự làm giảm thiểu tham, sân, si, một Tỳ kheo là một bậc thánh Nhất-lai, chỉ còn quay lại thế gian này một lần nữa, và sau đó sẽ làm nên sự chấm-dứt sự khổ. Chính theo cách này một người là một sa-môn hoa sen trắng.

(3) “Và theo cách nào một người là một sa-môn hoa sen đỏ (hồng)? Ở đây, với sự tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), một Tỳ kheo là một bậc tái sinh tự động (trong một trong năm cõi Tịnh cư thiên), và từ ở đó sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn chứ không còn quay lại thế gian từ

cõi đó (bậc thánh Bất-lai). Chính theo cách này một người là một sa-môn hoa sen đỏ.

(4) “Và theo cách nào một người là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn? Ở đây, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Chính theo cách này một người là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

89 (9) Chánh Kiến ... (bốn loại sa-môn)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Sa-môn (tu sĩ, chỉ các Tỳ kheo) bất lay động, sa-môn hoa sen trắng, sa-môn hoa sen đỏ (hồng), và sa-môn tinh tế trong số những sa-môn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người là một sa-môn bất lay động? Ở đây, một Tỳ kheo là một người có được chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Chính theo cách này một người là một sa-môn bất lay động.

(2) “Và theo cách nào một người là một sa-môn hoa sen trắng? Ở đây, một Tỳ kheo là một người có được chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh tri (sự-biết đúng đắn) và chánh giải-thoát (sự giải-thoát đúng đắn); nhưng người đó chưa an trú (trong trạng thái) sau khi đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải-thoát. Chính theo cách này một người là một sa-môn hoa sen trắng.

(3) “Và theo cách nào một người là một sa-môn hoa sen đỏ (hồng)? Ở đây, một Tỳ kheo là một người có được chánh kiến ... chánh định, chánh trí và chánh giải-thoát; và người đó an trú sau khi đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải-thoát. Chính theo cách này một người là một sa-môn hoa sen

đỏ.

(4) “Và theo cách nào một người là sa-môn tinh tế trong số những sa-môn? Ở đây, một Tỳ kheo thường dùng *y-phục* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình ... [*như cả đoạn (4) trong kinh 4:87 ở trên*] ...

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”⁷⁸⁶

90 (10) Các Uẩn (bốn loại sa-môn)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Sa-môn (tu sĩ, chỉ các Tỳ kheo) bất lay động, sa-môn hoa sen trắng, sa-môn hoa sen đỏ (hồng), và sa-môn tinh tế trong số những sa-môn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người là một sa-môn bất lay động? Ở đây, một Tỳ kheo là một bậc học-nhân chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình, là người sống khát nguyện sẽ đạt tới ‘sự an-toàn khỏi sự trôi-buộc’ (của luân-hồi). Chính theo cách này một người là một sa-môn bất lay động.

(2) “Và theo cách nào một người là sa-môn hoa sen trắng? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát (thiền quán) sự sinh và diệt trong năm uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn): ‘Này là sắc-thân (sắc), này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó; này là cảm-giác (thọ), này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó; này là nhận-thức (tưởng), này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó; này là những sự tạo-tác (hành); này là nguồn gốc của chúng, này là sự biến qua của chúng; này là thức (thức), này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó’; nhưng người đó vẫn chưa an trú (trong trạng thái) sau khi đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải-thoát. Chính theo cách này một người là một sa-môn hoa sen trắng.

(3) “Và theo cách nào một người là một sa-môn hoa sen đỏ (hồng)? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát (thiền quán) sự sinh và diệt trong năm-

uẩn dính chấp-thủ: ‘Này là sắc-thân, này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó; này là cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức, này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó’; và người đó đã an trú sau khi đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải-thoát. Chính theo cách này một người là một sa-môn hoa sen đỏ.

(4) “Và theo cách nào một người là sa-môn tinh tế trong số những sa-môn? Ở đây, một Tỳ kheo thường dùng *y-phục* đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình ... [*giống đoạn (4) trong kinh 4:87 ở trên*] ... Nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vậy: ‘Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn’ thì chính là về ta người đó nói điều đó.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

NHÓM 5

A-TU-LA

91 (1) *Những A-Tu-La*

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người (cá thể) này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Quỷ thần [a-tu-la, asura] với đoàn quỷ thần tùy tùng, quỷ thần với đoàn thiên thần [deva] tùy tùng; thiên thần với đoàn quỷ thần tùy tùng, và thiên thần với đoàn thiên thần tùy tùng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người là một quỷ thần với đoàn quỷ thần tùy tùng? Ở đây, có người là vô đạo đức, tính nết xấu ác, và đoàn tùy tùng của người đó cũng là vô đạo đức, tính nết xấu ác. Chính theo cách này một người là một quỷ thần với đoàn quỷ thần tùy tùng.

(2) “Và theo cách nào một người là một quỷ thần với đoàn thiên thần tùy tùng? Ở đây, có người là vô đạo đức, tính nết xấu ác, nhưng đoàn tùy tùng của người đó là đức-hạnh [có giới-hạnh], tính nết thiện. Chính theo cách này một người là một quỷ thần với đoàn thiên thần tùy tùng.

(3) “Và theo cách nào một người là một thiên thần với đoàn quỷ thần tùy tùng? Ở đây, có người là đức-hạnh, tính nết thiện, nhưng đoàn tùy tùng của người đó là vô đạo đức, tính nết xấu ác. Chính theo cách này một người là một thiên thần với đoàn quỷ thần tùy tùng.

(4) “Và theo cách nào một người là một thiên thần với đoàn thiên thần tùy tùng? Ở đây, có người là đức-hạnh, tính nết thiện, và đoàn tùy tùng của người đó cũng là đức-hạnh, tính nết thiện. Chính theo cách này một người là một thiên thần với đoàn thiên thần tùy tùng.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

92 (2) *Định ... (1)*

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian.

Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người đạt được phần định [sự vắng-lặng bên trong của tâm] nhưng chưa đạt được phần tuệ [trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng].⁷⁸⁷ (2) Có người khác đạt được phần tuệ nhưng chưa đạt được phần định. (3) Lại có người khác chưa đạt được phần định cũng chưa đạt được phần tuệ. (4) Lại có người khác đạt được cả phần định và phần tuệ. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

93 (3) Định ... (2)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người đạt được phần định [sự vắng-lặng bên trong của tâm] nhưng chưa đạt được phần tuệ [trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng]. (2) Có người khác đạt được phần tuệ nhưng chưa đạt được phần định. (3) Lại có người khác chưa đạt được phần định cũng chưa đạt được phần tuệ. (4) Lại có người khác đạt được cả phần định và phần tuệ.

(1) “Này các Tỳ kheo, trong số đó, loại người thứ nhất nên dựa bản thân trên phần định (đã đạt được), và tạo sự cố-gắng để đạt được phần tuệ. Rồi đến lúc người đó sẽ đạt cả phần định và phần tuệ.

(2) “Loại người thứ hai nên dựa bản thân trên phần tuệ (đã đạt được), và tạo sự cố-gắng để đạt được phần định. Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả phần tuệ và phần định.

(3) “Loại người thứ ba (do chưa có được phần nào) thì nên đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực tu, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thương rõ-biết (tỉnh giác) phi thường để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện đó. Giống như một người có quần áo hay đầu tóc đang bị cháy thì người đó phải có mong-muốn phi thường, sự cố-gắng, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự rõ-biết để dập tắt ngay [lửa cháy] trên quần áo hay đầu tóc của mình. Cũng giống như vậy, loại người thứ ba nên đặt ra sự

mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực tu, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác) phi thường để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện đó. Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả hai phần định và phần tuệ.

(4) “Loại người thứ tư (do đã có đủ hai phần) nên dựa bản thân trên cả hai phần đó, và tạo thêm sự nỗ-lực tu (tỉnh tấn) để đạt tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận).

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

94 (4) Định ... (3)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người đạt được phần định [sự vắng-lặng bên trong của tâm] nhưng chưa đạt được phần tuệ [trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng]. (2) Có người khác đạt được phần tuệ nhưng chưa đạt được phần định. (3) Lại có người khác chưa đạt được phần định cũng chưa đạt được phần tuệ. (4) Lại có người khác đạt được cả phần định và phần tuệ.

(1) “Này các Tỳ kheo, trong số đó, loại người thứ nhất (chỉ đạt được phần định) nên đến gặp người đã đạt được phần tuệ, và xin vấn hỏi vị đó: (i) ‘Này đạo hữu, làm cách nào các pháp hữu vi [những hiện-tượng có điều-kiện] được nhìn thấy? Làm cách nào các pháp hữu vi được khám phá? Làm cách nào các pháp hữu vi được nhận biết bằng sự minh-sát (tuệ)?’. Rồi vị đó trả lời cho người đó cách vị đó đã thấy và hiểu: [i] ‘Những pháp hữu vi nên được nhìn thấy theo cách này, nên được khám phá theo cách như vậy, nên được nhận biết bằng sự minh-sát theo cách như vậy.’⁷⁸⁸ Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt được cả phần định và phần tuệ.

(2) “Loại người thứ hai (chỉ đạt được phần tuệ) nên đến gặp người đã đạt được phần định, và xin vấn hỏi vị ấy: (ii) ‘Này đạo hữu, làm cách nào tâm được ổn định? Làm cách nào tâm được bình tĩnh? Làm cách nào tâm

được hợp nhất? Làm cách nào tâm đạt định?’. Rồi vị đó trả lời cho người đó cách vị đó đã thấy và hiểu: [ii] ‘Tâm nên được làm ổn định theo cách này, nên được làm bình tĩnh theo cách như vậy, nên được đạt định theo cách như vậy.’⁷⁸⁹ Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả phần tuệ và phần định.

(3) “Loại người thứ ba (chưa đạt được phần nào) nên đến gặp người đã đạt được cả phần định và phần tuệ, xin vấn hỏi vị đó: (ii) ‘Này đạo hữu, làm cách nào tâm được ổn định? Làm cách nào tâm được bình tĩnh? Làm cách nào tâm được hợp nhất? Làm cách nào tâm đạt định?’. (i) ‘Này đạo hữu, làm cách nào các pháp hữu vi [những hiện-tượng có điều-kiện] được nhìn thấy? Làm cách nào các pháp hữu vi được khám phá? Làm cách nào các pháp hữu vi được nhận biết bằng sự minh-sát (tuệ)?’. Rồi vị đó trả lời cho người đó cách mà vị đó đã thấy và hiểu: [ii] ‘Tâm nên được ổn định theo cách này, nên được bình tĩnh theo cách như vậy, nên được đạt định theo cách như vậy.’ [i] ‘Các pháp hữu vi nên được nhìn thấy theo cách như vậy, nên được khám phá theo cách như vậy, nên được nhận biết bằng sự minh-sát theo cách như vậy.’ Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả phần định và phần tuệ.

(4) “Loại người thứ tư (do đã có đủ hai phần) nên dựa bản thân trên cả hai phần đó, và tạo sự cố-gắng thêm nữa để đạt tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

95 (5) *Như Gõ Hỏa Táng*

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác (*không vì ta không vì người*); (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình (*vì người không vì ta*); (3) người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác (*vì ta không vì người*); và (4) người thực hành vì

phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác (*vì ta và người*).

(1) “Giống như một khúc gỗ trong giàn thiêu xác đang bị cháy ở hai đầu và dính phân dơ ở khúc giữa: nó không thể được dùng như gỗ mộc ở trong làng hay trong rừng. Tương tự, ta nói, người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác thì cũng giống như vậy.

(2) “Người nào thuộc loại người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình là tốt hơn và cao thượng hơn loại người đầu.

(3) “Người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác thì tốt hơn và cao thượng hơn hai loại người đầu.

(4) “Người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác là bậc nhất, là tốt nhất, cao thượng nhất, ưu việt nhất và đẹp đẽ nhất trong bốn loại người. Giống như từ con bò mới có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có ván kem được coi là phần tốt nhất trong tất cả. Cũng giống vậy, người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác là bậc nhất, là tốt nhất, cao thượng nhất, ưu việt nhất và đẹp đẽ nhất trong bốn loại người.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

96 (6) *Tham ...*

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác (*không vì ta không vì người*); (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình (*vì người không vì ta*); (3) người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác (*vì ta không vì người*); và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác (*vì ta và người*).

(1) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người thực hành để trừ bỏ

tham, sân, si của mình nhưng không khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ. Theo cách này là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác.

(2) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi người khác nhưng không vì phúc lợi của mình? Ở đây, có người khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ nhưng mình không chịu tu tập để trừ bỏ tham, sân, si của mình. Theo cách này là người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình. *(Loại này lại có nhiều trong thế gian!)*

(3) “Và theo cách nào người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người không chịu tu tập để trừ bỏ tham, sân, si của mình và cũng không khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ. Theo cách này là người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác. *(Loại này cũng có nhiều trong thế gian!)*

(4) “Và theo cách nào người thực hành vì phúc lợi của mình và cũng vì phúc lợi của người khác. Ở đây, có người tu tập để trừ bỏ tham, sân, si của mình và cũng khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ. Theo cách này là người thực hành vì phúc lợi của mình và cũng vì phúc lợi của người khác của người khác. *(Loại này là quý hiếm trong thế gian!)*

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

97 (7) Nhanh Trí

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác *(không vì ta không vì người)*; (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình *(vì người không vì ta)*; (3) người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác *(vì ta không vì người)*; và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác *(vì ta và người)*.”

(1) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người nhanh trí trong việc lắng nghe những giáo lý thiện lành, có thể ghi nhớ trong tâm những giáo lý đã nghe được, và suy xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã ghi nhớ. Do đã hiểu được ý nghĩa và Giáo Pháp, người đó thực hành đúng theo Giáo Pháp. Tuy nhiên người đó không phải là người khéo nói hay giỏi truyền đạt (cho người khác); người đó không được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, diễn đạt rõ ý nghĩa; và người đó không chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo (bằng sự thuyết giảng Giáo Pháp). Chính theo cách này là một người đang thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác. *(có tu, không truyền dạy)*

(2) “Và theo cách nào là một người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình? Ở đây, có người không nhanh trí trong việc lắng nghe những giáo lý thiện lành, có nghe cũng không thể ghi nhớ trong tâm những giáo lý đã nghe được, và có ghi nhớ cũng không suy xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã ghi nhớ. Do không hiểu được ý nghĩa và Giáo Pháp, người đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Tuy nhiên người đó là người khéo nói và giỏi truyền đạt; người đó được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, diễn đạt rõ ý nghĩa; và người đó chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Chính theo cách này là một người đang thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình. *(không tu, có truyền dạy)*

(3) “Và người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người không nhanh trí trong việc lắng nghe những giáo lý thiện lành ... người đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Hơn nữa, người đó không phải là người khéo nói hay giỏi truyền đạt ... và người đó không chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Chính theo cách này là một người đang thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác. *(không tu, không truyền dạy)*

(4) “Và người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác? Ở đây, có người nhanh trí trong việc lắng nghe những giáo lý thiện lành ... người đó thực hành đúng theo Giáo Pháp. Thêm nữa, người đó là người khéo nói và giỏi truyền đạt ... và người đó chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Chính theo cách này là một người đang thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác. (có tu, có truyền dạy)

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

98 (8) Vì Phúc Lợi Của Mình ...

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác (*không vì ta không vì người*); (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình (*vì người không vì ta*); (3) người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác (*vì ta không vì người*); và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác (*vì ta và người*).

99 (9) Những Giới Luật Tu Hành

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác (*không vì ta không vì người*); (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình (*vì người không vì ta*); (3) người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác (*vì ta không vì người*); và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác (*vì ta và người*).

(1) “Và theo cách nào người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người sống kiêng cử sát-

sinh, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh. Người đó kiêng cữ gian-cấp, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cữ gian-cấp. Người đó kiêng cữ tà-dâm, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cữ dâm dục bất chính. Người đó kiêng cữ nói-dối nói láo, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cữ nói-dối nói láo. Người đó kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cữ những điều đó. Theo cách này là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác. (*giữ giới, không chỉ người khác giữ giới*)

(2) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình? Ở đây, có người sống không kiêng cữ sát-sinh ... gian-cấp ... tà-dâm ... nói-dối nói láo ... uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, nhưng khuyến khích người khác kiêng cữ những điều đó. Theo cách này là người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình. (*không giữ giới, chỉ người khác giữ giới*)

(3) “Và theo cách nào là người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người sống không kiêng cữ sát-sinh ... gian-cấp ... tà-dâm ... nói-dối nói láo ... uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, và cũng không khuyến khích người khác kiêng cữ những điều đó. Theo cách này là người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác. (*không giữ giới, không chỉ người khác giữ giới*)

(4) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác? Ở đây, có người sống kiêng cữ sát-sinh ... gian-cấp ... tà-dâm ... nói-dối nói láo ... uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, và cũng khuyến khích người khác kiêng cữ những điều đó. Theo cách này là người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác. (*giữ giới,*

chỉ người khác giữ giới)

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

100 (10) Potaliya

Lúc đó có du sĩ tên Potaliya đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, du sĩ Potaliya ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này Potaliya, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) Ở đây, có người nói lời chê về người đáng bị chê trách, và sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; nhưng người đó lại không nói lời khen về người đáng được khen ngợi, cho dù sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật và đúng thời. (*chỉ chê, không khen*)

(2) Có người khác nói lời khen về người đáng được khen ngợi, và sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; nhưng lại không nói lời chê về người đáng bị chê trách, cho dù sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật và đúng thời. (*chỉ khen, không chê*)

(3) Lại có người không nói lời chê về người đáng bị chê trách, cho dù sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và người đó cũng không nói lời khen về người đáng được khen ngợi, cho dù sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật và đúng thời. (*không chê, không khen*)

(4) Và lại có người nói lời chê về người đáng bị chê trách, và sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và người đó cũng nói lời khen về người đáng được khen ngợi, và sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật và đúng thời. (*có khen, có chê*)

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian. Này Potaliya, giờ trong số bốn loại người đó, loại người nào là xuất sắc và siêu phàm hơn hết?”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, bốn loại người đó được thấy có trong thế gian

...⁷⁹⁰ Đối với tôi có lẽ người xuất sắc và siêu phàm nhất là người không nói lời chê về người đáng bị chê trách, cho dù sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và không nói lời khen về người đáng được khen ngợi, cho dù sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời (*người không chê, không khen*). Vì lý do gì? Bởi vì, thưa Thầy Cồ-đàm, cái hay chính là sự buông-xả.”

“Này Potaliya, trong bốn loại người đó, người mà ta coi là xuất sắc và siêu phàm nhất là người nói lời chê về người đáng bị chê trách, và sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và nói lời khen về người đáng được khen ngợi, và sự khen ngợi là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời (*người chê đúng, khen đúng*). Vì lý do gì? Bởi vì, này Potaliya, cái hay chính là sự-biết về *lúc nào* là thích hợp để nói những lời (khen hay chê) đó tùy theo mỗi trường hợp.⁷⁹¹

“Thật hay khéo, Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như thầy đang dựng đứng những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay cho đến cuối đời.”

[Năm Mười Kinh Thứ Ba]

NHÓM 1

(LOẠI) MÂY

101 (1) (Loại) Mây (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại mây. Bốn đó là gì? Mây sấm chớp nhưng không mưa; mây mưa nhưng không sấm chớp; mây không sấm chớp cũng không mưa; và mây sấm chớp và mưa. Đây là bốn loại mây. Tương tự vậy, có bốn loại người này giống như bốn loại mây được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người sấm chớp nhưng không mưa; người mưa nhưng không sấm chớp; người không làm sấm chớp cũng không mưa; và người sấm chớp và mưa.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người sấm chớp nhưng không mưa? Ở đây, có người chỉ là người nói, không phải người làm. Theo cách này là một người sấm chớp nhưng không mưa. Vì vậy, ta nói, người này giống như loại mây chỉ sấm chớp chứ không mưa.

(2) “Và theo cách nào là người mưa nhưng không sấm chớp? Ở đây, có người là người làm, không phải người nói. Theo cách này là một người mưa nhưng không sấm chớp. Vì vậy, ta nói, người này giống như loại mây mưa nhưng không sấm chớp.

(3) “Và theo cách nào là người không mưa cũng không sấm chớp? Ở đây, có người không phải là người làm cũng không phải người nói. Theo cách này là một người không mưa cũng không sấm chớp. Vì vậy, ta nói, người này giống như loại mây không mưa cũng không sấm chớp.

(4) “Và theo cách nào là người sấm chớp và mưa? Ở đây, có người vừa là người nói và là người làm. Theo cách này là một người sấm chớp và mưa. Vì vậy, ta nói, người này giống như loại mây vừa sấm chớp vừa mưa.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

102 (2) (Loại) Mây (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại mây. Bốn đó là gì? ... [*tiếp tục như đoạn đầu kinh kể trên, cho đến:*]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người sấm chớp nhưng không mưa? Ở đây, có nắm vững Giáo Pháp—về những thể loại kinh—kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bốn sinh (của Phật), kinh những chuyện thần diệu, và kinh vấn đáp—⁷⁹² nhưng người đó không hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là: ‘Đây là khổ’, ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Theo cách này là một người sấm chớp nhưng không mưa. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại mây chỉ sấm chớp chứ không mưa.

(2) “Và theo cách nào là người mưa nhưng không sấm chớp? Ở đây, có người không nắm vững Giáo Pháp—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... và kinh vấn đáp—nhưng người đó hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là ... Theo cách này là một người mưa nhưng không sấm chớp. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại mây mưa chứ không sấm chớp.

(3) “Và theo cách nào là người không mưa cũng không sấm chớp? Ở đây, có người không nắm vững Giáo Pháp—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... và kinh vấn đáp—và người đó cũng không hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là ... Theo cách này là một người không mưa cũng không sấm chớp. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại

mây không mưa cũng không sấm chớp.

(4) “Và theo cách nào là người sấm chớp và mưa? Ở đây, có năm vũng Giáo Pháp—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... và kinh vấn đáp—và người đó hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là ... Theo cách này là một người sấm chớp và mưa. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại mây vừa sấm chớp vừa mưa.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống như những loại mây được thấy có trong thế gian.”

103 (3) (Loại) Bình

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại bình. Bốn đó là gì? Bình rộng và đáy kín; bình đầy và để mở; bình rộng và để mở; và bình đầy và đáy kín. Đây là bốn loại bình. Tương tự vậy, có bốn loại người này giống như bốn loại bình được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người rộng và đáy kín; người đầy và để mở; người rộng và mở; và người đầy và đáy kín.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người rộng và đáy kín? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm-tin (tức mọi tư thế, hành vi của người đó làm cho người khác thấy tin tưởng người đó) khi đi tới và đi lui, khi nhìn thẳng hay nhìn bên, khi co hay duỗi tay chân, khi mặc y-phục và mang theo cà sa và bình bát; nhưng người đó không hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là: ‘Đây là khổ’, ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Theo cách này một người là rộng và đáy kín. Vì vậy, ta nói, người này giống như cái bình rộng và đáy kín.

(2) “Và theo cách nào là một người đầy và để mở? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm-tin khi đi tới và đi lui ... và khi mang cà sa và bình bát; nhưng người đó hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là ... Theo cách này một người là đầy và để mở. Vì vậy, ta nói, người này giống như cái bình đầy và để mở.

(3) “Và theo cách nào là một người rộng và để mở? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm-tin khi đi tới và đi lui ... và khi mang cà sa và bình bát; và người đó cũng không hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là ... Theo cách này một người là rộng và để mở. Vì vậy, ta nói, người này giống như cái bình rộng và để mở.

(4) “Và theo cách nào là một người đầy và đậy kín? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm-tin khi đi tới và đi lui ... và khi mang cà sa và bình bát; và người đó cũng hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là ... Theo cách này một người là đầy và đậy kín. Vì vậy, ta nói, người này giống như cái bình đầy và đậy kín.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống như bốn loại bình được thấy có trong thế gian.”

104 (4) (Loại) Hồ Nước

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại hồ nước này. Bốn đó là gì? Loại hồ cạn nhưng nhìn có vẻ sâu; loại hồ sâu nhưng nhìn có vẻ cạn; loại hồ cạn và nhìn thấy cạn; và loại hồ sâu và nhìn thấy sâu. Đây là bốn loại hồ nước.⁷⁹³ Tương tự vậy, có bốn loại người này giống như bốn loại hồ nước được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người nông cạn nhưng nhìn có vẻ sâu sắc; người sâu sắc nhưng nhìn có vẻ nông cạn; người nông cạn nhìn thấy nông cạn; người sâu sắc nhìn thấy sâu sắc.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người nông cạn nhưng nhìn có vẻ sâu sắc? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm-tin ... [*như đoạn (1) này trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách này một người là nông cạn nhưng nhìn có vẻ sâu sắc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại hồ nước cạn nhưng nhìn có vẻ sâu.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người sâu sắc nhưng nhìn có vẻ nông cạn? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm-tin ... [*như đoạn (2) này trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách này một người là sâu sắc nhưng nhìn có vẻ nông cạn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại hồ

nước sâu nhưng nhìn có vẻ cạn.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người nông cạn và nhìn thấy nông cạn? Ở đây, Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm tin ... [*như đoạn (3) này trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách này một người là nông cạn và nhìn thấy nông cạn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại hồ nước cạn và nhìn thấy cạn.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người sâu sắc và nhìn thấy sâu sắc? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm tin ... [*như đoạn (4) này trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách này một người là sâu sắc và nhìn thấy sâu sắc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại hồ nước sâu và nhìn thấy sâu.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống những loại hồ nước được thấy có trong thế gian.”

105 (5) (Loại) Xoài

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại xoài này. Bốn đó là gì? Loại xoài chưa chín nhưng nhìn có vẻ chín; loại xoài chín nhưng nhìn có vẻ chưa chín; loại xoài chưa chín và nhìn thấy chưa chín; và loại xoài chín và nhìn thấy chín. Đây là bốn loại xoài. Tương tự vậy, có bốn loại người này giống như bốn loại xoài được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người chưa chín chắn nhưng nhìn có vẻ chín chắn; người đã chín chắn nhưng nhìn có vẻ chưa chín chắn; người chưa chín chắn nhìn thấy chưa chín chắn; và người đã chín chắn nhìn thấy đã chín chắn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người chưa chín chắn nhưng nhìn có vẻ đã chín chắn? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm-tin ... Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm-tin ... [*như đoạn (1) này trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách này một người là chưa chín chắn nhưng nhìn có vẻ đã chín chắn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại xoài chưa chín nhưng nhìn có vẻ chín.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người đã chín chắn nhưng nhìn có vẻ chưa chín chắn? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm-tin ... [*như đoạn (2) này trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách này một người là đã chín chắn nhưng nhìn có vẻ chưa chín chắn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại xoài đã chín nhưng nhìn có vẻ chưa chín.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người chưa chín chắn và nhìn thấy chưa chín chắn? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm-tin ... [*như đoạn (3) này trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách này một người là chưa chín chắn và nhìn thấy chưa chín chắn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại xoài chưa chín và nhìn thấy chưa chín.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người đã chín chắn và nhìn thấy đã chín chắn? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm-tin ... [*như đoạn (1) này trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách như vậy một người là đã chín chắn và nhìn thấy đã chín chắn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại xoài chín và nhìn thấy chín.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống những loại xoài được thấy có trong thế gian.”

106 (6) (Loại) Xoài

[Như đã nói trong chú thích 793 ở kinh 4:104 kể trên: Trong phần *thi kệ tóm tắt (uddāna)* tóm tắt ở cuối chương có câu: *dve honti ambāni* (Có hai xoài), đây rõ ràng là lý do tại sao **Be** mới đặt tên kinh 106 này là kinh “Xoài”. **Mp** chỉ ghi: “(Kinh) thứ sáu là trống”. Cả **Ce** và **Be**, khi đề cập về câu chú giải này đều ghi chú là: “Luận giảng (**Mp**) nói rằng ‘(Kinh) thứ sáu là trống’, nhưng sự chú thích này không được ghi trong bộ kinh gốc.”]

107 (7) (Loại) Chuột

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại chuột này. Bốn đó là gì? Loại chuột đào hang nhưng không ở trong hang; loại chuột ở trong hang nhưng không

đào hang nào; loại chuột không đào hang cũng không ở trong hang; và loại chuột đào hang và ở trong hang. Đây là bốn loại chuột. Tương tự vậy, có bốn loại người này giống như bốn loại chuột được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Loại người đào hang nhưng không ở trong hang; loại người ở trong hang nhưng không đào hang nào; loại người không đào hang cũng không ở trong hang; và loại người đào hang và ở trong hang.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người đào hang nhưng không ở trong hang? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm-tin ... [*như đoạn (1) này trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách này là một người đào hang nhưng không ở trong hang. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống loại chuột đào hang nhưng không ở trong hang.

(2) “Và theo cách nào là một người ở trong hang nhưng không đào hang nào? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm-tin ... [*như đoạn (2) này trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách này là một người ở trong hang nhưng không đào hang nào. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống loại chuột ở trong hang nhưng không đào hang nào.

(3) “Và theo cách nào là một người không đào hang cũng không ở trong hang? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm-tin ... [*như đoạn (3) này trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách này là một người không ở trong hang cũng không đào hang. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống loại chuột không đào hang cũng không ở trong hang.

(4) “Và theo cách nào là một người không ở trong hang cũng không đào hang? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm-tin ... [*như đoạn (4) này trong kinh 4:103 kể trên*] ... Theo cách này là một người đào hang và ở trong hang. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống loại chuột đào hang và ở trong hang.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống như bốn loại chuột được thấy có trong thế gian.”

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại bò [đực] này. Bốn đó là gì? Loại bò hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò khác; loại bò hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình; loại bò hung dữ với đàn bò của mình và dung dữ với cả đàn bò của người khác; loại bò không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ đàn bò của người khác. Đây là bốn loại bò. Tương tự vậy, có bốn loại người này giống như bốn loại bò được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Loại người hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò khác; loại người hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình; loại người hung dữ với đàn bò của mình và hung dữ với đàn bò của người khác; loại người không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ đàn bò của người khác.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người khác? Ở đây, có người hung dữ với tùy tùng của mình, không hung dữ với tùy tùng của người khác. Theo cách này là một người hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người khác. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại bò hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người khác.

(2) “Và theo cách nào là một người hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình? Ở đây, có người hung dữ với tùy tùng của người khác, không hung dữ với tùy tùng của mình. Theo cách này là một người hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại bò hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình.

(3) “Và theo cách nào là một người hung dữ với đàn bò của mình và hung dữ với cả đàn bò của người khác? Ở đây, có người hung dữ với tùy tùng của mình và cũng hung dữ với tùy tùng của người khác. Theo cách này là một người hung dữ với đàn bò của mình và hung dữ với đàn bò của người khác. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại bò hung dữ với đàn bò của mình và hung dữ với đàn bò của người khác.

(4) “Và theo cách nào là một người không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ với đàn bò của người khác? Ở đây, có người không hung dữ với tùy tùng của mình và cũng không hung dữ với tùy tùng của người khác. Theo cách này là một người không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ với đàn bò của người khác. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại bò không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ đàn bò của người khác.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống như bốn loại bò được thấy có trong thế gian.”

109 (9) (Loại) Cây Cối

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại cây này. Bốn đó là gì? Loại cây thuộc thân gỗ mềm được bao quanh bởi những cây thân gỗ mềm; loại cây thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng; loại cây thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm; và loại cây thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng. Đây là bốn loại cây. Tương tự vậy, có bốn loại người này giống như bốn loại cây được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Loại người thuộc thân gỗ mềm được bao quanh bởi những người thân gỗ mềm; loại người thân gỗ mềm được bao bọc bởi những người thân gỗ cứng; loại người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những người thân gỗ mềm; và loại người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những người thân gỗ cứng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người thân gỗ mềm được bao bọc bởi những người thân gỗ mềm? Ở đây, có người là vô đạo đức, tính nết xấu ác, và những người tùy tùng của người đó cũng là vô đạo đức, tính nết xấu ác. Theo cách như vậy là một người thân gỗ mềm được bao bọc bởi những người thân gỗ mềm. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại cây thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người thân gỗ mềm

được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng? Ở đây, có người là vô đạo đức, tính nét xấu ác, nhưng những người tùy tùng của người đó cũng là đức-hạnh, tính nét thiện. Theo cách như vậy là một người thân gỗ mềm được bao bọc bởi những người thân gỗ cứng. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại cây thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm? Ở đây, có người là đức-hạnh, tính nét thiện, nhưng những người tùy tùng của người đó là vô đạo đức, tính nét xấu ác. Theo cách như vậy là một người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những người thân gỗ mềm. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại cây thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những người thân gỗ cứng? Ở đây, có người là đức-hạnh, tính nét thiện, và những người tùy tùng của người đó cũng là đức-hạnh, tính nét thiện. Theo cách như vậy là một người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những người thân gỗ cứng. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại cây thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống như bốn loại cây được thấy có trong thế gian.”

110 (10) (Loại) Rắn

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại rắn này. Bốn đó là gì? Loại có nọc phun nhanh nhưng không độc; loại có nọc độc nhưng không phun nhanh; loại có nọc vừa độc vừa phun nhanh; và loại có nọc không độc cũng không phun nhanh. Đây là bốn loại rắn. Tương tự vậy, có bốn loại người này giống như bốn loại rắn được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Loại người có nọc phun nhanh nhưng không độc; loại người có nọc độc

nhưng không phun nhanh; loại người có nọc vừa độc vừa phun nhanh; và loại người có nọc không độc cũng không phun nhanh.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc phun nhanh nhưng không độc? Ở đây, có người thường giận dữ, nhưng sự sân giận của người đó không kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách này người đó là một người có nọc phun nhanh nhưng không độc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc phun nhanh nhưng không độc.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc không phun nhanh nhưng độc? Ở đây, có người ít khi giận dữ, nhưng (nếu có thì) sự sân giận của người đó kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách này thì người đó là một người có nọc độc nhưng không phun nhanh. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc độc nhưng không phun nhanh.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc phun nhanh và độc? Ở đây, có người thường giận dữ, và sự sân giận của người đó cũng kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách này thì người đó là một người có nọc phun nhanh và độc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc vừa phun nhanh vừa độc.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc không phun nhanh cũng không độc? Ở đây, có người ít khi giận dữ, và sự sân giận của người đó (nếu có thì) cũng không kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách này thì người đó là một người có nọc không phun nhanh cũng không độc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc không phun nhanh cũng không độc.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống như bốn loại rắn được thấy có trong thế gian.”

NHÓM 2

KESI

111 (1) Kesi

Lúc đó có người huấn luyện ngựa tên là Kesi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này Kesi, anh nổi tiếng là một người huấn luyện ngựa (nài ngựa). Vậy theo cách nào anh chăn dắt để huấn luyện một con ngựa?”

“Thưa Thế Tôn, có ngựa con chăn dắt một cách nhẹ nhàng, có ngựa con chăn dắt một cách nghiêm khắc, và có ngựa con chăn dắt một cách vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc.”

“Nhưng, này Kesi, nếu có ngựa nào được anh chăn dắt huấn luyện nhưng không phục tùng theo phương pháp nào anh mới nói, thì anh sẽ xử lý nó theo cách nào?”

“Thưa Thế Tôn, nếu có ngựa nào được con chăn dắt nhưng không phục tùng theo phương pháp nào con mới nói, thì con sẽ giết nó luôn. Vì sao? Vì làm vậy sẽ không bị quê nhục đối với phường hội những người dạy ngựa của con. Nhưng, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là người huấn luyện tối thượng của những người cần được thuần phục. Vậy theo cách nào Thế Tôn huấn luyện một người để được thuần phục?”

“Có người ta huấn luyện một cách nhẹ nhàng, có người ta huấn luyện một cách nghiêm khắc, và có người ta huấn luyện một cách vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc.

(1) “Này Kesi, đây là phương pháp nhẹ nhàng: ‘Như vậy là hành-vi thiện của thân, như vậy là kết quả của hành-vi thiện của thân; như vậy là hành-vi thiện của lời-nói, như vậy là kết quả của hành-vi thiện của lời-nói; như vậy là hành-vi thiện của tâm, như vậy là kết quả của hành-vi thiện của tâm; như vậy là chúng thiên thần, như vậy là chúng nhân (người).’

(2) “Đây là phương pháp nghiêm khắc: ‘Như vậy là hành-vi bất thiện của thân, như vậy là kết quả của hành-vi bất thiện của thân; như vậy hành-vi bất thiện của lời-nói, như vậy là kết quả của hành-vi bất thiện của lời-nói; như vậy là hành-vi bất thiện của tâm, như vậy là kết quả của hành-vi bất thiện của tâm; như vậy là địa ngục, như vậy là cõi súc sinh, như vậy là cảnh ngạ quỷ thống khổ.’

(3) “Đây là phương pháp vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc: (i) ‘Như vậy là hành-vi thiện của thân, như vậy là kết quả của hành-vi thiện của thân; như vậy là hành-vi thiện của lời-nói, như vậy là kết quả của hành-vi thiện của lời-nói; như vậy là hành-vi thiện của tâm, như vậy là kết quả của hành-vi thiện của tâm; (ii) Như vậy là hành-vi bất thiện của thân, như vậy là kết quả của hành-vi bất thiện của thân; như vậy hành-vi bất thiện của lời-nói, như vậy là kết quả của hành-vi bất thiện của lời-nói; như vậy là hành-vi bất thiện của tâm, như vậy là kết quả của hành-vi bất thiện của tâm; (iii) Như vậy là chúng thiên thần, như vậy là chúng người; (iv) Như vậy là địa ngục, như vậy là cõi súc sinh, như vậy là cảnh ngạ quỷ thống khổ.’”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, nếu có người nào được Thế Tôn huấn luyện để thuần phục nhưng không phục tùng theo sự huấn luyện của một trong các phương pháp này, thì Thế Tôn sẽ xử lý người đó theo cách nào?”

(4) “Nếu có người nào được ta huấn luyện để được thuần phục mà không phục tùng theo sự huấn luyện của một trong các phương pháp này, thì ta sẽ giết người đó.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, bậc Thế Tôn thì đâu được phép sát-sinh. Nhưng Thế Tôn nói: ‘Thì ta sẽ giết người đó.’”

“Đúng là vậy, này Kesi, rằng bậc Như Lai thì không thể sát-sinh. Tuy nhiên, khi một người cần được thuần phục không phục tùng theo sự huấn luyện của phương pháp chỉ dạy nhẹ nhàng, hay phương pháp nghiêm khắc, hay phương pháp vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc, thì Như Lai nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa, và những

Tỳ kheo đồng đạo trí hiền của người đó cũng nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa. Nay Kesi, vì lý do này nên chữ “giết” theo giới-luật của Thánh Nhân ở đây có nghĩa là: Như Lai nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa, và những Tỳ kheo đồng đạo trí hiền của người đó cũng nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa.”

“Thưa Thế Tôn, quả thực người đó (coi như) đã ‘bị giết’ rồi, sau khi (đến mức) Như Lai nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa, và những Tỳ kheo đồng đạo trí hiền của người đó cũng nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa.

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như đức Thế Tôn đang dựng đứng những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến cuối đời.”

112 (2) Tốc Độ

“Này các Tỳ kheo, có được bốn yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ (công cụ, vật dụng) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Bốn đó là gì? Sự trực tánh, tốc độ, sự kiên nhẫn, và sự ngoan hiền. Có được bốn yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc xứng đáng là của nhà vua ... được coi là một yếu tố của vương triều.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất này một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bốn đó là gì? Sự chánh trực, tốc độ, sự nhẫn nại, và sự dịu hiền. Có được bốn phẩm chất này một

Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

113 (3) Gậy Thúc Ngựa

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại ngựa thuần chủng xuất sắc được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi nó nhìn thấy bóng cái gậy thúc ngựa, nó (lập tức) nghĩ: ‘Người huấn luyện đưa ra trách nhiệm gì⁷⁹⁴ cho ta bữa nay? Ta có thể làm gì để hài lòng ông ta?’ Ngựa như vậy là một loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Đây là loại ngựa thuần chủng xuất sắc thứ nhất được thấy có trong thế gian.

(2) “Lại nữa, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc không bị đánh động và không có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi nó nhìn thấy bóng cái gậy thúc ngựa, nhưng nó bị đánh động và có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ khi gậy thúc ngựa đụng tới lông nó, nó (lập tức) nghĩ: ‘Người huấn luyện đưa ra trách nhiệm gì cho ta bữa nay? Ta có thể làm gì để hài lòng ông ta?’ Ngựa như vậy là một loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Đây là loại ngựa thuần chủng xuất sắc thứ hai được thấy có trong thế gian.

(3) “Lại nữa, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc không bị đánh động và không có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi nó nhìn thấy bóng cái gậy thúc ngựa hoặc khi gậy thúc ngựa đụng tới lông nó, nhưng nó bị đánh động và có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ khi gậy thúc ngựa đụng tới da nó, nó (lập tức) nghĩ: ‘Người huấn luyện đưa ra trách nhiệm gì cho ta bữa nay? Ta có thể làm gì để hài lòng ông ta?’ Ngựa như vậy là một loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Đây là loại ngựa thuần chủng xuất sắc thứ ba được thấy có trong thế gian.

(4) “Lại nữa, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc không bị đánh động và không có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi nó nhìn thấy bóng

cái gây thúc ngựa hoặc khi gây thúc ngựa đụng tới lông nó hoặc khi gây thúc thúc ngựa đụng tới da nó, nhưng nó bị đánh động và có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ khi gây thúc ngựa đụng tới xương nó, nó (lập tức) nghĩ: ‘Người huấn luyện đưa ra trách nhiệm gì cho ta bữa nay? Ta có thể làm gì để hài lòng ông ta?’ Ngựa như vậy là một loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Đây là loại ngựa thuần chủng xuất sắc thứ tư được thấy có trong thế gian.

“Đây là bốn loại ngựa thuần chủng xuất sắc được thấy có trong thế gian.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có bốn loại người thuần chủng xuất sắc được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một loại người thuần chủng xuất sắc khi *nghe tin*: ‘Trong làng hay trong thị trấn có mấy người [nam hay nữ] bị bệnh hoặc bị chết!’. Người đó bị đánh động bởi điều đó và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’. Sau khi bị đánh động, người đó chuyên-cân tu (tinh cần) một cách kỹ càng. Quyết tâm, người đó bằng thân chứng ngộ sự-thật tối thượng, và sau khi đã xuyên thấu sự-thật đó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy sự thật đó.⁷⁹⁵ Ta nói rằng đây là người giống loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi nhìn thấy cái bóng của gây thúc ngựa. Người như vậy là một loại người thuần chủng xuất sắc. Đây là loại người thuần chủng xuất sắc thứ nhất được thấy có trong thế gian.

(2) “Lại nữa, một loại người thuần chủng xuất sắc không nghe tin: ‘Trong làng hay trong thị trấn có mấy người [nam hay nữ] bị bệnh hoặc bị chết!’. Thay vì vậy, người đó *nhìn thấy* mấy người bệnh và người chết. Người đó bị đánh động bởi điều đó và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’. Sau khi bị đánh động, người đó chuyên-cân tu (tinh cần) một cách kỹ càng. Quyết tâm, người đó bằng thân chứng ngộ sự-thật tối thượng, và sau khi đã xuyên thấu sự-thật đó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy sự-thật đó. Ta nói rằng đây là người giống loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi gây thúc ngựa đụng tới lông của nó. Người như vậy là một loại người thuần chủng xuất

sắc. Đây là loại người thuần chủng xuất sắc thứ hai được thấy có trong thế gian.

(3) “Lại nữa, một loại người thuần chủng xuất sắc không nghe tin: ‘Trong làng hay trong thị trấn có mấy người [nam hay nữ] bị bệnh hay chết’; người đó cũng không nhìn thấy người bị bệnh hay bị chết!’. Thay vì vậy, người đó *có người thân* trong gia đình hay họ hàng bị bệnh và bị chết. Người đó bị đánh động bởi điều đó và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’. Sau khi bị đánh động, người đó chuyên-cần tu (tinh cần) một cách kỹ càng. Quyết tâm, người đó bằng thân chứng ngộ sự-thật tối thượng, và sau khi đã xuyên thấu sự-thật đó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy sự-thật đó. Ta nói rằng đây là người giống loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi gây thúc ngựa đung tới da của nó. Người như vậy là một loại người thuần chủng xuất sắc. Đây là loại người thuần chủng xuất sắc thứ ba được thấy có trong thế gian.

(4) “Lại nữa, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc không nghe tin: ‘Trong làng hay trong thị trấn có mấy người [nam hay nữ] bị bệnh hoặc bị chết!’; người đó cũng không nhìn thấy người bị bệnh hay chết; người đó cũng không có người thân trong gia đình hay họ hàng bị bệnh và bị chết. Thay vì vậy, *chính bản thân người đó* bị những cảm-giác ở thân là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình. Người đó bị đánh động bởi điều đó và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’. Sau khi bị đánh động, người đó chuyên-cần tu (tinh cần) một cách kỹ càng. Quyết tâm, người đó bằng thân chứng ngộ sự-thật tối thượng, và sau khi đã xuyên thấu sự-thật đó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy sự-thật đó. Ta nói rằng đây là người giống loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi gây thúc ngựa đung tới xương của nó. Người như vậy là một loại người thuần chủng xuất sắc. Đây là loại người thuần chủng xuất sắc thứ tư được thấy có trong thế gian.

“Này các Tỷ kheo, đây là bốn loại người thuần chủng xuất sắc được

thấy có trong thế gian.”

114 (4) Voi Đực

(I) “Này các Tỳ kheo, có được bốn yếu tố một con voi đực của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ (công cụ, vật dụng) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Bốn đó là gì? Ở đây, con voi đực của nhà vua là voi biết lắng nghe, voi biết hủy diệt, voi kiên nhẫn chịu đựng, và voi đi.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết lắng nghe? Ở đây, bất kỳ trách nhiệm nào người huấn luyện voi (người nài voi) đưa ra cho nó, dù trách nhiệm đó đã từng làm hay chưa làm trước đó, con voi đực của nhà vua đều chú ý đến nó, chú tâm đến nó, hướng hết tâm trí vào nó, và nhiệt tình lắng nghe. Theo cách như vậy là một con voi đực của nhà vua là voi biết lắng nghe.

(2) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết hủy diệt (kẻ thù)? Ở đây, khi một con voi đực của nhà vua đã bước vào trận chiến, nó hủy diệt những con voi và tượng sĩ (của kẻ thù); nó hủy diệt những con ngựa và kỵ sĩ; nó hủy diệt những xe ngựa và người lái xe ngựa; nó hủy diệt kỵ binh. Theo cách như vậy một con voi đực của nhà vua là voi biết hủy diệt.

(3) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết kiên nhẫn chịu đựng? Ở đây, khi một con voi đực của nhà vua đã bước vào trận chiến, nó kiên nhẫn chịu đựng bị giáo mác, gươm kiếm, cung tên, và búa rìu; nó chịu đựng tiếng đình tai nhức óc của trống trận, trống thiếc, tù và, và trống mõ. Theo cách này một con voi đực của nhà vua là voi biết kiên nhẫn chịu đựng.

(4) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi đi? Ở đây, một con voi đực của nhà vua biết nhanh chóng đi tới vùng nào người nài voi muốn nó đi tới, cho dù vùng đó đã từng đi hay chưa đi trước đó. Theo cách như vậy một con voi đực của nhà vua là voi đi.

“Có được bốn yếu tố này một con voi đực của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều.

(II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là người biết lắng nghe, người biết hủy diệt, người biết kiên nhẫn chịu đựng, và người đi.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo biết lắng nghe? Ở đây, khi Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được giảng dạy, một Tỳ kheo chú ý đến nó, chú tâm đến nó, hướng hết tâm trí vô nó, và nhiệt tình lắng nghe. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người biết lắng nghe.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết hủy diệt? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh, người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Người đó không dung dưỡng ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh ... ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh ... ý nghĩ xấu ác bất thiện mỗi khi chúng khởi sinh lúc này lúc nọ, người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người biết hủy diệt.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người kiên nhẫn chịu đựng? Ở đây, một Tỳ kheo kiên nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh; sự đói khát; sự tiếp xúc với ruồi muỗi, gió, nắng, và rắn rít; những lời nói thô tục và chọc chửi sỉ nhục; người đó có khả năng chịu đựng những cảm-giác ở thân là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người kiên nhẫn chịu đựng.

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người đi? Ở đây, một Tỳ kheo nhanh chóng đi đến ‘vùng’ mà mình đã chưa bao giờ đến đó sau quãng

thời gian dài thăm thẳm này (trong luân hồi), đó là, đi đến sự làm lẳng lặn mọi hành-vi tạo tác (hành diệt), đi đến sự từ-bỏ tất cả mọi sự thu-nạp (sanh y diệt), đi đến sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người đi.

“Có được bốn phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà ... là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

115 (5) Việc Minh Làm

“Này các Tỳ kheo, có bốn trường hợp những việc mình làm.⁷⁹⁶ Bốn đó là gì? (1) Có việc nếu làm là khó chịu (khổ, khó), và đưa đến nguy hại. (2) Có việc nếu làm là khó chịu, nhưng đưa đến ích lợi (3) Có việc nếu làm là dễ chịu (sướng, dễ), nhưng đưa đến nguy hại. (4) Có việc nếu làm là dễ chịu, và đưa đến ích lợi.

(1) “Này các Tỳ kheo, trường hợp thứ nhất, một việc nếu làm là khó chịu, và đưa đến nguy hại. Người biết suy xét việc này không nên làm vì cả hai lý do: nếu làm là (i) khó chịu và (ii) sẽ nguy hại. Người biết suy xét việc này là không nên làm vì hai lý do đó.

(2) “Kế tiếp, trường hợp thứ hai, một việc nếu làm là khó chịu, nhưng đưa đến ích lợi. Trường hợp này, một người có thể hiểu được ai là người ngu và ai là người khôn khi nghĩ về sức-mạnh của con người, nghị-lực của con người, và sự nỗ-lực của con người. (i) Người ngu thì không biết nghĩ như vậy: ‘Dù cho việc này nếu làm là khó chịu (ví dụ việc tu-tập hay giữ-giới nếu làm thì khó cực vì ngược dòng với thói tâm hay tập khí của mình), nhưng nó đưa đến ích lợi.’ Cho nên người đó không chịu làm việc đó, và sự không làm đó lại dẫn đến nguy hại. (ii) Nhưng người khôn biết suy xét như vậy: ‘Dù cho việc này nếu làm là khó chịu, nhưng nó đưa đến ích lợi.’ Nhờ vậy người đó làm việc đó, và sự làm đó dẫn đến ích lợi.

(3) “Kế tiếp, trường hợp thứ ba, một việc nếu làm là dễ chịu, nhưng đưa đến nguy hại. Trong trường hợp này, cũng vậy, một người có thể hiểu được ai là người ngu và ai là người khôn khi nghĩ về sức-mạnh của con

người, nghị-lực của con người, và sự nỗ-lực của con người. (i) Người ngu thì không biết nghĩ như vậy: ‘Dù cho việc này nếu làm là dễ chịu (ví dụ việc hưởng thụ dục-lạc, bỏ tu-tập, bỏ giới-hạnh), nhưng nó dẫn đến nguy hại.’ Cho nên người đó cứ làm việc đó, và sự làm đó dẫn đến nguy hại. (ii) Nhưng người khôn biết suy xét như vậy: ‘Dù cho việc này nếu làm là dễ chịu, nhưng nó dẫn đến nguy hại.’ Nhờ vậy người đó không làm việc đó, và sự không làm đó lại đưa đến ích lợi.

(4) “Kế tiếp, trường hợp thứ tư, một việc nếu làm là dễ chịu, và đưa đến ích lợi (ví dụ việc an trú trong tầng thiền định). Người biết suy xét việc này nên làm vì cả hai lý do: nếu làm là (i) dễ chịu và (ii) đưa đến ích lợi. Người biết suy xét việc này là nên làm vì hai lý do đó.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn trường hợp của những việc mình làm.”

116 (6) Sự Chuyên Chú

“Này các Tỳ kheo, sự chuyên-chú cần được thực hành trong bốn trường hợp này. Bốn đó là gì?

(1) “Dẹp bỏ hành-động sai trái (tà thân nghiệp) và tu tập hành-động đúng đắn (chánh thân nghiệp); đừng lơ tâm phóng dật về điều này. (2) “Dẹp bỏ lời-nói sai trái (tà khẩu nghiệp) và tu tập lời-nói đúng đắn (chánh khẩu nghiệp); đừng lơ tâm phóng dật về điều này. (3) “Dẹp bỏ tâm-ý sai trái (tà tâm nghiệp) và tu tập tâm-ý đúng đắn (chánh tâm nghiệp); đừng lơ tâm phóng dật về điều này. (4) “Dẹp bỏ cách-nhìn sai trái (tà kiến) và tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến); đừng lơ tâm phóng dật về điều này.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ hành-động sai trái và tu tập hành-động đúng đắn; khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ lời-nói sai trái và tu tập lời-nói đúng đắn; khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ tâm-ý sai trái và tu tập tâm-ý đúng đắn; khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ cách-nhìn sai trái và tu tập cách-nhìn đúng đắn, thì người đó không cần phải sợ cái chết sau này.”⁷⁹⁷

117 (7) Sự Phòng Hộ

“Này các Tỳ kheo, người hưởng tới phúc lợi của chính mình⁷⁹⁸ thì nên tu tập sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ của tâm trong bốn trường hợp. Bốn đó là gì?

(1) “‘Cầu cho tâm ta không bị phần khích bởi những thứ kích thích tham!’ Người chú trọng tới phúc lợi của chính mình nên tu tập sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ của tâm như vậy.

(2) “‘Cầu cho tâm ta không chứa đầy sự thù ghét đối với những thứ kích thích sân!’ Người chú trọng tới phúc lợi của chính mình nên tu tập sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ của tâm như vậy.

(3) “‘Cầu cho tâm ta không bị làm ngu mờ bởi những thứ gây ra sự si!’ Người chú trọng tới phúc lợi của chính mình nên tu tập sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ của tâm như vậy.

(4) “‘Cầu cho tâm ta không bị say-sưa bởi những thứ làm say-sưa (làm say mê, mê muội)!’⁷⁹⁹ Người chú trọng tới phúc lợi của chính mình nên tu tập sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ của tâm như vậy.

“Này các Tỳ kheo, khi tâm của một Tỳ kheo không bị phần khích bởi những thứ kích thích *tham* bởi vì người đó đã loại bỏ tham-dục; khi tâm người đó không có đầy sự ghét đối với những thứ kích thích *sân* bởi vì người đó đã loại bỏ sân-giận; khi tâm người đó không bị làm ngu mờ bởi những thứ gây ra *si* bởi vì người đó đã loại bỏ si-mê; khi tâm người đó không còn bị làm say-sưa bởi những thứ làm *say-sưa* bởi vì người đó đã loại bỏ sự say-sưa; rồi người đó không còn khúm núm, không còn run rẩy, không run sợ hay khiếp sợ, cũng không còn bị phát phơ dao động bởi những lời nói này nọ của những tu sĩ [khác đạo].”⁸⁰⁰

118 (8) Truyền Cảm Hứng⁸⁰¹

“Này các Tỳ kheo, bốn nơi truyền cảm hứng (tứ động tâm) nên được

nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin (lòng tin, tín). Bốn đó là gì? (1) Nơi Như Lai được sinh ra là một nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin. (2) Nơi Như Lai tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng (chánh đẳng chánh giác) là một nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin. (3) Nơi Như Lai thiết lập sự dịch chuyển bánh xe Giáo Pháp là một nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin. (4) Nơi Như Lai chứng Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) bằng yếu tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y niết-bàn giới) là một nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin.

Này các Tỳ kheo, đây bốn nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi người họ tộc được phú cho niềm-tin.”⁸⁰²

119 (9) Những Hiểm Họa (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn hiểm họa này? Bốn đó là gì? Hiểm họa của sự sinh ra, hiểm họa của sự già, hiểm họa của sự bệnh đau, và hiểm họa của sự chết. Đây là bốn hiểm họa.”

120 (10) Những Hiểm Họa (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn hiểm họa này? Bốn đó là gì? Hiểm họa do lửa, hiểm họa do lũ lụt, hiểm họa do vua chúa, và hiểm họa do trộm cướp. Đây là bốn hiểm họa.”

NHÓM 3

NHỮNG HIỀM HỌA

121 (1) Phải Tự Trách Mình

“Này các Tỳ kheo, có bốn hiềm họa này. Bốn đó là gì? Hiềm họa phải tự trách mình, hiềm họa bị người khác quở trách, hiềm họa bị sự trừng phạt, và hiềm họa của (bị tái sinh trong) một nơi-đến xấu dữ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là hiềm họa phải tự trách mình? Ở đây, có người biết suy xét như vậy: ‘Nếu ta dính vào những hành-động, lời-nói, hay tâm-ý sai trái (ba tà nghiệp), vậy ta có quở trách bản thân mình về giới-hạnh của mình hay không?’ Do sợ hiềm họa phải tự quở trách bản thân mình, người đó dẹp bỏ hành-động sai trái và tu tập hành-động đúng đắn (chánh thân nghiệp); người đó dẹp bỏ lời-nói sai trái và tu tập lời-nói đúng đắn (chánh khẩu nghiệp); người đó dẹp bỏ tâm-ý sai trái và tu tập tâm-ý đúng đắn (chánh tâm nghiệp); người đó giữ mình trong sự trong-sạch (thanh tịnh). Đây được gọi là hiềm họa phải tự quở trách mình.

(2) “Và cái gì là hiềm họa bị người khác quở trách. Ở đây, có người biết suy xét như vậy: ‘Nếu ta dính vào những hành-động, lời-nói, hay tâm-ý sai trái, vậy người khác có quở trách ta về giới-hạnh của ta hay không?’ Do sợ hiềm họa bị người khác quở trách, người đó dẹp bỏ hành-động sai trái và tu tập hành-động đúng đắn; người đó dẹp bỏ lời-nói sai trái và tu tập lời-nói đúng đắn; người đó dẹp bỏ tâm-ý sai trái và tu tập tâm-ý đúng đắn; người đó giữ mình trong sự trong-sạch. Đây được gọi là hiềm họa bị người khác quở trách.

(3) “Và cái gì là hiềm họa bị sự trừng phạt?⁸⁰³ Ở đây, có người thấy rằng: [khi vua chúa bắt được một kẻ cướp, một tội phạm, thì họ bắt người đó phải chịu nhiều hình phạt khác nhau: họ cho quất kẻ đó bằng roi da, đánh bằng cây, đánh bằng gậy; họ chặt tay, chặt chân, chặt tay và chân; họ xẻo tai, xẻo mũi, xẻo tai và mũi; họ bắt người đó chịu hình phạt “nồi cháo”, “cạo đầu như vỏ sò”, “miệng Rāhu” (La-hầu khẩu hình), “vòng lửa”, “tay bốc cháy”, “cửa đứt bằng lưỡi lá cỏ”, “mặc quần áo bằng vỏ

cây”, “hình phạt linh dương”, “lưỡi móc câu móc thịt”, “cắt thịt thành đồng tiền”, “ngâm người trong nước tây (a-xít)” ... và họ cho “tưới dầu sôi lên người”, rồi “cho chó nhai xé”, “đóng xiên thân sống trên cọc nhọn”, và “cắt đầu bằng kiếm”].

“Sau khi thấy như vậy, người đó nghĩ như vậy: [‘Khi vua chúa bắt được một kẻ cướp, một tội phạm ... chặt đầu bằng dao kiếm’]. Giờ nếu ta phạm vào tội trộm cướp như vậy, và nếu bị bắt, họ cũng xử tội ta bằng những hình phạt như vậy. Họ sẽ cho quất ta bằng roi da ... họ sẽ chặt đầu ta bằng dao kiếm.’ Do sợ hiểm họa bị sự trừng phạt, người đó không gian-cấp (cướp, gian lận, lừa lọc, tham chiếm, tham nhũng, ăn chặn, ăn hối lộ, tham chiếm) đồ đạc của cải (hay quyền lợi, tiền của ...) của người khác. Đây được gọi là hiểm họa bị sự trừng phạt.

(4) “Và cái gì là hiểm họa của (bị tái sinh trong) một nơi-đến xấu dữ? Ở đây, có người biết suy xét như vậy: [‘Hành-động [hành-vi thân] sai trái có hậu quả xấu⁸⁰⁴ trong những kiếp sau này; lời-nói [hành-vi miệng] sai trái có hậu quả xấu trong những kiếp sau này; tâm-ý [hành-vi tâm] sai trái có hậu quả xấu trong những kiếp sau này]. Giờ nếu tôi dính vào hành-động, lời-nói và tâm-ý sai trái (thân, khẩu, ý) thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.’ Do sợ hiểm họa của một nơi-đến xấu dữ, người đó dẹp bỏ hành-động sai trái và tu tập hành-động đúng đắn; người đó dẹp bỏ lời-nói sai trái và tu tập lời-nói đúng đắn; người đó dẹp bỏ tâm-ý sai trái và tu tập tâm-ý đúng đắn; người đó giữ mình trong sự trong-sạch. Đây được gọi là hiểm họa của một nơi-đến xấu dữ.

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là bốn hiểm họa.”⁸⁰⁵

122 (2) Hiểm Họa Bị Sóng Cuốn ⁸⁰⁶

“Này các Tỳ kheo, có bốn hiểm họa chờ sẵn đối với người bước xuống nước. Bốn đó là gì? Hiểm họa bị sóng cuốn, hiểm họa bị cá sấu, hiểm họa bị nước xoáy, và hiểm họa bị cá dữ. Đây là bốn hiểm họa chờ

sẵn đối với người bước xuống nước. Cũng giống như vậy, có bốn hiêm họa này chờ sẵn đối một người họ tộc vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới-luật này. Bốn đó là gì? Hiêm họa như bị sóng cuốn, hiêm họa như bị cá sấu, hiêm họa như bị nước xoáy, và hiêm họa như bị cá dữ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là hiêm họa như bị sóng cuốn? Ở đây, một người họ tộc vì niềm-tin đã xuất gia tu hành với ý-nghĩ: [‘Ta bị chìm đắm trong sự sinh, già, chết; trong sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Ta bị chìm đắm trong sự khổ, bị đày đọa bởi sự khổ. Có lẽ (hy vọng) ta có thể (tu) đạt tới sự chấm-dứt toàn bộ đồng khổ này.’] Rồi, sau khi người đó đã xuất gia như vậy, những Tỳ kheo đồng đạo đã giáo giới (khởi xướng, khuyến bảo) và chỉ dạy cho người đó: [‘Thầy nên đi tới theo cách này, đi lại theo cách này; nhìn thẳng theo cách này, nhìn ngang theo cách này; co tay chân theo cách này, duỗi tay chân theo cách này; thầy nên mặc y-phục và mang theo cà sa và bình bát theo cách này.’] Người đó nghĩ: ‘Trước kia, khi còn là người tại gia, ta giáo giới và chỉ dạy cho người khác. Nhưng giờ những người [Tỳ kheo] này, họ còn đủ trẻ để làm con ta hay cháu nội ta, mà họ tự cho mình giáo giới và chỉ dạy cho ta.’ (Vì thấy như: trứng mà dạy vịt, con nít mà dạy người lớn). Do tức giận và bất đồng, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây được gọi là một Tỳ kheo đã bỏ tu và hoàn tục do hiêm họa bị sóng cuốn đi. ‘Hiêm họa bị sóng cuốn’ là chữ dùng để chỉ *sự sân giận và bực tức*. Đây được gọi là hiêm họa bị sóng cuốn.

(2) “Và cái gì là hiêm họa như bị cá sấu? Ở đây, một người họ tộc vì niềm-tin đã xuất gia tu hành với ý-nghĩ: [‘Ta bị chìm đắm trong sự sinh, già, chết ... (*như đoạn (1) trên*) ...’]. Rồi, sau khi người đó đã xuất gia như vậy, những Tỳ kheo đồng đạo đã giáo giới và chỉ dạy cho người đó: [‘Thầy có thể dùng thứ này, không dùng thứ kia; thầy có thể ăn thứ này, không ăn thứ kia;⁸⁰⁷ thầy có thể nếm thứ này, không nếm thứ kia; thầy có thể uống thứ này, không uống thứ kia. Thầy có thể dùng, ăn, nếm, uống thứ được cho phép, không phải thứ không được cho phép. Thầy nên dùng,

ăn, ném, uống đúng thời.’] Người đó nghĩ: ‘Trước kia, khi còn là người tại gia, ta dùng thứ gì ta muốn dùng và không dùng thứ gì ta không muốn dùng. Ta ăn thứ gì ta muốn ăn và không ăn thứ gì ta không muốn ăn. Ta ném thứ gì ta muốn ném và không ném thứ gì ta không muốn ném. Ta uống thứ gì ta muốn uống và không uống thứ gì ta không muốn uống. Ta dùng, ăn, ném, uống cả thứ được cho phép và thứ không được cho phép. Ta dùng, ăn, ném, uống (không tính) đúng thời hay phi thời. Nhưng giờ khi những gia chủ có niềm-tin cúng dường những thứ ngon miệng để dùng và ăn trong ngày ngoài giờ ăn quy định, thì những người [Tỳ kheo] này cứ như lấy giẻ chặn miệng chúng ta lại.’ Do tức giận và bất đồng, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây được gọi là một Tỳ kheo đã bỏ tu và hoàn tục do hiểm họa bị cá sấu. ‘Hiểm họa bị cá sấu’ là chữ dùng để chỉ *sự ham ăn ham uống*. Đây được gọi là hiểm họa bị cá sấu.

(3) “Và cái gì là hiểm họa bị nước xoáy? Ở đây, một người họ tộc vì niềm-tin đã tu hành với ý-nghĩ: [‘Ta bị chìm đắm trong sự sinh, già, chết ... *(như đoạn (1) trên)* ...’]. Rồi, sau khi người đó đã xuất gia như vậy, vào buổi sáng, người đó mặc y-phục, mang theo cà sa và bình bát, và đi vô làng hay phố thị để khát thực, với thân, lời-nói và tâm không được phòng hộ, chưa thiết lập sự chánh-niệm, các căn cảm-nhận (giác quan) không được kiểm chế. Người đó nhìn thấy chủ nhà [hoặc con trai của chủ nhà] ở đó đang thụ hưởng, được lo và chu cấp đầy đủ năm thứ dục-lạc. Người đó nghĩ: ‘Trước kia, khi còn là người tại gia, ta thụ hưởng bản thân, được lo và chu cấp đầy đủ năm thứ dục-lạc. Gia đình ta có của cải. Vậy ta có thể vừa thụ hưởng sự giàu có vừa làm những việc phước đức. Giờ chắc ta bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục để ta có thể vừa thụ hưởng sự giàu có vừa làm những việc phước đức.’ Vậy là người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây được gọi là một Tỳ kheo đã bỏ tu và hoàn tục do hiểm họa bị nước xoáy. ‘Hiểm họa bị nước xoáy’ là chữ dùng để chỉ *năm thứ dục-lạc* (khoái-lạc giác quan). Đây được gọi là hiểm họa bị nước xoáy.

(4) “Và cái gì là hiểm họa bị cá dữ? Ở đây, một người họ tộc vì niềm-tin đã xuất gia tu hành với ý-nghĩ: [‘Ta bị chìm đắm trong sự sinh, già,

chết ... (như đoạn (1) trên) ...’]. Rồi, sau khi người đó đã xuất gia như vậy, vào buổi sáng, người đó mặc y-phục, mang theo cà sa và bình bát, và đi vô làng hay phố thị để khất thực, với thân, lời-nói và tâm không được phòng hộ, chưa thiết lập sự chánh-niệm, các căn cảm-nhận (giác quan) không được kiểm chế. Người đó nhìn thấy phụ nữ ăn mặc lỏng lẻo và hở hang. Khi nhìn thấy họ, nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Khi tâm người đó bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây được gọi là một Tỳ kheo đã bỏ tu và hoàn tục do hiểm họa bị cá dữ. ‘Hiểm họa bị cá dữ’ ở đây là chữ dùng để chỉ những nữ-sắc. Đây được gọi là hiểm họa bị cá dữ.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn hiểm họa chờ sẵn đối với một người họ tộc vì niềm-tin đã từ bỏ gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

123 (2) Sự Khác Biệt (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?”

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người: [‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’] Người đó thường thức [vị ngọt của] cảnh giới đó, muôn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần của trời Brahmā (Phạm chúng thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần ở cõi trời Brahmā là 01 đại kiếp.⁸⁰⁸ Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần cõi đó, người đó lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi

súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ.⁸⁰⁹ Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần ở đó, vị đó chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ trạng thái hiện-hữu đó (tức từ thiên thần chứng luôn bát niết-bàn).⁸¹⁰ Đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa một thánh đệ tử đã được chỉ dạy và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không.⁸¹¹

(2) “Lại nữa, có người: [‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm, hết tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’] Người đó thường thức cảnh giới đó, muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần phóng quang thành dòng (Quang âm thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần phóng quang thành dòng là 02 đại kiếp.⁸¹² Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng từ trạng thái hiện-hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một thánh đệ tử đã được chỉ dạy và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không.

(3) “Lại nữa, có người: [‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: “Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).”’] Người đó thường thức cảnh giới đó, muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó,

tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần hào quang chói lọi (Biên tịnh thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần hào quang chói lọi là 04 đại kiếp.⁸¹³ Người phạm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chúng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ trạng thái hiện-hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một thánh đệ tử đã được chỉ dạy và một người phạm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không.

(4) “Lại nữa, có người: [‘Với sự đẹp bỏ sự sượng-khô (không còn sượng hay khô), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (hết hỷ, hết ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sượng hay khô, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’] Người đó thường thức cảnh giới đó, muôn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần có phước quả lớn (Quảng quả thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần hào quang chói lọi là năm trăm đại kiếp.⁸¹⁴ Người phạm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chúng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ trạng thái hiện-hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một thánh đệ tử đã được chỉ dạy và một người phạm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

124 (4) Sự Khác Biệt (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?”

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người: [‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) ... một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) ...] Người đó quán sát mọi hiện-tượng thuộc mỗi uẩn [sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức] đều là vô-thường, là khổ, là căn bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sự thống khổ, là sự đầy khổ, như kẻ lạ (chỉ hại mình), là đang tan rã, là trống không, là vô ngã.⁸¹⁵ Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc một (trong năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên).⁸¹⁶ Đây là một sự tái sinh mà những người phạm phu thế tục không thể có.

(2) “Lại nữa, có người: [‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm, hết tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) ...] ... (3) Lại nữa, có người: [‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) ... người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) ...] ... (4) Lại nữa, có người: [‘Với sự dẹp bỏ sự sừng-khỏ ... người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) ...] Người đó quán sát những hiện-tượng thuộc mỗi uẩn đều là vô-thường, là khổ, là căn bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sự thống khổ, là sự đầy khổ, như kẻ lạ (chỉ hại mình), là đang tan rã, là trống không, là vô ngã. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc một (trong năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên). Đây là một sự tái sinh mà những người phạm phu thế tục không thể có.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

125 (5) Tâm Từ (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người này được thấy có trong thế gian.

Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm *sự từ-ái*; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm *sự từ-ái*, rộng lớn, bao la [được khuếch đại], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thường thức [vị ngọt của] cảnh giới đó, muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc cõi trời Brahmā (Phạm chúng thiên).⁸¹⁷

“Tuổi thọ của những thiên thần ở cõi trời Brahmā là 01 đại kiếp. Người phạm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần cõi đó, người đó lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma nạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần ở đó, vị đó chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ trạng thái hiện-hữu đó (tức từ thiên thần chứng luôn bát niết-bàn). Đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa một thánh đệ tử đã được chỉ dạy và một người phạm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không..

(2) “Lại nữa, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm *sự bi-mẫn*; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm *sự bi-mẫn*, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thường thức cảnh giới đó, muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những

thiên thần phóng quang thành dòng (Quan âm thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần phóng quang thành dòng là 02 đại kiếp. Người phạm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chúng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ chính trạng thái hiện-hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một thánh đệ tử đã được chỉ dạy và một người phạm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không..

(3) “Lại nữa, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm *sự tùy-hỷ*; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm *sự tùy-hỷ*, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thường thức cảnh giới đó, muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần hào quang chói lợi (Biến tịnh thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần hào quang chói lợi là 04 đại kiếp. Người phạm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chúng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ chính trạng thái hiện-hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một thánh đệ tử đã được chỉ dạy và một người phạm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không..

(4) “Lại nữa, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm *sự buông-xả*; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao

trùm một phương với một cái tâm thâm đắm sự *buông-xả*, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thường thức cảnh giới đó, muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần có phúc quả lớn (Quảng quả thiên).

“Tuổi thọ của những thiên thần có phúc quả lớn là 500 đại kiếp. Người phạm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma nạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chúng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ chính trạng thái hiện-hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một thánh đệ tử đã được chỉ dạy và một người phạm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không..

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

126 (6) Tâm Từ (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm sự *từ-ái*; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm sự *từ-ái*, rộng lớn, bao la [được khuếch đại], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thường thức [vị ngọt của] cảnh giới đó, muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần của những (năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên). Đây là sự tái sinh mà

những người phạm phu thể tục không thể có.

(2) “Lại nữa, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm *sự bi-mẫn* ... (3) ... *sự tùy-hỷ* ... (4) ... *sự buông-xả*; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang ... (*như các đoạn này trong kinh kể trên*) ... người đó được tái sinh trong số những thiên thần của những (năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên). Đây là sự tái sinh mà những người phạm phu thể tục không thể có.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

127 (7) Kỳ Lạ (1)

“Này các Tỳ kheo, khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu xuất hiện.⁸¹⁸ Bốn đó là gì?

(1) “Này các Tỳ kheo, khi một bồ-tát qua đời từ cõi trời Đâu-suất [Tusita], và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), vị ấy nhập vào bụng [dạ con] của mẹ, lúc đó trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, đã xuất hiện một hào quang chói lọi vô lượng, vượt trên cả tầm uy cõi trời của những thiên thần. Ngay cả trong những khoảng trống giữa những thế giới, trống không và thăm thẳm, là những vùng u minh và tối đặc, nơi mà ánh sáng của mặt trăng và mặt trời thật hùng mạnh và thật lớn mạnh cũng không chiếu tới,⁸¹⁹ cũng xuất hiện hào quang chói lọi vô lượng, vượt trên cả tầm uy cõi trời của những thiên thần. Những chúng sinh trong (cõi u minh địa ngục) đó (trong một chớp nháy) nhận thấy nhau nhờ có sự chiếu sáng hào quang này, và họ nói: “Ô kìa, hình như cũng có những chúng sinh khác đã (bị) tái sinh trong cõi này (chứ không phải mình ta).”⁸²⁰ Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu đầu tiên đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(2) “Lại nữa, khi vị bồ-tát, có chánh-niệm và rõ-biết, ra khỏi bụng của

mẹ, lúc đó trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, đã xuất hiện một hào quang chói lọi vô lượng, vượt trên cả tầm uy cõi trời của những thiên thần ... *(như đoạn kể trên)*. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ hai đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(3) “Lại nữa, khi một Như Lai tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng (chánh đẳng chánh giác), lúc đó trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, đã xuất hiện một hào quang chói lọi vô lượng, vượt trên cả tầm uy cõi trời của những thiên thần ... *(như đoạn trên)*. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ ba đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(4) “Lại nữa, khi một Như Lai thiết lập sự chuyển dịch bánh xe Giáo Pháp, lúc đó trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, đã xuất hiện một hào quang chói lọi vô lượng, vượt trên cả tầm uy cõi trời của những thiên thần ... *(như đoạn trên)*. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ ba đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

128 (8) Kỳ Lạ (2)

“Này các Tỳ kheo, khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu xuất hiện. Bốn đó là gì?

(1) “Người ta thích sự dính-mắc,⁸²¹ mê thích sự dính-mắc, vui thích sự dính-mắc. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự không dính-mắc⁸²² thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là

điều kỳ lạ và kỳ diệu đầu tiên xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(2) “Người ta thích sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), mê thích sự tự-ta, vui thích sự tự-ta. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự dẹp bỏ sự tự-ta thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ hai xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(3) “Người ta thích sự phẩn-khích [sự thiếu bình-an],⁸²³ mê thích sự phẩn-khích, vui thích sự phẩn-khích. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự bình-an thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ ba xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

(4) “Người ta bị chìm ngimm trong sự vô-minh, điều đó [trở nên] như trong một cái trứng, bị (lớp vỏ) bao bọc che tối hoàn toàn.⁸²⁴ Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự loại bỏ vô-minh thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ tư xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

129 (9) Kỳ Lạ (3)

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về thầy Ānanda. Bốn đó là gì?⁸²⁵

(1) “Nếu một đoàn Tỳ kheo đến gặp thầy Ānanda, họ hoan hỷ khi gặp thầy ấy. Nếu thầy Ānanda nói về Giáo Pháp, họ cũng hoan hỷ với lời nói của thầy ấy, và đoàn Tỳ kheo đó vẫn thấy không đủ (chưa thỏa mãn, không đủ hoan hỷ) mỗi khi thầy Ānanda lại im lặng (tức họ muốn được nghe thêm).

(2) “Nếu một đoàn Tỳ kheo ni đến gặp thầy Ānanda, họ hoan hỷ khi

gặp thầy ấy. Nếu thầy Ānanda nói về Giáo Pháp, họ cũng hoan hỷ với lời nói của thầy ấy, và đoàn Tỳ kheo ni đó vẫn thấy không đủ mỗi khi thầy Ānanda lại im lặng.

(3) “Nếu một đoàn đệ tử tại gia nam đến gặp thầy Ānanda, họ hoan hỷ khi gặp thầy ấy. Nếu thầy Ānanda nói về Giáo Pháp, họ cũng hoan hỷ với lời nói của thầy ấy, và đoàn đệ tử tại gia nam đó vẫn thấy không đủ mỗi khi thầy Ānanda lại im lặng.

(4) “Nếu một đoàn đệ tử tại gia nữ đến gặp thầy Ānanda, họ hoan hỷ khi gặp thầy ấy. Nếu thầy Ānanda nói về Giáo Pháp, họ cũng hoan hỷ với lời nói của thầy ấy, và đoàn đệ tử tại gia nữ đó vẫn thấy không đủ mỗi khi thầy Ānanda lại im lặng.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về thầy Ānanda.”

130 (10) Kỳ Lạ (4)

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương). Bốn đó là gì?”

(1) “Nếu một đoàn người giai cấp chiến-sĩ (quý tộc, khattiya, sát-đế-lợi) đến gặp một vị vua quay chuyển bánh xe, họ hoan hỷ khi gặp vị vua đó. Nếu vị vua quay chuyển bánh xe nói với họ, họ cũng hoan hỷ với lời nói của vị vua, và đoàn người giai cấp chiến-sĩ đó vẫn thấy không đủ mỗi khi vị vua lại im lặng (tức họ muốn được nghe thêm).

(2) “Nếu một đoàn bà-la-môn đến gặp một vị vua quay chuyển bánh xe, họ hoan hỷ khi gặp vị vua đó. Nếu vị vua quay chuyển bánh xe nói với họ, họ cũng hoan hỷ với lời nói của vị vua, và đoàn bà-la-môn đó vẫn thấy không đủ mỗi khi vị vua lại im lặng.

(3) “Nếu một đoàn gia chủ đến gặp một vị vua quay chuyển bánh xe, họ hoan hỷ khi gặp vị vua đó. Nếu vị vua quay chuyển bánh xe nói với họ, họ cũng hoan hỷ với lời nói của vị vua, và đoàn gia chủ đó vẫn thấy không đủ mỗi khi vị vua lại im lặng.

(4) “Nếu một đoàn những tu sĩ (sa-môn, ân sĩ) đến gặp một vị vua quay chuyên bánh xe, họ hoan hỷ khi gặp vị vua đó. Nếu vị vua quay chuyên bánh xe nói với họ, họ cũng hoan hỷ với lời nói của vị vua, và đoàn tu sĩ đó đó vẫn thấy không đủ mỗi khi vị vua lại im lặng.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về một vị vua quay chuyên bánh xe.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu này về thầy Ānanda. Bốn đó là gì? ... *[tiếp tục với toàn bộ kinh 4:129 kể trên]* ...

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về thầy Ānanda.”

NHÓM 4

NGƯỜI

131 (1) Những Gong Cùm

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) có người chưa dẹp bỏ nhóm gông-cùm thấp hơn (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử) và những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu.⁸²⁶ (2) Có người đã dẹp bỏ nhóm gông-cùm thấp hơn, nhưng chưa dẹp bỏ những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu. (3) Có người đã dẹp bỏ nhóm gông-cùm thấp hơn và những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, nhưng chưa dẹp bỏ những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu. (4) Và có người đã dẹp bỏ (tất cả) nhóm gông-cùm thấp hơn, những gông-cùm đưa đến tái sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu.

(1) “Cái gì là loại người chưa dẹp bỏ nhóm gông-cùm thấp hơn, những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu? Đó là bậc Nhất-lai.⁸²⁷ Người này chưa loại bỏ hết nhóm gông-cùm thấp hơn, những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu.

(2) “Cái gì là loại người đã dẹp bỏ hết nhóm gông-cùm thấp hơn, nhưng chưa dẹp bỏ được những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu? Đó là người hướng thượng lưu, đang hướng tới cõi trời Akanitṭha (Sắc cứu kính thiên).⁸²⁸ Người này đã loại bỏ hết nhóm gông-cùm thấp hơn, nhưng chưa loại bỏ được những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu.

(3) “Cái gì là loại người đã dẹp bỏ nhóm gông-cùm thấp hơn và những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, nhưng chưa dẹp bỏ được những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu? Đó là bậc đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) trong nửa-đầu kiếp sau.⁸²⁹ Đây là người đã loại bỏ

nhóm gông-cùm thấp hơn và những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, nhưng chưa loại bỏ những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu.

(4) “Cái gì là loại người đã dẹp bỏ (tất cả) nhóm gông-cùm thấp hơn, những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu? Đó là bậc A-la-hán. Vì người này đã loại bỏ hết nhóm gông-cùm thấp hơn, những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

132 (2) Sự Nhận Định

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người có sự nhận định là sáng suốt nhưng không trôi chảy;⁸³⁰ người có sự nhận định là trôi chảy nhưng không sáng suốt; người có sự nhận định vừa không sáng suốt và không trôi chảy; người có sự nhận định sáng suốt và trôi chảy. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

133 (3) Thuộc Loại Hiểu Nhanh

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người hiểu liền; người hiểu sau khi được lặp lại; người cần được chỉ dẫn mới hiểu; và người chỉ học vẹt chứ không hiểu [đối với người đó lời nói là mức tối đa (chứ không đi xa hơn)]. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”⁸³¹

134 (4) Sự Cố Gắng

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người sống nhờ kết quả của sự cố-gắng của mình nhưng không sống nhờ kết quả của nghiệp của mình; người sống nhờ kết quả của

nghiệp nhưng không sống nhờ kết quả của sự cố-gắng; người sống nhờ kết quả của sự cố-gắng và kết quả của nghiệp; và người sống không nhờ kết quả của sự cố-gắng cũng không nhờ kết quả của nghiệp. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”⁸³²

135 (5) Tội Lỗi

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người tội lỗi [đáng chê trách], người tội lỗi nhất, người tội lỗi nhẹ, và người không tội lỗi.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một người tội lỗi? Ở đây, một người dính vào hành-động tội lỗi, lời-nói tội lỗi, và tâm-ý tội lỗi. Theo cách này một người là có tội.

(2) “Và theo cách nào là một người tội lỗi nhất? Ở đây, một người dính vào hành-động tội lỗi nhất, lời-nói tội lỗi nhất, và tâm-ý tội lỗi nhất. Theo cách này một người là tội lỗi nhất [đáng chê trách nhất].

(3) “Và theo cách nào là một người tội lỗi nhẹ? Ở đây, một người dính vào hành-động tội lỗi nhẹ, lời-nói tội lỗi nhẹ, và tâm-ý tội lỗi nhẹ. Theo cách này một người là có tội lỗi nhẹ [gần như là không tội lỗi].

(4) “Và theo cách nào là một người không tội lỗi? Ở đây, một người dính vào hành-động không tội lỗi, lời-nói không tội lỗi, và tâm-ý không tội lỗi. Theo cách này một người là không tội lỗi.

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”⁸³³

136 (6) Giới Hạnh ... (1)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, này các Tỳ kheo, có người không hoàn thiện giới-hạnh, sự định-tâm, và trí-tuệ (giới, định, tuệ). (2) Có người hoàn thiện giới-hạnh, nhưng không hoàn thiện sự định-tâm và trí-tuệ. (3) Có người

hoàn thiện giới-hạnh và sự định-tâm, nhưng không hoàn thiện trí-tuệ. (4)
Và có người hoàn thiện giới-hạnh, sự định-tâm, và trí-tuệ.

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”⁸³⁴

137 (7) Giới Hạnh ... (2)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian.
Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người không coi trọng giới-hạnh hay lấy giới-hạnh là thượng tôn; không coi trọng sự định-tâm hay lấy sự định-tâm là thượng tôn, và không coi trọng trí-tuệ hay lấy trí-tuệ là thượng tôn.

(2) “Có người coi trọng giới-hạnh và lấy giới-hạnh là thượng tôn; nhưng không coi trọng định-tâm hay lấy sự định-tâm là thượng tôn, và không coi trọng trí-tuệ hay lấy trí-tuệ là thượng tôn.

(3) “Có người coi trọng giới-hạnh và lấy giới-hạnh là thượng tôn, coi trọng sự định-tâm và lấy sự định-tâm là thượng tôn, nhưng không coi trọng trí-tuệ hay lấy trí-tuệ là thượng tôn.

(4) “Có người coi trọng giới-hạnh và lấy giới-hạnh là thượng tôn, và coi trọng sự định-tâm và lấy sự định-tâm là thượng tôn, và coi trọng trí-tuệ và lấy trí-tuệ là thượng tôn.

“Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

138 (8) Tách Ly Để Tu

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian.
Bốn đó là gì? Có người tách-ly (ẩn dật để tu tập; nhập thất, ẩn dật trong một thời gian để tu; nhập khóa tu) bằng thân, nhưng không tách-ly bằng tâm; có người không tách-ly bằng thân, nhưng vẫn tách-ly bằng tâm; có người không tách-ly bằng thân hay bằng tâm; và có người tách-ly cả bằng thân và bằng tâm.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người tách-ly bằng thân, nhưng không tách-ly bằng tâm? Ở đây, có người lánh về trú tu ở những nơi trong rừng núi xa xôi, nhưng người đó cứ nghĩ những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại. Theo cách như vậy là một người đã tách-ly bằng thân, nhưng không tách-ly bằng tâm.

(2) “Và theo cách nào là một người không tách-ly bằng thân, nhưng vẫn tách-ly bằng tâm? Ở đây, có người không lánh về trú tu ở những nơi trong rừng núi xa xôi, nhưng tâm người đó nghĩ toàn những ý nghĩ từ-bỏ, những ý nghĩ thiện-chí, và những ý nghĩ vô-hại. Theo cách như vậy là một người không tách-ly bằng thân, nhưng vẫn tách-ly bằng tâm.

(3) “Và theo cách nào là một người không tách-ly bằng thân hay bằng tâm? Ở đây, có người không lánh về trú tu ở những nơi trong rừng núi xa xôi, và người đó cứ nghĩ những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại. Theo cách như vậy là một người không tách-ly bằng thân hay bằng tâm.

(4) “Và theo cách nào là một người tách-ly cả bằng thân và bằng tâm? Ở đây, có người lánh về trú tu ở những nơi trong rừng núi xa xôi, và người đó nghĩ toàn những ý nghĩ từ-bỏ, những ý nghĩ thiện-chí, và những ý nghĩ vô-hại. Theo cách như vậy là một người tách-ly cả bằng thân và bằng tâm.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

139 (9) Người Thuyết Pháp

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thuyết Pháp này. Bốn đó là gì?”

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người thuyết Pháp nói ít và [lời nói của người đó là] vô ích, và hội chúng (những người nghe, tăng chúng) của người đó không thiện giỏi trong việc phân biệt điều gì ý nghĩa và điều gì vô ích. Người thuyết Pháp như vậy được cho là một người thuyết Pháp được công nhận bởi loại hội chúng như vậy; (tức chỉ loại hội chúng như vậy mới coi người đó là người thuyết pháp).

(2) “Ở đây, có người thuyết Pháp nói ít và [lời nói của người đó là] ý nghĩa, và hội chúng của người đó thiện giỏi trong việc phân biệt điều gì ý nghĩa và điều gì vô ích. Người thuyết Pháp như vậy được cho là một người thuyết Pháp được công nhận bởi loại hội chúng như vậy.

(3) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người thuyết Pháp nói nhiều và [lời nói của người đó là] vô ích, và hội chúng của người đó không thiện giỏi trong việc phân biệt điều gì ý nghĩa và điều gì vô ích. Người thuyết Pháp như vậy được cho là một người thuyết Pháp được công nhận bởi loại hội chúng như vậy.

(4) “Ở đây, có người thuyết Pháp nói nhiều và [lời nói của người đó là] ý nghĩa, và hội chúng của người đó thiện giỏi trong việc phân biệt điều gì ý nghĩa và điều gì vô ích. Người thuyết Pháp như vậy được cho là một người thuyết Pháp được công nhận bởi loại hội chúng như vậy.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thuyết Pháp.”

140 (10) Những Người Nói

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người nói. Bốn đó là gì? (1) Có người nói bị cạn hết nghĩa nhưng không cạn hết chữ. (2) Có người nói bị cạn hết chữ nhưng không cạn hết nghĩa. (3) Có người nói bị cạn hết cả nghĩa lẫn chữ. (4) Và có người nói không bị cạn hết nghĩa hay chữ. Đây là bốn loại người nói. Không thể nào và không thể hình dung một người có bốn trí-biết (mang tính) phân-tích (vô ngại giải trí) mà bị cạn hết ý nghĩa hay chữ nghĩa.”⁸³⁵

NHÓM 5

NHỮNG HÀO QUANG

141 (1) Những Hào Quang

“Này các Tỳ kheo, có bốn hào quang này. Bốn đó là gì? Hào quang của mặt trăng, hào quang của mặt trời, hào quang của lửa, và hào quang của trí-tuệ. Trong bốn loại hào quang này, hào quang của trí-tuệ là bậc nhất (tốt nhất, siêu xuất nhất).”

142 (2) Những Sự Chiếu Sáng

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự chiếu sáng này. Bốn đó là gì? Sự chiếu sáng của mặt trăng, sự chiếu sáng của mặt trời, sự chiếu sáng của lửa, và sự chiếu sáng của trí-tuệ. Trong bốn loại sự chiếu sáng này, sự chiếu sáng của trí-tuệ là bậc nhất.”

143 (3) Những Ánh Sáng

“Này các Tỳ kheo, có bốn ánh sáng này. Bốn đó là gì? Ánh sáng của mặt trăng, ánh sáng của mặt trời, ánh sáng của lửa, và ánh sáng của trí-tuệ. Trong bốn loại ánh sáng này, ánh sáng của trí-tuệ là bậc nhất.”

144 (4) Những Sự Tỏa Sáng

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tỏa sáng này. Bốn đó là gì? Sự tỏa sáng của mặt trăng, sự tỏa sáng của mặt trời, sự tỏa sáng của lửa, và sự tỏa sáng của trí-tuệ. Trong bốn loại sự tỏa sáng này, sự tỏa sáng của trí-tuệ là bậc nhất.”

145 (5) Những Thứ Chiếu Sáng

“Này các Tỳ kheo, có bốn thứ chiếu sáng (soi sáng) này. Bốn đó là gì? Mặt trăng là thứ chiếu sáng, mặt trời là thứ chiếu sáng, lửa là thứ chiếu sáng, và trí-tuệ là thứ chiếu sáng. Trong bốn thứ chiếu sáng này, trí-tuệ là thứ chiếu sáng bậc nhất.”

146 (6) Những Thời Lúc (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn thời lúc này. Bốn đó là gì? Thời lúc để lắng nghe Giáo Pháp, thời lúc để thảo luận Giáo Pháp, thời lúc cho sự vắng-lặng (thiền định),⁸³⁶ và thời lúc cho sự minh-sát (thiền quán). Đây là bốn thời lúc.

147 (7) Những Thời Lúc (2)

“Này các Tỳ kheo, bốn thời lúc này, nếu được tu tập và phối hợp đúng đắn, sẽ dần đưa đến đỉnh-cao là sự tiêu-diệt những ô-nhiễm (lậu tận). Bốn đó là gì? Thời lúc để lắng nghe Giáo Pháp, thời lúc để thảo luận Giáo Pháp, thời lúc cho sự vắng-lặng (thiền định), và thời lúc cho sự minh-sát (thiền quán). Bốn thời lúc này, nếu được tu tập và phối hợp đúng đắn, sẽ dần đưa đến đỉnh-cao là sự tiêu-diệt những ô-nhiễm.

“Giống như, khi trời mưa và nước mưa xuống trên đỉnh núi, nước chảy xuống theo dốc núi và đổ đầy những khe núi, khe suối, khe lạch; sau khi tích đầy nó chảy ra những ao hồ; rồi tích đầy nó chảy ra những hồ lớn; rồi tích đầy nó chảy ra những con suối; rồi tích đầy nó chảy ra những con sông; và rồi tích đầy nó chảy ra biển cả. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, bốn thời lúc này, nếu được tu tập và phối hợp đúng đắn, sẽ dần đưa đến đỉnh cao là sự tiêu-diệt những ô-nhiễm.”

148 (8) Hành Vi (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại hành vi sai trái của lời-nói (tà khẩu, tà

ngữ). Bốn đó là gì? Nói dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây là bốn loại hành vi sai trái của lời-nói.”

149 (9) Hành Vi (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại hành vi đúng đắn của lời-nói (chánh khẩu, chánh ngữ). Bốn đó là gì? Lời nói-thật nói đúng, lời nói không gây chia-rẽ, lời nói nhẹ-nhàng thân mến, và lời nói có suy-xét (thận trọng, hữu lý, chính đáng, có ý nghĩa, không phải tầm phào tán dóc). Đây là bốn loại hành vi đúng đắn của lời-nói.”

150 (10) Những Cốt Lõi

“Này các Tỳ kheo, có bốn cốt lõi này. Bốn đó là gì? Cốt lõi là giới-hạnh, cốt lõi là sự định-tâm, cốt lõi là trí-tuệ, và cốt lõi là sự giải-thoát. Đây là bốn cốt lõi (của đạo Phật).”

[Năm Mười Kinh Thứ Tư]

NHÓM 1

CÁC CĂN

151 (1) Các Căn

“Này các Tỳ kheo, có bốn căn này. Bốn đó là gì? Căn niềm-tin (tín căn), căn nỗ-lực (tinh tấn căn), căn chánh-niệm (niệm căn), và căn định-tâm (định căn). Đây là bốn căn.”⁸³⁷

152 (2) Năng Lực Niềm Tin ... (các lực)

“Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực niềm-tin (tín lực), năng lực nỗ-lực (tinh tấn lực), năng lực chánh-niệm (niệm lực), và năng lực định-tâm (định lực). Đây là bốn năng lực.”

153 (3) Năng Lực Trí Tuệ ...

“Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực trí-tuệ, năng lực nỗ-lực, năng lực phi tội-lỗi, và năng lực duy trì mối quan hệ thuận lợi. Đây là bốn năng lực.”

154 (4) Năng Lực Chánh Niệm ...

“Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, năng lực phi tội-lỗi, và năng lực duy-trì mối quan hệ thuận lợi. Đây là bốn năng lực.”

155 (5) Năng Lực Quán Xét ...

“Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực quán-xét, năng lực tu-tập, năng lực phi tội-lỗi, và năng lực duy-trì mối quan hệ thuận lợi. Đây là bốn năng lực.”

156 (6) Những Đại Kiếp

“Này các Tỳ kheo, có bốn phân kỳ không thể tính được (vô lượng, vô lượng) trong một đại kiếp (vũ trụ).⁸³⁸ Bốn đó là gì?

(1) “Thời kỳ mà một đại kiếp tan hoại (hủy hoại) là không dễ gì tính được theo kiểu như là ‘rất nhiều năm’ hay ‘rất nhiều trăm năm’ hay ‘rất nhiều ngàn năm’ hay ‘rất nhiều trăm ngàn năm’.⁸³⁹

(2) “Thời kỳ mà một đại kiếp giải thể (tan biến) là không dễ gì tính được theo kiểu như là ‘rất nhiều năm’ hay ‘rất nhiều trăm năm’ hay ‘rất nhiều ngàn năm’ hay ‘rất nhiều trăm ngàn năm’.

(3) “Thời kỳ mà một đại kiếp tiến hóa (phát triển) là không dễ gì tính được theo kiểu như là ‘rất nhiều năm’ hay ‘rất nhiều trăm năm’ hay ‘rất nhiều ngàn năm’ hay ‘rất nhiều trăm ngàn năm’.

(4) “Thời kỳ mà một đại kiếp duy trì (trụ) trong trạng thái tiến hóa là không dễ gì tính được theo kiểu như là ‘rất nhiều năm’ hay ‘rất nhiều trăm năm’ hay ‘rất nhiều ngàn năm’ hay ‘rất nhiều trăm ngàn năm’.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn phân kỳ không thể tính được của một đại kiếp.”

157 (7) Bệnh

“Này các Tỳ kheo, có hai loại bệnh. Hai đó là gì? Bệnh của thân và bệnh của tâm. Dễ thấy người ta nói họ có thể thụ hưởng sức khỏe của thân thể được một, hai, ba, bốn, và năm năm; được mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, và năm mươi năm; và thậm chí được cả trăm năm hoặc hơn nữa. Nhưng, ngoài những người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (của tâm), hiếm

thấy có ai trong thế gian nói họ thụ hưởng sức khỏe của tâm được một phút chốc nào.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo thường bị bốn loại bệnh này. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo có ham muốn mạnh (đa dục), cứ thấy khổ sở, và không hài-lòng với mọi thứ (được cúng dường) y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh (bất tri túc).⁸⁴⁰ (2) Do người đó ham muốn mạnh, cứ thấy khổ sở, và không hài lòng với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh, nên người đó phục lụy theo những ham muốn xấu ác như muốn được (người khác) nhìn nhận, và muốn được ‘lợi, danh, cung kính’. (3) Người đó phát khởi bản thân, chuyên-cần tu, và tạo sự cố-gắng để có được sự được nhìn nhận, và ‘lợi, danh, cung kính’. (4) Người đó đầy toan tính khi đến gặp các gia đình, đầy toan tính khi ngồi xuống, đầy toan tính khi thụ-yết về Giáo Pháp, và đầy toan tính khi nhìn đi tiêu đi tiêu.⁸⁴¹ Đây là bốn loại bệnh (của tâm) mà một Tỳ kheo thường bị.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ không có ham muốn mạnh (đa dục), không thấy khổ sở, không thấy bất hài-lòng với bất kỳ thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh nào (được cúng dường). Chúng ta sẽ không phục lụy theo những ham muốn xấu ác như muốn được (người khác) nhìn nhận, hay muốn được ‘lợi, danh, cung kính’. Chúng ta sẽ không phát khởi bản thân, chuyên-cần tu, hay tạo sự cố-gắng để có được sự được nhìn nhận, và ‘lợi, danh, cung kính’. Chúng ta sẽ kiên nhẫn chịu đựng nóng lạnh và đối kháng; sự tiếp xúc với ruồi, muỗi, gió, nắng, và rắn rít; những lời nói thô tục và chọc chửi sỉ nhục; chúng ta sẽ có khả năng chịu đựng những cảm-giác ở thân là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào quán sát bốn điều này ở bên trong (hướng nội tâm) thì có thể đi đến kết luận rằng: ‘Tôi đang sa sút những phẩm chất thiện. Đức Thế Tôn gọi đó là sự sa sút.’ Bốn đó là gì? Một đồng (nhiều) tham, một đồng sân, một đồng si, và con mắt trí-tuệ của người đó không đi vào những vấn đề sâu sắc để biết điều gì là có thể và điều gì là không thể.⁸⁴² Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào quán sát bốn điều này ở bên trong thì có thể đi đến kết luận rằng: ‘Tôi đang sa sút những phẩm chất thiện. Đức Thế Tôn gọi đó là sự sa sút.’

“Này các đạo hữu, Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào quán sát bốn điều này ở bên trong thì có thể đi đến kết luận rằng: ‘Tôi không đang sa sút những phẩm chất thiện. Đức Thế Tôn gọi đó là sự không sa sút.’ Bốn đó là gì? Sự giảm thiểu (ít đi) tham, sự giảm thiểu sân, sự giảm thiểu si, và con mắt trí-tuệ của người đó thường đi vào những vấn đề sâu sắc để biết điều gì có thể và điều gì không thể. Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào quán sát bốn điều này ở bên trong thì có thể đi đến kết luận rằng: ‘Tôi đang không sa sút những phẩm chất thiện. Đức Thế Tôn gọi đó là sự không sa sút.’”

159 (9) Tỳ Kheo Ni

Trong một lần Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Ghosita. Lúc đó có một Tỳ kheo ni nói với một người như vậy: ‘Này anh, hãy đến gặp Thầy Ānanda và nhân danh ta cúi đầu xuống chân thầy ấy để kính lễ. Rồi thưa: ‘Thưa Thầy, Tỳ kheo ni ‘tên này’ đang bị bệnh, đau đốn, bệnh yếu gần chết. Ni ấy xin cúi đầu xuống chân thầy Ānanda để kính lễ.’ Rồi thưa: ‘Thưa Thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Ānanda, vì lòng bi-mẫn, đến thăm Tỳ kheo ni ấy trong tịnh xá của những Tỳ kheo ni.’”

“Dạ được, thưa ni”, người đó đáp lại. Rồi ông đã đến gặp thầy Ānanda, kính chào thầy và ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời nhắn gửi đó. Thầy Ānanda đã đồng ý trong im lặng.

Rồi thầy Ānanda mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến tịnh xá của những Tỳ kheo ni. Khi Tỳ kheo ni ấy nhìn thấy thầy Ānanda đang đi đến từ xa, ni ấy đã che kín thân từ đầu trở xuống và nằm xuống trên giường của mình.⁸⁴³ Rồi thầy Ānanda vào gặp Tỳ kheo ni đó, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và nói với ni ấy:

“Này ni, thân này đã bắt nguồn từ dưỡng-chất; tùy thuộc (dựa vào, y cứ) vào dưỡng-chất, dưỡng-chất nên được dẹp bỏ. Thân này đã bắt nguồn từ dục-vọng (ái); tùy thuộc vào dục-vọng, dục-vọng nên được dẹp bỏ. Thân này đã bắt nguồn từ sự tự-ta (ngã mạn); tùy thuộc vào sự tự-ta, sự tự-ta nên được dẹp bỏ. Thân này đã bắt nguồn từ sự quan hệ tính dục, nhưng nói về sự quan hệ tính dục đức Thế Tôn đã tuyên bố sự phá bỏ cây cầu.⁸⁴⁴

(1) “Khi điều này được nói: ‘Này ni, thân này đã bắt nguồn từ dưỡng-chất; tùy thuộc vào dưỡng-chất, dưỡng-chất nên được dẹp bỏ’, thì vì lý do gì mà nó được nói như vậy? Ở đây, này ni, sau khi quán chiếu một cách kỹ càng (như lý tác ý), một Tỳ kheo dùng thức ăn thức uống: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: “Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì việc ăn uống), và sống được an ổn.””. Một thời gian sau đó, khi tùy thuộc vào dưỡng-chất, người đó dẹp bỏ dưỡng-chất.⁸⁴⁵ “Khi điều này được nói: ‘Này ni, thân này đã bắt nguồn từ dưỡng-chất; tùy thuộc vào dưỡng-chất, dưỡng-chất nên được dẹp bỏ’, là do có sự như vậy nên nó đã được nói như vậy.

(2) “Khi điều này được nói: ‘Này ni, thân này đã bắt nguồn từ dục-

vọng; tùy thuộc vào dục-vọng, dục-vọng nên được dẹp bỏ’, thì vì lý do gì mà nó được nói như vậy? Ở đây, này ni, một Tỳ kheo (A) nghe được: [“Có Tỳ kheo tên họ: ‘Với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.’] Tỳ kheo (A) đó nghĩ: [‘Biết chừng nào ta mới làm được như vậy: ‘Với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm ... ta sẽ an trú trong đó?’] Một thời gian sau đó, khi tùy thuộc vào dục-vọng, người đó dẹp bỏ dục-vọng. Khi điều này được nói: ‘Này ni, thân này đã bắt nguồn từ dục-vọng; tùy thuộc vào dục-vọng, dục-vọng nên được dẹp bỏ’, là do có sự như vậy nên nó đã được nói như vậy.

(3) “Khi điều này được nói: ‘Này ni, thân này đã bắt nguồn từ sự tự-ta mà có; tùy thuộc vào sự tự-ta, nên dẹp bỏ sự tự-ta’, thì vì lý do gì mà nó được nói như vậy? Ở đây, này ni, một Tỳ kheo (A) nghe được: [‘Có Tỳ kheo tên đó, với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.’] Tỳ kheo (A) đó nghĩ: [‘Vị Tỳ kheo ấy đã làm được: ‘Với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm ... vị ấy an trú trong đó. Còn ta không làm được vậy sao!’]. Một thời gian sau đó, khi tùy thuộc vào sự-tự ta, người đó dẹp bỏ sự-tự ta. Khi điều này được nói: ‘Này ni, thân này đã bắt nguồn từ sự-tự ta; tùy thuộc vào sự-tự ta, nên dẹp bỏ sự-tự ta’, là do có sự như vậy nên nó đã được nói như vậy.

(4) “Thân này đã bắt nguồn từ sự quan hệ tính dục, nhưng nói về sự quan hệ tính dục thì đức Thế Tôn đã tuyên bố sự phá bỏ cây cầu.”⁸⁴⁶

Rồi Tỳ kheo ni đó ngồi dậy khỏi giường, chỉnh lại phần y-phục trên một vai, và cúi đầu xuống hai chân thầy Ānanda kính lễ, sau đó ni thưa với thầy Ānanda: “Thưa Thầy, con đã phạm vào một tội trong đó con đã hành vi một cách thật ngu xuẩn, ngu ngốc, và không thiện khéo. Thưa thầy, mong Thầy Ānanda chấp nhận tội này của con là một tội để con biết giữ-giới về sau.”

“Chắc chắn được, này ni, ni đã phạm vào một tội trong đó ni đã hành vi một cách thật ngu xuẩn, ngu ngốc, và không thiện khéo. Nhưng vì ni đã nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội và biết tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp, chúng ta chấp nhận nó (lời thú nhận đó). Vì điều đó cho thấy có sự phát triển về giới-luật của Thánh Nhân, rằng một người nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội, biết tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp, và cam kết giữ-giới về sau.”

160 (10) Một Bạc Phúc Lành ⁸⁴⁷

(I) “Này các Tỳ kheo, khi bậc Phúc Lành (Thiện Thệ) hay giáo khoa của bậc Phúc Lành vẫn còn trong thế gian, thì điều này là vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người.

(a) “Và, này các Tỳ kheo, ai là bậc Phúc Lành đó? Ở đây, Như Lai đã khởi sinh trong thế gian này, [là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thệ), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.']. Đây là bậc Phúc Lành.

(b) “Và cái gì là giáo khoa của bậc Phúc Lành? Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa, và tốt ở sau, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh (phạm hạnh) (đã được) toàn thiện và tinh khiết. Đây là giáo khoa của bậc Phúc Lành.

“Như vậy, khi bậc Phúc Lành hay giáo khoa của bậc Phúc Lành vẫn còn trong thế gian, thì điều này là vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người.

(II) “Này các Tỳ kheo, có bốn điều dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp). Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, những Tỳ kheo học các kinh (những bài thuyết giảng) đã được tiếp thu một cách tồi tệ, với những từ ngữ và câu chữ được truyền dạy một cách tồi tệ.⁸⁴⁸ Khi những từ ngữ và câu chữ được truyền dạy một cách tồi tệ, ý nghĩa được diễn dịch một cách tồi tệ. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.

(2) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là khó sửa đổi (tu chính), họ có những phẩm chất làm cho họ khó sửa đổi. Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.

(3) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là người học nhiều, là những người kế thừa di sản, những người thông thuộc về Giáo Pháp, những người thông thuộc về giới-luật, những người thông thuộc về những toát-yếu (mẫu đề, đại cương, *matika*) lại không trân trọng chỉ dạy các kinh cho những người khác. Khi những Tỳ kheo đó chết đi, những bài kinh bị bỏ ngang [bị cắt bỏ tận gốc], rồi chẳng còn ai bảo tồn chúng. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.

(4) “Thêm nữa, những Tỳ kheo trưởng lão thì sống xa xỉ và lợi lộng, là những người lãnh đạo bị tụt lùi, quăng bỏ bốn phận sống tách-ly (lánh trần để tu hành); họ không phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. [Những Tỳ kheo của] thế hệ sau thì bắt chước theo những trưởng lão đó. Rồi họ cũng vậy, cũng sống xa xỉ và lợi lộng, là những người lãnh đạo tụt lùi, quăng bỏ bốn phận sống tách-ly; họ không phát khởi nỗ-lực tu để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.

“Đây là bốn điều dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.

(III) “Này các Tỳ kheo, có bốn điều [khác] dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, những Tỳ kheo học những bài kinh đã được tiếp thu một cách đúng đắn, với những từ ngữ và câu chữ được truyền dạy một cách đúng đắn. Khi những từ ngữ và câu chữ được truyền dạy một cách đúng đắn, ý nghĩa được diễn dịch một cách đúng đắn. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.

(2) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là dễ sửa đổi (tu chỉnh), họ có những phẩm chất làm cho họ dễ sửa đổi. Họ kiên nhẫn và chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.

(3) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là người học nhiều, là những người kế thừa di sản, những người thông thuộc về Giáo Pháp, những người thông thuộc về giới-luật, những người thông thuộc về những toát-yếu (mẫu đề, đại cương, *matika*) trân trọng chỉ dạy các kinh cho những người khác. Khi những Tỳ kheo đó chết đi, những bài kinh không bị bỏ ngang [không bị cắt bỏ tận gốc], và những người sau bảo tồn chúng. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.

(4) “Thêm nữa, những Tỳ kheo trưởng lão thì không xa xỉ hay loi lỏng, mà họ dẹp bỏ sự tụt lùi và dẫn đầu trong sự sống tách-ly (lánh trần để tu hành); họ phát khởi nỗ-lực tu (tinh tấn) để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. [Những Tỳ kheo của] thế hệ sau thì noi gương theo những trưởng lão đó. Rồi họ cũng vậy, không xa xỉ hay loi lỏng, mà họ dẹp bỏ sự tụt lùi và dẫn đầu trong sự sống tách-ly; họ phát khởi nỗ-lực tu để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.

“Đây là bốn điều dẫn tới sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.”

NHÓM 2

NHỮNG KIỂU TU

161 (1) Ngẩn Gọn ⁸⁴⁹

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu (cách thức) tu tập. Bốn đó là gì? (1) Kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (3) kiểu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (4) kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. ⁸⁵⁰ Đây là bốn kiểu tu tập.”

162 (2) Chi Tiết

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu tu tập. Bốn đó là gì?

(1) Kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (3) kiểu tu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (4) kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. Đây là bốn kiểu tu tập.”

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, có người tự bản tính nghiêng mạnh theo *tham* và thường ném trái sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ tham-dục. Tự bản tính người đó nghiêng mạnh theo *sân* và thường ném trái sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ sân-giận. Tự bản tính người đó nghiêng mạnh theo *si* và thường ném trái sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ si-mê. - (Và) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chậm đạt tới ‘điều-kiện lập tức’ (duyên lập tức, duyên tức thì, duyên cận giác; điều-kiện trực tiếp) dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu-tận). ⁸⁵¹ Đây được gọi là kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp.

(2) “Và cái gì là kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, có người tự bản tính nghiêng mạnh theo *tham* ... *sân* ... *si* và thường ném trái sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ tham-dục ... sân-giận ... si-mê. - (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn

niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này là nổi trội, nên người đó nhanh đạt tới ‘điều-kiện lập tức’ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Đây được gọi là kiêu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu sừng mà chậm tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, có người tự bản tính *không* nghiêng mạnh theo *tham* và không thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ tham-dục. Tự bản tính người đó *không* nghiêng mạnh theo *sân* và không thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ sân-giận. Tự bản tính người đó *không* nghiêng mạnh theo *si* và không thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ si-mê. - (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chậm đạt tới ‘điều-kiện lập tức’ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Đây được gọi là kiêu tu sừng mà chậm tới trí-biết trực tiếp.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu sừng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, có người tự bản tính *không* nghiêng mạnh theo *tham* ... *sân* ... *si* và không thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ tham-dục ... sân-giận ... si-mê. - (Và) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này là nổi trội, nên người đó nhanh đạt tới ‘điều-kiện lập tức’ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Đây được gọi là kiêu tu sừng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp.”

163 (3) *Sự Không Hấp Dẫn*

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiêu tu tập. Bốn đó là gì?

(1) Kiêu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiêu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (3) kiêu tu tu sừng mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiêu tu sừng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. Đây là bốn kiêu tu tập.”

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát sự không hấp-dẫn (không

sạch, bất tịnh) của thân, nhận thức sự góm-ghiếc của thức-ăn, nhận thức sự không gì đáng mê-thích trong toàn thể thế giới, quán sát sự vô-thường trong mọi hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi); và người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong (tâm). - Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học nhân: năng lực niềm-tin (tín lực), năng lực biết xấu-hổ lương tâm (tâm lực), năng lực biết sợ-hãi làm điều sai xấu (quý lực), năng lực nỗ-lực tu (tán lực), và năng lực trí-tuệ (tuệ lực).⁸⁵² - (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ (tín, tán, niệm, định, tuệ căn). Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chậm đạt tới ‘điều-kiện lập tức’ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận). Đây được gọi là kiêu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp.

(2) “Và cái gì là kiêu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát sự không hấp-dẫn của thân ... có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong. - Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học nhân: năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ. - (Và) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này là nổi trội, nên người đó nhanh đạt tới ‘điều-kiện lập tức’ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Đây được gọi là kiêu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp.

(3) “Và cái gì là kiêu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) [‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’]

(ii) [‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm, hết tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’]

(iii) [‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’]

(iv) [‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (hết hỷ, hết ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’]

“Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học nhân: năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ. - (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chậm đạt tới ‘điều-kiện lập tức’ dẫn tới sự tiêu-diệt những ô-nhiễm. Đây được gọi là kiêu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp.

(4) “Và cái gì là kiêu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) [‘... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất ...] (ii) [‘... tầng thiền định thứ hai ...] (iii) [‘... tầng thiền định thứ ba ...] (iv) [‘... tầng thiền định thứ tư ...] (*như kể trên*)

“Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học nhân: năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ. - (Và) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này là nổi trội, nên người đó nhanh đạt tới ‘điều-kiện lập tức’ dẫn tới sự tiêu-diệt những ô-nhiễm. Đây được gọi là kiêu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiêu tu tập.”

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiêu tu tập. Bốn đó là gì? Kiêu tu không nhẫn nhục, kiêu tu nhẫn nhục, kiêu tu thuần phục, và kiêu tu làm lảng lạn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu không nhẫn nhục? Ở đây, có người sỉ nhục người sỉ nhục mình, mắng chửi người mắng chửi mình, và tranh cãi với người tranh cãi với mình. Đây được gọi là kiêu tu không nhẫn nhục.

(2) “Và cái gì là kiêu tu nhẫn nhục? Ở đây, có người không sỉ nhục người sỉ nhục mình, không mắng chửi người mắng chửi mình, và không tranh cãi với người tranh cãi với mình. Đây được gọi là kiêu tu nhẫn nhục.

(3) “Và cái gì là kiêu tu thuần phục? Ở đây, có Tỳ kheo, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những tướng nét và đặc điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để cho căn-mắt không được phòng hộ thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách (chủ động) việc kiềm chế căn-mắt.

“Sau khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... người thấy một mùi-hương bằng mũi ... nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... nhận biết một hiện-tượng (đối tượng) thuộc tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những tướng nét và đặc điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để cho căn-tai ... căn-mũi ... căn-lưỡi ... căn-thân ... căn-tâm không được phòng hộ thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, người đó đảm trách (chủ động) việc kiềm chế căn-tai ... căn-tâm. Đây được gọi là kiêu tu thuần phục.

(4) “Và cái gì là kiêu tu làm lảng lạn? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, làm lảng lạn nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó.⁸⁵³

“Người đó không dung dưỡng một ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh ... một ý

ngữ gây-lại mới khởi sinh ... những trạng thái bất thiện xấu ác mỗi khi chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, làm lắng lặn chúng, kết liễu chúng, và xóa sổ chúng. Đây được gọi là kiêu tu làm lắng lặn.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiêu tu tập.”

165 (5) Nhẫn (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiêu tu tập. Bốn đó là gì? Kiêu tu không kiên nhẫn, kiêu tu kiên nhẫn, kiêu tu thuần phục, và kiêu tu làm lắng lặn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu không kiên nhẫn? Ở đây, có người không kiên nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh, đói khát; sự tiếp xúc với ruồi muỗi, gió, nắng, và rần rít; lời nói thô tục và chọc chửi sỉ nhục; người đó không chịu đựng được những cảm-giác đau khổ đã khởi lên trong thân là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình. Đây là được gọi là kiêu tu không kiên nhẫn.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu kiên nhẫn? Ở đây, có người kiên nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh, đói khát; sự tiếp xúc với ruồi muỗi, gió, nắng, và rần rít; lời nói thô tục và chọc chửi sỉ nhục; người đó chịu đựng được những cảm-giác đau khổ đã khởi lên trong thân là đau đớn ... phá hoại sức sống của mình. Đây là được gọi là kiêu tu kiên nhẫn.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu thuần phục? ... *[như đoạn (3) kinh kể trên]* ...

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiêu tu làm lắng lặn? ... *[như đoạn (4) kinh kể trên]* ...

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiêu tu tập.”

166 (6) Cả Hai

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiêu tu tập. Bốn đó là gì?”

(1) Kiêu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiêu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (3) kiêu tu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiêu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. Đây là bốn kiêu tu tập.”

(1) “Và, này các Tỳ kheo, kiêu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp được tuyên bố là thấp nhược vì cả hai lý do: (i) vì nó là khổ đau và (ii) vì nó chậm tới trí-biết trực tiếp. Kiêu tu này được tuyên bố là thấp nhược vì cả hai lý do đó.

(2) “Kiêu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp được tuyên bố là thấp nhược vì lý do nó là khổ đau.

(3) “Kiêu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp được tuyên bố là thấp nhược vì lý do nó chậm tới.

(4) “Kiêu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp được tuyên bố tốt hơn (ưu) vì cả hai lý do: (i) vì nó là sướng (lạc) và (ii) vì nó nhanh tới trí-biết trực tiếp. Kiêu tu này được tuyên bố là tốt hơn vì cả hai lý do đó.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiêu tu tập.”

167 (7) Mục-Kiền-Liên

Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Mục-kiền-liên. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Mục-kiền-liên:

“Này đạo hữu Mục-kiền-liên, có bốn kiêu tu tập này. Bốn đó là gì? (1) Kiêu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiêu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (3) kiêu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiêu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. Trong bốn kiêu tu này, thông qua kiêu tu nào tâm của thầy đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt)?”

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, trong bốn kiêu tu đó, thông qua ‘kiêu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp’ tâm của tôi đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ.” ⁸⁵⁴

168 (8) Xá-Lợi-Phất

Lúc đó có Ngài Mục-kiền-liên đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Xá-lợi-phất ... và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, có bốn kiêu tu tập này ... Trong bốn kiêu tu này, thông qua kiêu tu nào tâm của thầy đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt)?”

“Đạo hữu Mục-kiền-liên, trong bốn kiêu tu tập đó, thông qua ‘kiêu tu sùng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp’ tâm của tôi đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ.”

169 (9) Nhờ Sự Cố Gắng (Thêm)

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?”

“Ở đây, (1) có người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này. (2) Có người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm) khi thân tan rã. ⁸⁵⁵ (3) Có người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này. (4) Và có người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm) khi thân tan rã. ⁸⁵⁶

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ *sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này*? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát sự không hấp-dẫn (không sạch, bất tịnh, ô uế) của/trong thân-thể, nhận thức sự góm-ghiếc (đáng kinh tởm) của thức-ăn, nhận thức sự không gì đáng mê-thích trong toàn thể thế giới, quán sát sự vô-thường trong mọi hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi); và người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong (tâm). - Người đó sống dựa

vào năm năng-lực của bậc học nhân: năng lực niềm-tin (tín lực), năng lực biết xấu-hổ lương tâm (tâm lực), năng lực biết sợ-hãi làm điều sai xấu (quý lực), năng lực nỗ-lực (tấn lực), và năng lực trí-tuệ (tuệ lực). - (Và) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ (tín, tấn, niệm, định, tuệ căn). Do năm căn này là nổi trội, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này. Đây là cách một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này.

(2) “Và theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn *nhờ sự cố-gắng (thêm) khi thân tan rã*? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát sự không hấp-dẫn của/trong than-thể ... và người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong. - Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học nhân: năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ. - (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm) khi thân tan rã. Đây là cách một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm) khi thân tan rã.

(3) “Và theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn *không cần sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này*? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) [‘... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất ...] (ii) [‘... tầng thiền định thứ hai ...] (iii) [‘... tầng thiền định thứ ba ...] (iv) [‘... tầng thiền định thứ tư ...] (*như đoạn (3) kinh 4:163 ở trên*). - “Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học nhân: năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ. - (Và) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này là nổi trội, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này. Đây là cách một người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này.

(4) “Và theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn *không cần sự cố-gắng (thêm) khi thân tan rã*? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) [‘... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất ...] (ii) [‘... tầng thiền định thứ hai

...] (iii) [‘... tầng thiên định thứ ba ...] (iv) [‘... tầng thiên định thứ tư ...] (như *đoạn (3) kinh 4:163 ở trên*). - “Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học nhân: năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ. - (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm) khi thân tan rã. Đây là cách một người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm) khi thân tan rã.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

170 (10) Kết Hợp Với Nhau

Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá Ghosita. Ở đó thầy Ānanda đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, mọi Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni tuyên bố sự chứng quả A-la-hán trước mặt tôi họ đều đã làm được vậy bằng bốn con-đường này⁸⁵⁷ hoặc bằng một trong bốn đó. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo tu tập sự minh-sát (thiền quán) được dẫn trước bởi sự vắng-lặng (thiền định). Khi người đó đang tu tập sự minh-sát được dẫn trước bởi sự vắng-lặng, thì con-đường [đạo] được tạo ra (trong người đó).⁸⁵⁸ Người đó theo đuổi con-đường đó, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó đang theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng con-đường đó, thì những công-cụ (kiết sử) được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tỳ miên) được búng bỏ.⁸⁵⁹

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo tu tập sự vắng-lặng (thiền định) được dẫn trước bởi sự minh-sát (thiền quán).⁸⁶⁰ Khi người đó đang tu tập sự vắng-lặng được dẫn trước bởi sự minh-sát, con-đường [đạo] được tạo ra (trong người đó). Người đó theo đuổi con-đường đó, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó đang theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng con-đường đó, những

gông-cùm được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm ẩn được búng bỏ.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo tu tập sự vắng-lặng (thiền định) và sự minh-sát (thiền quán) kết hợp với nhau.⁸⁶¹ Khi người đó đang tu tập sự vắng-lặng và sự minh-sát kết hợp với nhau, con-đường [đạo] được tạo ra (trong người đó). Người đó theo đuổi con-đường đó, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó đang theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng con-đường đó, những gông-cùm được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm ẩn được búng bỏ.

(4) “Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo bị nắm giữ bởi sự bất-an về Giáo Pháp.⁸⁶² Nhưng sẽ đến thời tâm người đó được vững-vàng ở bên trong, được bình-tĩnh, được hợp-nhất, và đạt-định. Rồi con-đường [đạo] sẽ được tạo ra bên trong người đó. Người đó theo đuổi con-đường đó, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó đang theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng con-đường đó, những gông-cùm được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm ẩn được búng bỏ.

“Này các đạo hữu, mọi Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni tuyên bố sự chứng quả A-la-hán trước mặt tôi họ đều đã làm được vậy bằng bốn con-đường này hoặc bằng một trong bốn đó.”

NHÓM 3

CÓ-Ý

171 (I) Sự Cố Ý⁸⁶³

(I)

“Này các Tỳ kheo, khi có thân, vì có [nhân] sự cố-ý (tư) của thân (thân tư), nên có sừng và khở khởi sinh ở bên trong; khi có lời-nói, vì có sự cố-ý trong lời-nói (khẩu tư), nên có sừng và khở khởi sinh ở bên trong; khi có tâm, vì có sự cố-ý trong tâm (tâm tư), nên có sừng và khở khởi sinh ở bên trong—với sự vô-minh chính là điều-kiện (duyên).⁸⁶⁴

(1) “Này các Tỳ kheo, (i) hoặc do sự tự-phát của mình, nên một người tạo ra sự tạo-tác trong thân [thân hành] làm điều-kiện (duyên) cho sừng và khở khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích-giục bởi người khác, nên một người tạo ra sự tạo-tác trong thân làm điều-kiện cho sừng và khở khởi sinh ở bên trong. Này Ānanda, (iii) hoặc một cách cố-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác trong thân làm điều-kiện cho sừng và khở khởi sinh ở bên trong; (iv) hoặc một cách vô-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác trong thân làm điều-kiện cho sừng và khở khởi sinh ở bên trong.⁸⁶⁵

(2) “Này các Tỳ kheo, (i) hoặc do sự tự-phát của mình, một người tạo ra sự tạo-tác trong lời-nói [khẩu hành] làm điều-kiện (duyên) cho sừng và khở khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích-giục bởi người khác, một người tạo ra sự tạo-tác trong lời-nói làm điều-kiện cho sừng và khở khởi sinh ở bên trong. Này Ānanda, (iii) hoặc một cách cố-tình, một người tạo ra sự tạo-tác trong lời-nói làm điều-kiện cho sừng và khở khởi sinh ở bên trong; (iv) hoặc một cách vô-tình, một người tạo ra sự tạo-tác trong lời-nói làm điều-kiện cho sừng và khở khởi sinh ở bên trong.

(3) “Này các Tỳ kheo, (i) hoặc do sự tự-phát của mình, một người tạo ra sự tạo-tác trong tâm [tâm hành] làm điều-kiện (duyên) cho sừng và khở khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích-giục bởi người khác, nên

một người tạo ra sự tạo-tác trong tâm làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Nay các Tỷ kheo, (iii) *hoặc* một cách cố-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác trong tâm làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (iv) *hoặc* một cách vô-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác trong tâm làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.

(4) “Có sự vô-minh nằm bên trong những trạng thái này.⁸⁶⁶ (Cho nên Phật đã nói: ‘*Do có vô-minh là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác!*’). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (i) *thì* thân không còn tồn tại để làm điều-kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) *thì* lời-nói không còn tồn tại để làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (iii) *thì* tâm không còn tồn tại để làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.⁸⁶⁷ Ruộng-đất đó [nơi phát sinh] không tồn tại, căn-cứ đó [sự trợ giúp] không tồn tại, cơ-sở đó [điều-kiện] không tồn tại, và chỗ-nơi đó [nguyên nhân] không tồn tại làm điều-kiện (duyên) để sự sướng và khổ khởi sinh bên trong.”⁸⁶⁸

(II)

“Này các Tỷ kheo, có bốn sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể (danh-tánh sanh y).⁸⁶⁹ Bốn đó là gì? (1) Có sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể trong đó sự cố-ý (tư) của mình là hiệu lực, không do sự cố-ý của người khác. (2) Có sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể trong đó sự cố-ý của người khác là hiệu lực, không do sự cố-ý của mình. (3) Có sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể trong đó cả hai sự cố-ý của mình và của người khác đều có hiệu lực. (4) Và có sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể trong đó không phải do sự cố-ý của mình hay của người khác là hiệu lực. Đây là bốn sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể.”

Khi điều này được nói ra, Ngài Xá-lợi-phát đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con hiểu chi tiết ý nghĩa của lời tuyên thuyết mà đức Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn là như sau: (1) Trong trường hợp sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể loại (1): chính do sự cố-ý của mình mà những chúng sinh đó qua đời (chuyên kiếp, tái sinh) từ loại đó.⁸⁷⁰ (2) Trong trường hợp sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể loại (2): chính do sự cố-ý của người khác mà những chúng sinh đó qua đời từ loại đó.⁸⁷¹ (3) Trong

trường hợp sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể loại (3): chính do sự cố-ý của mình và sự cố-ý của người khác mà những chúng sinh đó qua đời từ loại đó.⁸⁷² (4) Nhưng, thưa Thế Tôn, còn loại thiên-thần nào được cho là sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể thuộc loại (4) nói trên??"⁸⁷³

“Này Xá-lợi-phất, họ là những thiên-thần thuộc phi tướng phi phi tướng xứ.”

“Thưa Thế Tôn, tại sao có những chúng sinh qua đời từ loại (4) này là những người hữu-lai, họ quay trở lại trạng thái hiện-hữu này, trong khi có những chúng sinh khác từ loại (4) này là người bất-lai, họ không quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa?”⁸⁷⁴

(a) “Ở đây, này Xá-lợi-phất, có người *không* phá bỏ được năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử). Ngay trong kiếp này người đó chứng nhập và an trú trong cảnh phi tướng phi phi tướng xứ. Người đó thường thức [vị ngọt (sự sướng) của] cảnh giới đó, muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc cảnh giới phi tướng phi phi tướng xứ. Khi người đó qua đời từ cảnh giới đó, người đó là một người hữu-lai, là người quay lại trạng thái hiện-hữu này.

(b) “Nhưng có những người [khác] ở đây *đã* phá bỏ năm gông-cùm thấp hơn. Ngay trong kiếp này người đó chứng nhập và an trú trong cảnh phi tướng phi phi tướng xứ. Người đó thường thức cảnh giới đó, muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc phi tướng phi phi tướng xứ. Khi người đó qua đời từ cảnh giới đó, người đó là người bất-lai, là người không quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.

“Này Xá-lợi-phất, đây là lý do có những chúng sinh qua đời từ loại (4) này là những người hữu-lai, là người quay lại trạng thái hiện-hữu này,

trong khi cũng có những chúng sinh trong loại (4) này là người bất-lai, là người không quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

172 (2) Sự Phân Tích

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

(1) “Này các đạo hữu, nửa tháng sau khi tôi thụ toàn-bộ giới (cụ túc giới), tôi chứng ngộ loại trí-biết mang tính phân-tích (vô ngại giải trí) về *y-nghĩa* theo những sự phân-chia và công-thức của nó.⁸⁷⁵ Tôi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó theo nhiều cách khác nhau.⁸⁷⁶ [Cứ] có ai còn bối rối hay không chắc-chắn [đến gặp tôi] với một câu hỏi, tôi sẽ có [sẽ làm thỏa mãn người đó] bằng sự trả lời của tôi.⁸⁷⁷ Vị Thầy của chúng ta (tức Phật), bậc thiện siêu về những giáo lý của chúng ta, đang có mặt ở đây.⁸⁷⁸

(2) “Nửa tháng sau khi tôi thụ toàn-bộ giới, tôi chứng ngộ loại trí-biết mang tính phân-tích về *Giáo Pháp* theo những sự phân-chia và công-thức của nó. Tôi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó theo nhiều cách khác nhau. [Cứ] có ai còn bối rối hay không chắc-chắn [đến gặp tôi] với một câu hỏi, tôi sẽ có [sẽ làm thỏa mãn người đó] bằng sự trả lời của tôi. Vị Thầy của chúng ta, bậc thiện thạo về những giáo lý của chúng ta, đang có mặt ở đây.

(3) “Nửa tháng sau khi tôi thụ giới đầy đủ tôi chứng ngộ được trí-biết mang tính phân-tích về *ngôn-ngữ* theo những sự phân-chia và công-thức của nó. Tôi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó theo nhiều cách khác nhau. [Cứ] có ai còn bối rối hay không chắc-chắn [đến gặp tôi] với một câu hỏi, tôi sẽ có [sẽ làm thỏa mãn người đó] bằng sự trả lời của tôi. Vị Thầy của chúng ta, bậc thiện thạo về những giáo lý của chúng ta, đang có mặt ở đây.

(4) “Nửa tháng sau khi tôi thụ giới đầy đủ tôi chứng ngộ được trí-biết mang tính phân-tích về *sự nhận-biết* theo các phân-chia và sự hình-thành của nó. Tôi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó theo nhiều cách khác nhau. [Cứ] có ai còn bối rối hay không chắc-chắn [đến gặp tôi] với một câu hỏi, tôi sẽ có [sẽ làm thỏa mãn người đó] bằng sự trả lời của tôi. Vị Thầy của chúng ta, bậc thiện tạo về những giáo lý của chúng ta, đang có mặt ở đây.”

173 (3) *Câu-Hi-La*

Lúc đó có Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākotṭhita) đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Xá-lợi-phát. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phát:

(1) “Này đạo hữu, với sự phai-biến sạch sẽ [không còn tàn dư] và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu xúc xứ), có phải còn gì khác?” ⁸⁷⁹

“Đừng nói như vậy, này đạo hữu.”

(2) “Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, có phải không còn gì khác?”

“Đừng nói như vậy, này đạo hữu.”

(3) “Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, có phải vừa còn gì khác vừa không còn gì khác?”

“Đừng nói như vậy, này đạo hữu.”

(4) “Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, có phải không còn gì khác cũng không phải không còn gì khác?”

“Đừng nói như vậy, này đạo hữu.” ⁸⁸⁰

“Này đạo hữu Xá-lợi-phát, khi thầy được hỏi ... (*từng câu hỏi trên, người dịch giản lược*) ... thầy đều trả lời: ‘Đừng nói như vậy, này đạo hữu’. Ý nghĩa của câu trả lời như vậy nên được hiểu theo cách nào?”

(1) “Này đạo hữu Câu-hi-la, nếu ai nói: ‘Với sự phai-biến sạch sẽ và

sự chấ́m-dứ́t của sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì vẫn còn thứ khác’, thì người đó tăng phóng [phóng đại, phóng tâm] điều không nên được tăng phóng].⁸⁸¹

(2) Nếu ai nói: ‘Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấ́m-dứ́t của sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì không còn gì khác’, thì người đó phóng đại điều không nên được phóng đại.

(3) Nếu ai nói: ‘Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấ́m-dứ́t của sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì vừa còn thứ khác vừa không còn gì khác’, thì người đó phóng đại điều không nên được phóng đại.

(4) Nếu ai nói: ‘Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấ́m-dứ́t của sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì không còn gì khác cũng không phải không còn gì khác’, thì người đó phóng đại điều không nên được phóng đại.

“Này đạo hữu Câu-hi-la, sáu cơ-sở tiếp-xúc vưon xa tới đâu, sự phóng đại [suy đoán] sẽ vưon tới đó.⁸⁸² Tâm phóng đại vưon xa tới đâu, sáu cơ-sở tiếp-xúc vưon xa tới đó. Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấ́m-dứ́t của sáu cơ-sở tiếp-xúc thì có sự chấ́m-dứ́t của sự phóng đại, sự lặn mất của sự phóng đại.”

174 (4) *Ānanda*

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Đại Câu-hi-la ...

*[Tiếp tục giống kinh kể trên, chỉ khác ở đây là thầy Ānanda hỏi và thầy Câu-hi-la trả lời.]*⁸⁸³

175 (5) *Upavāṇa*

Lúc đó có Ngài Upavāṇa đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Xá-lợi-phát ... và nói với thầy Xá-lợi-phát:

(1) “Đạo hữu Xá-lợi-phát, có phải người tu trở thành người làm nên sự kết-thúc nhờ phương tiện là “trí-biết” (minh)?”⁸⁸⁴

“Này đạo hữu, không quy kết như vậy”

(2) “Vậy có phải người tu trở thành người làm nên sự kết-thúc nhờ phương tiện là “phẩm-hạnh” (hạnh)?”

“Này đạo hữu, không quy kết như vậy”

(3) “Vậy có phải người tu trở thành người làm nên sự kết-thúc nhờ phương tiện là “trí-biết và phẩm-hạnh” (minh hạnh)?”

“Này đạo hữu, không quy kết như vậy”

(4) “Vậy có phải người tu trở thành người làm nên sự kết-thúc nhờ những phương tiện khác hơn là “trí-biết và phẩm-hạnh”?”

“Này đạo hữu, không quy kết như vậy”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, khi thầy được hỏi ... *(từng câu hỏi trên, người dịch gián lượt)* ... thầy đều trả lời thầy đều trả lời: ‘Này đạo hữu, không quy kết như vậy’. Vậy người tu trở thành người làm nên sự kết-thúc theo cách nào?”

(1) “Này đạo hữu Upavāṇa, nếu người tu trở thành người làm nên sự kết-thúc nhờ phương tiện là “trí-biết”, vậy thì ngay cả những người vẫn còn sự chấp-thủ (thủ) cũng thành người làm nên sự kết-thúc. *(cho nên sự quy kết đó là sai, vì có người có minh nhưng còn chấp thủ)*

(2) “Nếu người tu trở thành người làm nên sự kết-thúc nhờ phương tiện là “phẩm-hạnh”, vậy thì ngay cả những người vẫn còn sự chấp-thủ (thủ) cũng thành người làm nên sự kết-thúc.

(3) “Nếu người tu trở thành người làm nên sự kết-thúc nhờ phương tiện là “trí-biết và phẩm-hạnh”, vậy thì ngay cả những người vẫn còn sự chấp-thủ (thủ) cũng thành người làm nên sự kết-thúc.

(4) “Nếu người tu trở thành người làm nên sự kết-thúc nhờ những phương tiện khác hơn là “trí-biết hay phẩm-hạnh”, vậy thì ngay cả những người phạm phu tục tử cũng thành người làm nên sự kết-thúc; vì những người phạm phu thế tục thì thiếu hụt [nghèo nàn] về “trí-biết và phẩm-

hạnh”.

“Này đạo hữu Upavāṇa, người thiếu hụt về “phẩm-hạnh” thì không biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Người hoàn thiện đầy đủ về phẩm-hạnh (hạnh tức) thì biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Sau khi biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là, người tu trở thành người làm nên sự kết-thúc.” ⁸⁸⁵

176 (6) Ước Nguyện ⁸⁸⁶

(1) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin, nếu ước nguyện chân chính, nên nguyện như vậy: ‘Mong rằng tôi trở thành người như thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên!’ Đây là tiêu chuẩn và tiêu chí đối với những đệ tử của ta là Tỳ kheo, đó là, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

(2) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo ni được phú cho niềm-tin, nếu ước nguyện chân chính, nên nguyện như vậy: ‘Mong rằng tôi trở thành người như ni Khemā và Uppalavaṇṇā!’ Đây là tiêu chuẩn và tiêu chí đối với những đệ tử của ta là Tỳ kheo ni, đó là, Tỳ kheo ni Khemā và Uppalavaṇṇā.

(3) “Này các Tỳ kheo, một đệ tử tại gia nam (u-bà-tắc) được phú cho niềm-tin, nếu ước nguyện chân chính, nên nguyện như vậy: ‘Mong rằng tôi trở thành người như gia chủ Citta và Hatthaka ở xứ Āḷavī!’ Đây là tiêu chuẩn và tiêu chí đối với những đệ tử của ta là tại gia nam, đó là, gia chủ Citta và Hatthaka ở xứ Āḷavī.”

(4) “Này các Tỳ kheo, một đệ tử tại gia nữ (u-bà-di) được phú cho niềm-tin, nếu ước nguyện chân chính, nên nguyện như vậy: ‘Mong rằng tôi trở thành người như đệ tử tại gia nữ Khujjuttarā và Veḷukaṇṭakī Nandamātā!’ Đây là tiêu chuẩn và tiêu chí đối với những đệ tử của ta là tại gia nữ, đó là, đệ tử tại gia nữ Khujjuttarā và Veḷukaṇṭakī Nandamātā.”

177 (7) Rāhula

Lúc đó có Ngài Rāhula (La-hầu-la) đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy như vậy:⁸⁸⁷

(1) “Này Rāhula, yếu tố đất bên trong và yếu tố đất bên ngoài đều chỉ là yếu tố đất. Điều này nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’.’ Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người tu trở nên tỉnh ngộ [không còn mê-thích] với yếu tố đất; người tu tách ly cái tâm khỏi yếu tố đất.⁸⁸⁸

(2) “Này Rāhula, yếu tố nước bên trong và yếu tố nước bên ngoài đều chỉ là yếu tố nước. Điều này nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’.’ Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người tu trở nên tỉnh ngộ với yếu tố nước; người tu tách ly cái tâm khỏi yếu tố nước.

(3) “Này Rāhula, yếu tố nhiệt (lửa) bên trong và yếu tố nhiệt bên ngoài đều chỉ là yếu tố nhiệt. Điều này nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’.’ Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người tu trở nên tỉnh ngộ với yếu tố nhiệt; người tu tách ly cái tâm khỏi yếu tố nhiệt.

(4) “Này Rāhula, yếu tố khí (gió) bên trong và yếu tố khí bên ngoài đều chỉ là yếu tố khí. Điều này nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’.’ Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người tu trở nên tỉnh ngộ với yếu tố khí; người tu tách ly cái tâm khỏi yếu tố khí.

“Này Rāhula, khi một Tỷ kheo không nhận thấy có một cái ‘ta’ nào hay những thứ nào thuộc về một cái ‘ta’ trong bốn yếu tố này, thì người đó được gọi là một Tỷ kheo đã cắt bỏ dục-vọng, đã gỡ bỏ gông-cùm, và

bằng cách hoàn toàn xuyên phá sự tự-ta (ngã mạn), đã làm nên chấm-dứt khổ.”

178 (8) Hồ Giữ Nước

“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một ‘sự giải-thoát của tâm’ đầy bình-an. Người đó chú-tâm tới sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể (chấm dứt thân này, danh tính này).⁸⁸⁹ Khi người đó đang làm vậy, tâm của người đó không phóng ra tới đó, không đạt được sự tự-tin, không được vững-vàng, và không chú-hướng (tập trung, hội tụ) vào đó. Tỳ kheo này không thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể. Ví dụ một người nắm lấy một cành cây bằng bàn tay bị dính mỡ keo. Bàn tay người đó sẽ dính vào đó, bám chặt vào đó, dính chặt vào đó. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một ‘sự giải-thoát của tâm’ đầy bình-an ... Tỳ kheo này không thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể.

(2) “Ở đây, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một ‘sự giải-thoát của tâm’ đầy bình-an. Người đó chú-tâm tới sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể. Khi người đó đang làm vậy, tâm của người đó phóng ra tới đó, đạt được sự tự-tin, được vững-vàng, và chú-hướng vào đó. Tỳ kheo này có thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể. Ví dụ một người nắm lấy một cành cây bằng bàn tay sạch sẽ. Bàn tay người đó sẽ không dính vào đó, không bám chặt vào đó, không dính chặt vào đó. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một ‘sự giải-thoát của tâm’ đầy bình-an ... Tỳ kheo này có thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể.

(3) “Ở đây, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một ‘sự giải-thoát của tâm’ đầy bình-an. Người đó chú-tâm tới sự phá-vỡ vô-minh. Khi người đó đang làm vậy, tâm của người đó không phóng ra tới đó, không

đạt được sự tự-tin, không được vững-vàng, và không chú-hướng vào đó. Tỳ kheo này không thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự phá-vỡ vô-minh. Ví dụ có một hồ giữ nước đã nhiều năm. Một người đến bịt đường chảy vào và mở đường chảy ra, cũng không có đủ nước mưa để bù. Trong trường hợp đó, khả năng bờ kè hay đập hồ nước bị phá vỡ là không có. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một ‘sự giải-thoát của tâm’ đầy bình-an ... Tỳ kheo này không thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự phá-vỡ vô-minh.

(4) “Ở đây, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một ‘sự giải-thoát của tâm’ đầy bình-an. Người đó chú-tâm tới sự phá-vỡ vô-minh. Khi người đó đang làm vậy, tâm của người đó phóng ra tới đó, đạt được sự tự-tin, được vững-vàng, và chú-hướng vào đó. Tỳ kheo này có thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự phá vỡ vô-minh. Ví dụ có một hồ giữ nước đã nhiều năm. Một người đến mở đường chảy vào và bịt đường chảy ra, lại thêm nước mưa tràn đầy. Trong trường hợp đó, khả năng bờ kè hay đập hồ nước bị phá vỡ là có thể. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một ‘sự giải-thoát của tâm’ đầy bình-an. Người đó chú-tâm tới sự phá-vỡ vô-minh. Và tâm của người đó phóng ra tới đó, đạt được sự tự-tin, được vững-vàng, và chú-hướng vào đó. Tỳ kheo này có thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự phá-vỡ vô-minh.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

179 (9) *Niết-Bàn*

Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp Ngài Xá-lợi-phất, và nói:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, tại sao có những chúng sinh không chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này?”

“Ở đây, này đạo hữu Ānanda, [một số] chúng sinh không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Những nhận-thức này thuộc sự suy-đòi; những nhận-thức này thuộc sự ổn-định; những nhận-thức này thuộc sự khác-biệt; những nhận-thức này thuộc sự thâm-nhập.’ Đây là lý do tại sao có những

chúng sinh không chúng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, tại sao có những chúng sinh chúng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này?”

“Ồ đây, này đạo hữu Ānanda, [một số] chúng sinh hiểu được đúng như nó thực là: ‘Những nhận-thức này thuộc sự suy-đòi; những nhận-thức này thuộc sự ổn-định; những nhận-thức này thuộc sự khác-biệt; những nhận-thức này thuộc sự thâm-nhập.’ Đây là lý do tại sao có những chúng sinh chúng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.”⁸⁹⁰

180 (10) (Bốn) Sự Tham Chiếu Lớn

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bhoganagara, gần Đền Ānanda.⁸⁹¹ Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bốn sự tham chiếu lớn.⁸⁹² Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, cái gì là bốn sự tham chiếu lớn?”

(1) “Ồ đây, này các Tỳ kheo, (i) có thể một Tỳ kheo nói: ‘Trước mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe điều này; trước mặt đức Thế Tôn tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo-lý của Đức Phật! [nguyên văn là “Vị Thầy”]’—Không nên vội đồng ý hay bác bỏ những lời của vị Tỳ kheo đó. Không đồng ý hay bác bỏ, các thầy nên (tạm) nhớ hết những từ ngữ và câu chữ đó, rồi kiểm tra chúng trong những bài kinh (kinh tạng) và tìm kiếm chúng trong phần giới-luật [Luật tạng].⁸⁹³ Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới-luật, [các thầy thấy] chúng không nằm trong các kinh và không có trong phần giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây không phải là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách tồi tệ (sai sót) bởi vị Tỳ kheo này.’ Như vậy các thầy nên bỏ nó đi.

(ii) “Nhưng, có thể một Tỳ kheo nói: ‘Trước mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe điều này; trước mặt đức Thế Tôn tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo-lý của Đức Phật!”’ ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới-luật, [các thầy thấy] chúng có nằm trong các kinh và (hoặc) được thấy có trong phần giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách khéo giỏi (chính xác) bởi vị Tỳ kheo này.’ Như vậy các thầy nên ghi nhớ đây là sự tham chiếu lớn thứ nhất.

(2) “Rồi, (i) có thể một Tỳ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có một Tăng Đoàn đang trú ngụ có những bậc trưởng lão và có những Tỳ kheo nổi bật. Trước mặt Tăng Đoàn đó tôi đã nghe điều này; trước mặt Tăng Đoàn đó tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo-lý của Đức Phật!”’—Không nên vội đồng ý hay bác bỏ những lời của vị Tỳ kheo đó ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới-luật, [các thầy thấy] chúng không nằm trong các kinh và không có trong phần giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây không phải là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách tồi tệ (sai sót) bởi vị Tỳ kheo này.’ Như vậy các thầy nên bỏ nó đi.

(ii) “Nhưng, có thể một Tỳ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có một Tăng Đoàn ... trước mặt Tăng Đoàn đó tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo-lý của Đức Phật!”’ ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới-luật, [các thầy thấy] chúng có nằm trong các kinh và (hoặc) được thấy có trong phần giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách khéo giỏi (chính xác) bởi vị Tỳ kheo này.’ Như vậy các thầy nên ghi nhớ đây là sự tham chiếu lớn thứ hai.

(3) “Rồi, có thể một Tỳ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có vài vị Tỳ kheo trưởng lão đang trú ngụ, họ là những bậc học hiểu nhiều, là

những người kế thừa của di sản, là những bậc thiện thảo về Giáo Pháp, những bậc thiện thảo về giới-luật, những bậc thiện thảo về những điều toát-yếu (đại cương, matika, chủ đề mẹ). Trước mặt mấy vị trưởng lão đó, tôi đã nghe điều này; trước mặt mấy vị đó, tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo-lý của Đức Phật!”—Không nên vội đồng ý hay bác bỏ những lời của vị Tỳ kheo đó. Không đồng ý hay bác bỏ, các thầy nên (tạm) nhớ hết những từ ngữ và câu chữ đó ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới-luật, [các thầy thấy] chúng không nằm trong các kinh và không có trong phần giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây không phải là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách tồi tệ (sai sót) bởi vị Tỳ kheo này.’ Như vậy các thầy nên bỏ nó đi.

(ii) “Nhưng, có thể một Tỳ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có vài vị Tỳ kheo trưởng lão ... trước mặt mấy vị đó, tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo-lý của Đức Phật!”’ ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới-luật, [các thầy thấy] chúng có nằm trong các kinh và (hoặc) được thấy có trong phần giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách khéo giỏi (chính xác) bởi vị Tỳ kheo này.’ Như vậy các thầy nên ghi nhớ đây là sự tham chiếu lớn thứ ba.

(4) “Rồi có thể một Tỳ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có một vị Tỳ kheo trưởng lão đang trú ngụ, đó là một bậc học hiểu nhiều, là người kế thừa của di sản, là bậc thiện thảo về Giáo Pháp, bậc thiện thảo về giới-luật, bậc thiện thảo về những điều toát-yếu (đại cương, matika, chủ đề mẹ). Trước mặt vị trưởng lão đó, tôi đã nghe điều này; trước vị đó, tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo-lý của Đức Phật!”’—Không nên vội đồng ý hay bác bỏ những lời của vị Tỳ kheo đó ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới-luật, [các thầy thấy] chúng không nằm trong các kinh và không có trong phần giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây không

phải là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách tồi tệ (sai sót) bởi vị Tỳ kheo này.’ Như vậy các thầy nên bỏ nó đi.

(ii) “Nhưng, có thể một Tỳ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có một vị Tỳ kheo trưởng lão ... trước mặt vị trưởng lão đó, tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo-lý của Đức Phật!” ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới-luật, [các thầy thấy] chúng có nằm trong các kinh và (hoặc) được thấy có trong phần giới-luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắn đây là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách khéo giỏi (chính xác) bởi vị Tỳ kheo này.’ Như vậy các thầy nên ghi nhớ đây là sự tham chiểu lớn thứ tư.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn sự tham chiểu lớn.”⁸⁹⁴

NHÓM 4

NHỮNG BÀ-LA-MÔN

181 (1) Chiến Binh

“Này các Tỳ kheo, có được bốn yếu tố, một chiến binh là xứng đáng của nhà vua, là thứ (công cụ) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Bốn đó là gì? Ở đây, một chiến binh là người thạo giỏi về những nơi chốn, là một người bắn xa, một người bắn chính xác, và một người phá vỡ vật thể lớn. Có được bốn yếu tố này, một chiến binh là xứng đáng của nhà vua, là thứ của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Cũng giống như vậy, có được bốn yếu tố, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là người thạo giỏi về những nơi chốn, là một người bắn xa, một người bắn chính xác, và một người phá vỡ vật thể lớn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là người thạo giỏi về nơi chốn? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiểm chế trong Pātimokkha [Giới Bản Tỳ kheo], có được phẩm-hạnh và nơi nương-tựa tốt lành, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗ nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu học trong những điều luật đó. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người thạo giỏi về nơi chốn.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người bắn xa? Ở đây, mọi sắc-thân dù là loại gì—thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một Tỳ kheo nhìn thấy tất cả sắc-thân đúng thực như nó là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’.

“Mọi cảm-giác dù là loại gì ... mọi nhận-thức dù là loại gì ... những sự tạo-tác dù là loại gì ... mọi thức dù là loại gì—thuộc quá khứ, tương

lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một Tỳ kheo nhìn thấy tất cả thức đúng thực như nó là, bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’.’ Theo cách này một Tỳ kheo là người bán xa.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người bán chính xác (bán tĩa)? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’’. Theo cách này một Tỳ kheo là người bán chính xác.

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người phá vỡ vật thể lớn (công phá)? Ở đây, một Tỳ kheo phá vỡ đồng vô-minh lớn. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người phá vỡ vật thể lớn.

“Có được bốn phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

182 (2) Người Bảo Đảm

“Đối với bốn điều, không thể có người bảo đảm—cho dù là sa-môn, bà-la-môn, thiên thần, Ma Vương, trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) Không thể có người bảo đảm—cho dù là sa-môn ... hay bất cứ ai trong thế gian, rằng ‘thứ phải bị già sẽ không bị già’.

(2) Không thể có người bảo đảm—cho dù là sa-môn ... hay bất cứ ai trong thế gian, rằng ‘thứ phải bị bệnh sẽ không bị bệnh’.

(3) Không thể có người bảo đảm—cho dù là sa-môn ... hay bất cứ ai trong thế gian, rằng ‘thứ phải bị chết sẽ không bị chết’.

(4) Không thể có người bảo đảm—cho dù là sa-môn ... hay bất cứ ai trong thế gian, rằng ‘nghiệp xấu—là bị ô nhiễm, đưa đến sự tái hiện-hữu (tái sinh), gây khó khổ, chín muồi thành sự khổ đau, dẫn tới sự sinh-già-chết—sẽ không tạo ra quả của nó’.

“Đối với bốn điều này, không thể có người bảo đảm—cho dù là sa-môn, bà-la-môn, thiên thần, Ma Vương, trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian.”

183 (3) *Đã Nghe*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc đó có bà-la-môn tên Vassakāra, là tể tướng của vương quốc Ma-kiệt-đà (Magadha), đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau đó ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, đây là lý luận và quan điểm của tôi: (1) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được nhìn thấy: ‘Tôi đã nhìn thấy điều như vậy’; (2) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được nghe thấy: ‘Tôi đã nghe thấy điều như vậy’; (3) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được cảm thấy: ‘Tôi đã cảm thấy điều như vậy’; (4) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được nhận biết: ‘Tôi đã nhận biết điều như vậy.’

(1) “Này bà-la-môn, ta không nói nên nói về mọi thứ được nhìn thấy, nhưng ta cũng không nói nên nói về không thứ gì được nhìn thấy. (2) Ta không nói nên nói về mọi thứ được nghe thấy, nhưng ta cũng không nói nên nói về không thứ gì được nghe thấy. (3) Ta không nói nên nói về mọi thứ được cảm thấy, nhưng ta cũng không nói nên nói về không thứ gì được cảm thấy. (3) Ta không nói nên nói về mọi thứ được nhận biết, nhưng ta cũng không nói nên nói về không thứ gì được nhận biết.

(1) Bởi vì, này bà-la-môn, (i) nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã nhìn thấy (hình-sắc) mà những phẩm chất bất thiện gia tăng và những

phẩm chất thiện gia giảm, thì ta nói rằng người đó không nên nói về thứ mình đã nhìn thấy. (ii) Nhưng, nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã nhìn thấy mà những phẩm chất bất thiện gia giảm và những phẩm chất thiện gia tăng, thì ta nói rằng người đó nên nói về thứ mình đã nhìn thấy.⁸⁹⁵

(2) (i) Nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã nghe thấy (âm-thanh) ...

(3) (i) Nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã cảm thấy (thứ hữu-hình chạm xúc) ...

(4) (i) Nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã nhận biết (hiện-tượng thuộc tâm) mà những phẩm chất bất thiện gia tăng và những phẩm chất thiện gia giảm, thì ta nói rằng người đó không nên nói về thứ mình đã nhận biết. (ii) Nhưng, nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã nhận biết mà những phẩm chất bất thiện gia giảm và những phẩm chất thiện gia tăng, thì ta nói rằng người đó nên nói về thứ mình đã nhận biết.”

Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

184 (4) Không Sợ Hãi

Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇī đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi sau khi ngồi xuống một bên, ông nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cô-đàm, đây là lý luận và quan điểm của tôi: khi biết mình phải bị chết thì không ai mà không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

“Này bà-la-môn, có những người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết, nhưng cũng có những người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(I) “Và, này bà-la-môn, ai là những người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết?

(1) “Ở đây, có người chưa hết tham, dục, thèm-khát, đam-mê, và dục-vọng đối với *những dục-lạc* (khoái-lạc giác quan). Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ (về cái chết): ‘Ôi trời, những dục-lạc yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ những dục-lạc đó.’ Người đó buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quần trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(2) “Lại nữa, có người chưa hết tham, dục, thèm-khát, đam-mê, và dục-vọng đối với *thân-thể*. Đến khi người đó phát bệnh nặng và suy nhược, người đó nghĩ (về cái chết): ‘Ôi trời, thân-thể yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ thân-thể này.’ Người đó buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quần trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(3) “Lại nữa, có người đã không làm điều gì tốt và thiện lành, cũng không làm được chỗ nương-tựa cho mình, mà người đó chỉ làm những việc xấu ác, hung bạo, và ô nhiễm. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ: ‘Ôi trời, tôi đã không làm điều gì tốt và thiện lành, cũng không làm được chỗ nương-tựa cho mình, mà tôi chỉ làm những việc xấu ác, hung bạo, và ô nhiễm. Khi tôi qua đời, tôi sẽ gặp phải số phận tương xứng. Người đó buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quần trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(4) “Lại nữa, có người ở đây còn bối rối, còn nghi ngờ, và chưa nhất quyết về Giáo Pháp thiện lành. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ: ‘Ôi trời, tôi còn bối rối, còn nghi ngờ, và chưa nhất quyết về Giáo Pháp thiện lành.’ Người đó buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quần trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

“Đây là bốn loại người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(II) “Và, này bà-la-môn, ai là những người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết?

(1) “Ở đây, có người đã hết tham, dục, thèm-khát, đam-mê, và dục-vọng đối với *những dục-lạc*. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó không nghĩ kiêu: ‘Ôi trời, những dục-lạc yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ những dục-lạc đó.’ Người đó không buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực và quần trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(2) “Lại nữa, có người đã hết tham, dục, thèm-khát, đam-mê, và dục-vọng đối với *thân-thể*. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó không nghĩ kiêu: ‘Ôi trời, thân-thể yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ thân-thể này.’ Người đó không buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực và quần trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(3) “Lại nữa, có người đã không làm những điều xấu ác, hung bạo, và ô nhiễm, mà người đó chỉ làm những điều tốt và thiện lành, và cũng làm được chỗ nương-tựa cho mình. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ: ‘Quả thật, tôi đã không những điều xấu ác, hung bạo, và ô nhiễm, tôi chỉ làm những việc tốt và thiện lành, và đã làm được chỗ nương-tựa cho mình. Khi tôi qua đời, tôi sẽ gặp được số phận tương xứng.’ Người đó không buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực và quần trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

(4) “Lại nữa, có người ở đây không còn bối rối, không còn nghi ngờ, và đã nhất quyết về Giáo Pháp thiện lành. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ: ‘Quả thật, tôi không còn bối rối, không còn nghi ngờ, và đã nhất quyết về Giáo Pháp thiện lành.’ Người đó không buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực và quần trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.

“Đây là bốn loại người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.”

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! ... [giống đoạn cuối kinh 4:100] ... Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay đến cuối đời.”

185 (5) Những Sự Thật Của Bà-La-Môn

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Bấy giờ, vào dịp đó có một số du sĩ nổi tiếng cũng đang trú ngụ gần đó, trong khu ở (tịnh xá) của những du sĩ bên bờ sông Sappinī; gồm có Annabhāra, Varadhara, Sakuludāyī, và những du sĩ nổi tiếng khác. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến khu ở của những du sĩ đó. Lúc đó những du sĩ khác đạo đó đã tụ tập, và khi họ đang ngồi với nhau, cuộc nói chuyện này đã khởi sinh: “Như vậy là những sự thật của bà-la-môn; như vậy là những sự thật của bà-la-môn.”

Rồi đức Thế Tôn đến gặp những du sĩ đó, ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và hỏi họ: “Này các du sĩ, các vị vừa tham gia cuộc đàm đạo gì? Cuộc đàm đạo đang diễn ra là nói về điều gì?”

“Thầy Cồ-đàm, ở đây, chúng tôi đã tụ tập, và khi chúng tôi đang ngồi với nhau, cuộc nói chuyện này đã khởi sinh: ‘Như vậy là những sự thật của bà-la-môn; như vậy là những sự thật của bà-la-môn.’

“Này các du sĩ, có bốn sự thật của bà-la-môn mà ta đã tuyên bố, sau khi ta đã tự mình nhận biết chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các du sĩ, một bà-la-môn nói: ‘Tất cả chúng sinh hữu tình không nên bị hại [phải được dung tha]’. Khi nói như vậy, bà-la-môn đó nói sự thật, không phải nói sai. Khi nói điều như vậy, người đó không nhận lầm (nghĩ) mình (không nói với tư cách mình) là ‘một tu sĩ’ hay là ‘một bà-la-môn’. Người đó cũng không nhận lầm (nghĩ): ‘Tôi giỏi hơn’, hay ‘Tôi bằng’, hay ‘Tôi kém hơn’. Thay vì vậy, sau khi đã trực-tiếp biết sự thật trong điều đó, người đó đang thực hành đơn giản vì sự cảm-thương và lòng bi-mẫn đối với những chúng sinh.

(2) “Lại nữa, một bà-la-môn nói: ‘Tất cả những dục-lạc [khoái-lạc giác-quan] đều là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’. Khi nói như vậy, bà-la-môn đó nói sự thật, không phải nói sai. Khi nói điều như vậy, người đó không nhận lầm (nghĩ) mình (không nói với tư cách mình) là ‘một tu sĩ’ hay là ‘một bà-la-môn’. Người đó cũng không nhận lầm (nghĩ): ‘Tôi giỏi hơn’, hay ‘Tôi bằng’, hay ‘Tôi kém hơn’. Thay vì vậy, sau khi đã trực-tiếp biết sự thật trong điều đó, người đó đang thực hành đơn giản vì sự tỉnh-ngộ [không còn mê thích] đối với những dục-lạc, vì sự phai-biến và sự chấm-dứt những dục-lạc.

(3) “Lại nữa, một bà-la-môn nói: ‘Tất cả những trạng thái hiện-hữu đều là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’. Khi nói như vậy, bà-la-môn đó nói sự thật, không phải nói sai. Khi nói điều như vậy, người đó không nhận lầm (nghĩ) mình (không nói với tư cách mình) là ‘một tu sĩ’ hay là ‘một bà-la-môn’. Người đó cũng không nhận lầm (nghĩ): ‘Tôi giỏi hơn’, hay ‘Tôi bằng’, hay ‘Tôi kém hơn’. Thay vì vậy, sau khi đã trực-tiếp biết sự thật trong điều đó, người đó đang thực hành đơn giản vì sự tỉnh-ngộ [không còn mê thích] đối với những trạng thái hiện-hữu, vì sự phai-biến và sự chấm-dứt những trạng thái hiện-hữu.

(4) “Lại nữa, một bà-la-môn nói: ‘Ta không ở bất cứ đâu là của ai, cũng không ở bất cứ đâu có bất cứ gì là của ta.’⁸⁹⁶ Khi nói như vậy, bà-la-môn đó nói sự thật, không phải nói sai. Khi nói điều như vậy, người đó không nhận lầm (nghĩ) mình (không nói với tư cách mình) là ‘một tu sĩ’ hay là ‘một bà-la-môn’. Người đó cũng không nhận lầm (nghĩ): ‘Tôi giỏi hơn’, hay ‘Tôi bằng’, hay ‘Tôi kém hơn’. Thay vì vậy, sau khi đã trực-tiếp biết sự thật trong điều đó, người đó đang thực hành con-đường (đạo) không-có-gì (đạo vô sở hữu).⁸⁹⁷

“Này các du sĩ, đây là bốn sự thật của bà-la-môn mà ta đã tuyên bố, sau khi ta đã tự mình nhận biết chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

(1) “Thưa Thế Tôn, thế giới bị dẫn dắt bởi cái gì? Thế giới bị lôi kéo bởi cái gì? Khi cái gì khởi sinh thì [thế giới] đi theo sự điều khiển của nó?”⁸⁹⁸

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Sự tinh nhạy của thầy là xuất sắc. Sự nhận biết của thầy là xuất sắc.⁸⁹⁹ Sự tìm hiểu của thầy là tốt. Bởi vì thầy đã hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, thế giới bị dẫn dắt bởi cái gì? Thế giới bị lôi kéo bởi cái gì? Khi cái gì khởi sinh thì [thế giới] đi theo sự điều khiển của nó?’.

“Dạ, thưa Thế Tôn.”

“Này Tỳ kheo, thế giới bị dẫn dắt bởi tâm, bị lôi kéo bởi tâm; khi tâm khởi sinh thì [thế giới] đi theo sự điều khiển của nó.”

“Thật tốt lành, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn nói. Sau khi nói vậy, thầy đó hỏi đức Thế Tôn thêm câu nữa:

(2) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘bậc học sĩ về Giáo Pháp; bậc học sĩ về Giáo Pháp’. Theo cách nào một người là một bậc học sĩ về Giáo Pháp?”

“Tốt, tốt này Tỳ kheo! ... Bởi vì thầy đã hỏi: ‘ ... Theo cách nào một người là một bậc học sĩ về Giáo Pháp?’”

“Dạ, thưa Thế Tôn.”

“Này Tỳ kheo, ta đã chỉ dạy nhiều giáo lý: về những thể loại kinh—kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bản sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp. Nếu, ngay cả chỉ cần học được ý nghĩa và Giáo Pháp của một bài kệ bốn câu, và người đó tu tập đúng theo Giáo Pháp, thì nhiều đó cũng đủ để người đó được gọi là “một bậc học sĩ về Giáo Pháp.”

“Thật tốt lành, thưa Thế Tôn” ... Sau khi nói vậy, thầy đó hỏi đức Thế Tôn thêm câu nữa:

(3) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập; bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập’. Theo cách nào một người là bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập?”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! ... Bởi vì thầy đã hỏi: ‘ ... Theo cách nào một người là một bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập?’”

“Dạ, thưa Thế Tôn.”

“Này Tỳ kheo, ở đây, một Tỳ kheo đã nghe được: ‘Đây là khổ’, và người đó nhìn thấy nghĩa của điều này, sau khi xuyên thủng (thấu hiểu) nó bằng trí-tuệ. Người đó đã nghe được: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, và người đó nhìn thấy nghĩa của điều này, sau khi xuyên thủng (thấu hiểu) nó bằng trí-tuệ. Người đó đã nghe được: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và người đó nhìn thấy nghĩa của điều này, sau khi xuyên thủng (thấu hiểu) nó bằng trí-tuệ. Người đó đã nghe được: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’, và người đó nhìn thấy nghĩa của điều này, sau khi xuyên thủng (thấu hiểu) nó bằng trí-tuệ. Chính theo cách này một người là một bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập.”

“Thật tốt lành, thưa Thế Tôn” ... Sau khi nói vậy, thầy đó hỏi đức Thế Tôn thêm câu nữa:

(4) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘bậc trí với trí-tuệ lớn; bậc trí với trí-tuệ lớn’. Theo cách nào một người là bậc trí với trí-tuệ lớn?”

“Tốt, tốt này Tỳ kheo! ... Bởi vì thầy đã hỏi: ‘ ... Theo cách nào một người là bậc trí với trí-tuệ lớn?’”

“Dạ, thưa Thế Tôn.”

“Này Tỳ kheo, ở đây, một Tỳ kheo là một bậc trí với trí-tuệ lớn không ý-định (tư duy) vì sự khổ đau cho mình, hay vì sự khổ đau của người khác, hay vì sự khổ đau cho cả mình và người khác. Thay vì vậy, khi người đó nghĩ, người đó chỉ nghĩ về phúc lợi của mình, phúc lợi của người khác, phúc lợi của cả mình và người khác, và phúc lợi của cả thế gian.⁹⁰⁰ Chính theo cách này một người là một bậc trí với trí-tuệ lớn.”

187 (7) Vassakāra

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc đó có bà-la-môn tên Vassakāra, là vị tể tướng của vương quốc Ma-kiệt-đà (Magadha), đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, ông nói với đức Thế Tôn:

(I)

(1) “Thầy Cò-đàm, một người xấu có thể biết một người xấu [để nói]: ‘Kẻ này là người xấu’, hay không?”

“Này bà-la-môn, không thể có và không thể hình dung rằng một người xấu có thể biết một người xấu [để nói]: ‘Đây là một người xấu’.”

(2) “Vậy một người xấu có thể biết một người tốt là tốt, hay không?”

“Này bà-la-môn, không thể có và không thể hình dung rằng một người xấu có thể biết một người tốt [để nói]: ‘Đây là một người tốt.’”

(3) “Một người tốt có thể biết một người tốt [để nói]: ‘Đây là một người tốt’, hay không?”

“Này bà-la-môn, có thể rằng một người tốt có thể biết một người tốt [để nói]: ‘Đây là một người tốt’.”

(4) “Vậy một người tốt có thể biết một người xấu [để nói]: ‘Đây là một người xấu’, hay không?”

“Này bà-la-môn, cũng có thể rằng một người tốt có thể biết một người xấu [để nói]: ‘Đây là một người xấu’.”

“Thật đáng ngạc nhiên và kỳ diệu, thưa Thầy Cò-đàm, thậm chí hay khéo là cách những điều này đã được tuyên thuyết bởi Thầy Cò-đàm: “Này bà-la-môn, không thể có và không thể hình dung rằng một người xấu có thể biết một người xấu ... (04 câu trả lời trên của Phật) ...”

(II)

“Thầy Cô-đàm, trong một lần những thành viên của hội của bà-la-môn Todeyya đang bài bác những người khác, [họ nói]: ‘Vua Eḷeyya là người ngu, bởi ông cả tin vào tu sĩ Rāmaputta, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.’⁹⁰¹ Những quan thần của Vua Eḷeyya—gồm Yamaka, Moggalla, Ugga, Nāvindakī, Gandhabba, và Aggivessa—cũng đều là người ngu, bởi họ cũng cả tin vào tu sĩ Rāmaputta, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.’

Lúc đó, bà-la-môn Todeyya mới lý giải dẫn dắt họ lòng vòng bằng phương pháp này:

(i) “Này quý vị, quý vị nghĩ sao, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, có phải Vua Eḷeyya là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường, phải không?”

“[Họ trả lời:] Đúng vậy, thưa ngài, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, Vua Eḷeyya là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường.”

“Nhưng, này quý vị, chính vì tu sĩ Rāmaputta còn khôn khéo và tinh tường hơn cả Vua King Eḷeyya trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, cho nên Vua Eḷeyya mới có lòng-tin hoàn toàn vào ông ấy, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.’

(ii) “Này quý vị, quý vị nghĩ sao, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, có phải những quan thần của Vua Eḷeyya—gồm Yamaka, Moggalla, Ugga, Nāvindakī, Gandhabba, và Aggivessa—là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường?”

“Đúng vậy, thưa ngài, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành

chính, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, họ là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường.”

“Nhưng, này quý vị, chính vì tu sĩ Rāmaputta còn khôn khéo và tinh tường hơn cả họ trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, cho nên họ mới có lòng-tin hoàn toàn vào ông ấy, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.”⁹⁰²

“Thật đáng ngạc nhiên và kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm, thật hay khéo là cách những điều này đã được tuyên thuyết bởi Thầy Cồ-đàm: “Này bà-la-môn, không thể có và không thể hình dung rằng một người xấu có thể biết một người xấu ... (04 câu trả lời trên của Phật) ...” Và bây giờ, thưa Thầy Cồ-đàm, chúng tôi phải đi đây. Chúng tôi bận và có nhiều việc phải làm.”

“Này bà-la-môn, ông cứ tùy tiện mà đi.”

Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà, sau khi hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

188 (8) Upaka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó có ông Upaka Maṇḍikāputta đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và nói:

“Thưa Ngài, đây là lý luận và quan điểm của tôi: Nếu ai bài bác người khác nhưng không chứng thực được điều đó, thì người đó là có lỗi và đáng chê trách.”

“Này Upaka, nếu ai bài bác người khác nhưng không chứng thực được điều đó, thì người đó là có tội và đáng chê trách. Nhưng ông bài bác người khác và không chứng thực điều đó, vậy ông cũng có lỗi và đáng chê

trách.”

“Thưa Ngài, giống như một người dùng một bẫy lớn để canh bắt [con cá] đang trôi lên [mặt nước]; cũng giống như vậy, khi tôi mới nổi lên thì Thế Tôn đã canh bắt tôi bằng một bẫy lớn trong cuộc đàm luận.”

(1) “Này Upaka, ta đã tuyên bố: ‘Điều này bất thiện’. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn từ ngữ và câu chữ, [tuyên thuyết]: ‘Vì những lý do như vậy và như vậy, điều này là bất thiện’.

(2) “Này Upaka, ta đã tuyên bố: ‘Rằng những điều bất thiện nên được dẹp bỏ’. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn từ ngữ và câu chữ, [tuyên thuyết]: ‘Vì những lý do như vậy và như vậy, rằng những điều bất thiện nên được dẹp bỏ’.

(3) “Này Upaka, ta đã tuyên bố: ‘Đây là thiện’. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn từ ngữ và câu chữ, [tuyên thuyết]: ‘Vì những lý do như vậy và như vậy, điều này là thiện’.

(4) “Này Upaka, ta đã tuyên bố: ‘Rằng những điều thiện nên được tu dưỡng’. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn từ ngữ và câu chữ, [tuyên thuyết]: ‘Vì những lý do như vậy và như vậy, rằng những điều thiện nên được tu dưỡng’.

Rồi ông Upaka Maṇḍikāputta, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra. Sau đó ông đến gặp Vua A-xà-thế (Ajātasattu Vedehiputta) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha) và kể lại cho vua nghe toàn bộ cuộc nói chuyện với đức Thế Tôn.

Khi ông kể xong, Vua A-xà-thế liền bực mình và nổi giận, ông nói với Upaka Maṇḍikāputta: “Thật là cả gan, này con trai của dân làm muối! Thật thô lỗ, thật hỗn xược, ông dám nghĩ có thể công kích đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác như vậy sao. Hãy biến đi, Upaka, biến đi! Biến khỏi mắt ta!”

189 (9) Sự Chứng Ngộ

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều này nên được chứng ngộ. Bốn là gì?”

“Có những điều được chứng ngộ bằng thân; có những điều được chứng ngộ bằng trí-nhớ; có những điều được chứng ngộ bằng mắt; có những điều được chứng ngộ bằng trí-tuệ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều được chứng ngộ bằng thân? Đó là, tám sự giải-thoát được chứng ngộ bằng thân (thân chứng).

(2) Và cái gì được chứng ngộ bằng trí-nhớ? Những cõi kiếp trước của một người được chứng ngộ bằng trí-nhớ (túc mạng minh).

(3) Và cái gì được chứng ngộ bằng mắt? Sự qua đời và tái sinh của những chúng sinh được chứng ngộ bằng mắt (thiên nhãn minh).

(4) Và cái gì được chứng ngộ bằng trí-tuệ? Sự tiêu diệt ô-nhiễm được chứng ngộ bằng trí-tuệ (lậu tận minh).

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều nên được chứng ngộ.”

190 (10) Ngày Bó-Tát

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Phía Đông, trong Lâu Đài của ‘Mẹ của Migāra’ (Migāramātā). Lúc đó, vào ngày lễ bó-tát [uposatha], đức Thế Tôn đang ngồi giữa Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Rồi, sau khi quan sát cả Tăng Đoàn đều im lặng, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, hội chúng này hết sự nói chuyện vô ích tán gẫu; hội chúng này không có sự nói chuyện vô ích tán gẫu, là trong sạch, được thiết lập về cốt lõi. Một Tăng đoàn Tỳ kheo như vậy, một hội chúng như vậy là hiếm thấy trong thế gian. Một Tăng đoàn Tỳ kheo như vậy, một hội chúng như vậy là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Ngay cả một chút

bồ thí cho một Tăng đoàn Tỳ kheo như vậy, cho một hội chúng như vậy, cũng trở thành nhiều; nhiều bồ thí trở thành bội nhiều. Một Tăng đoàn Tỳ kheo như vậy, một hội chúng như vậy là đáng để đi nhiều dặm đường [do-tuần, *yojana*] để đến gặp, dù trên vai phải vác cả bao nặng. Tăng đoàn Tỳ kheo này là như vậy.

“Có nhiều Tỳ kheo trong Tăng đoàn này là những người đang sống sau khi đã chứng đắc trạng thái những thiên-thần. Có nhiều Tỳ kheo trong Tăng đoàn này là những người đang sống sau khi đã chứng đắc trạng thái những vị trời brahmā. Có nhiều Tỳ kheo trong Tăng đoàn này là những người đang sống sau khi đã chứng đắc sự bất-động. Có những Tỳ kheo trong Tăng đoàn này là những người sống sau khi đã chứng đắc trạng thái của những thánh-nhân.

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái của một thiên-thần? Ở đây, một Tỳ kheo: **(i)** [‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’].

(ii) [‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm, hết tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’]

(iii) [‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’]

(iv) [‘Với sự dẹp bỏ sự sừng-khổ (không còn sừng hay khổ), và với

sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (hết hỷ, hết ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’]

Chính theo cách này (*chứng đắc các tầng thiền định sắc giới*), một Tỷ kheo đã chứng đắc trạng thái của một thiên-thần (tiên giới).

(2) “Và theo cách nào một Tỷ kheo đã chứng đắc trạng thái của một vị trời brahmā? Ở đây, (i) một Tỷ kheo An trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, mở rộng, siêu vời], vô lượng, không sự thù ghét, không sự ác ý.

(ii) Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ...

(iii) ... với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ...]

(iv) ... với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn ... sự tùy-hỷ ... sự buông-xả, rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, mở rộng, siêu vời], vô lượng, không sự thù ghét, không sự ác ý.

Chính theo cách này (*chứng đắc tứ vô lượng tâm, các phạm trú*), một Tỷ kheo chứng đắc trạng thái của một vị trời brahmā (Phạm thiên giới).

(3) “Và theo cách nào một Tỷ kheo đã chứng đắc sự bất-động? Ở đây, một Tỷ kheo: (i) [‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt

này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của không gian].’].

(ii) [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của thức].’].

(iii) [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’]

(iv) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].’

Chính theo cách này (*chứng đắc các tầng thiền định vô sắc giới*), một Tỳ kheo đã chứng đắc sự bất-động (những cõi vô-sắc giới).

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái của một thánh-nhân? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.

Chính theo cách này (*chứng ngộ Bốn Diệu Đế*), một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái của một thánh-nhân (tức nhập vào dòng thánh).”

NHÓM 5

NHÓM LỚN

191 (1) Nghe Theo Bằng Tai

“Này các Tỳ kheo, khi một người tu nghe theo những giáo lý bằng tai,⁹⁰³ tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến), thì có thể trông đợi bốn ích-lợi. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bản sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp. Người đó nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn. (Nhưng) người đó qua đời khi bị mờ-rối trong tâm (thất niệm) và tái sinh trong một nhóm những thiên-thần. Ở đó, *có những bậc hạnh-phúc đọc tụng lại* những đoạn kinh Giáo Pháp cho người đó nghe.⁹⁰⁴ Sự khởi sinh trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó (người đó, thiên thần đó) cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt (giác ngộ cao hơn).

“Đây là ích lợi thứ nhất có thể được trông đợi khi một người tu đã nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... kinh vấn đáp. Người đó nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn. (Nhưng) người đó qua đời bị mờ-rối trong tâm (thất niệm) và tái sinh trong một nhóm những thiên-thần. Ở đó, những vị tiên hạnh-phúc không tụng lại những đoạn kinh Giáo Pháp cho người đó nghe. Nhưng nhờ *có một Tỳ kheo có năng lực thần-thông*, là người đã đạt tới sự làm-chủ cái tâm, *sẽ chỉ dạy Giáo Pháp* cho một hội chúng các thiên-thần ở đó. Điều này (trí nhớ) sẽ xảy đến với người đó:

‘Đây là Giáo Pháp và giới-luật mà tuân theo đó trước kia (ở cõi người) ta đã sống đời sống tâm linh.’ Sự khởi sinh của trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt.

“Ví dụ có một người rất giỏi về tiếng trống com. Khi đang đi trên đường lộ người đó nghe thấy tiếng trống com và sẽ không hề bị lẫn lộn hay không chắc chắn về âm thanh của nó; thậm chí người đó còn kết luận: ‘Đó là tiếng trống com’. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: ... [*lặp lại đoạn kể trên*] ... Sự khởi sinh của trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt.

“Đây là ích lợi thứ hai có thể được trông đợi khi một người tu đã nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... kinh văn đáp. Người đó nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn. (Nhưng) người đó qua đời bị mờ-rối trong tâm (thất niệm) và tái sinh trong một nhóm những thiên-thần. Ở đó, những vị tiên hạnh-phúc không tụng lại những đoạn kinh Giáo Pháp cho người đó nghe; cũng không có một Tỳ kheo có năng-lực thần thông, là người đã đạt tới sự làm-chủ cái tâm, chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng các thiên-thần ở đó. Nhưng nhờ *có một thiên-thần trẻ chỉ dạy Giáo Pháp* cho hội chúng các thiên-thần ở đó. Điều này (trí nhớ) sẽ xảy đến với người đó: ‘Đây là Giáo Pháp và giới-luật mà tuân theo đó trước kia ta (ở cõi người) đã sống đời sống tâm linh.’ Sự khởi sinh của trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt.

“Ví dụ có một người rất giỏi về tiếng tù và. Khi đang đi trên đường lộ người đó nghe thấy tiếng tù và sẽ không hề bị lẫn lộn hay không chắc chắn về âm thanh của nó; thậm chí người đó còn kết luận: ‘Đó là tiếng tù và’. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể

loại kinh: ... [lặp lại đoạn kể trên] ... Sự khởi sinh của trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt.

“Đây là ích lợi thứ ba có thể được trông đợi khi một người tu đã nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... kinh vấn đáp. Người đó nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn. (Nhưng) người đó qua đời bị mờ-rối trong tâm (thất niệm) và tái sinh trong một nhóm những thiên-thần. Ở đó, những vị tiên hạnh-phúc không tụng lại những đoạn lời Giáo Pháp cho người đó nghe; cũng không có một Tỳ kheo có năng-lực thần thông, là người đã đạt tới sự làm-chủ cái tâm, chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng các thiên-thần; cũng không có một thiên-thần trẻ chỉ dạy Giáo Pháp cho hội chúng các thiên-thần ở đó. Nhưng nhờ có một chúng sinh đã được tái sinh tự động (một bậc Bất-lai trong cõi trời đó) sẽ nhắc lại cho những chúng sinh khác cũng được tái sinh tự động ở đó: ‘Này quý tiên, có nhớ không? Quý tiên có nhớ chúng ta đã từng sống đời sống tâm linh ở đâu không?’ Người đó sẽ nói: ‘Tôi nhớ rồi, thưa quý tiên; tôi nhớ lại rồi’. Sự khởi sinh của trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt.

“Ví dụ có hai người bạn đã từng chơi đùa vớ nhau trong nước bùn. Tình cờ họ gặp lại nhau sau đó trong đời. Rồi một người bạn mới nói với người kia: ‘Này bạn, bạn có nhớ chuyện này không? Này bạn, bạn có nhớ chuyện đó không?’. Và người kia sẽ nói: ‘Tôi nhớ rồi, này bạn. Tôi nhớ lại rồi’. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: ... [lặp lại đoạn kể trên] ... Sự khởi sinh của trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt.

“Đây là ích lợi thứ tư có thể được trông đợi khi một người tu đã nghe

theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn.

192 (2) Những Điều Thật

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều thật [về người] này có thể được biết từ bốn điều thật [khác]. Bốn đó là gì?

[1] “Bằng cách sống chung với nhau, có thể biết được giới-hạnh của nhau; và chỉ biết sau một thời gian dài, không phải một đôi lần tình cờ; (biết được) bởi người có chú-ý, không phải bởi người không có chú-ý; và bởi người có trí, không phải bởi người không có trí.

[2] “Bằng cách xử sự với nhau (liên hệ, làm ăn, làm việc, xử lý), có thể biết được tính chân-thật của nhau; và chỉ biết sau một thời gian dài, không phải một đôi lần tình cờ; (biết được) bởi người có chú-ý, không phải bởi người không có chú-ý; và bởi người có trí, không phải bởi người không có trí.

[3] “Trong cùng nghịch cảnh bất hạnh với nhau, có thể biết nghị lực chịu-đựng của nhau; và chỉ biết sau một thời gian dài, không phải một đôi lần tình cờ; (biết được) bởi người có chú-ý, không phải bởi người không có chú-ý; và bởi người có trí, không phải bởi người không có trí.

[4] “Bằng cách đối thoại với nhau (thảo luận, đàm đạo), có thể biết trí-tuệ của nhau; và chỉ biết sau một thời gian dài, không phải một đôi lần tình cờ; (biết được) bởi người có chú-ý, không phải bởi người không có chú-ý; và bởi người có trí, không phải bởi người không có trí.

(1) “Khi điều [1] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy?

(a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, bằng cách sống chung với người khác, mình sẽ đi đến biết được người đó như vậy: ‘Đã từ lâu giới-hạnh của vị này đã bị sút mẻ, bị hư hỏng, bị dính nhiễm, bị vết nhơ, và người đó không thường trực giữ-giới (không trai giới) và không sống theo giới-hạnh. Vị này là vô đạo đức, thiếu giới-hạnh.’

(b) “Nhưng trong trường hợp khác, bằng cách sống chung với người khác, mình sẽ đi đến biết được người đó như vậy: ‘Đã từ lâu giới-hạnh của vị này đã không bị sút mẻ, không bị hư hỏng, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, và người đó thường kiên trì giữ-giới và sống theo giới-hạnh. Vị này là có giới-hạnh, không phải vô đạo đức.’

“Vì lý do như vậy nên điều [1] đã được nói ra.

(2) “Thêm nữa, khi điều [2] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy?

(a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, khi xử sự với một người, mình sẽ đi đến biết được người đó như vậy: ‘Vị này đối xử với một người theo cách này, đối xử với hai người theo cách khác, đối xử với ba người theo cách khác nữa, và đối xử với nhiều người theo cách khác nữa. Những cách đối xử trong mỗi trường hợp đều khác nhau.⁹⁰⁵ Vị này là không trong sạch trong những cách đối xử với những người khác, là không liêm khiết trong những cách đối xử như vậy.’

(b) “Nhưng trong trường hợp khác, khi xử sự với một người, mình sẽ đi đến biết được người đó như vậy: ‘Vị này đối xử với một người, hai người, ba người, hay nhiều người theo cách giống nhau. Những cách đối xử trong những trường hợp đều giống nhau. Vị này là trong sạch trong những cách đối xử với những người khác, là liêm khiết trong những cách đối xử như vậy.’

“Vì lý do như vậy nên điều [2] đã được nói ra.

(3) “Thêm nữa, khi điều [3] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy?

(a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người bị đau khổ khi bị mất người thân, của cải, hay sức khỏe, nhưng người đó *không* biết suy xét (quán chiếu) như vậy: ‘Kiếp người trong thế gian vốn có bản chất như vậy,⁹⁰⁶ rằng tám tình trạng trần tục xoay quay thế gian và thế gian xoay quanh tám tình trạng trần tục, đó là, “được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ”.’ Do vậy, mỗi khi bị mất người thân, của cải, hay sức khỏe,

người đó buồn sâu, suy nhược, và ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quần trí.

(b) “Nhưng trong trường hợp khác, có người bị đau khổ khi bị mất người thân, của cải, hay sức khỏe, nhưng người đó biết suy xét (quán chiếu) như vậy: ‘Kiếp người trong thế gian vốn có bản chất như vậy, rằng tám tình trạng trần tục xoay quay thế gian và thế gian xoay quanh tám tình trạng trần tục, đó là, “được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ”.’ Do vậy, mỗi khi bị mất người thân, của cải, hay sức khỏe, người đó không buồn sâu, suy nhược, và ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực, quần trí.

“Vì lý do như vậy nên điều [3] đã được nói ra.

(4) “Thêm nữa, khi điều [4] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy?

(a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, khi đối thoại với một người, mình đi đến biết được rằng: ‘Suy đoán từ cách vị ấy khởi xướng, hình thành, và đưa ra một câu hỏi, cho thấy vị ấy là không có trí, là không trí tuệ. Vì lý do gì? Vị ấy không nói về những vấn đề sâu sắc, bình an, siêu xuất, vượt trên địa phận lý luận, tinh tế, có thể được hiểu bởi người có trí. Khi vị ấy nói về Giáo Pháp, vị ấy không thể giảng giải, chỉ dạy, mô tả, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ ý nghĩa của nó một cách ngắn gọn hay chi tiết. Vị ấy là không có trí, là không trí tuệ.’

“Giống như một người có mắt sáng, đứng bên bờ hồ, có thể nhìn thấy rõ một con cá nhỏ đang nổi lên mặt nước, người đó nghĩ: ‘Suy đoán từ cách con cá nổi lên, từ đợn sóng nước nó tạo ra, và từ lực bơi của nó, cho thấy nó là một con cá nhỏ, không phải cá lớn’. Cũng giống như vậy, khi đối thoại với một người, mình sẽ đi đến biết được rằng: ‘Suy đoán từ cách vị ấy khởi xướng, hình thành, và đưa ra một câu hỏi, cho thấy vị ấy là không có trí, là không trí tuệ.’

(b) “Nhưng trong trường hợp khác, khi đối thoại với một người, mình đi đến biết được rằng: ‘Suy đoán từ cách vị ấy khởi xướng, hình thành, và

đưa ra một câu hỏi, cho thấy vị ấy là có trí, là trí tuệ. Vì lý do gì? Vị ấy nói về những vấn đề sâu sắc, bình an, siêu xuất, vượt trên địa phận lý luận, tinh tế, có thể được hiểu bởi người có trí. Khi vị ấy nói về Giáo Pháp, vị ấy có thể giảng giải, chỉ dạy, mô tả, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ ý nghĩa của nó một cách ngắn gọn hay chi tiết. Vị ấy là có trí, là trí tuệ.’

“Giống như một người có mắt sáng, đứng bên bờ hồ, có thể nhìn thấy rõ một con cá lớn đang nổi lên mặt nước, người đó nghĩ: ‘Suy đoán từ cách con cá nổi lên, từ dợn sóng nước nó tạo ra, và từ lực bơi của nó, cho thấy nó là một con cá lớn, không phải cá nhỏ’. Cũng giống như vậy, khi đối thoại với một người, mình sẽ đi đến biết được rằng: ‘Suy đoán từ cách vị ấy khởi xướng, hình thành, và đưa ra một câu hỏi, cho thấy vị ấy là có trí, là trí tuệ.’

“Vì lý do như vậy nên điều [4] đã được nói ra.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều sự thật có thể được biết thông qua bốn trường hợp.”

193 (3) Ông Bhaddiya

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī, trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có ông Bhaddiya người Licchavi đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, con nghe (người ta nói) điều này: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một nhà huyền thuật, là người biết bùa thuật để chuyển đạo nhờ đó ông ta chuyển đạo (cải đạo) những đệ tử của những đạo sư của giáo phái khác.’⁹⁰⁷ Có phải những người nói như vậy là nói đúng điều đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai bằng điều gì trái với thực tế (như Thế Tôn đã nói)? Có phải họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và do vậy họ không tạo cơ sở có lý nào để bị (người khác) phê bình hay bác bỏ? Vì chúng con không muốn diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn.”

(I) “Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng, bởi tông phái truyền thừa, bởi lời đồn đại, bởi kinh sách; bởi sự lý luận theo lý lẽ, bởi lý luận do suy đoán, bởi vì sự nhận thấy có lý, bởi do chấp nhận một quan điểm sau khi xem xét kỹ nó; bởi bề ngoài (vị đó) có vẻ cao đạo, hay bởi do ý nghĩ ‘Sa-môn đó là sư thầy của chúng ta mà (cho nên ông nói là đúng thôi)’.” Nhưng khi nào chú tự mình biết được: ‘Những điều này là bất thiện; những điều này là đáng chê trách (tội lỗi); những điều này là bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau’, thì ông nên dẹp bỏ chúng.”⁹⁰⁸

(1) “Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Khi tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại nguy hại, thưa Thế Tôn.”

“Này Bhaddiya, một người tham, bị chi phối bởi tham, với một cái tâm bị ám muội bởi tham, nên mới sát-sinh, gian-cấp (lấy của không được cho), tà-dâm (gian dâm, ngoại tình), và nói-dối nói láo; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

(2) “Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Khi sân ... (3) Khi si ... (4) Khi sự thái-quá khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”⁹⁰⁹

“Mang lại nguy hại, thưa Thế Tôn.”

“Này Bhaddiya, một người sân hận, bị chi phối bởi sân ... bởi si ... bởi tính thái-quá, với một cái tâm bị ám muội bởi sân ... bởi si ... bởi tính thái-quá, nên mới sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, và nói-dối nói láo; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?” – “Không thiện lành, thưa Thế Tôn” – “Đáng chê trách hay không đáng chê trách?” – “Đáng chê trách, thưa Thế Tôn” – “Bị quở trách hay được khen ngợi bởi bậc trí hiền?” – “Bị quở trách bởi bậc trí hiền, thưa Thế Tôn” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau hay không, chú thấy sao?” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau, con thấy như vậy.”

“Như vậy, này Bhaddiya, khi ta nói: ‘Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng khi nào chú tự mình biết được: ‘Những điều này là không thiện lành ... thì chú nên dẹp bỏ chúng’ *[như đoạn đầu (I) ở trên]*, thì chính vì lý lẽ này nên ta đã nói như vậy.”

(II) Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng, này Bhaddiya, khi nào chú tự mình biết được: ‘Những điều này là thiện lành; những điều này là không đáng chê trách (không tội lỗi); những điều này là không bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc’, thì chú nên sống theo chúng.”

(1) “Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Khi sự vô-tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa Thế Tôn.”

“Này Bhaddiya, một người không tham, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham, thì không sát-sinh, gian-cấp (lấy của không được cho), tà-dâm (gian dâm, ngoại tình), hay nói-dối nói láo; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

(2) “Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Khi sự vô-sân ... (3) Khi sự vô-si ... (4) Khi sự không thái-quá khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa Thế Tôn.”

“Này Bhaddiya, một người không sân ... không si ... không thái-quá, không bị chi phối bởi sân ... bởi si ... bởi tính thái-quá, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân ... bởi si ... bởi tính thái-quá, thì không sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, hay nói-dối nói láo; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?” – “Thiện lành, thưa Thế Tôn” – “Đáng chê trách hay không đáng chê trách?” – “Không đáng chê trách, thưa Thế Tôn” – “Bị quở trách hay được khen ngợi bởi bậc trí hiền?” – “Được khen ngợi bởi bậc trí hiền, thưa Thế Tôn” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc hay không, chú thấy sao?” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc; con thấy như vậy.”

“Như vậy, này Bhaddiya, khi ta nói: ‘Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng khi nào chú tự mình biết được: ‘Những điều này là thiện lành ... thì chú nên sống theo chúng’ *[như đoạn đầu (II) ở trên]*, thì chính vì lý lẽ này nên ta đã nói như vậy.”

(III) “Này Bhaddiya, những người tốt trong thế gian thì khích lệ đệ tử của mình như vậy: ‘Này người tốt, anh nên thường trực trừ bỏ tham.’⁹¹⁰ Khi anh thường trực trừ bỏ tham, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ tham, dù là bằng thân, lời-nói hay tâm. Anh nên thường trực trừ bỏ sân. Khi anh thường trực trừ bỏ sân, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ sân, dù là bằng thân, lời-nói hay tâm. Khi anh thường trực trừ bỏ si, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ si, dù là bằng thân, lời-nói hay tâm. Khi anh thường trực trừ bỏ sự thái-quá, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ tính thái-quá, dù là bằng thân, lời-nói hay tâm.”

Sau khi điều này được nói ra, ông Bhaddiya người Licchavi đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... *[giống đoạn cuối kinh*

4:111] ... Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến cuối đời.”

“Giờ, này Bhaddiya, ta có bao giờ nói với chú rằng: ‘Này Bhaddiya, hãy đến đây làm môn đồ của ta và ta sẽ làm sư thầy của chú’, hay không?”

“Chắc chắn không có vậy, thưa Thế Tôn”.

“Nhưng, này Bhaddiya, mặc dù ta nói ra như vậy và tuyên thuyết [giáo lý của ta] theo cách như vậy, vẫn có một số những tu sĩ và bà-la-môn đã diễn dịch lời ta một cách không đúng sự thật, không có căn cứ, sai giả, và sai trái khi họ nói rằng: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một nhà huyền thuật, là người biết bùa thuật chuyển đạo nhờ đó ông ta chuyển đạo những đệ tử của những đạo sư giáo phái khác.’

“Cái ‘bùa chuyển đạo’ đó là thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Cái ‘thuật chuyển đạo’ đó thật là tốt lành, thưa Thế Tôn! Nếu những người họ hàng và những người thân yêu quý trong gia đình của con được chuyển đạo bằng sự chuyển đạo này, chắc điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu tất cả những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) được chuyển đạo bằng sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu những bà-la-môn ... những người giai cấp thương-nông (vessa) ... những người giai cấp hạ-tiện (sudda) được chuyển đạo bằng sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ.”⁹¹¹

“Đúng là vậy, này Bhaddiya, đúng là vậy! Nếu tất cả những người giai cấp chiến-sĩ mà được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này để hướng tới sự dẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và sự thu-nạp những phẩm chất thiện-lành, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu những bà-la-môn ... những người giai cấp thương-nông (vessa) ... những người giai cấp hạ-tiện (sudda) được chuyển đạo bằng sự chuyển đạo này để hướng tới sự dẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và sự thu-nạp những phẩm chất thiện-lành, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu thế gian này có những thiên-thần, Ma Vương, và trời

Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và con người mà được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này để hướng tới sự đẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và tích đạt những phẩm chất thiện-lành, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho thế gian. Nếu những cây sa-la (long thọ) lớn này mà cũng được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này để hướng tới sự đẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và tích đạt những phẩm chất thiện-lành, nếu chúng có thể chọn, thì điều đó thậm chí cũng dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho chúng.⁹¹² Huống chi một người mà biết chọn thì tốt lành nhiều tới mức nào!”

194 (4) *Thị Trấn Sāpūga*

Trong một lần đức Ngài Ānanda đang sống giữa xứ người Koliya (Câu-lợi) gần một thị trấn của họ có tên là thị trấn Sāpūga. Lúc đó có một số thanh niên người Koliya từ thị trấn Sāpūga đã đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy, và ngồi xuống một bên. Rồi thầy Ānanda mới nói với họ:

“Này những người (họ tộc) Byagghapajja, có bốn chi phần của sự chuyên-cần tu (tinh cần) để dẫn tới sự thanh-lọc (thanh tịnh, trong sạch)⁹¹³ mà đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc biết và thấy, đã thuyết giảng một cách đúng đắn để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp (pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Bốn đó là gì? Chi chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của giới-hạnh, chi chuyên-cần tu để dẫn tới sự thanh-lọc của tâm, chi chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của cách-nhìn, và chi chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của sự giải-thoát.⁹¹⁴

(1) “Và, này những người Byagghapajja, cái gì là chi chuyên-cần tu (chi tinh cần) để đạt tới sự thanh-lọc của giới-hạnh [giới]? Ở đây, một Tỷ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiểm chế trong Pātimokkha [Giới Bản Tỷ kheo], có được phẩm-hạnh và nơi nương-tựa tốt lành, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới

luật tu hành, người đó tu học trong những điều luật đó. Đây được gọi là ‘sự thanh-lọc giới-hạnh’. Sự muốn (dục), sự nỗ-lực tu (tinh tấn), sự nhiệt tình, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định như vậy]: ‘Chỉ theo cách như vậy là tôi sẽ hoàn thiện ‘sự trong-sạch của giới-hạnh’ mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp thêm bằng trí-tuệ theo nhiều cách cho ‘sự thanh lọc của giới-hạnh’ mà tôi đã tu thành’⁹¹⁵—đây được gọi là chi chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của giới-hạnh.

(2) “Và, này những người Byagghapajja, cái gì là chi chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của tâm [tâm]? Ở đây, một Tỳ kheo: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc) ... người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) ... tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) ... tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) ... tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là ‘sự thanh-lọc tâm’. Sự muốn (dục), sự nỗ-lực tu (tinh tấn), sự nhiệt tình, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định như vậy]: ‘Chỉ theo cách như vậy là tôi sẽ hoàn thiện ‘sự thanh-lọc tâm’ mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp thêm bằng trí-tuệ theo nhiều cách cho ‘sự thanh lọc của tâm’ mà tôi đã tu thành’—đây được gọi là chi chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc tâm.

(3) “Và, này những người Byagghapajja, cái gì là chi chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của cách-nhìn [kiến]? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ ... ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Đây được gọi là ‘sự thanh-lọc cách-nhìn’.⁹¹⁶ Đây được gọi là ‘sự thanh-lọc cách-nhìn’. Sự muốn (dục), sự nỗ-lực tu (tinh tấn), sự nhiệt tình, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định như vậy]: ‘Chỉ theo cách như vậy là tôi sẽ hoàn thiện ‘sự thanh-lọc cách-nhìn’ mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp thêm bằng trí-tuệ theo nhiều cách cho ‘sự thanh lọc của cách-nhìn’ mà tôi đã tu thành’—đây được gọi là chi chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc cách-

nhìn.

(4) “Và, này những người Byagghapajja, cái gì là chi chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của sự giải-thoát [sự giải-thoát]? Ở đây, cũng chính vị đệ tử thánh thiện đó, sau khi đã có-được chi chuyên-cần tu để đạt tới ‘sự thanh-lọc giới-hạnh’ như vậy, đã có-được chi chuyên-cần tu để đạt tới ‘sự thanh-lọc tâm’ như vậy, đã có-được chi chuyên-cần tu để đạt tới ‘sự thanh-lọc cách-nhìn’ như vậy, người đó (i) tách ly tâm mình khỏi những thứ gây ra sự dính-mắc và (ii) giải thoát tâm mình thông qua những thứ đưa đến sự giải-thoát. Nhờ đó người đó đạt tới sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là ‘sự thanh-lọc sự giải-thoát’.⁹¹⁷ Sự muốn (dục), sự nỗ-lực tu (tinh tấn), sự nhiệt tình, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định như vậy]: ‘Chỉ theo cách như vậy là tôi sẽ hoàn thiện ‘sự thanh-lọc sự giải-thoát’ mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp thêm bằng trí-tuệ theo nhiều cách cho ‘sự thanh lọc của sự giải-thoát’ mà tôi đã tu thành’—đây được gọi là chi chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc sự giải-thoát.

“Này những người (họ tộc) Byagghapajja, đây là bốn chi phần của sự chuyên-cần tu (tinh cần) để đạt tới sự thanh-lọc mà đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc biết và thấy, đã thuyết giảng một cách đúng đắn để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp (pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn.”

195 (5) Ông Vappa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người xứ dân Thích-ca (Sakya) ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Vườn Cây Banyan. Lúc đó có ông Vappa người họ tộc Thích-ca, là một đệ tử của những Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha), đã đến gặp Ngài Đại Mục-kiền-liên, kính lễ thầy ấy và ngồi xuống một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với ông ấy:

“Ở đây, này chú Vappa, nếu một người được kiểm chế về [bởi] thân,

lời-nói và tâm thì, khi vô-minh phai biến và trí-biết đích thực (minh) khởi sinh, chú thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?”

“Tôi thấy có khả năng đó, thưa Ngài. Trong quá khứ một người đã làm việc xấu ác mà quả của nó hiện chưa chín muồi. Vì lý do đó (tức còn nghiệp chưa chín muồi thành quả) mà những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau.”⁹¹⁸

Trong khi cuộc đàm đạo này giữa hai người đang diễn ra, lúc đó vào cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đi đến hội trường. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với thầy Mục-kiền-liên:

“Này Mục-kiền-liên, cuộc thảo luận mà thầy đang tham gia là gì? Và cuộc đàm đạo của thầy đang diễn ra là gì?”

[Thầy Mục-kiền-liên kể lại toàn bộ cuộc nói chuyện của mình với ông Vappa người họ Thích-ca, và nói thêm:]

“Thưa Thế Tôn, đây là cuộc thảo luận mà con đang nói với ông Vappa người họ Thích-ca khi đức Thế Tôn đến.”

Rồi đức Thế Tôn nói với ông Vappa:

“Này chú Vappa, nếu chú thừa nhận điều nên được thừa nhận, và từ chối điều nên được từ chối; và nếu khi chú không hiểu nghĩa của lời ta nói chú sẽ hỏi kỹ lại ta: ‘Điều này là sao, thưa Ngài? Nghĩa của điều này là gì, thưa Ngài’, thì chúng ta có thể thảo luận vấn đề này.”

“Thưa Ngài, tôi sẽ làm như Ngài yêu cầu, và nếu khi tôi không hiểu nghĩa của lời Ngài nói, tôi sẽ hỏi kỹ Ngài: ‘Điều này là sao, thưa Ngài? Nghĩa của điều này là gì, thưa Ngài’. Vậy chúng ta cùng thảo luận tiếp vấn đề này.”

(1) “Này Vappa, chú nghĩ sao? Những ô-nhiễm đó, là khôn khô và sót não, vốn khởi sinh do những sự chủ-động-làm bằng *thân*; chúng không xảy ra nếu một người biết kiểm-chế chúng (những sự chủ-động-làm).

Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp-xúc nó nhiều lần lặp lại.⁹¹⁹ Sự phai-mòn đó (phai đi, phai dần) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Nay Vappa, chú có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?”

“Không, thưa Ngài”

(2) “Này Vappa, chú nghĩ sao? Những ô-nhiễm đó, là khôn khổ và sót não, vốn khởi sinh do những sự chủ-động-làm bằng *lời-nói*; chúng không xảy ra nếu một người biết kiểm-chế chúng (những sự chủ-động-làm). Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp-xúc nó nhiều lần lặp lại. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Nay Vappa, chú có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?”

“Không, thưa Ngài”

(3) “Này Vappa, chú nghĩ sao? Những ô-nhiễm đó, là khôn khổ và sót não, vốn khởi sinh do những sự chủ-động-làm bằng *tâm*; chúng không xảy ra nếu một người biết kiểm-chế chúng (những sự chủ-động-làm). Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp-xúc nó nhiều lần lặp lại. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Nay Vappa, chú có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?”

“Không, thưa Ngài”

(4) “Này Vappa, chú nghĩ sao? Khi vô-minh phai biến và trí-biết trực tiếp (minh) khởi sinh, thì những ô-nhiễm đó, là khôn khổ và sót não, vốn

khởi sinh do vô-minh là điều-kiện (duyên), sẽ không còn xảy ra. Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp-xúc nó nhiều lần lặp lại. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Nay Vappa, chú có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?”

“Không, thưa Ngài”

“Nay Vappa, một Tỳ kheo đã giải thoát trong tâm một cách toàn thiện như vậy là thành tựu sáu sự an-trú thường xuyên. (i) Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết.⁹²⁰ (ii) Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... (iii) Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... (iv) Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... (v) Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... (vi) Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết.

“Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này.’ Người đó hiểu rằng: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt mạng sống (thân hoại, mạng chung), tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở thành nguội mát ngay tại đây.’⁹²¹

“Nay chú Vappa, ví dụ có một cái bóng do còn một gốc cây (bóng của gốc cây đó). Rồi một người đến cầm theo cái xẻng và cái rỏ đục. Người đó đào bứng gốc nó, đào nó lên, bứng hết rễ của nó, ngay cả những cọng rễ nhỏ và rễ tơ cũng không còn. Rồi người đó chặt nó ra từng miếng, băm nhỏ chúng, và băm nát chúng. Rồi người đó đem phơi dưới nắng và gió, rồi đốt chúng trong lửa và đốt thành tro. Sau khi làm xong, người đó đem tro quăng trong gió mạnh hoặc rải chúng xuống dòng sông chảy xiết

(để tán mất vĩnh viễn). Như vậy cái bóng, do có gốc cây mà có, giờ đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh trong tương lai.⁹²²

“Cũng giống như vậy, này Vappa, một Tỳ kheo đã giải thoát trong tâm một cách toàn thiện như vậy là thành tựu sáu sự an-trú thường xuyên. (i) Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết. (ii) Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... (iii) Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... (iv) Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... (v) Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... (vi) Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết.

“Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này.’ Người đó hiểu rằng: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt mạng sống (thân hoại, mạng chung), tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở thành nguội mát ngay tại đây.’”

Sau khi điều này được nói ra, ông Vappa người họ tộc Thích-ca, là một đệ tử của những Ni-kiền-tử, đã nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, giống như có người muốn thu lợi nên nuôi ngựa để bán, nhưng ông ta chẳng thu được lợi gì mà chỉ thu được sự mệt mỏi và phiền khổ. Giống như vậy, cũng vì mưu cầu lợi lộc con đã tham gia theo những Ni-kiền-tử ngu ngốc, nhưng con chẳng thu được lợi lộc gì mà chỉ thu được sự mệt mỏi và phiền khổ. Kể từ hôm nay, mọi niềm-tin mà con đã tin vào những Ni-kiền-tử, con sẽ quăng đi trong gió mạnh hay rải xuống dòng sông chảy xiết (để vĩnh viễn không còn).

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... *[giống hết đoạn cuối kinh 4:III]* ...

Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến cuối đời.”

196 (6) Ông Sālha

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có ông Sālha và ông Abhaya đều là người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi ông Sālha đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có những tu sĩ và bà-la-môn là người tuyên bố ‘sự vượt qua dòng-lũ’ thông qua hai sự: (i) bằng phương tiện là ‘sự thanh-lọc giới-hạnh’ và (ii) bằng phương tiện là ‘sự khỏ-hạnh và sự ghê-tởm’ (với bản thân).⁹²³ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

(I) “Này Sālha, ta nói ‘sự thanh-lọc giới-hạnh’ là một trong những chi phần của đời sống tu sĩ (đời sống sa-môn, sa-môn hạnh). Nhưng những tu sĩ và bà-la-môn đó nếu chủ trương ‘sự khỏ-hạnh và sự ghê-tởm’, là những người coi ‘sự khỏ-hạnh và sự ghê-tởm’ là cốt-lõi (của đời tu), và những người tu theo cách tu là ‘sự khỏ-hạnh và sự ghê-tởm’ thì không thể nào vượt qua dòng-lũ.⁹²⁴ Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, lời-nói và tâm không trong sạch, và sự mưu-sinh của họ không trong sạch, thì không thể đạt được sự-biết và sự-thấy, không thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng.

“Này chú Sālha, ví dụ một người muốn vượt qua sông, người đó mang rìu bén và đi vô rừng. Ở đó người đó thấy một cây sa-la thân lớn, còn non, thẳng, tươi, chưa có lõi từ nụ quả (giống như lõi củi chuối sau khi thân chuối ra buồng). Người đó đốn hạ gốc nó, chặt bỏ phần ngọn, róc sạch cành và lá, gọt tía bằng rìu lớn, gọt tía thêm bằng rìu nhỏ, bào nó bằng cái bào, mài nó bằng đá mài, và đưa nó xuống nước để qua sông. Này Sālha, chú nghĩ sao? Liệu người đó có vượt qua sông được không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì cho dù thân tươi cây sa-la đã được làm sạch hết phần bên ngoài nhưng nó chưa được làm (đục) sạch hết

phần (ruột cây) bên trong. Có thể biết trước thân tươi cây sa-la đó sẽ bị chìm, và người đó sẽ gặp phải tai họa và khổ nạn.”

“Cũng giống như vậy, này Sālha, những tu sĩ và bà-la-môn đó nếu chủ trương ‘sự khỗ-hạnh và sự ghê-tởm’, là những người coi ‘sự khỗ-hạnh và sự ghê-tởm’ là cốt-lõi (của đời tu), và những người tu theo cách ‘sự khỗ-hạnh và sự ghê-tởm’ thì không thể nào vượt qua dòng-lũ. Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, lời-nói và tâm không trong sạch, và sự mưu-sinh của họ không trong sạch, thì không thể đạt được sự-biết và sự-thấy, không thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng.

(II) “Nhưng, này Sālha, những tu sĩ và bà-la-môn nào không chủ trương ‘sự khỗ-hạnh và sự ghê-tởm’, là những người không coi ‘sự khỗ-hạnh và sự ghê-tởm’ là cốt-lõi (của đời tu), và những người không tu theo cách tu là ‘sự khỗ-hạnh và sự ghê-tởm’ thì có thể vượt qua dòng-lũ. Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, lời-nói và tâm là trong sạch, và sự mưu-sinh của họ là trong sạch, thì có thể đạt được sự-biết và sự-thấy, có thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng.

“Này Sālha, ví dụ một người muốn vượt qua sông, người đó mang rìu bén và đi vô rừng. Ở đó người đó thấy một cây sa-la thân lớn, còn non, thẳng, tươi, chưa có lõi từ nụ quả. Người đó đốn hạ gốc nó, chặt bỏ phần ngọn, róc sạch cành và lá, gọt tĩa bằng rìu lớn, gọt tĩa thêm bằng rìu nhỏ, bào nó bằng cái bào, dùng cái đục đục sạch hết phần ruột cây bên trong, mài nó bằng đá mài, và làm nó thành một chiếc xuồng. Rồi gắn thêm mấy mái chèo và bánh lái để vượt qua sông. Này Sālha, chú nghĩ sao? Liệu người đó có vượt qua sông được không?”

“Được, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì thân tươi cây sa-la đã được làm sạch hết phần bên ngoài và cũng được làm (đục) sạch hết phần (ruột cây) bên trong, được làm thành một cái xuồng, được gắn thêm mấy mái chèo và bánh lái. Có thể biết trước thân tươi cây sa-la đó sẽ không bị chìm, và người đó sẽ an toàn qua tới bờ bên kia (đáo bỉ ngạn).”

(1) “Cũng giống như vậy, những tu sĩ và bà-la-môn nào không chủ

trương ‘sự khỗ-hạnh và sự ghê-tởm’, là những người không coi ‘sự khỗ-hạnh và sự ghê-tởm’ là cốt-lõi (của đời tu), và những người không tu theo cách tu ‘sự khỗ-hạnh và sự ghê-tởm’ thì có thể vượt qua dòng-lũ. Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, lời-nói và tâm là trong sạch, và sự muu-sinh của họ là trong sạch, thì có thể đạt được sự-biết và sự-thấy, có thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng.

“Ngay cả một chiến binh có biết nhiều thành tích khác nhau thực hiện được bằng những mũi tên, nhưng chỉ khi nào người đó có được ba phẩm-chất thì người đó xứng đáng là của nhà vua, là thứ (công cụ) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Ba đó là gì? Người đó là một người bắn tầm xa, người bắn chính xác, và người phá vỡ vật thể lớn.

(2) “Giống như một chiến binh là người bắn tầm xa, một đệ tử thánh thiện thì có sự chánh-định (sự định-tâm đúng đắn). Mọi sắc-thân dù là loại gì—thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xa hay gần—một đệ tử thánh thiện có sự chánh-định nhìn thấy tất cả sắc đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’.’

“Mọi cảm-giác dù là loại gì ... Mọi nhận-thức dù là loại gì ... Những sự tạo-tác dù là loại gì ... Mọi thức dù là loại gì—thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xa hay gần—một đệ tử thánh thiện có chánh-định nhìn thấy tất cả cảm-giác ... nhận-thức ... sự tạo-tác ... thức đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’.’

(3) “Giống như một chiến binh là người bắn chính xác (bắn tía), một đệ tử thánh thiện thì có sự chánh-kiến (cách-nhìn đúng đắn). Một đệ tử thánh thiện có sự chánh-kiến hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khỗ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khỗ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khỗ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt

khô’.

(4) “Giống như một chiến binh phá vỡ vật thể lớn (công phá), một đệ tử thánh thiện thì có sự chánh giải-thoát (sự giải-thoát đúng đắn). Một đệ tử thánh thiện có sự chánh giải-thoát là đã phá vỡ khối ‘vô-minh’ lớn.”⁹²⁵

197 (7) *Hoàng Hậu Mallikā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có Hoàng hậu Mallikā đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa:⁹²⁶

(1) “Thưa Thế Tôn, tại sao ở đây có những phụ nữ là (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phạm nhỏ hèn [không uy được với ai, nói hồng ai nghe]?”

(2) “Lại có những phụ nữ là (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; nhưng (ii) giàu, giàu có, và (iii) phạm lớn uy [có ảnh hưởng, nói nhiều người nghe]?”

(3) “Lại có những phụ nữ là (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; nhưng lại (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phạm nhỏ hèn?”

(4) “Và lại có những phụ nữ là (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; (ii) giàu, giàu có; và (iii) có phạm lớn uy?”

(1) “Này Hoàng hậu Mallikā, ở đây có phụ nữ (i) dễ nổi giận và dễ bị bực tức. Ngay cả khi bị phê bình chút xíu cô ta cũng mất bình tĩnh và trở nên tức giận, hung dữ, và ngang ngạnh; cô ta thể hiện sự giận dữ, sự thù ghét, và sự đấng cay. (ii) Cô ta không bố thí cho những những tu sĩ hay bà-la-môn những thứ như: thức ăn, thức uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm và phấn sáp; chỗ nằm, chỗ ở, và đèn sáng. (iii) Và cô ta ghen tỵ, là người ganh tỵ, bực tức và ghen ghét khi thấy lợi lộc, vinh danh, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự kính lễ, và sự tôn sùng kính được dành cho người khác. Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (1): (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; (ii) nghèo, thiếu thốn, bần

cùng, và (iii) phạm nhỏ hèn.

(2) “Lại có phụ nữ (i) dễ nổi giận và dễ bị bực tức ... (*như trên*) ... (ii) Nhưng cô ta bố thí nhiều thứ cho những những tu sĩ hay bà-la-môn. (iii) Và cô ta không ghen ty, không phải là người ganh ty, không bực tức và ghen ghét khi thấy lợi lộc, vinh danh, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự kính lễ, và sự tôn sùng kính được dành cho người khác. Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (2): (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; nhưng (ii) giàu, giàu có, và (iii) phạm lớn uy.

(3) “Lại có phụ nữ (i) không dễ nổi giận hay dễ bị bực tức. Ngay cả khi bị phê bình đủ thứ cô ta cũng không mất bình tĩnh và không trở nên tức giận, hung dữ, hay ngang ngạnh; cô ta không thể hiện sự giận dữ, sự thù ghét, và sự đấng cay. (ii) Nhưng cô ta không bố thí thứ gì cho những tu sĩ hay bà-la-môn. (iii) Và cô ta ghen ty, là người ganh ty, bực tức và ghen ghét khi thấy lợi lộc, vinh danh, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự kính lễ, và sự tôn sùng kính được dành cho người khác. Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (3): (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; nhưng lại (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phạm nhỏ hèn.

(4) “Và lại có phụ nữ (i) không dễ nổi giận và dễ bị bực tức ... (ii) Và cô ta bố thí nhiều thứ cho những những tu sĩ và bà-la-môn. (iii) Và cô ta là không ghen ty, không phải là người ganh ty ... Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (4): (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; và (ii) giàu, giàu có; và (iii) có phạm lớn uy.

“Này Hoàng hậu Mallikā, đây là những lý do tại sao ở đây có những phụ nữ [như loại (1), (2), (3) và (4)] như vậy.”

Sau khi điều này được nói ra, Hoàng hậu Mallikā đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con giả sử rằng: (i) trong kiếp trước nào đó con dễ nổi giận và dễ bị bực tức ... Do vậy giờ con là xấu, xấu xí, và khó nhìn.

(ii) Nhưng giả sử trong kiếp trước nào đó con bố thí nhiều thứ cho những những tu sĩ và bà-la-môn ... Do vậy giờ con là giàu, giàu có. (iii) Và giả sử trong kiếp trước nào đó con không ghen tỵ, không phải là người ganh tỵ ... Do vậy giờ con là phận lớn uy. Trong cung đình này có những cô gái từ những gia đình thuộc giai cấp chiến-sĩ (khattiya), bà-la-môn, và gia chủ, con đều sai khiến được.

“Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay, con sẽ (i) không dễ nóng giận hay dễ bị bực tức. Dù con có bị phê bình đủ thứ con sẽ không mất sự bình tĩnh và không trở nên tức giận, hung dữ, hay ngang ngạnh; con sẽ không thể hiện sự giận dữ, sự thù ghét, và sự cay đắng. (ii) Và con sẽ biết bố thí nhiều thứ cần thiết cho những tu sĩ và bà-la-môn ... (iii) Và con sẽ không ghen tỵ, không là người ganh tỵ ...

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... *[giống hết đoạn cuối kinh 4:III]* ... Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến cuối đời.”

198 (8) Hành Hạ Bản Thân ⁹²⁷

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, có người hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân.

(2) “Có người hành hạ người khác hay vật khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay vật khác.

(3) “Có người hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng hành hạ người khác hay vật khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay vật khác.

(4) “Và có người không hành hạ bản thân, không theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân; cũng không hành hạ người khác hay vật khác, không theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay vật khác. Vì người

đó không hành hạ bản thân hay hành hạ người khác hay vật khác, cho nên ngay trong kiếp này người đó sống không còn thèm khát [đói khát = dục-vọng (ái)], đã tắt ngấm [thối tắt], và đã nguội mát, và đang ném trái niêm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thiên thánh.⁹²⁸

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người (i) hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân?⁹²⁹ Ở đây: [Có những người cứ đi lỏa thể, không theo những quy ước tập tục; họ liếm tay (cho sạch), không đến khi được yêu cầu, không dừng khi được yêu cầu; họ không nhận thức-ăn được mang đến (cho họ), hay nhận thức-ăn được làm để cho họ, hay nhận lời mời đến dùng bữa; họ không nhận thức-ăn từ nồi, từ bát, được đưa qua cửa chính, được đưa qua cây gậy, được đưa qua cái chày, hoặc từ hai người ăn chung, từ phụ nữ có thai, từ phụ nữ đang cho con bú, từ phụ nữ đang ở chung với đàn ông, từ chỗ thức-ăn được thông báo để phát chân, từ chỗ có chó đang chực, từ chỗ có ruồi nặng đang bu; họ không chấp nhận ăn cá hay thịt; họ không uống rượu nặng, rượu nhẹ, hay thức uống lên men.

“Họ nhận ăn từ một nhà, ăn một miếng; họ nhận ăn từ hai nhà, ăn hai miếng ... họ nhận ăn từ bảy nhà, ăn bảy miếng. Họ sống nhờ một chén một ngày, nhờ hai chén hai ngày ... nhờ bảy chén bảy ngày; họ nhận thức ăn một lần mỗi ngày, một lần mỗi hai ngày ... một lần mỗi bảy ngày; cứ như vậy thậm chí một lần mỗi hai tuần, họ thực hành theo khổ hạnh chỉ nhận thức ăn sau mỗi khoảng thời gian đã ấn định.

“Họ là người ăn rau xanh hay hạt kê hay lúa rẫy hay lúa hoang hay rong rêu hay cám gạo hay bột nước gạo hay bột mè hay cỏ hay phân bò. Họ sống nhờ ăn những rễ cây và trái cây trong rừng; họ sống nhờ ăn trái cây rụng.

“Họ mặc bằng vải gai thô, hay vải gai thô lẫn lộn, bằng vải liệm người chết bỏ đi, bằng giẻ rách bỏ đi, bằng vỏ cây, bằng da linh dương, bằng những mảnh da linh dương, bằng vải bện từ cỏ kusa, bằng vải bện từ vỏ cây, từ vải bện từ dăm gỗ bào, bằng vải len làm từ tóc, làm từ lông đuôi súc vật, từ lông cánh cú vọ.

“Họ là người nhổ sạch râu và tóc, thực hành khổ hạnh nhổ râu và tóc. Họ là người luôn đứng, không ngồi. Họ là người ngồi xồm liên tục, cố gắng giữ tư thế ngồi xồm. Họ là người dùng nệm gai nhọn; họ lấy nệm gai nhọn làm giường của mình. Họ cách thực hành cách khổ hạnh dầm mình trong nước ba lần một ngày gồm cả buổi tối.

Như vậy họ sống thực hành nhiều cách khác nhau để làm khổ và hành hạ thân xác.]

Chính theo cách như vậy là một người hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân.

(2) “Và theo cách nào là một người (ii) hành hạ người khác hay vật khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay vật khác? Ở đây: [Có người là người giết (làm thịt) thịt cừu, người giết heo, người bẫy chim, người bẫy thú rừng, người săn bắn, người đánh cá, người trộm cướp, người hành quyết,⁹³⁰ người gác ngục, hoặc người làm những nghề nghiệp máu me khác.]

Chính theo cách này một người là người hành hạ người khác hay vật khác.

(3) “Và theo cách nào là một người (i) hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và người đó cũng (ii) hành hạ người khác hay vật khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay vật khác? Ở đây: [Có người là một vị vua thuộc giai cấp chiến-sĩ được phong vương, hay là một bà-la-môn giàu có. Sau khi đã xây một ngôi đền để tế lễ ở phía đông kinh thành, và sau khi cạo râu tóc, mặc y phục làm bằng da linh dương thô, và bôi bơ và dầu lên người, cà lưng bằng sừng nai, ông ta tiến vào ngôi đền cùng với chính phi hoàng hậu và thầy tế thuộc giai cấp bà-la-môn. Ở đó ông nằm xuống nền đất trông được rải lớp cỏ. Nhà vua sống bằng sữa từ núm vú thứ nhất của con bò cái đang ở sát con bò con cùng màu lông; hoàng hậu sống bằng sữa từ núm vú thứ hai; thầy tế bà-la-môn sống bằng sữa từ núm vú thứ ba; sữa từ núm vú thứ tư thì họ lấy đổ vô lửa; và con bò con thì sống bằng sữa từ những núm vú còn lại. Ông vua

nói: ‘Hãy cho nhiều bò bị giết để tế lễ; hãy cho nhiều bò đực thiên bị giết để tế lễ; hãy cho nhiều bò cái tơ bị giết để tế lễ; hãy cho nhiều dê bị giết để tế lễ; hãy cho nhiều cừ bị giết để tế lễ, hãy cho nhiều cây lớn đực hạ xuống để làm những cột treo vật tế lễ; hãy cho nhiều có đực cắt để làm cỏ tế lễ.’ Và những người của nhà vua gồm nhưng nô lệ, sứ giả và người hầu thì đang làm những việc chuẩn bị sửa soạn với mặt mày khóc lóc đầy nước mắt vì những lời đe dọa trừng phạt và vì sợ hãi.]

Chính theo cách này một người là người tự hành hạ bản thân và thực hành theo kiểu tự hành xác, và hành hạ người và vật khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người và vật khác.

(4) “Và theo cách nào là một người không (i) hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, cũng không (ii) hành hạ người khác hay vật khác hay theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay vật khác, cũng không (iii) thực hành cùng lúc hai sự hành xác trên—đó là người, do không hành hạ bản thân hay người khác hay vật khác, ngay trong kiếp này sống không còn thêm khát [đói khát = dục-vọng (ái)], đã tắt ngấm [thối tắt], và đã nguội mát, và đang nếm trải niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thiên thánh?

(*) “Ở đây, này các Tỳ kheo, Như Lai khởi sinh trong thế gian này, [là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thế), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.]. Sau khi đã tự chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, bậc ấy chỉ lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, ở giữa, và ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh tinh khiết và toàn thiện.

(4.1) “Một gia chủ [hay con trai ông ta] được sinh ra trong những họ

tộc khác nghe được Giáo Pháp này. Rồi người đó có được niềm-tin (tín) vào Như Lai, và suy xét như vậy: ‘Đời sống tại gia là chật chội và bụi bặm; đời sống xuất gia là rộng mở. Nếu sống ở nhà thì không dễ gì dẫn dắt một đời sống tâm linh cho toàn thiện và trong sạch như một vỏ sò được chà sạch bóng. Hay ta nên cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Rồi một dịp sau đó, người đó đã từ bỏ gia sản lớn nhỏ, từ bỏ gia quyến lớn nhỏ, người đó cạo râu tóc, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

(4.2) “Sau khi đã xuất gia như vậy, và có được sự tu-học và lối-sống của hàng Tỳ kheo, (i) sau khi đã dẹp bỏ sự *sát-sinh*, người đó kiêng cử sát-sinh; bỏ hết gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và tử tế, người đó sống tha thương bi mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh. (ii) Sau khi dẹp bỏ sự *gian-cấp*, người đó kiêng cử lấy những thứ không được cho; người đó chỉ lấy thứ được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và sống một cách thanh liêm, không trộm cắp gian lận. (iii) Sau khi đã dẹp bỏ *tà-dâm*, người đó giữ giới sống độc thân, sống tách ly, kiêng cử tất cả mọi dạng dâm dục, kiêng cử những thói tật tính dục cá nhân.

(iv) “Sau khi dẹp bỏ (a) *lời nói-dối nói láo*, người đó kiêng cử nói-dối nói láo; người đó nói sự thật, nói theo sự thật; người đó là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người dối gạt trong thế gian. Sau khi dẹp bỏ (b) *lời nói gây chia-rẽ*, người đó kiêng cử lời nói gây chia-rẽ; người đó không nói đi nói lại những gì đã nghe thấy nhằm gây chia rẽ người này với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người ủng hộ sự đoàn kết, người vui thích sự hòa đồng, người nói những lời để xúc tiến sự hòa hợp. Sau khi dẹp bỏ (c) *lời nói gắt-gông khó nghe*, người đó kiêng cử lời nói gắt-gông khó nghe; người đó nói những lời nhẹ nhàng, dễ nghe, dễ mến, những lời đi vào lòng người nghe, những lời khích lệ an ủi mà nhiều người muốn nghe và những lời dễ chịu đối với nhiều người. Sau khi đã dẹp bỏ (d) *lời nói tầm-phào tán đóc*, người đó kiêng cử lời nói tầm phào tán đóc; người đó nói lúc thích hợp, nói điều sự thật, nói điều có ích, nói về Giáo Pháp và giới-luật; vào lúc thích hợp

người đó nói những lời đáng ghi nhớ, hữu lý, gọn rõ, và có ích.

(4.3) “Người đó kiêng cử làm hư hại những hạt giống và cây trồng. Người đó ăn một bữa [lần, thời] mỗi ngày,⁹³¹ kiêng cử ăn ban đêm và ăn ngoài giờ quy định (tức: ăn phi thời, ăn ngoài giờ ăn của giới luật). Người đó kiêng cử việc nhảy múa, ca hát, nhạc trống, tuồng kịch không thích hợp. Người đó kiêng cử việc trang điểm và làm đẹp bản thân như đeo vòng hoa, súc nước hoa, phấn sáp. Người đó kiêng cử giường rộng, ghé cao. Người đó kiêng cử việc nhận vàng bạc [và tiền bạc], gạo sống, thịt sống, phụ nữ và con gái, nô lệ nam hay nữ, dê và cừu, gia cầm và heo, voi, ngựa, và ngựa cái, ruộng đồng và đất đai. Người đó kiêng cử làm những việc vặt ngoài đời (không phải Phật sự hay tu sự) hay việc đưa tin báo tin; kiêng cử mua bán; kiêng cử gian lận qua cân, đo, tiền giả kim; kiêng cử việc nhận tiền lo lót, việc lừa dối, gian lận, và lừa lọc. Người đó kiêng cử việc làm phương hại, giết hại, trói người, chiếm đoạt, cướp bóc, và bạo hành.

(4.4) “Người đó hài lòng với vài y-phục để bảo vệ thân thể và thức-ăn khát thực để giữ bụng an ổn, và dù có đi đâu người đó cũng chỉ mang theo những thứ này (y phục và bình bát) với mình. Giống như chim trời, dù bay đi đâu, nó cũng bay đi với hai cánh chứ không mang theo gánh nặng nào; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo biết hài-lòng với vài y-phục để bảo vệ thân thể và thức-ăn khát thực để giữ bụng an ổn, và dù có đi đâu người đó cũng chỉ mang theo mấy thứ này mà thôi.

“Có được (i) đồng (uẩn) *giới-hạnh* thánh thiện này, một Tỳ kheo trải nghiệm bên trong mình niềm chân-phúc *phi tội lỗi*.

(4.5) “Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những tướng nét và đặc điểm của nó. Bởi vì nếu người đó để căn-mắt không được kiểm chế, thì những trạng thái bất thiện xấu ác như tham-thích (tham) hay phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm (tâm) người đó, cho nên người đó tu tập sự kiểm chế nó; người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiểm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng

lưỡi ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những tướng nét và đặc điểm của nó. Bởi vì nếu người đó để căn-tai ... căn-tâm không được kiềm chế, những trạng thái bất thiện xấu ác như tham-thích (tham) hay phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm (tâm) người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-tai ... căn-tâm.

“Có được (ii) đồng *sự kiềm-chế* thánh thiện này đối với các căn, một Tỷ kheo trải nghiệm bên trong mình niềm chân-phúc *phi ó-nhiễm*.

(4.6) “Khi đang đi tới và (khi) đang đi lại, người đó làm (iii) với sự rõ-biết (tỉnh giác); khi đang nhìn trước và đang nhìn ngang, người đó làm với sự rõ-biết; đang khi đang co và đang giãn chân tay, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang mặc quần áo và đang mang theo bình bát và cà sa, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang ăn, đang uống, đang nhai thức ăn, và đang nếm thức ăn, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang đại tiện và đang tiêu tiện, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm chưa ngủ, đang thức dậy, đang nói, và đang im lặng, người đó làm với sự rõ-biết. (*luôn tỉnh giác*)

(4.7) “Có được (i) đồng *giới-hạnh* thánh thiện như vậy, và (ii) đồng *sự kiềm-chế* thánh thiện như vậy đối với các căn, và (iii) *sự chánh-niệm* và *sự thường rõ-biết* như vậy, người đó lánh về một nơi ở tách-ly (ẩn dật): như một chỗ trong rừng, chỗ một góc cây, một ngọn núi, một khe núi, một hang động ngang sườn núi, một nghĩa địa, một nơi ngoài trời, một đồng rơm.

“Sau khi đã đi một vòng khát thực, sau khi ăn trưa xong, người đó ngồi xuống, hai chân chéo nhau, giữ thân thẳng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. (i) Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó sống với một cái tâm không còn thèm-muốn; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn. (ii) Sau khi đã dẹp bỏ sự ác-ý và thù-ghét (sân), người đó sống với một cái tâm không còn ác-ý, đầy tha thương bi-mẫn đối với mọi chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi

sự ác-ý và thù-ghét. (iii) Sau khi đã dẹp bỏ sự buồn-ngủ và đờ-đần (hôn trầm thụy miên), người đó sống không còn sự buồn-ngủ và đờ-đần, nhận thức ánh sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự buồn-ngủ và đờ-đần. (iv) Sau khi đã dẹp bỏ sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử quá hối), người đó sống không còn sự khích-động, với một cái tâm hướng nội bình-an; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. (v) Sau khi đã dẹp bỏ sự nghi-ngờ (nghi), người đó sống sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn hoài nghi về những phẩm chất thiện lành; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

“Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại (ngũ cái) như vậy, đó là những ô-nhiễm của tâm, là những phẩm chất làm suy yếu trí-tuệ, vị Tỳ kheo đó: (i) [‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, Tỳ kheo đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiên), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’]

(ii) [‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm hết tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiên), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.’]

(iii) [‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tinh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiên), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’]

(iv) [‘Với sự dẹp bỏ sự sượng-khô (hết lạc hết khô), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (hết hỷ hết ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiên), trạng thái không còn sượng hay khô, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’]

(**)

“Khi tâm người đó đã được đặt-định theo cách như vậy, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn vết nhơ, không còn những ô-nhiễm, dễ uốn nắn (nhu nhuyễn), dễ điều khiển, vững vàng, và đã đạt tới sự bất-động, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết có thể nhớ lại những cõi kiếp trước (*túc mạng minh*): ... [*mô tả như kinh 3:58, đoạn (1)*] ... tới trí-biết về sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh (*thiên nhãn minh*): ... [*mô tả như kinh 3:58, đoạn (2)*] ... tới trí-biết về sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận minh*). Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là những ô-nhiễm’; người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm’; người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm’; người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những ô-nhiễm’.

“Khi người đó biết và thấy như vậy, tâm người đó được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), những khổ ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi những ô-nhiễm của/do sự vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Chính theo cách này một người là người không (i) hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, cũng không (ii) hành hạ người khác hay vật khác hay theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay vật khác, cũng không (iii) thực hành cùng lúc hai sự hành xác trên—đó là người, do không hành hạ bản thân hay người khác hay vật khác, ngay trong kiếp này sống không còn thêm khát [đói khát = dục-vọng (ái)], đã tắt ngấm [thôi tắt], và đã nguội mát, và đang nếm trải niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thiên thánh.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

199 (9) Dục Vọng

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về dục-vọng (ái)—là bấy cảm dỗ, chảy tới khắp nơi, ở khắp nơi, và dính dai⁹³²—thế gian này bị bao phủ và bao bọc bởi nó, và vì nó mà thế gian này trở thành như cuộn chỉ rối, như đồng sợi rối, như một đồng rối lau sậy và cỏ lác, cho nên thế gian không vượt khỏi những cảnh giới khổ đau, nơi đến xấu dữ, cõi dưới, vòng luân hồi (saṃsāra). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dục-vọng—là bấy cảm dỗ, chảy tới khắp nơi, ở khắp nơi, dính dai—thế gian này bị bao phủ và bao bọc bởi nó, và vì nó mà thế gian này trở thành như cuộn chỉ rối, như đồng sợi rối, như một đồng rối lau sậy và cỏ lác, cho nên thế gian không vượt khỏi những cảnh giới khổ đau, nơi đến xấu dữ, cõi dưới, vòng luân hồi?”

“Này các Tỳ kheo, có 18 dòng chảy dục-vọng liên quan bên-trong và 18 dòng chảy dục-vọng liên quan bên ngoài.

(i) “Và cái gì là 18 dòng chảy dục-vọng liên quan bên-trong? Khi có [những quan niệm] ‘Là ta’, khi có [những quan niệm] ‘Ta là vậy’, ‘Ta chỉ là vậy’, ‘Ta là khác’, ‘Ta đang trường tồn’, ‘Ta đang tan biến’, ‘Có thể là ta’, ‘Có thể ta là vậy’, ‘Có thể ta chỉ là vậy’, ‘Có thể ta là khác’, ‘Cầu ta được là’, ‘Cầu ta là vậy’, ‘Cầu ta chỉ là vậy’, ‘Cầu ta là khác’. Đây là 18 dòng dục-vọng liên quan bên-trong.⁹³³

(ii) “Và cái gì là 18 dòng dục-vọng liên quan bên-ngoài?⁹³⁴ Khi có [những quan niệm] ‘Là ta vì do này’⁹³⁵; khi có [những quan niệm] ‘Ta là vậy vì do này’, ‘Ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Ta là khác vì do này’, ‘Ta đang trường tồn vì do này’, ‘Ta đang tan biến vì do này’, ‘Có thể là ta vì do này’, ‘Có thể ta là vậy vì do này’, ‘Có thể ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta là khác vì do này’, ‘Cầu ta được là vì do này’, ‘Cầu ta là vậy vì do này’, ‘Cầu ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Cầu ta là khác vì do này’, ‘Sẽ là ta vì do này’, ‘Ta sẽ là vậy vì do này’, ‘Ta sẽ chỉ là vậy vì do này’, ‘Ta sẽ là khác vì do này’, ‘Ta sẽ trường tồn vì do này’, ‘Ta sẽ tan biến vì do này’, ‘Có

thể sẽ là ta vì do này’, ‘Có thể ta sẽ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta sẽ chỉ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta sẽ là khác vì do này’. Đây là 18 dòng đục-vọng liên quan bên-ngoài.

“Như vậy có 18 dòng chảy đục-vọng liên quan bên-trong, và 18 dòng chảy đục-vọng liên quan bên-ngoài. Đây được gọi là 36 dòng chảy đục-vọng. Có 36 dòng chảy đục-vọng thuộc quá khứ, 36 dòng chảy đục-vọng thuộc tương lai, 36 dòng chảy đục-vọng thuộc hiện tại. Do vậy có 108 dòng chảy đục-vọng.

“Này các Tỳ kheo, đây là đục-vọng—(i) là bẫy cám dỗ, (ii) chảy tới khắp nơi, (iii) ở khắp nơi, và (iv) dính dai—thế gian này bị bao phủ và bao bọc bởi nó, và vì nó mà thế gian này trở thành như cuộn chỉ rối, như đồng sợi rối, như một đồng rối lau sậy và cỏ lác, cho nên thế gian không vượt khỏi những cảnh giới khổ đau, nơi đến xấu dữ, cõi dưới, vòng luân hồi.”⁹³⁶

200 (10) *Tình Cảm*

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều này được sinh ra. Bốn đó là gì? Tình cảm sinh ra từ tình cảm; sự ghét sinh ra từ tình cảm; tình cảm sinh ra từ sự ghét; và sự ghét sinh ra từ sự ghét.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tình cảm sinh ra từ tình cảm? Ở đây, một người (A) là đáng muốn, đáng yêu, và dễ chịu đối với một người (B). Những người (C) khác đối xử với người (A) đó một cách đáng muốn, đáng yêu, và dễ chịu. Do vậy người (B) cảm thấy cảm tình đối với họ (vì họ thích người mình thích). Theo cách như vậy là tình cảm sinh ra từ tình cảm.

(2) “Và theo cách nào sự ghét sinh ra từ tình cảm? Ở đây, một người (A) là đáng muốn, đáng yêu, và dễ chịu đối với người (B). Những người (C) khác đối xử với người (A) đó một cách không đáng muốn, không đáng yêu, và không dễ chịu. Do vậy người (B) cảm thấy sự ghét đối với họ (vì họ ghét người mình thích). Theo cách như vậy là sự ghét sinh ra từ tình

cảm.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tình cảm sinh ra từ sự ghét? Ở đây, một người (A) là không đáng muốn, không đáng yêu, và không dễ chịu đối với một người (B). Những người (C) khác đối xử với người (A) đó một cách không đáng muốn, không đáng yêu, và không dễ chịu. Do vậy người (B) cảm thấy cảm tình đối với họ (vì họ ghét người mình ghét). Theo cách như vậy là tình cảm sinh ra từ sự ghét.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là sự ghét sinh ra từ sự ghét? Ở đây, một người (A) là không đáng muốn, không đáng yêu, và không dễ chịu đối với một người (B). Những người (C) khác đối xử với người (A) đó một cách đáng muốn, đáng yêu, và dễ chịu. Do vậy người (B) cảm thấy sự ghét đối với họ (vì họ thích người mình ghét). Theo cách như vậy là sự ghét sinh ra từ sự ghét. (Các tên (A), (B), (C) là do người dịch đặt để hình dung các bên được nói trong bài kinh)

“Đây là bốn điều được sinh ra.

“Khi một Tỳ kheo: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc) ... chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ nhất, thì trong thời đó (1) tình cảm sinh ra từ tình cảm ... (2) sự ghét sinh ra từ tình cảm ... (3) sự ghét sinh ra từ tình cảm ... (4) sự ghét sinh ra từ sự ghét không có trong người đó.

“Khi một Tỳ kheo: (ii) ... chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ hai ... (iii) tầng thiền định thứ ba ... (iv) tầng thiền định thứ tư, thì trong thời đó (1) tình cảm sinh ra từ tình cảm ... (2) sự ghét sinh ra từ tình cảm ... (3) sự ghét sinh ra từ tình cảm ... (4) sự ghét sinh ra từ sự ghét không có trong người đó.

“Khi một Tỳ kheo: (v) ‘Với sự (đã) tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’, thì người đó đã dẹp bỏ (1) tình cảm sinh ra từ tình cảm ... (2) sự ghét sinh ra từ tình cảm ... (3)

sự ghét sinh ra từ tình cảm ... (4) sự ghét sinh ra từ sự ghét, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai.

“Đây được gọi là một Tỳ kheo là người không còn lấy-vào hay đẩy-ra, không bốc khói, không bốc cháy, và không còn nhai lại.

(a) “Theo cách nào là một người lấy-vào (chấp lấy)?⁹³⁷ Ở đây, một Tỳ kheo coi thân-sắc là cái ‘ta’, hay ‘ta’ là thân-sắc, hay ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hay thân-sắc ở trong ‘ta’, hay ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hay ‘ta’ là thức, hay ‘ta’ sở hữu thức, hay thức ở trong ‘ta’, hay ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách này là Tỳ kheo lấy-vào.

- “Và theo cách nào là một người không lấy-vào? Ở đây, một Tỳ kheo không coi thân-sắc là cái ‘ta’, hay ‘ta’ là thân-sắc, hay ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hay thân-sắc ở trong ‘ta’, hay ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó không coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hay ‘ta’ là thức, hay ‘ta’ sở hữu thức, hay thức ở trong ‘ta’, hay ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách này là Tỳ kheo không lấy-vào.

(b) “Theo cách nào là một Tỳ kheo đẩy-ra (đẩy lại, phản ứng)? Ở đây, một Tỳ kheo sỉ nhục người sỉ nhục mình, chửi người chửi mình, và tranh cãi với người muốn tranh cãi với mình. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đẩy-ra.

- “Và theo theo cách nào là một Tỳ kheo không đẩy-ra? Ở đây, một Tỳ kheo không sỉ nhục người sỉ nhục mình, không chửi người chửi mình, và không tranh cãi với người muốn tranh cãi với mình. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo không đẩy-ra.

(c) “Theo cách nào là một Tỳ kheo bốc-khói? Khi có [quan niệm] ‘Là ta’; khi có [những quan niệm] ‘Ta là vậy’, ‘Ta chỉ là vậy’, ‘Ta là khác’, ‘Ta đang trường tồn’, ‘Ta đang tan biến’, ‘Có thể là ta’, ‘Có thể ta là vậy’, ‘Có thể ta chỉ là vậy’, ‘Có thể ta là khác’, ‘Cầu ta được là’, ‘Cầu ta là

vậy’, ‘Cầu ta chỉ là vậy’, ‘Cầu ta là khác’, ‘Sẽ là ta’, ‘Ta sẽ là vậy’, ‘Ta sẽ chỉ là vậy’, ‘Ta sẽ là khác’, ‘Ta sẽ trường tồn’, ‘Ta sẽ tan biến’, ‘Có thể sẽ là ta’, ‘Có thể ta sẽ là vậy’, ‘Có thể ta sẽ chỉ là vậy’, ‘Có thể ta sẽ là khác’. Theo cách này là một Tỳ kheo bốc-khói.

- “Và theo cách nào là một Tỳ kheo không bốc-khói? Khi không có [quan niệm] ‘Là ta’; khi không có [những quan niệm] ‘Ta là vậy’ ... ‘Ta sẽ là khác’. Theo cách này là một Tỳ kheo không bốc-khói.

(d) “Theo cách nào là một Tỳ kheo bốc-cháy? Khi có [quan niệm] ‘Là ta vì do này’”; khi có [những quan niệm] ‘Ta là vậy vì do này’, ‘Ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Ta là khác vì do này’, ‘Ta đang trường tồn vì do này’, ‘Ta đang tan biến vì do này’, ‘Có thể là ta vì do này’, ‘Có thể ta là vậy vì do này’, ‘Có thể ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta là khác vì do này’, ‘Cầu ta được là vì do này’, ‘Cầu ta là vậy vì do này’, ‘Cầu ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Cầu ta là khác vì do này’, ‘Sẽ là ta vì do này’, ‘Ta sẽ là vậy vì do này’, ‘Ta sẽ chỉ là vậy vì do này’, ‘Ta sẽ là khác vì do này’, ‘Ta sẽ trường tồn vì do này’, ‘Ta sẽ tan biến vì do này’, ‘Có thể sẽ là ta vì do này’, ‘Có thể ta sẽ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta sẽ chỉ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta sẽ là khác vì do này’. Theo cách này là một Tỳ kheo bốc-cháy.

- “Theo cách nào là một Tỳ kheo không bốc-cháy? Khi không có [quan niệm] ‘Là ta vì do này’”; khi không có [những quan niệm] ‘Ta là vậy vì do này’ ... ‘Có thể ta sẽ là khác vì do này’. Theo cách này là một Tỳ kheo không bốc-cháy.

(e) “Theo cách nào là một Tỳ kheo nhai-lại?⁹³⁸ Ở đây, một Tỳ kheo chưa dẹp bỏ sự ‘tự-ta’ (ngã mạn), chưa cắt bỏ nó tận gốc, chưa làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, chưa xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách này là một Tỳ kheo nhai-lại.

- “Theo cách nào là một Tỳ kheo không nhai-lại? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ sự ‘tự-ta’ (ngã mạn), đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách này là một Tỳ kheo không nhai-lại.

[Năm Mười Kinh Thứ Năm]

NHÓM 1

NGƯỜI TỐT

201 (1) Những Giới Luật Tu Hành

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người xấu và người tệ hơn người xấu; về người tốt và người siêu hơn người tốt. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, và uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là người xấu.

(2) “Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình (chủ động) sát-sinh và xúi giục (ủng hộ) người khác sát-sinh; tự mình gian-cấp và xúi giục người khác gian-cấp; tự mình tà-dâm và xúi giục người khác tà-dâm; tự mình nói-dối nói láo và xúi giục người khác nói-dối nói láo, và tự mình uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, và xúi giục người khác uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu.

(3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cấp, kiêng cữ tà-dâm, kiêng cữ nói-dối nói láo, và kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là người tốt.

(4) “Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình kiêng cữ sát-sinh và khuyến khích (ủng hộ, khuyên dạy) người khác kiêng cữ sát-sinh; tự mình kiêng cữ gian-cấp và khuyến khích người khác kiêng

cữ gian-cấp; tự mình kiêng cử tà-dâm và khuyến khích người khác kiêng cử tà-dâm; tự mình kiêng cử nói-dối nói láo và khuyến khích người khác kiêng cử nói-dối nói láo, và tự mình kiêng cử uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật và khuyến khích người khác kiêng cử uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

202 (2) Không Có Niềm Tin

[Mở đầu như kinh kể trên 4:201 kể trên.]

(1) “Và, này các Tỷ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người không có niềm-tin, không biết xấu-hổ lương tâm (không tâm), bất-chấp về mặt đạo đức (không quý), thiếu học hiểu, lười biếng, có tâm mờ-rối (thất niệm), và vô trí. Đây được gọi là người xấu.

(2) “Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình không có niềm-tin và xúi giục người khác không có niềm-tin; tự mình không biết xấu-hổ lương tâm và xúi giục người khác không biết xấu-hổ lương tâm; tự mình bất-chấp về mặt đạo đức và xúi giục người khác bất-chấp về mặt đạo đức; tự mình thiếu học hiểu và xúi giục người khác không học hiểu; tự mình có tâm mờ-rối và xúi giục người khác để tâm bị mờ-rối, và tự mình vô trí và xúi giục người khác để họ thiếu trí-tuệ. Đây được gọi là người tệ hơn xấu.

(3) “Và cái gì là người tốt? Ở đây, có người được phú cho niềm-tin, biết xấu-hổ lương tâm (tâm), biết sợ-hãi làm điều sai xấu (quý), có học hiểu, có sự nỗ-lực tu (tinh tấn), có chánh-niệm, và có trí. Đây được gọi là người tốt.

(4) “Và cái gì là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình được phú cho niềm-tin và khuyến khích người khác có được niềm-tin; tự mình biết xấu-hổ lương tâm và khuyến khích người khác biết xấu-hổ lương tâm; tự mình biết sợ-hãi làm điều sai xấu và khuyến khích người

khác biết sợ-hãi làm điều sai xấu; tự mình có học hiểu và khuyến khích người khác học hiểu; tự mình có sự nỗ-lực tu (tinh tấn) và khuyến khích người khác phát khởi sự nỗ-lực tu; tự mình có chánh-niệm và khuyến khích người khác thiết lập sự chánh-niệm, và tự mình có trí và khuyến khích người khác thành tựu về về trí-tuệ. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

203 (3) Bảy Hành Động

[Mở đầu như kinh 4:201 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỷ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, và nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là người xấu.

(2) “Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình sát-sinh và xúi giục người khác sát-sinh ... tự mình nói chuyện tầm-phào tán dóc và xúi giục người khác nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu.

(3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh ... kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là người tốt.

(4) “Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình kiêng cữ sát-sinh và khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh ... tự mình kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc và khuyến khích người khác kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

204 (4) Mười Hành Động

[Mở đầu như kinh 4:201 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỷ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt

nộ, và nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó đầy tham-muôn, mang sự ác-ý, và nắm giữ tà-kiến [cách-nhìn sai lạc]. Đây được gọi là người xấu.

(2) “Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình sát-sinh và xúi giục người khác sát-sinh ... tự mình nắm giữ tà-kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu.

(3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh ... kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó không có tham-muôn, có sự thiện-chí, và nắm giữ chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn]. Đây được gọi là người tốt.

(4) “Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình kiêng cữ sát-sinh và khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh ... tự mình nắm giữ chánh-kiến và khuyến khích người khác có chánh-kiến. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

205 (5) *Tám Phần Tu* (của Bát Thánh Đạo)

[Mở đầu như kinh 4:201 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người có tà-kiến, tà tư-duy, tà-ngữ, tà-nghiệp, tà-mạng, tà tinh-tấn, tà-niệm, và tà-định [ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực tu sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, và sự định-tâm sai lạc]. Đây được gọi là người xấu.

(2) “Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình có tà-kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến ... tự mình có tà-định và xúi giục người khác theo tà-định. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu.

(3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định [ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực tu đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn]. Đây được gọi là người tốt.

(4) “Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình có chánh-kiến và khuyến khích người khác có chánh-kiến ... tự mình có chánh-định và khuyến khích người khác có chánh-định. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

206 (6) Mười Phần Tu

[Mở đầu như kinh 4:201 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người có tà-kiến ... tà-định, tà-tri (sự-biết sai lạc), và tà giải-thoát (sự giải-thoát giả). Đây được gọi là người xấu.

(2) “Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình có tà-kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến ... tự mình có tà giải-thoát và xúi giục người khác theo sự tà giải-thoát. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu.

(3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có người có chánh-kiến ... chánh-định, chánh-tri (sự-biết đúng đắn), và chánh giải-thoát (sự giải-thoát thật). Đây được gọi là người tốt.

(4) “Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình có chánh-kiến và khuyến khích người khác có chánh-kiến ... tự mình có chánh giải-thoát và khuyến khích người khác có chánh giải-thoát. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

207 (7) Tính Nết Xấu (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy cái gì là xấu và cái gì là tệ hơn xấu. Và ta sẽ dạy cho các thầy cái gì là tốt và cái gì là tốt hơn tốt. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.”

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là xấu? Ở đây, có người sát-sinh và nắm giữ tà-kiến. Đây được gọi là điều xấu.

(2) “Và cái gì là tệ hơn xấu? Ở đây, có người tự mình sát-sinh và xúi giục người khác sát-sinh, người đó nắm giữ tà-kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến. Đây được gọi là điều tệ hơn xấu.

(3) “Và cái gì là tốt? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh và nắm giữ chánh-kiến. Đây được gọi là điều tốt.

(4) “Và cái gì là tốt hơn tốt? Ở đây, những chúng sinh người tự mình kiêng cữ sát-sinh và khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh ... tự mình nắm giữ chánh-kiến và khuyến khích người khác có chánh-kiến. Đây được gọi là điều tốt hơn tốt.”

208 (8) Tính Nết Xấu (2)

[Mở đầu như kinh 4:207 kể trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là xấu? Ở đây, có người có tà-kiến ... tà giải-thoát. Đây được gọi là điều xấu.

(2) “Và cái gì là tệ hơn xấu? Ở đây, có người tự mình có tà-kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến ... tự mình có tà giải-thoát và xúi giục người khác theo tà giải-thoát. Đây được gọi là điều tệ hơn xấu.

(3) “Và cái gì là tốt? Ở đây, có người có chánh-kiến ... chánh giải-thoát. Đây được gọi là điều tốt.

(4) “Và cái gì là tốt hơn tốt? Ở đây, có người tự mình có chánh-kiến và khuyến khích người khác có chánh-kiến ... tự mình có chánh giải-thoát và khuyến khích người khác có chánh giải-thoát. Đây được gọi là điều tốt hơn tốt.”

209 (9) Tính Nết Xấu (3)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người có tính nết xấu và người có tính nết còn tệ hơn xấu. Ta sẽ dạy cho các thầy về người có tính nết tốt và người có tính nết còn tốt hơn tốt. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ,

ta sẽ nói.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người có tính nét xấu? Ở đây, có người sát-sinh và nắm giữ tà-kiến. Đây là người có tính nét xấu.

(2) “Và ai là người có tính nét còn tệ hơn xấu? Ở đây có người tự mình sát-sinh và xúi giục người khác sát-sinh ... tự mình nắm giữ tà-kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến. Đây được gọi là người có tính nét tệ hơn xấu.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người có tính nét tốt? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh và nắm giữ chánh-kiến. Đây là người có tính nét tốt.

(4) “Và ai là người có tính nét còn tốt hơn tốt? Ở đây có người tự mình kiêng cữ sát-sinh và khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh ... tự mình nắm giữ chánh-kiến và khuyến khích người khác theo chánh-kiến. Đây được gọi là người có tính nét tốt hơn tốt.”

210 (10) Tính nét Xấu (4)

[Mở đầu như kinh 4:209 kể trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người có tính nét xấu? Ở đây, có người có tà-kiến ... tà giải-thoát. Đây được gọi là người có tính nét xấu.

(2) “Và ai là người có tính nét còn tệ hơn xấu? Ở đây, có người tự mình có tà-kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến ... tự mình có tà giải-thoát và xúi giục người khác theo tà giải-thoát. Đây được gọi là người có tính nét tệ hơn xấu.

(3) “Và ai là người có tính nét tốt? Ở đây, có người có chánh-kiến ... chánh giải-thoát. Đây được gọi là người có tính nét tốt.

(4) “Và ai là người có tính nét còn tốt hơn tốt? Ở đây, có người tự mình có chánh-kiến và khuyến khích người khác có chánh-kiến ... tự mình có chánh giải-thoát và khuyến khích người khác theo chánh giải-thoát. Đây được gọi là người có tính nét tốt hơn tốt.”

NHÓM 2

LÀM ĐẸP CHO HỘI CHÚNG

211 (1) Hội Chúng

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này là những vết-nhơ của một hội chúng (đoàn tăng, đoàn ni, hay đoàn đệ tử). Bốn đó là gì? Một Tỳ kheo là thiếu giới-hạnh, tính nét xấu ác; một Tỳ kheo ni là thiếu giới-hạnh, tính nét xấu ác; một đệ tử tại gia nam là thiếu giới-hạnh, tính nét xấu ác; và một đệ tử tại gia nữ là thiếu giới-hạnh, tính nét xấu ác. Bốn điều này là vết-nhơ của một hội chúng.

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này là những sự làm-đẹp (tô điểm) cho một hội chúng. Bốn đó là gì? Một Tỳ kheo là có giới-hạnh, tính nét tốt thiện; một Tỳ kheo ni là có giới-hạnh, tính nét tốt thiện; một đệ tử tại gia nam là có giới-hạnh, tính nét tốt thiện; và một đệ tử tại gia nữ là có giới-hạnh, tính nét tốt thiện. Bốn điều này là sự làm-đẹp cho một hội chúng.”

212 (2) Cách Nhìn

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Hành vi thân sai trái, hành vi lời-nói sai trái, hành vi tâm sai trái, và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Hành vi thân đúng đắn, hành vi lời-nói đúng đắn, hành vi tâm đúng đắn, và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Người có bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

213 (3) Không Biết Ôn

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Hành vi thân sai trái, hành vi lời-nói sai trái, hành vi tâm sai trái, và sự không biết ơn hay không nhớ ơn. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Hành vi thân đúng đắn, hành vi lời-nói đúng đắn, hành vi tâm đúng đắn, và sự biết ơn và nhớ ơn. Người có bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

214 (4) Sát Sinh

[Các kinh 4:214—19 giống khuôn-mẫu kinh 4:213 kể trên, chỉ khác các phẩm chất tái sinh trong địa ngục và tái sinh trong cõi trời.]

“ ... Bốn đó là gì? Người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, và nói-dối nói láo ...

“ ... Bốn đó là gì? Người kiêng cữ sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, và nói-dối nói láo ...”

215 (5) Đạo (1)

“ ... Bốn đó là gì? Người có tà-kiến, tà-tư-đuy, tà-ngữ, tà-nghiệp ...

“ ... Bốn đó là gì? Người có chánh-kiến, chánh-tư-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp ...”

216 (6) Đạo (2)

“ ... Bốn đó là gì? Người có tà-mạng, tà-tinh-tấn, tà-niệm, tà-định ...

“ ... Bốn đó là gì? Người có chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-

niệm, chánh-định ...”

217 (7) Cách Nói Ra (1)

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (dối) đã nhìn thấy điều mình chưa nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình chưa nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình chưa cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình chưa nhận biết.⁹³⁹

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (thật) đã nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình đã nhận biết.”

218 (8) Cách Nói Ra (2)

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (dối) không nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói không nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói không cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói không nhận biết điều mình đã nhận biết.

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (thật) đã nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình đã nhận biết.”

219 (9) Không Biết Xấu Hổ Lương Tâm

“ ... Bốn đó là gì? Người thiếu niềm-tin, thiếu giới-hạnh, không biết xấu-hổ lương tâm (không tà), và bất-chấp về mặt đạo đức (không quý)...

“ ... Bốn đó là gì? Người được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, biết biết xấu-hổ lương tâm (tà), và biết sợ-hãi làm điều sai xấu (quý) ...”

220 (10) Không Có Trí

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người thiếu niềm-tin, thiếu giới-hạnh, lười-biếng, và không có trí. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, có sự nỗ-lực tu (tinh tấn), và có trí. Người có bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 3

HÀNH VI THIỆN

221 (1) *Hành Vi Sai*

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại hành vi lời-nói sai trái (tà ngữ). Bốn đó là gì? Lời nói-dối nói láo, lời nói gây chia-rẽ, lời nói gắt-gông nạt nộ, và lời nói tầm-phào tán dóc. Đây là bốn hành vi lời-nói sai trái.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại hành vi lời-nói tốt thiện (chánh ngữ). Bốn đó là gì? Lời nói-thật nói đúng, lời nói không gây chia-rẽ, lời nói nhẹ-nhàng dễ nghe, và lời nói có suy xét (có nghĩa, có lý, có ích). Đây là bốn hành vi lời-nói tốt thiện.”

222 (2) *Cách Nhìn*

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất thì người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương; người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều tổn-phước. Bốn đó là gì? Hành vi thân sai trái, hành vi lời-nói sai trái, hành vi tâm sai trái, và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều tổn-phước.

“Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất thì người khôn, giỏi, tốt duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị tổn hại và tổn thương; người đó là không đáng chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều phước-đức. Bốn đó là gì? Hành vi thân đúng đắn, hành vi lời-nói đúng đắn, hành vi tâm đúng đắn, và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều phước-đức.”

223 (3) *Không Biết Ơn*

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất thì người ngu, dở, xấu duy trì

bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương; người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều tổn-phước. Bốn đó là gì? Hành vi thân sai trái, hành vi lời-nói sai trái, hành vi tâm sai trái, và sự không biết ơn hay không nhớ ơn. Có bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều tổn-phước.

“Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất thì người khôn, giỏi, tốt duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị tổn hại và tổn thương; người đó là không đáng chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều phước-đức. Bốn đó là gì? Hành vi thân đúng đắn, hành vi lời-nói đúng đắn, hành vi tâm đúng đắn, và sự biết ơn và nhớ ơn. Có được bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều phước-đức.”

224 (4) Sát Sinh ...

[Tiếp tục các kinh từ 4:224—230 đều giống khuôn-mẫu kinh 4:222—223 kể trên.]

“ ... Bốn đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, và nói-dối nói láo ...

“ ... Bốn đó là gì? Người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cấp, kiêng cữ tà-dâm, và kiêng cữ nói-dối nói láo ...”

225 (5) Đạo (1)

“ ... Bốn đó là gì? Người đó có tà-kiến, tà tư-duy, tà-ngữ, và tà nghiệp ...

“ ... Bốn đó là gì? Người đó có chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, và chánh nghiệp ...”

226 (6) Đạo (2)

“ ... Bốn đó là gì? Người đó có tà-mạng, tà tinh-tần, tà-niệm, và tà-định ...

“ ... Bốn đó là gì? Người đó có chánh-mạng, chánh tinh-tần, chánh-niệm, và chánh-định ...”

227 (7) Cách Nói Ra (1)

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (dối) đã nhìn thấy điều mình chưa nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình chưa nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình chưa cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình chưa nhận biết.

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (thật) đã nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình đã nhận biết.”

228 (8) Cách Nói Ra (2)

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (dối) không nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói không nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói không cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói không nhận biết điều mình đã nhận biết.

“ ... Bốn đó là gì? Người nói (thật) đã nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình đã nhận biết.”

229 (9) Không Biết Xấu Hổ Lương Tâm

“ ... Bốn đó là gì? Người thiếu niềm-tin, thiếu giới-hạnh, không biết xấu-hổ lương tâm (không tâm), và bất-chấp về mặt đạo đức (không

quý)...

“ ... Bốn đó là gì? Người được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, biết xấu-hổ lương tâm (tâm), và biết sợ-hãi làm điều sai xấu (quý) ...”

230 (10) Không Có Trí

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất thì người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương; người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quả trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều tổn-phước. Bốn đó là gì? Người thiếu niềm-tin, thiếu giới-hạnh, lười-biếng và không có trí. Có bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều tổn-phước.

“Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất thì người khôn, giỏi, tốt duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị tổn hại và tổn thương; người đó là không đáng chê trách (không tội lỗi) và không bị quả trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều phước-đức. Bốn đó là gì? Người được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, có sự nỗ-lực tu (tinh tấn), và có trí. Có được bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều phước-đức.”

231 (11) Thi Sĩ

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người làm ra thi kệ (thi sĩ). Bốn đó là gì? Người làm thi kệ quán chiêu, người làm thi kệ kể chuyện, người làm thi kệ chỉ dạy, và người làm thi kệ ngẫu hứng.⁹⁴⁰ Đây là bốn loại người làm ra thi kệ.”

NHÓM 4

NGHIỆP

232 (1) *Một Cách Ngăn Gọn*

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? (1) Nghiệp tối có quả tối; (2) nghiệp sáng có quả sáng; (3) nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng; (3) và nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp. Đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

233 (2) *Một Cách Chi Tiết* ⁹⁴¹

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? (1) Nghiệp tối có quả tối; (2) nghiệp sáng có quả sáng; (3) nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng; (3) và nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp. Đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp tối có quả tối? Ở đây, có người làm sự tạo-tác của thân gây khổ đau (thân hành khổ), sự tạo-tác của lời-nói gây khổ đau (khẩu hành khổ), và sự tạo-tác của tâm gây khổ đau (tâm hành khổ).⁹⁴² Hệ quả là, người đó bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau. Khi người đó bị tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc khổ đau tiếp xúc người đó. Do bị tiếp xúc với những sự tiếp-xúc khổ đau, người đó cảm nhận những cảm-giác khổ đau, chỉ toàn đau đớn, như trong trường hợp những chúng sinh trong địa ngục. Đây được gọi là nghiệp tối có quả tối.

(2) “Và cái gì là nghiệp sáng có quả sáng? Ở đây, có người làm sự

tạo-tác bằng thân không gây khổ đau (thân hành không khổ), sự tạo-tác bằng lời-nói không gây khổ đau (khẩu hành không khổ), và sự tạo-tác bằng tâm không gây khổ đau (tâm hành không khổ).⁹⁴³ Hệ quả là, người đó được tái sinh trong một cảnh giới không khổ đau.⁹⁴⁴ Khi người đó được tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc không khổ đau tiếp xúc người đó. Do tiếp xúc với những sự tiếp-xúc không khổ đau, người đó cảm nhận những cảm-giác không khổ đau, chỉ toàn sướng, như trong trường hợp những thiên-thần trong cõi trời hào quang chói lọi (Biển tịnh thiên).⁹⁴⁵ Đây được gọi là nghiệp sáng có quả sáng.

(3) “Và cái gì là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng? Ở đây, có người làm cả hai loại sự tạo-tác bằng thân gây khổ đau và không gây khổ đau (thân hành khổ và không khổ), cả hai loại sự tạo-tác bằng lời-nói gây khổ đau và không gây khổ đau (khẩu hành khổ và không khổ), cả hai loại sự tạo-tác bằng tâm gây khổ đau và không gây khổ đau (tâm hành khổ và không khổ). Hệ quả là người đó bị tái sinh trong một cảnh giới vừa có khổ đau và không có khổ đau. Khi người đó được tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc khổ đau và không khổ đau tiếp xúc người đó. Do tiếp xúc với những sự tiếp-xúc khổ đau và không khổ đau, người đó cảm nhận những cảm-giác loại khổ đau và loại không khổ đau, như trong trường hợp chúng sinh con-người và một số thiên-thần trong những cõi thấp hơn (như những quỷ thần a-tu-la, những địa thần). Đây được gọi là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng.

(4) “Và cái gì là nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? Sự cố-ý (tư) để dẹp bỏ loại nghiệp tối có quả tối, sự cố-ý (tư) để dẹp bỏ loại nghiệp sáng có quả sáng, và sự cố-ý (tư) để dẹp bỏ loại nghiệp sáng và tối có quả tối và sáng (dẹp bỏ ba loại nghiệp thuộc (1), (2), (3) ở trên): đây được gọi là nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp.⁹⁴⁶

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

234 (3) Bà-La-Môn Soṇakāyana

Lúc đó có bà-la-môn tên Sikhāmogallāna đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, ông ta nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, trong những ngày trước, đã lâu, có môn sinh bà-la-môn tên là Soṇakāyana đã đến gặp tôi và thưa rằng: ‘Sa-môn Cồ-đàm chỉ định sự dứt bỏ khỏi mọi nghiệp. Nhưng nếu chỉ định sự dứt bỏ nghiệp là sa-môn Cồ-đàm chủ trương sự hủy diệt của thế giới. Thưa ngài, thế giới này có nghiệp là chất liệu của nó, nó liên tục nhờ nhận lãnh nghiệp cơ mà.’”

[Đức Thế Tôn nói:] “Này bà-la-môn, ta thậm chí không nhớ có gặp môn sinh bà-la-môn nào tên Soṇakāyana. Vậy làm gì có cuộc thảo luận nào như vậy với anh ta? Này bà-la-môn, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? ...”

[Phần còn lại y hệt nội dung kinh 4:233 kể trên.]

235 (4) Những Giới Luật Tu Hành (1)

[Mở đầu giống như kinh 4:233 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp tối có quả tối? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ, hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là nghiệp tối có quả tối.

(2) “Và cái gì là nghiệp sáng có quả sáng? Ở đây, có người kiêng cử sát-sinh, kiêng cử gian-cấp, kiêng cử nói-dối nói láo, và kiêng cử uống rượu mạnh, rượu nhẹ, hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là nghiệp sáng có quả sáng.

(3) “Và cái gì là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng? Ở đây, có người làm cả hai loại sự tạo-tác bằng thân gây khổ đau và không gây khổ đau (thân hành khổ và không khổ), cả hai loại sự tạo-tác bằng lời-nói gây khổ đau và không gây khổ đau (khẩu hành khổ và không khổ), cả hai loại sự tạo-tác bằng tâm gây khổ đau và không gây khổ đau (tâm hành khổ và không khổ). Hệ quả là người đó bị tái sinh trong một cảnh giới vừa có khổ đau và không có khổ đau. Khi người đó được tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc khổ đau và không khổ đau tiếp xúc người đó. Do tiếp xúc với những sự tiếp-xúc khổ đau và không khổ đau, người đó cảm nhận những cảm-giác loại khổ đau và loại không khổ đau, như trong trường hợp chúng sinh con-người và một số thiên-thần trong những cõi thấp hơn (như những quỷ thần a-tu-la, những địa thần). Đây được gọi là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng.

(4) “Và cái gì là nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? Sự cố-ý (tư) để dẹp bỏ loại nghiệp tối có quả tối, sự cố-ý (tư) để dẹp bỏ loại nghiệp sáng có quả sáng, và sự cố-ý (tư) để dẹp bỏ loại nghiệp sáng và tối có quả tối và sáng (dẹp bỏ ba loại nghiệp thuộc (1), (2), (3) ở trên): đây được gọi là nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

236 (5) Những Giới Luật Tu Hành (2)

[Mở đầu giống như kinh 4:233 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp tối có quả tối? Ở đây, có người giết hại mẹ, giết hại cha, giết hại A-la-hán, với cái tâm thù ghét làm chảy máu Như Lai, hay tạo ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn (hai câu cuối có lẽ Phật chỉ thầy Đề-bà-đạt-đa). Đây được gọi là nghiệp tối có quả tối.

(2) “Và cái gì là nghiệp sáng có quả sáng? Ở đây, có người kiêng cử

sát-sinh, kiêng cử gian-cấp, kiêng cử nói-dối nói láo, kiêng cử nói lời gây chia-rẽ, kiêng cử nói lời gắt-gồng nạt nộ, và kiêng cử nói lời tâm-phào tán dúc; người đó không có tham-muôn, có đầy sự thiện-chí, và nắm giữ chánh-kiến. Đây được gọi là nghiệp sáng có quả sáng.

(3) “Và cái gì là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng? ... [*giống đoạn (3) kinh 4:235 kể trên*] ... Đây được gọi là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng.

(4) “Và cái gì là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? ... [*giống đoạn (4) kinh 4:235 kể trên*] ... Đây được gọi là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

237 (6) Tám Chi Thánh Đạo

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? ...

[*Tiếp tục đoạn (1), (2), (3) giống như kinh 4:233 ở trên, cho đến:*]

(4) “Và cái gì là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? (Đó là tám chi thánh đạo, bát thánh đạo): chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định: đây được gọi là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

238 (7) Bảy Chi Giác Ngộ

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? ...

[Tiếp tục đoạn (1), (2), (3) giống như kinh 4:233 ở trên, cho đến:]

(4) “Và cái gì là nghiệp nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? (Đó là bảy chi giác ngộ, thất giác chi): chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm), chi giác-ngộ là sự phân-biệt những hiện-tượng (trạch pháp), chi giác-ngộ là sự nỗ-lực tu (tinh tấn), chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ), chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh an), chi giác-ngộ là sự định-tâm (định), và chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả): đây được gọi là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

239 (8) Đáng Chê Trách

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Hành-động thân (thân nghiệp) đáng chê trách (tội lỗi), hành-động lời-nói (khẩu nghiệp) đáng chê trách, hành-động tâm (tâm nghiệp) đáng chê trách, và cách-nhìn đáng chê trách (sai lạc; tà kiến). Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Hành-động thân không đáng chê trách (không tội lỗi), hành-động lời-nói không đáng chê trách, hành-động tâm không đáng chê trách, và cách-nhìn không đáng chê trách (đúng đắn; chánh kiến). Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

240 (9) Không Gây Khổ Đau

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Hành-động thân (thân nghiệp) gây khổ đau, hành-động lời-nói (khẩu nghiệp) gây khổ đau, hành-động tâm (tâm nghiệp) gây khổ đau, và cách-nhìn gây khổ đau (sai lạc; tà kiến). Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Hành-động thân không gây khổ đau, hành-động lời-nói không gây khổ đau, hành-động tâm không gây khổ đau, và cách-nhìn không gây khổ đau (đúng đắn; chánh kiến). Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

241 (10) Những Sa-môn

“Này các Tỳ kheo: ‘Chỉ ở đây có một sa-môn, đây là một sa-môn thứ hai, đây là một sa-môn thứ ba, đây là một sa-môn thứ tư. Những giáo phái khác không có những sa-môn (đích thực)’.⁹⁴⁷ Chính theo cách như vậy các thầy nên chân chính cất lên tiếng gầm sư tử.

(1) Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sa-môn thứ nhất? Ở đây, với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), một Tỳ kheo thành bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh] xuống cõi dưới, đã định xong vận mệnh, hướng tới sự giác-ngộ. Đây là sa-môn thứ nhất.

(2) “Và cái gì là sa-môn thứ hai? Ở đây, với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên) và cộng với sự giảm thiểu tham, sân, si, một Tỳ kheo thành bậc Nhất-lai, chỉ còn quay lại thế gian này một lần nữa, sau đó sẽ làm nên sự chấm-dứt khổ. Đây là sa-môn thứ hai.

(3) “Và cái gì là sa-môn thứ ba? Ở đây, với sự phá sạch năm gông-cùm (hạ phần kiết sử), một Tỳ kheo thành bậc tái sinh tự động (trong một trong năm cõi trời trong-sạch, Tịnh cư thiên), và ở đó đến lúc chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không quay lại thế gian này từ cõi

đó nữa. Đây là sa-môn thứ ba. (Bát-lai)

(4) “Và cái gì là sa-môn thứ tư? Ở đây, với sự đã tiêu-diệt những ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, một Tỳ kheo tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây là sa-môn thứ tư. (A-la-hán)

“Này các Tỳ kheo: ‘Chỉ ở đây có một sa-môn, đây là một sa-môn thứ hai, đây là một sa-môn thứ ba, đây là một sa-môn thứ tư. Những giáo phái khác không có những sa-môn (đích thực)’. Chính theo cách như vậy các thầy nên chân chính cất lên tiếng gầm sư tử.”

242 (11) *Những Ích Lợi Của Một Người Tốt*

“Này các Tỳ kheo, bằng cách dựa vào một người tốt thì có thể trông đợi bốn ích lợi. Bốn đó là gì? (1) Người tăng trưởng về giới-hạnh thánh thiện; (2) người tăng trưởng về sự định-tâm thánh thiện; (3) người tăng trưởng về trí-tuệ thánh thiện, và (4) người tăng trưởng về sự giải-thoát thánh thiện. Bằng cách dựa vào một người tốt thì có thể trông đợi bốn ích lợi này.”

NHÓM 5

NHỮNG HIỂM HỌA CỦA SỰ PHẠM TỘI

243 (1) Sự Chia Rẽ

“Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Ghosita. Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói với thầy ấy:

“Này Ānanda, những vấn đề về giới-luật đã được giải quyết xong chưa?”⁹⁴⁸

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào những vấn đề về giới-luật đó được giải quyết? Tỳ kheo Bāhiya, học trò của Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha), vẫn đang đầy chủ ý tạo ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, nhưng thầy A-nậu-lâu-đà lại không hề nghĩ đến việc nói ra một lời nào.”

“Nhưng, này Ānanda, có bao giờ A-nậu-lâu-đà tự mình quan tâm đến những giới-luật khi đang ngồi giữa Tăng Đoàn đâu? Vậy tại sao thầy, và thầy Mục-kiền-liên, thầy Xá-lợi-phất không giải quyết gì về những vấn đề này khi chúng khởi sinh?

“Này Ānanda, sau khi nhìn thấy bốn sự thuận lợi, một Tỳ kheo xấu (ác tăng) vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo xấu là vô đạo đức, tính nét xấu ác, không trong sạch, có hành vi đáng ngờ, lén lút trong hành động của mình, không phải là một tu sĩ (sa-môn) nhưng tuyên bố mình là tu sĩ, không sống độc-thân nhưng tuyên bố là người sống độc-thân, thối nát ở bên trong, hư bại, suy đồi. Người đó hay nghĩ rằng: ‘Nếu các Tỳ kheo mà biết được ta là vô đạo đức ... suy đồi, và họ đoàn kết lại, thì họ sẽ trục xuất ta; nhưng nếu họ bị chia rẽ thành nhiều phe, thì họ sẽ không thể trục xuất ta.’ Sau khi nhìn thấy sự thuận lợi thứ nhất này, một Tỳ kheo xấu vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo xấu nắm giữ tà-kiến [cách-nhìn sai lạc];

người đó nương theo một quan-điểm cực đoan. Người đó hay nghĩ rằng: ‘Nếu các Tỳ kheo mà biết được ta nắm giữ tà-kiến, rằng ta dựa theo một quan-điểm cực đoan, và họ đoàn kết lại, thì họ sẽ trục xuất ta; nhưng nếu họ bị chia rẽ thành nhiều phe, thì họ sẽ không thể trục xuất ta.’ Sau khi nhìn thấy sự thuận lợi thứ hai này, một Tỳ kheo xấu vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo xấu có sự mưu-sinh sai trái (tà-mạng); người đó kiếm sống bằng sự mưu-sinh sai trái. Người đó hay nghĩ rằng: ‘Nếu các Tỳ kheo mà biết được ta có sự mưu-sinh sai trái, rằng ta kiếm sống bằng sự mưu-sinh sai trái, và họ đoàn kết lại, thì họ sẽ trục xuất ta; nhưng nếu họ bị chia rẽ thành nhiều phe, thì họ sẽ không thể trục xuất ta.’ Sau khi nhìn thấy sự thuận lợi thứ ba này, một Tỳ kheo xấu vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo xấu có tham muốn có được lợi, danh, và sự (được) khâm-phục. Người đó hay nghĩ rằng: ‘Nếu các Tỳ kheo mà biết được ta có tham muốn có được lợi, danh, và sự khâm-phục, và họ đoàn kết lại, thì họ sẽ không vinh danh, tôn trọng, kính trọng, hay tôn kính ta; nhưng nếu họ bị chia rẽ thành nhiều phe, thì họ sẽ vinh danh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta.’ Sau khi nhìn thấy sự thuận lợi thứ tư này, một Tỳ kheo xấu vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.

“Này Ānanda, sau khi nhìn thấy bốn sự thuận lợi này, một Tỳ kheo vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.”

244 (2) Những Sự Phạm Tội

“Này các Tỳ kheo, có bốn hiêm-họa của sự phạm tội. Bốn đó là gì?

(1) “Này các Tỳ kheo, giả sử họ bắt được một kẻ trộm, một tội phạm, và giải tới chỗ nhà vua, thưa: ‘Thưa bệ hạ, đây là một kẻ trộm, một tội phạm. Xin bệ hạ hãy định hình phạt cho hắn ta.’ Nhà vua nói với họ: ‘Này các thần, hãy lấy dây thừng trói chặt hai tay kẻ này ra sau lưng, cạo đầu hắn, và dẫn hắn đi khắp các đường phố, khắp các khu phố, đánh trống ầm

ĩ (cho mọi người thấy). Sau đó dẫn hấn qua cửa nam và chặt đầu hấn ở phía nam ngoài kinh thành.’ Những quan quân của nhà vua sẽ tuân lệnh và chặt đầu người đó ở phía nam ngoài kinh thành. Một người đứng gần đó có thể nghĩ: ‘Đúng thực, người này đã làm một việc xấu ác, đáng chê trách, đáng bị hình phạt chặt đầu, đến mức những quan quân của nhà vua đã dùng dây thừng trói hai tay ông ta ra sau lưng ... và chặt đầu ông ta ở phía nam ngoài kinh thành. Thiệt tình, tôi sẽ không bao giờ làm một việc xấu ác như vậy, đáng bị chê trách, đáng bị hình phạt chặt đầu.’

“Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã thiết lập một sự nhận-thức nhạy bén như vậy về hiểm-họa đối với những tội lớn nhất [*pārājika*, ba-la-di; trọng tội lớn nhất] thì có thể trông đợi người đó, nếu đã chưa từng phạm vào một tội lớn nào, sẽ không bao giờ phạm vào một tội lớn nhất nào; và, nếu đã từng phạm vào một tội lớn nhất, sẽ tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp.⁹⁴⁹

(2) “Này các Tỳ kheo, giả sử một người tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, mang cây hèo trên vai, và nói với đám đông: ‘Thưa quý vị,⁹⁵⁰ tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt đánh bằng hèo. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.’ Một người đứng gần đó có thể nghĩ: ‘Đúng thực, người này chắc đã làm một việc xấu ác, đáng chê trách, đáng bị hình phạt đánh bằng hèo, đến mức ông ta phải tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, mang cây hèo trên vai, và nói với đám đông: “Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt đánh bằng hèo. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.” Thiệt tình, tôi sẽ không bao giờ làm một việc xấu ác như vậy, đáng bị chê trách, đáng bị hình phạt đánh bằng hèo.’

“Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã thiết lập một sự nhận-thức nhạy bén như vậy về hiểm-họa đối với những tội lớn nhì [*saṅghādisesa*, tội tăng tàng; trọng tội lớn nhì] thì có thể trông đợi người đó, nếu đã chưa từng phạm vào một tội lớn nhì nào, sẽ không bao giờ phạm vào một tội lớn nhì nào; và, nếu đã từng phạm vào một tội lớn nhì, sẽ tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp.⁹⁵¹

(3) “Này các Tỳ kheo, giả sử một người tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, vác một bao tro trên vai, và nói với đám đông: ‘Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt bằng một bao tro.’⁹⁵² Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.’ Một người đứng gần đó có thể nghĩ: ‘Đúng thực, người này chắc đã làm một việc xấu ác, đáng chê trách, đáng bị hình phạt bằng một bao tro, đến mức ông ta phải tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, vác một bao tro trên vai, và nói với đám đông: “Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt bằng một bao tro. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.”’ Thiệt tình, tôi sẽ không bao giờ làm một việc xấu ác như vậy, đáng bị chê trách, đáng bị hình phạt bằng một bao tro.’

“Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã thiết lập một sự nhận-thức nhạy bén như vậy về hiểm-họa đối với những tội nhẹ [*pācittiya*, tội ba-dật-đề; tội lớn nhẹ] thì có thể trông đợi người đó, nếu đã chưa từng phạm vào một tội lớn nhẹ nào, sẽ không bao giờ phạm vào một tội lớn nhẹ nào; và, nếu đã từng phạm vào một tội lớn nhẹ, sẽ tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp.⁹⁵³

(4) “Này các Tỳ kheo, giả sử một người tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, và nói với đám đông: ‘Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị phê phán. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.’ Một người đứng gần đó có thể nghĩ: ‘Đúng thực, người này chắc đã làm một việc xấu ác, đáng chê trách, đáng bị phê phán, đến mức ông ta phải tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, và nói với đám đông: “Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị phê phán. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.”’ Thiệt tình, tôi sẽ không bao giờ làm một việc xấu ác như vậy, đáng bị chê trách, đáng bị phê phán.’

“Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã thiết lập một nhận-thức nhạy bén như vậy về hiểm-họa đối với những tội nhỏ nhẹ [*pāṭidesanīya*, tội ba-la-đề-đề-xá-ni, tội cần phải phát lộ; tội nhỏ nhẹ] thì

có thể trông đợi người đó, nếu đã chưa từng phạm vào một tội nhỏ nhẹ nào, sẽ không bao giờ phạm vào một tội nhẹ hơn nào; và, nếu đã từng phạm vào một tội nhẹ hơn, sẽ tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp.⁹⁵⁴

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn hiểm-họa của tội lỗi.”

245 (3) Sự Tu Học

“Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này được sống với sự tu-học là ích lợi của nó, với trí-tuệ là người giám sát của nó, với sự giải-thoát là cốt lõi của nó, và với sự chánh-niệm là thẩm quyền của nó.⁹⁵⁵

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự tu-học là ích lợi của nó? Ở đây, sự tu-học thuộc phần ‘giới-luật về hành-xử hợp quy’ [phần giới-luật dựa theo quy định]⁹⁵⁶ đã được ta chỉ định cho những đệ tử của ta với mục đích để cho những ai không có niềm-tin sẽ đạt được niềm-tin và những ai đã có niềm-tin càng gia tăng [niềm-tin]. Người tu đảm nhận sự tu-học thuộc phần ‘giới-luật về hành-xử hợp quy’ này theo cách mà ta đã chỉ định cho những đệ tử của ta, trì giữ nó không bị sút mẻ, không vết lỗi, không vết nhiễm, và không bị vết đốm, để cho những ai không có niềm-tin thì đạt được niềm-tin và những ai đã có niềm-tin càng gia tăng [niềm-tin]. Sau khi đã đảm nhận chúng, người tu tu học theo những giới luật tu hành đó.

“Lại nữa, sự tu-học ‘là nền tảng đối với đời sống tâm linh’⁹⁵⁷ đã được ta chỉ định cho những đệ tử của ta để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Người tu đảm nhận sự tu-học ‘là nền tảng đối với đời sống tâm linh’ này theo cách mà ta đã chỉ định cho những đệ tử của ta để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, trì giữ nó không bị sút mẻ, không vết lỗi, không vết nhiễm, và không bị vết đốm, để cho những ai không có niềm-tin thì đạt được niềm-tin và những ai đã có niềm-tin càng gia tăng [niềm-tin]. Sau khi đã đảm nhận chúng, người tu tu học theo những điều luật tu học đó. Chính theo cách này sự tu-học là ích lợi của đời sống tâm linh.

(2) “Và theo cách nào trí-tuệ là người giám sát của nó? Ở đây, những

giáo lý đã được ta chỉ dạy cho những đệ tử của ta để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Người tu soi xét kỹ những giáo lý đó bằng trí-tuệ theo cách mà ta đã chỉ dạy cho những đệ tử của ta để dẫn đến sự hoàn toàn diệt-khổ. Chính theo cách này trí-tuệ là người giám sát của đời sống tâm linh.⁹⁵⁸

(3) “Và theo cách nào sự giải-thoát là cốt lõi của nó? Ở đây, những giáo lý đã được ta chỉ dạy cho những đệ tử của ta để dẫn đến sự hoàn toàn diệt-khổ. Thông qua sự giải-thoát người tu chứng nghiệm những giáo lý theo cách mà ta đã chỉ dạy cho những đệ tử của ta để dẫn đến sự hoàn toàn diệt-khổ. Chính theo cách này sự giải-thoát là cốt lõi của đời sống tâm linh.⁹⁵⁹

(4) “Và theo cách nào sự chánh-niệm là thẩm quyền của nó? (i) Sự chánh-niệm của người tu được khéo thiết lập ở bên-trong như vậy: ‘Chính theo cách như vậy ta sẽ hoàn thiện sự tu-học thuộc phần ‘giới-luật về hành-xử hợp quy’ [phân giới-hạnh dựa theo quy định] mà ta chưa hoàn thiện, hoặc sẽ bằng trí-tuệ trợ giúp về nhiều mặt khác nhau cho sự tu-học thuộc phần này mà ta đã hoàn thiện.’⁹⁶⁰ (ii) Và sự chánh-niệm của người tu được khéo thiết lập ở bên-trong như vậy: ‘Chính theo cách như vậy ta sẽ hoàn thiện sự tu-học ‘là nền tảng đối với đời sống tâm linh’ mà ta chưa hoàn thiện, hoặc sẽ bằng trí-tuệ trợ giúp về nhiều mặt khác nhau cho sự tu-học phần này mà ta đã hoàn thiện.’ (iii) Và sự chánh-niệm của người tu được khéo thiết lập ở bên-trong như vậy: ‘Chính theo cách như vậy ta sẽ bằng trí-tuệ soi xét kỹ những giáo lý mà ta chưa soi xét kỹ, hoặc bằng trí-tuệ sẽ trợ giúp về nhiều mặt cho những giáo lý mà ta đã soi xét kỹ.’ (iv) Và sự chánh-niệm của người tu khéo được thiết lập ở bên-trong như vậy: ‘Chính theo cách như vậy thông qua sự giải-thoát ta sẽ chứng nghiệm Giáo Pháp mà ta chưa chứng nghiệm, hoặc bằng trí tuệ sẽ trợ giúp về nhiều mặt khác nhau cho Giáo Pháp mà ta đã chứng nghiệm.’ Chính theo cách này sự chánh-niệm là thẩm quyền của đời sống tâm linh.

“Vậy đó, khi điều này được nói: ‘Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này được sống với sự tu-học là ích lợi của nó, với trí-tuệ là người giám sát của nó, với sự giải-thoát là cốt lõi của nó, và với sự chánh-niệm là thẩm

quyền của nó’, thì chính bởi vì lý lẽ này nên nó đã được nói như vậy.”

246 (4) Tư Thế Nằm

“Này các Tỳ kheo, có bốn tư thế nằm này. Bốn đó là gì? Tư thế nằm của tử thi, tư thế nằm của người thích nhục dục, tư thế nằm của sư tử, và tư thế nằm của Như Lai.

(1) “Và cái gì là tư thế nằm của tử thi? Những xác chết thường nằm ngửa. Đây được gọi là tư thế nằm của tử thi.

(2) “Và cái gì là tư thế nằm của người thích nhục dục? Người nhục dục thường nằm nghiêng bên trái. Đây được gọi là tư thế nằm của người thích nhục dục.

(3) “Và cái gì là tư thế nằm của sư tử? Sư tử, vua của muôn thú, nằm nghiêng bên phải, với chân trái để trên chân phải và đuôi để giữa hai đùi. Khi nó thức dậy, nó nâng phần thân trước lên và quay lại nhìn phần thân sau của mình. Nếu sư tử thấy có chỗ nào của thân bị sai lệch hay bị đặt sai thì nó không hài lòng. Nếu sư tử thấy không chỗ nào của thân bị sai lệch hay bị đặt sai thì nó hài lòng. Đây được gọi là tư thế nằm của sư tử.

(4) “Và cái gì là tư thế nằm của Như Lai? Ở đây, (i) ‘Tách ly khỏi những dục-lạc [khoái-lạc giác quan], tách ly khỏi những trạng thái bất-thiện, Như Lai chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) ... (iv) ... tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là tư thế nằm của Như Lai.

“Đây là bốn tư thế nằm.”

247 (5) Đáng Được Xây Bảo Tháp

“Này các Tỳ kheo, bốn bậc này là đáng được xây bảo tháp (*thūpa*, để tưởng niệm dài lâu đời đời). Bốn đó là gì? (i) Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác; (ii) Phật Duyên Giác; (iii) đệ tử của Như Lai; và (iv) một vị

vua hoàn vũ. Đây là bốn bậc đáng được xây bảo tháp.”⁹⁶¹

248 (6) Tăng Trưởng Trí Tuệ

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này dẫn tới sự tăng trưởng trí-tuệ. Bốn đó là gì? Gặp gỡ thân cận những người tốt, nghe Giáo Pháp tốt lành, chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và thực hành đúng theo Giáo Pháp. Đây là bốn điều dẫn tới sự tăng trưởng trí-tuệ.”⁹⁶²

249 (7) Hữu Ích ⁹⁶³

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này là hữu ích cho một con người. Bốn đó là gì? Gặp gỡ thân cận những người tốt, nghe Giáo Pháp tốt lành, chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và thực hành đúng theo Giáo Pháp. Đây là bốn điều hữu ích cho một con người.”

250 (8) Những Tuyên Bố (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố không thánh thiện này. Bốn đó là gì? Nói (dối) mình đã thấy điều mình chưa nhìn thấy; nói mình đã nghe điều mình chưa nghe thấy; nói mình đã cảm nhận điều mình chưa cảm nhận; nói mình đã nhận biết điều mình chưa nhận biết. Đây là bốn sự tuyên bố không thánh thiện.”

251 (9) Những Tuyên Bố (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố thánh thiện này. Bốn đó là gì? Nói (thật) mình không thấy điều mình không nhìn thấy; nói mình không nghe điều mình không nghe thấy; nói mình không cảm nhận điều mình không cảm nhận; nói mình không nhận biết điều mình không nhận biết. Đây là bốn sự tuyên bố thánh thiện.”

252 (10) Những Tuyên Bố (3)

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố không thánh thiện này. Bốn đó là gì? Nói (dối) mình không thấy điều mình đã nhìn thấy; nói mình không nghe điều mình đã nghe thấy; nói mình không cảm nhận điều mình đã cảm nhận; nói mình không nhận biết điều mình đã nhận biết. Đây là bốn sự tuyên bố không thánh thiện.”

253 (11) Những Tuyên Bố (4)

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố thánh thiện này. Bốn đó là gì? Nói (thật) mình đã thấy điều mình đã nhìn thấy; nói mình đã nghe điều mình đã nghe thấy; nói mình đã cảm nhận điều mình đã cảm nhận; nói mình đã nhận biết điều mình đã nhận biết. Đây là bốn sự tuyên bố thánh thiện.”

NHÓM 6

SỰ-BIẾT TRỰC TIẾP

254 (1) *Sự-Biết Trực Tiếp*

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều này. Bốn đó là gì? (1) Có những thứ được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) bởi sự-biết trực tiếp (liễu tri). (2) Có những thứ được dẹp-bỏ bằng sự-biết trực tiếp. (3) Có những thứ được tu-tập bằng sự-biết trực tiếp. (4) Có những thứ được chứng-ngộ bằng sự-biết trực tiếp.⁹⁶⁴

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ được hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp? Đó là năm-uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn). Đây được gọi là những bốn thứ được hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp.

(2) “Và cái gì là những thứ được dẹp-bỏ bằng sự-biết trực tiếp? Đó là vô-minh và dục-vọng (ái). Đây là những thứ được dẹp-bỏ bằng sự-biết trực tiếp.

(3) “Và cái gì là những thứ được tu-tập bằng sự-biết trực tiếp? Đó là sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ). Đây được gọi là những thứ được tu-tập bằng sự-biết trực tiếp.

(4) “Và cái gì là những thứ được chứng-ngộ bằng sự-biết trực tiếp? Đó là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát. Đây được gọi là những thứ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều.”

255 (2) *Những Sự Tìm Kiếm*

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tìm-kiếm (tâm cầu) không thánh thiện.⁹⁶⁵ Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người bản chất phải bị già mà cứ đi tìm thứ bị già; (2) người bản chất phải bị bệnh mà cứ đi tìm thứ bị bệnh; (3) người bản chất phải bị chết mà cứ đi tìm thứ bị chết; và (4) người bản chất bị ô-nhiễm mà cứ đi tìm thứ bị ô-nhiễm. Đây là bốn sự tìm-kiếm

không thánh thiện.

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tìm-kiếm thánh thiện. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người bản chất phải bị già, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị già, người đó tìm kiếm sự không-già, là sự an-toàn vô thượng thoát khỏi sự trói-buộc, Niết-bàn; (2) có người bản chất phải bị bệnh, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị bệnh, người đó tìm kiếm sự không-bệnh, là sự an-toàn vô thượng thoát khỏi sự trói-buộc, Niết-bàn; (3) có người bản chất phải bị chết, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị chết, người đó tìm kiếm sự bất-tử, là sự an-toàn vô thượng thoát khỏi sự trói-buộc, Niết-bàn; (4) có người bản chất phải bị ô-nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ bị ô-nhiễm, người đó tìm kiếm sự không bị ô-nhiễm (vô lậu), là sự an-toàn vô thượng thoát khỏi sự trói-buộc, Niết-bàn. Đây là bốn sự tìm-kiếm thánh thiện.”

256 (3) *Duy Trì*

“Này các Tỳ kheo, có bốn phương tiện này để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp (hữu hảo). Bốn đó là gì? Quà tặng, lời nói thân ái, hành vi thiện ích (từ thiện), và sự vô tư (không thiên vị). Đây là bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp.”⁹⁶⁶

257 (4) *Māluṅkyāputta*

Lúc đó có Ngài Māluṅkyāputta đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa:⁹⁶⁷

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn, con sẽ ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Māluṅkyāputta, giờ chúng ta nên nói gì với những Tỳ kheo trẻ

trong khi một người già như thầy, đã già yếu và nhiều tuổi tác, lại đi hỏi sự chỉ giáo một cách ngắn gọn từ Như Lai?”

“Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn! Mong bậc Phúc Lành chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn! Có lẽ con có thể hiểu được ý nghĩa của lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn; có lẽ con có thể thành một người thừa hưởng được lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.”

“Này Mālunkyāputta, có bốn cách dục-vọng (ái) khởi sinh bên trong một Tỳ kheo. Bốn đó là gì? Dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo vì mấy chuyện y-áo, thức-ăn, chỗ-ở, hay vì muốn có được sự-sống ở đây hay chỗ khác. Đây là bốn cách dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo.” **968**

“Đây là bốn nguồn dục-vọng đối với một Tỳ kheo. Này Mālunkyāputta, khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ dục-vọng, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là người đã cắt bỏ dục-vọng, đã gỡ bỏ gông-cùm, và bằng cách phá bỏ sự tự-ta (ngã mạn) đã làm nên sự chấm-dứt khổ.”

Rồi thầy Mālunkyāputta, sau khi đã được chỉ giáo như vậy bởi đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải của mình và đi ra.

Rồi sau đó, ở một mình, thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thầy Mālunkyāputta ngay trong kiếp này đã tự mình chứng ngộ đỉnh-cao vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã chân chính từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, thầy ấy an trú trong đó. Thầy đã trực-tiếp biết: “Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và thầy Mālunkyāputta đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

258 (5) Những Gia Đình

“Này các Tỳ kheo, những gia đình không (tiếp tục) giàu có nhiều đời sau khi đã có được nhiều của cải, tất cả đều không được dài lâu vì bốn lý do, hay vì một trong bốn lý do đó. Bốn đó là gì? (1) Họ không tìm kiếm thứ đã mất; (2) họ không tu sửa cái đã già cũ; (3) họ mê mải trong sự ăn uống và rượu chè; hay (4) họ chọn trúng người thất-đức [nam hay nữ] làm gia trưởng [người chủ chốt]. Những gia đình không giàu có nhiều đời sau khi đã có được nhiều của cải, tất cả đều không được dài lâu vì bốn lý do, hay vì một trong bốn lý do đó.”⁹⁶⁹

“Này các Tỳ kheo, những gia đình (tiếp tục) giàu có nhiều đời sau khi đã có được nhiều của cải, tất cả đều được dài lâu vì bốn lý do, hay vì một trong bốn lý do đó. Bốn đó là gì? (1) Họ tìm kiếm thứ đã mất; (2) họ tu sửa cái đã già cũ; (3) họ không mê mải trong sự ăn uống và rượu chè; và (4) họ chọn đúng người đức-hạnh [nam hay nữ] làm gia trưởng. Những gia đình giàu nhiều đời sau khi đã có được nhiều của cải, tất cả đều được dài lâu vì bốn lý do đó, hay vì một trong bốn lý do đó.”

259 (6) Thuần Chung (1)

“Này các Tỳ kheo, có được bốn yếu tố, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ (công cụ, vật dụng) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều.”⁹⁷⁰ Bốn đó là gì? Ở đây, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua có được vẻ đẹp, sức-mạnh, tốc-độ, và sự cân-đối đúng đắn. Có được bốn yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của nhà vua ... được coi là một yếu tố của vương triều.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được vẻ đẹp, sức mạnh, tốc độ, và sự cân đối đúng đắn.

(1) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được vẻ-đẹp? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bản Tỳ kheo), có được giới-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành theo những điều giới luật đó. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được vẻ-đẹp.

(2) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được sức-mạnh? Ở đây, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và để đạt được những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong sự cố-gắng, không lơ là khỏi bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được sức-mạnh.

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc-độ? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ và ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ và ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được tốc-độ.

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có được sự cân-đối đúng đắn? Ở đây, một Tỳ kheo là người có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được sự cân-đối đúng đắn.

“Có được bốn phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

260 (7) *Thuần Chủng (2)*

[*Giống kinh 4:259 kể trên, trừ đoạn (3) được ghi như sau:*]⁹⁷¹

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc-độ? Ở đây, một Tỳ kheo với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

Cchính theo cách này là một Tỳ kheo có được tốc-độ.”

261 (8) Những Năng Lực

“Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực nỗ-lực tu (tinh tấn lực), năng lực chánh-niệm (niệm lực), năng lực định-tâm (định lực), và năng lực trí-tuệ (tuệ lực). Đây là bốn năng lực.”

262 (9) Sống Tu Trong Rừng

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất, một Tỳ kheo là không phù hợp để về sống những nơi hẻo lánh trong rừng núi. Bốn đó là gì? [Người đó cứ nghĩ] (1) những ý nghĩ tham-dục, (2) những ý nghĩ ác-ý, và (3) những ý nghĩ gây-hại; và (4) người đó không có trí, ngu dốt, đần độn. Có bốn phẩm chất này một Tỳ kheo là không phù hợp để về sống những nơi hẻo lánh trong rừng núi.

“Có được bốn phẩm chất, một Tỳ kheo là phù hợp để về sống những nơi hẻo lánh trong rừng núi. Bốn đó là gì? [Người đó nghĩ] (1) những ý nghĩ từ-bỏ, (2) những ý nghĩ thiện-chí, và (3) những ý nghĩ vô-hại; và (4) người đó có trí, không ngu dốt hay đần độn. Có được bốn phẩm chất này một Tỳ kheo là phù hợp để về sống những nơi hẻo lánh trong rừng núi.”

263 (10) Hành Động

“Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất, người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương; người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều tổn-phước. Bốn đó là gì? Hành-động của thân đáng chê trách, hành-động của lời-nói đáng chê trách, hành-động của tâm đáng chê trách (thân, khẩu, tâm nghiệp tội lỗi), và cách-nhìn đáng chê trách (tà kiến). Có bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều tổn-phước.

“Này các Tỷ kheo, có được bốn phẩm chất, người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị tổn hại và tổn thương; người đó là không bị chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước-đức. Bốn đó là gì? Hành-động của thân không đáng chê trách, hành-động của lời-nói không đáng chê trách, hành-động của tâm không đáng chê trách (thân, khẩu, tâm nghiệp phi tội lỗi), và cách-nhìn không đáng chê trách (chánh kiến). Có bốn phẩm chất này ... người đó tạo nhiều phước-đức.”

NHÓM 7

NHỮNG ĐƯỜNG NGHIỆP

264 (1) Sát Sinh

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? (1) Người đó tự mình *sát-sinh*; (2) người đó xúi giục người khác sát-sinh; (3) người đó đồng tình sự sát-sinh; và (4) người đó nói lời đề cao sự sát-sinh. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? (1) Người đó tự mình *kiêng cũ sát-sinh*; (2) người đó khuyến khích người khác kiêng cũ sát-sinh; (3) người đó đồng tình sự kiêng cũ sát-sinh; và (4) người đó nói lời đề cao sự kiêng cũ sát-sinh. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

265 (2)—273 (10) Gian Cấp ...

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì?⁹⁷² (1) Người đó tự mình *gian-cấp ... tà-dâm ... nói-dối nói láo ... nói lời gây chia-rẽ ... nói lời gắt-gông nạt nộ ... nói lời tâm-phào tán dúc ... có đầy sự thêm-muốn ... mang đầy sự ác-ý ... nắm giữ tà-kiến [cách-nhìn sai lạc]*; (2) người đó xúi giục người khác gian-cấp ... nắm giữ tà-kiến; (3) người đó đồng tình sự gian-cấp ... nắm giữ tà-kiến; và (4) người đó nói lời đề cao sự gian-cấp ... nắm giữ tà-kiến. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? (1) Người đó tự mình *kiêng cũ gian-cấp ... kiêng cũ tà-dâm ... kiêng cũ nói-dối nói láo ... kiêng cũ nói lời gây chia-rẽ ... kiêng cũ nói lời gắt-gông nạt nộ ...*

kiêng cữ nói lời tâm-phào tán dóc ... không có sự thèm-muốn ... mang đầy sự thiện-chí ... nắm giữ chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn]; (2) người đó khuyến khích người khác kiêng cữ gian-cấp ... nắm giữ chánh-kiến; (3) người đó đồng tình sự kiêng cữ gian-cấp ... nắm giữ chánh-kiến; và (4) người đó nói lời đề cao sự kiêng cữ gian-cấp ... nắm giữ chánh-kiến. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 8

NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

274 (1) Bốn Nền Tảng Chánh Niệm (Tứ niệm xứ)

“Này các Tỳ kheo, để có sự *trực-tiếp biết* (liễu tri) về tham, bốn pháp cần được tu tập. Bốn đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo an trú quán sát *thân* trong thân [*thân*], nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (uru) đối với thế giới. (2) Người đó an trú quán sát *những cảm-giác* trong những cảm-giác [*thọ*] ... (3) *tâm* trong tâm [*tâm*] ... (4) *pháp* trong pháp [*pháp*: những hiện-tượng thuộc tâm, những đối-tượng của tâm, những thứ thuộc tâm, những hiện-tượng tâm, tâm pháp, các pháp, các giáo pháp], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“Để có sự *trực-tiếp biết* về tham, bốn pháp này (*Tứ niệm xứ*) cần được tu tập.”

275 (2) Bốn Sự Chuyên Cần Tu Đúng Đắn (Tứ chánh cần)

“Này các Tỳ kheo, để có sự *trực-tiếp biết* (liễu tri) về tham, bốn pháp cần được tu tập. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn (dục) không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh, người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tỉnh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tỉnh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh ... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu.

“Để có sự *trực-tiếp biết* về tham, bốn pháp này (*Tứ chánh cần*) cần

được tu tập.”

276 (3) *Bốn Cơ Sở Thần Thông* (Tứ thần túc)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* (liễu tri) về tham, bốn pháp cần được tu tập. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở (tu tạo) thần thông [năng lực tâm linh] gồm có sự định-tâm có được *nhờ sự mong-muốn* (dục) và sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành); (ii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được *nhờ sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được *nhờ [sự thanh tịnh] tâm* (tâm) ... (iv) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được *nhờ sự điều-tra tìm hiểu* (trạch pháp) và sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành).

“Để có *sự trực-tiếp biết* về tham, bốn pháp này (*Tứ chánh cần*) cần được tu tập.”

277 (4)—303 (30)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) về tham ... *sự phá-sạch* tham ... *sự dẹp-bỏ* tham ... *sự tiêu-diệt* tham ... *sự biến-mất* tham ... *sự phai-biến* tham ... *sự chấm-dứt* tham ... *sự buông-bỏ* tham ... *sự từ-bỏ* tham, bốn pháp này (*Tứ niệm xứ ... Tứ chánh cần ... Tứ thần túc*) cần được tu tập.”

[*Tiếp tục mỗi “sự” với 03 lần như 03 kinh 274, 275, 276 ở trên, tổng cộng 09 “sự” thành 27 kinh (277-303).*]

[*Vậy tổng cộng có 30 kinh về “THAM” (274—303).*]

304 (31)—783 (510) ⁹⁷³

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* (liễu tri) ... *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) ... *sự phá-sạch* ... *sự dẹp-bỏ* ... *sự tiêu-diệt* ... *sự biến-*

mát ... sự phai-biến ... sự chấm-dứt ... sự buông-bỏ ... sự từ-bỏ sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-bạo ... sự hỗn-xược ... sự ganh-ty ... sự ti-tiền ... sự lừa-dối ... sự mưu-mẹo ... sự bướng-bỉnh ... sự thái-quá (quá đáng, quá lớn, dữ dội) ... sự tự-ta (ngã mạn) ... sự kiêu-ngạo ... sự say-sưa ... sự lơ-tâm phóng dật, bốn pháp cần được tu tập. Bốn đó là gì?

▪ [*Tứ niệm xứ, như kinh 274*]: Ở đây, (1) một Tỳ kheo an trú quán sát *thân* trong thân [*thân*], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. (2) Người đó an trú quán sát *những cảm-giác* trong những cảm-giác [*thọ*] ... (3) *tâm* trong tâm [*tâm*] ... (4) *pháp* trong pháp [*pháp*: những hiện-tượng thuộc tâm, những đối-tượng của tâm, những thứ thuộc tâm, những hiện-tượng tâm, tâm pháp, các pháp, các giáo pháp], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“Đề có *sự trực-tiếp biết* (liễu tri) về sân ... sự lơ-tâm phóng dật, bốn pháp này (*Tứ niệm xứ*) cần được tu tập.”

▪ [*Tứ chánh cần, như 275*]: (1) Ở đây, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn (dục) không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh, người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh ... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu.

“Đề có *sự trực-tiếp biết* về sân ... sự lơ-tâm phóng dật, bốn pháp này (*Tứ chánh cần*) cần được tu tập.”

▪ [*Tứ thân tức, như kinh 276*]: Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở (tu tạo) thần thông [năng lực tâm linh] gồm có sự định-tâm có được nhờ *sự*

mong-muốn (dục) và sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành); (ii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ [*sự thanh tịnh của*] *tâm* (tâm) ... (iv) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ *sự điều-tra tìm hiểu* (trạch pháp) và sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành).

“Để có *sự trực-tiếp biết* về sân ... sự lơ-tâm phóng dật, bốn pháp này (*Tứ thần túc*) cần được tu tập.”

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỷ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

— HẾT QUYỂN 4 —

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Tăng Chi*

Be: Phiên bản tiếng Miến Điện (= *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka*, bản điện tử)

Ee: Phiên bản tiếng Anh (ấn bản **PTS**)

Ce: Phiên bản Tích Lan (= *Buddha Jayanti Tripitaka Series*, bản in giấy)

Mp Manorathapūraṇī: *Luận Giảng Bộ Kinh AN*

Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: *Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN*

NDB = Numerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của **AN** bởi Tỳ Kheo Bô-Đê.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

► Lưu Ý: Khi chữ **Be** và **Ce** được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng **Mp**, là chúng tương ứng chỉ ấn bản *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan *Simon Hewavitarne Bequest* (1923–31). Nếu chỉ ghi **Mp** không thôi thì đó là luận giảng **Mp** thuộc ấn bản điện tử của *Chaṭṭha Saṅgāyana*.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Tăng Chi* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-atṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

Dhp-a = Dhammapada-atṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: *Bộ Pháp Tụ* (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja = Jātaka: *tập Kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngăn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddesa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Paṭis*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Trương Ưng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsini (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-tīkā (Dīgha Nikāya-tīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vbh* (phiên bản Miền Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH & SÁCH KHÁC:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bò-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch bộ kinh SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của bộ kinh SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Maurice Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của bộ kinh MN* (bởi nhà sư Tỳ Kheo Nānamoli và Tỳ Kheo Bò-Đề)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= **Vism**] bởi nhà sư Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc bộ kinh SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-Hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams’ Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiên sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng lão Vanarata Ānanda*

CHÚ THÍCH

618 [Phần lời kinh dưới đây cũng có ghi trong kinh dài *Mahāparinibbāna Sutta* (Đại Kinh Bát-Niết-Bàn), **DN 16**, mục 4.2–4.3.] (618)

619 [Nguyên văn câu cuối: *dīghamaddhānaṃ sandhāvitam samsaritam*. Chữ “quãng thời gian dài” lang thang trong vòng luân-hồi (*samsāra*) là xuất phát từ động từ *samsarati*, ở đây là thể quá khứ phân từ *samsaritam*. **Mp** giải nghĩa chữ *dīghamaddhānaṃ* là = *cirakālam* (một thời gian dài) và giải thích chữ *sandhāvitam* có nghĩa là “trôi giạt bằng cách đi từ trạng thái hiện-hữu này sang trạng thái hiện-hữu khác” (*bhavato bhavaṃ gamanava-sena sandhāvitam*).] (619)

620 [*Bhavanetti*: đường dẫn tới hiện-hữu. **Mp** giải thích đó là “sợi dây hiện-hữu (*bhavarajju*) là danh từ chỉ dục-vọng (ái). Giống như sợi dây cột cổ con bò, sợi dây hiện-hữu này dẫn dắt chúng sinh từ trạng thái hiện-hữu này sang trạng thái hiện-hữu khác. Do vậy nó được gọi là đường dẫn tới hiện-hữu.”] (620)

621 [*Cakkhumā parinibbuto*: người có tầm-nhìn đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng [bát niết-bàn]. **Mp** chú giải: “(i) Phật chứng ngộ Niết-bàn bằng sự diệt sạch ô-nhiễm (lậu tận). Đây là Niết-bàn (*nibbana*) thứ nhất, xảy ra ở khu vực gốc cây Bồ-Đề. (ii) Nhưng sau đó, (khi chết) khi Phật nằm giữa hai cây sa-la (long thọ) song sinh ở Kusinārā là Phật chứng Niết-bàn bằng yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn giới).” (*Niết-bàn cuối cùng* khi chết được gọi là *Bát-niết-bàn* (phiên âm của chữ *Parinibbana*).] (621)

622 [*An toàn*: dịch từ chữ *appatito*. Nghĩa gốc của nó là “không bị rớt ngã” (đối với chữ “bị rớt khỏi” ở đoạn trên), nhưng ở đây **Mp** giảng giải một cách tích cực hơn là = *patiṭṭho* (đã được thiết lập, đã an ổn, đã an toàn) và cho rằng nó chỉ bậc thánh Nhập-lưu và những bậc thánh khác; còn bậc A-la-hán thì dùng chữ “đã an ổn toàn vẹn” (*khīṇāsavo ekanta-patiṭṭho*).] (622)

623 [Thi kệ này cũng có trong *Trưởng Lão Kệ* (**Th 63**). *Luận Giảng về Trưởng*

Lão Kệ (**Th-a** I 155) nói rằng: “*Trách-phận đã làm xong (katam kiccam)* nghĩa là: Trách phận gồm 16 phần tu đã được tu xong và không còn gì để làm thêm nữa. [16 phần gồm: có 04 thánh đạo X mỗi thánh đạo làm 04 trách vụ là (i) hoàn-toàn hiểu sự khổ, (ii) trừ bỏ nguồn-gốc khổ, (iii) chứng ngộ sự diệt-khổ, và (iv) tu tập con-đường dẫn tới sự diệt-khổ]. “*Vui thích điều đáng vui thích*” (*ratam ramman*): điều đáng vui thích là Niết-bàn, là trạng thái không còn bị điều-kiện (vô vi, không còn hữu vi), trạng thái này đã được vui thích bởi những bậc thánh nhân. “*Sự hạnh phúc được đạt tới bởi sự hạnh phúc*” (*sukhenanvāgatam sukham*): niềm hạnh-phúc tốt cùng là Niết-bàn, được đạt tới bằng niềm hạnh-phúc của thánh quả; hay nói cách khác, hạnh-phúc của thánh quả và Niết-bàn được đạt tới nhờ niềm hạnh-phúc (lạc) của minh-sát tuệ và của thánh đạo có được nhờ tu tập theo một cách thức an lạc đáng vui thích”, [về vấn đề này, coi thêm kinh **4:162**, đoạn (3), (4), ở bên dưới].] (623)

624 [Phần thi kệ này có lặp lại ở kinh **10:89** đề cập tới một Tỳ kheo xấu tên là Kokālika. Câu chuyện này và cả phần thi kệ cũng có ở các kinh **SN 6:09–10** (Quyển 1) và kinh **Sn 3:10**. Nguyên văn nó là: *Vicināti mukhena so kalim, kalinā tena sukham na vindati*. Câu này có thể dịch nghĩa là: “*Kẻ ngu thu hoạch tai họa do cái miệng của mình.*” Chữ *kali* vừa nghĩa là tai họa, vừa có nghĩa là sự thua của cú ném súc sắc.] (624)

625 [**Mp** giải thích: Những sự xui rủi (như trong cờ bạc) làm mất hết tiền của và cả bản thân ... cũng chỉ là nhỏ nhất nếu so với sự xui rủi và sự bất hạnh của người đi thù-ghét những bậc thánh. **Mp** giải nghĩa chữ *sugatesu* (bậc phúc lành, thiện thế) là = *sammaggatesu puggalesu* (người đã chứng đắc một cách chân chính; bậc chân ngộ), tức chỉ tất cả những bậc A-la-hán, không riêng Phật. (Luận giảng **Spk** trong chú thích 405 ở thi kệ 590, kinh **SN 6:01** (Quyển 1) cũng chú giải y hệt như vậy).] (625)

626 [Nguyên văn câu cuối này: *Satam sahasānam nirabbudānam/chattimsatī pañca ca abbudāni*. Tôi dịch theo **Mp**, **Mp** nói về những con số đó là bằng: “100 ngàn *nirabbuda*, cộng thêm 36 ngàn *nirabbud*, cộng thêm 5 *abbuda*” (*satam sahasānan ti nirabbudagaṇanāya satahasasam; chattimsatī ti aparāni ca chattimsati nirabbudāni; pañca cā ti abbudagaṇanāya ca pañca abbudāni*). Tuy nhiên, nhà sư **Vanarata** thì chắc chắn chữ *pañca* không thể trực tiếp bỏ nghĩa cho chữ *abbudānam*, và do vậy đã nối tiếp chữ *sa-*

hassānaṃ với *chattimsatī* và *pañca* luôn, làm nên nghĩa là: thêm 36 ngàn *nirabbuda* và 5 ngàn *abbuda*. **Mp**, khi chú giải về kinh **AN 10:89**, đã giải thích sự đếm số theo Phật giáo như sau: 01 *koṭi* = 10 triệu; 01 *koṭi* lần *koṭi* = 01 *pakoṭi*; 01 *koṭi* lần *pakoṭi* = 01 *koṭipakoṭi*; 1 *koṭi* lần *koṭipakoṭi* = 01 *nahuta*; 01 *koṭi* lần *nahuta* = 01 *ninnahuta*; 01 *koṭi* lần *ninnahuta* = 01 *abbuda*; 20 *abbuda* = 01 *nirabbuda*.] (626)

- (Chỉ để hình dung đôi chút: theo cách tính theo bản dịch của nhà sư Sujato, 436.000 *nirabbuda* = khoảng hơn 2 triệu năm, và 05 *abbuda* = hơn 25.000 năm nữa).

- (Các dấu [a] và [b] để cho kinh **AN 10:89** để đối chiếu các chú thích).

627 [Đoạn kệ cuối cũng có trong kinh **3:31** và **4:63**, nhưng ở đó ghi chữ *paricariyāya* (Vi những sự phụng sự đố) thay vì chữ *dhammacariyāya* (Vi hành vi chân chính đố) như trong kinh này.] (627)

628 [Nguyên văn Pāli của câu cuối: *anusotagāmī puggalo, paṭisotagāmī puggalo, ṭhitatto puggalo, tiṇṇo pāraṅgato thale tiṭṭhati brāhmaṇo*.] (628)

629 [Đọc theo **Be** và **Ee** là *upagāmino*, khác với **Ce** là *upagāhino*.] (629)

630 [Nguyên văn: *Paripunṇasekho*. **Mp** diễn dịch: “Là người vững chắc trong sự hoàn thành việc tu học” (*sikkhāpāripūriyā ṭhito*). *Bậc học nhân* (*sekha*) là những người đã bước vào thánh đạo, (đó là một chiều) không thể nào đảo ngược được nữa, (một chiều) dẫn tới sự giải-thoát, nhưng cấp bậc này vẫn chưa đạt tới thánh quả A-la-hán. Còn A-la-hán là *bậc vô học nhân* (*asekha*), tức không còn tu học nữa, là “người đã vượt qua sự tu học” (tức hết tu học, đã tu học xong, đã tu thành, đã là A-la-hán).] (630)

631 [Nguyên văn Pāli: *suttam, geyyam, veyyākaraṇaṇ, gāthā, udānaṃ, itivutta-kam, jātakam, abbhutadhammaṃ, vedallaṃ*—(1. Kinh văn; 2. Kinh văn có kệ; 3. Kinh giảng giải; 4. Kinh thi kệ; 5. Phật tự thuyết; 6. Kinh trích giảng; 7. Kinh Chuyện Kiếp Trước (bổn sinh, tiền thân); 8. Kinh về những lời nói ra trước những sự kiện thần diệu hy hữu diễn ra; 9. Kinh Vấn Đáp). Đây 09 phần kinh của Giáo Pháp (Dhamma) và sau đó đã được phân loại và kết tập thành 05 bộ *Nikāya*.

- Luận giảng **Mp**, giống như những luận giảng khác, đã đưa ra những ví dụ về các thể loại kinh, nhưng các học giả hiện đại không hoàn toàn đồng ý với những ví dụ đó. Một vấn đề tranh cãi là có những thể loại trong danh sách này là (i) đề cập những bộ kinh đã có vào thời Phật, hay (ii) đề cập tới những nguyên mẫu kinh mà dựa trên chúng các bộ kinh đã được kết tập và hình thành đến bây giờ. Các học giả nghiêng về trường hợp (ii), (tức họ cho rằng các thánh tăng đã dựa vào các nguyên mẫu kinh đã được Phật nói ra để kết tập vào các bộ kinh và các phần, chương, nhóm trong đó, sau khi phân loại và sắp xếp theo chủ-đề (như bộ SN) hay theo thứ tự và số lượng (như bộ AN) hay theo độ ngắn, vừa hay dài của các kinh (như các bộ KN, MN và DN), theo người dịch nghĩ). (!)] (361)

632 [Tôi làm theo **Be**, ghi câu kệ *d* trong đoạn thi kệ này là: *tassa sampajjate sutam* và ghi câu kệ *d* trong đoạn thi kệ sau là: *nāssa sampajjate sutam* (sự học-hiểu của người đó không thành công). **Ce** thì ghi câu này là: *nāssa sampajjate sutam* và ghi câu sau là: *tassa sampajjate sutam*; trong khi đó **Ee** thì ghi ở cả 02 câu đều là *nāssa sampajjate sutam*. **Mp** ủng hộ cách ghi của **Be** bằng sự chú giải, liên quan tới đoạn thi kệ này như vậy: “Sự học-hiểu của người đó được nói là đã thành công bởi vì người này đã dùng những điều mình đã học để đạt được cái mục đích học-hiểu của mình.” Và khi chú giải về đoạn thi kệ sau, **Mp** nói rằng: “Nó [sự học-hiểu] không thành công bởi vì người đó chưa đạt được cái mục đích học-hiểu của mình.” Những đoạn thi kệ này cũng được trích dẫn trong **Vism** 48, **Ppn** 1.136, những có chút ít khác nhau giữa các phiên bản.] (632)

633 [**Mp** diễn dịch: “trời *brahma*” (phạm thiên) ở đây, trong bối cảnh Ấn Độ cổ lúc đó, được cho là biểu tượng “*bạc nhất, tối cao, tinh khiết*” (*setṭham uttamam visuddham*) và nhận dạng chữ “*bánh xe của trời brama*” (*brahmacakka*) là đồng nghĩa = “*bánh xe Giáo Pháp*” (*dhammacakka*). (Vây nghĩa ở đây là *sự quay chuyển hay dịch chuyển bánh xe Giáo Pháp; sự chuyển pháp luân, sự truyền dạy Giáo Pháp*.)] (633)

634 [Về câu này mời coi lại kinh **3:64**, đoạn (3) và chú thích 451 ở đó.] (634)

635 [Nhà sư Vanarata đã viết về câu kệ *c* rằng: “Tôi nghĩ rằng chữ *patvā* là một sự sửa đổi sai từ chữ Pāli tiền cổ là *pattā*, vốn vừa có thể là một tuyệt đối

từ vừa là một phân từ. Sau khi tiếng Pāli được định dạng lại thì chữ này đã được chọn lại. Chữ *pattā*, là quá khứ phân từ, (là chữ đúng) nên được giữ nguyên không đổi” [Đây là lời trao đổi riêng với tôi [TKBĐ]]. - Tôi đọc câu kệ *d* theo **Be** ghi là: *visāradam vādapathātivattam*, đây là một cách ghi giống với bản thảo tiếng Sinhala cổ (Tích Lan). **Ce** thì ghi: *visāradam vādapathāti-vattīnam*, cách ghi này cũng có lý, nhưng **Ee** ghi: *visāradam vādapathāti vut-tam* thì chắc chắn là sai.] (635)

636 [Nguyên văn: *Itthabhāvaññathābhāvam*. **Mp** giải thích: “*sự-sống ở đây*” là *sự sống này, sự hiện-hữu này (ayam attabhāvo)*; “*sự-sống chỗ khác*” là chỉ những *sự hiện-hữu trong tương lai (anāgatattabhāvo)*. (Cả 02 đều là *dục-vọng muốn được hiện-hữu* (hữu ái). - Lời đoạn này cũng được ghi ở phần đầu kinh **4:257**, đoạn có chú thích 968.)] (636)

637 [*Bhavānam*: trạng thái hiện-hữu. **Mp** phân biệt chữ *kāmayoga* là tham dính với năm đối tượng dục-lạc [dục tham], và chữ *bhavayoga* là dục và tham được hiện-hữu trong những cõi sắc giới và vô sắc giới [sắc giới tham, vô sắc giới tham].] (637)

638 [Chỗ này tôi đọc theo **Ce** và **Be** ghi là: *yogātigā muni*; khác với **Ee** ghi là: *yogātigāmino*. (638)

639 [Kinh này cũng có ghi ở kinh **It 110**.] (639)

640 [(Đây chính là năm chướng-ngại). [Tôi đọc theo **Ce** ghi là: *thīnamiddham uddhaccakukkuccam vicikicchā pahīṇā hoti* [**Ee** cũng ghi vậy, chỉ khác chữ *honti*], khác với **Be** ghi là: *thīnamiddham vigatam hoti uddhaccakukkuccam vigatam hoti vicikicchā pahīṇā hoti*. (640)

641 [“*Namuci*”: một tên gọi khác của Ma Vương [Māra]; các giảng luận ghi cái tên này có nghĩa là: “*Hắn không [na] tha [muci]*”.] (641)

642 [*Bhaddakam samādhinimittam*: đối-tượng thiền đã khởi sinh là nền tảng rất tốt để đạt sự định-tâm. Có 06 đề-mục thiền (về đối tượng tứ-thi) nằm trong 10 đối-tượng thiền về sự ghớm-ghiếc ô-úé (*asubha*) của thân, như đã được ghi trong *Thanh Tịnh Đạo Vism*, Chương 6.] (642)

643 [Rāhu là vua của các quỷ thần a-tu-la [asura], được cho là đã bắt cóc mặt trời và mặt trăng, và giải thích điều đó làm xảy ra các hiện tượng nhật thực và nguyệt thực. Coi thêm kinh SN 2:09–10 (Quyển 1).] (643)

644 [Mandhātā là một vị vua khởi thủy, là hậu duệ của Mahāsammata, con trai của Uposatha, và vị vua này là tổ tiên của dòng họ Thích-ca [Sakya] [coi, DPPN, Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera)]. **Mp** chú giải: “Ông được sinh ra giữa loài người khi tuổi thọ là vô hạn và ông thụ hưởng dục-lạc sung sướng trong thời gian rất lâu, khi thích có thể làm ra cơn mưa vàng. Trong thế giới thiên thần, trong những tuổi thọ của 36 cõi trời Indra, vị vua này được thụ hưởng những thứ dục-lạc cao siêu nhất.”] (644)

645 [**Mp** giải thích: “*Những loại sự tinh-tế [tinh đẹp, tinh vi, tinh tế]: là những sự-biết (tri, trí biết) có thể thâm nhập những đặc tính vi tế*” (*sokhummanī ti sukhumalakkhaṇapativijjanakāni nāṇāni*). Danh từ *sokhumma*, xuất phát từ tính từ chung là *sukhuma*, hiếm hoi được dùng, và trong toàn 05 bộ kinh Nikāya nó chỉ xuất hiện 1 lần ngay chỗ này và 1 lần trong một chữ ghép trong kinh Th 437. Đối với tôi sự chú giải của **Mp** dường như rắc rối. Tôi thì nhận dạng *sự tinh-tế về thể-sắc* chính là thể-sắc được nhận thức trong tầng thiên định thứ tư; *sự tinh-tế về cảm-giác* chính là cảm-giác trung tính (không sướng không khổ) xảy ra trong tầng thiên định thứ tư và những tầng chứng đắc vô sắc giới; *sự tinh-tế về nhận-thức* chính là nhận-thức trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì]; và *sự tinh-tế về những sự tạo-tác* (hành) chính là những sự tạo-tác (hành) còn sót lại trong phi tướng phi phi tướng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, tức còn những nhận-thức vi tế tinh tế này.]] (645)

646 [Câu này tôi đọc theo **Ce** và **Be** ghi là: *sa ve sammaddaso bhikkhu*. **Ee** thì ghi chữ *sace* thay cho *sa ve*, điều này rõ ràng là sai.] (646)

{▶ (Nhân tiện: Những *sự tạo-tác* (*saṅkhārā*, hành) là chỉ: những hành vi cố ý, hành động cố ý, sự làm có chủ ý; sự tạo thành, sự tạo ra, sự tạo nên, sự gây ra, sự tác động có cố ý; sự tạo nghiệp; sự chủ động làm, sự cố ý làm (bằng thân và lời-nói); ý-nghĩ thực ra cũng là sự tạo-tác vì ý-nghĩ là có sự cố-ý của tâm (tâm tư) vì sự cố-ý (tư) về bản chất cũng là sự tạo-tác của tâm, là gốc của hành-vi tạo nghiệp, gốc của nghiệp (*kamma*). Riêng chữ *tạo-tác* trong tiếng

Việt đã hàm nghĩa có ý, có cố ý, có tâm ý, có chủ ý, có ý nghĩ rồi, vì vậy người dịch hiệu đính năm 2024 đã sửa lại trong tất cả bản dịch trước đây thành “*sự tạo-tác*” cho gọn).

► (Lý do: Trong tất cả bản dịch trước 2024 người dịch đã dịch chính xác theo TKBD là “*những sự tạo-tác cố ý*” (có cố ý, có *tu*), như TKBD đã nói lý do ở cuối chú thích 7 kinh SN 22:12 (Quyển 2). Tuy nhiên, để đổi lấy sự ngắn gọn cho lời kinh chỉ ghi “*những sự tạo-tác*” trong lần hiệu đính lần này, chúng ta chỉ cần lưu ý không nhầm lẫn bộ 03-hành đã được nói trong kinh SN 41:06 (Quyển 4), chú thích 298 và kinh MN 44, mục 13-29; bộ 03-hành trong 02 kinh đó được nói liên quan tới trạng thái định “*diệt thọ tướng*” (sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác) và không liên quan gì *lý duyên-khởi* hay *vòng nhân-duyên*!

- Bộ 03-hành trong 02 kinh đó có *thân hành* và *tâm hành* là 02 hành có nghĩa thụ-động: là sự tạo-tác được tạo ra thông qua thân và tâm, và khẩu hành là sự tạo-tác tạo ra lời-nói, là loại hành có nghĩa chủ-động.) ND. }

647 [Nguyên văn: *bhattuddesika*. Đó là một Tỳ kheo có trách nhiệm phân chia những thức-ăn được khát thực và những thức-ăn [được thí chủ mang đến mời các tăng] thành những phần ăn cho các Tỳ kheo. - Về những phẩm chất để được chọn làm người phân thức-ăn này, mời coi thêm kinh 5:272.] (647)

648 [Chỉ có **Be** ghi ghi rõ tất cả 04 nguyên nhân (tham, sân, si, và sợ-hãi): *chandā dosā mohā ca bhayā gāmino*. Và câu kệ đoạn sau nó ghi đầy đủ là: *na chandā na dosā na mohā na bhayā ca gāmino*.] (648)

649 [Kinh SN 6:02 (Quyển 1) có ghi lại chuyện kinh này theo cách kể chuyện. Nó cũng có luôn một yếu tố thứ năm, đó là: sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) của sự giải-thoát. Do chuyện kinh là lúc Phật giác-ngộ cho nên nó không nhắc gì đến Tăng Đoàn; Tăng Đoàn chỉ có sau khi Phật bắt đầu đi truyền đạo.] (649)

650 [**Ce** ghi là *atthakāmena*; **Be** và **Ee** ghi: *attakāmena* (mong muốn bản thân). Trong câu kệ *d*, chữ *Buddha* (Phật) được ghi số nhiều trong tiếng Pāli là *buddhānasāsanam*. Có lẽ chữ ghép này là do ghi sai từ chữ ghép *buddhānusāsanam* (sự chỉ dạy của Phật) viết đúng phải là dạng số ít. - (Thi

kệ cuối này cũng giống thi kệ cuối ở cuối kinh **7:62**.) (650)

651 [Bài kinh này được đặt vào bối cảnh khoảng thời gian ngay sau khi Phật mới giác-ngộ thì nghe lạ thường. Những lời nói của các bà-la-môn cho thấy Đức Phật, từ một vị trí thẳm quyền (là một Đức Phật) lạ tham gia nói chuyện thường xuyên với những bà-la-môn; nhưng Đức Phật chắc hẳn đã không làm vậy trước khi bắt đầu sự nghiệp truyền đạo như một Vị Thầy. (Trong kinh **5:192** bà-la-môn Doṇa cũng vấn hỏi Phật y hết về điều này). Và coi thêm trong kinh **8:11**, trong đó một bà-la-môn tên Verañjā về sau cũng trách cứ Phật y hết như vậy, nhưng lúc đó Phật đã là một Vị Thầy thành công từ lâu.] (651)

652 [Chỗ này tôi làm theo **Ce**, coi bài thi kệ là gồm có 03 đoạn kệ, mỗi đoạn 06 câu kệ (*pāda*). **Be** thì phân thành 04 đoạn kệ, đoạn đầu có 06 dòng, 03 đoạn còn lại có 04 dòng.] (652)

653 [Trong câu kệ *c*, tôi đọc theo **Ce** là: *saññato thiradhammesu* (*tự-chủ trong những yếu-tố của sự vững-chắc*), khác với **Be** và **Ee** ghi là: *saññato dhīro dhammesu* (*tự-chủ và vững-chắc giữa những hiện-tượng*). Về điều này tôi đã nghe theo lời gợi ý của nhà sư Vanarata [bằng cách trao đổi trực tiếp với thầy ấy] rằng: ở đây lời kinh có sự chơi-chữ giữa chữ *thira* (*vững chắc*) và *thera* (*trưởng lão*). Câu này lần lượt tương ứng chỉ *những tầng thiền định* (*jhāna*), còn “*những yếu-tố của sự vững-chắc*” là chỉ *sự định-tâm* (*samādhi*). Tiếp theo, **Mp** chú giải rằng: “*người thấy rõ ý-nghĩa bằng trí-tuệ*” (*paññāyatthaṃ vipassati*) là nhìn thấy ý nghĩa của Bốn Diệu Đế bằng trí-tuệ của thánh đạo cùng với minh-sát tuệ. Điều đó giải thích sự “*vượt trên tất cả hiện-tượng* [*mọi pháp*]” (*pāragū sabbadhammānaṃ*) có nghĩa là “*vượt trên tất cả những hiện-tượng của năm-uẩn*” và “*đi đến kết-cuộc của tất cả những phẩm chất* [*thiện*]” bằng 06 phần sự vượt-thoát (*chabbidhena pāragamanena*): đó là sự trực-tiếp biết (liễu tri), sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ), sự từ-bỏ, sự tu-tập, sự chứng-thiền. **Mp** không luận giải gì về sự lặp lại 02 lần chữ *paṭibhānavā* (*thấy biết, nhận biết, sáng suốt*) trong bài thi kệ này, điều này thấy cũng lạ.] (653)

654 [Kinh này giống kinh **It 112**.] (654)

655 [Mp nhận dạng chữ “*thế giới*” (*loka*) ở đây là đồng nghĩa *sự thật về khổ* (Diệu đế 1). *Bốn trách-phận* (việc phải làm, điều phải tu; bốn phận tu hành) Như Lai đã hoàn thiện ở đây là tương ứng với bốn trách-phận đối với Bốn Diệu Đế, đó là—*hoàn-toàn hiểu sự thật về khổ, dẹp-bỏ sự thật về nguồn-gốc khổ, chứng ngộ sự thật về sự chấm-dứt khổ, và tu tập con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ*—nhưng ở đây chữ “*hoàn-toàn tinh thức*” (*abhisambuddha*) đã được dùng để thay thế chữ “*hoàn-toàn hiểu*” (*pariññāta*) đối với Diệu đế 1. Coi thêm kinh SN 56:11 (Quyển 5).] (655)

656 [Mp, giống như những luận giảng khác, đã giải thích *thứ được nhìn thấy* (*ditṭha*) là cơ sở hình-sắc nhìn thấy được (sắc xứ); *thứ được nghe thấy* (*suta*) là cơ sở âm-thanh (thanh xứ); *thứ được cảm thấy hay cảm nhận* (*muta*) là gồm các cơ sở mùi-hương, mùi-vị, và những cảm-nhận chạm xúc (hương, vị, xúc xứ); và *thứ được nhận biết hay nhận thức* (*viññātaṃ*) là cơ sở những hiện-tượng thuộc tâm (pháp xứ). Ba chữ “*được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm*” (*pattaṃ pariyesitaṃ anuvicaritaṃ manasā*) chỉ đơn giản là lặp lại đồng nghĩa với chữ “*được nhận biết*” mà thôi. Mp cũng giải thích đuôi chữ –*gata* [nghĩa gốc là “*đã đi*”] trong chữ “*Tathāgata*” trong kinh này là đồng nghĩa với chữ “*đã hoàn-toàn tinh thức [liễu giác]*” (*abhisambuddha*).] (656)

657 [Ce và Ee chỉ ghi: *parinibbāyati*: (động từ) *chứng Niết-bàn cuối cùng, bát-niết-bàn*; Be thì khác, nó ghi đầy đủ là: *anupādisesāya nibbānadhātuyā parinibbāyati*: *chứng Niết-bàn cuối cùng bằng yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư* (vô dư y Niết-bàn giới). Cách ghi sau có lẽ được du nhập vào Be từ các kinh It 112, 121.] (657)

658 [Nguyên văn: *Sabbaṃ taṃ tath’eva hoti, no aññathā. Tasmā ‘tathāgato’ ti vuccati.*] (658)

659 [Nguyên văn: *Yathāvādītathākārī,yathākārī tathāvādī. Tasmā ‘tathā-gato’ ti vuccati.*] (659)

660 [Ce bỏ câu này trong ngoặc. Be và Ee thì không ghi câu này.] (660)

661 [Theo Mp, gia chủ Kālaka là một nhà tài trợ giàu có và là cha chồng của con gái Cūlasubbhaddā của gia chủ Cấp Cô Độc; (tức ông là xui gia của ông

Cấp Cô Độc). Vào lúc cô cưới chồng, ông ta là một người ủng hộ theo phái những khổ sĩ lỏa thể và không biết gì về Đức Phật hay giáo lý của Phật. Cūḷasubbhaddā đã khuyên ông ta thỉnh mời Đức Phật và các Tỷ kheo đến nhà để cúng dường bữa ăn trưa. Sau bữa ăn Phật đã giảng cho ông một bài thuyết giảng và ông chứng được quả Nhập-lưu. Sau đó ông đã cho xây một Tịnh Xá trong khu vườn (trang viên) của mình và đã cúng dường cả tịnh xá và khu vườn cho Đức Phật. Một ngày nọ, khi những Tỷ kheo là dân bản địa ở Sāketa đang ngồi thảo luận về sự thành công của Đức Phật trong việc chuyển hóa gia chủ Kālaka, Phật đã đọc được tâm của họ và biết được họ đang sẵn sàng cho một bài thuyết giảng để đưa họ đến thánh quả A-la-hán. Sự kiện này lúc đó đã tạo sự rung chuyển mặt đất tới tận các bờ cõi. Và như vậy Phật bắt đầu nói kinh này cho các Tỷ kheo.] (661)

⁶⁶² [Mp chú giải: “Bảng 03 thuật ngữ này (*jānāmi, abbhaññāsim, viditam*) đã chỉ ra lãnh địa của sự toàn-tri (*sabbaññutabhūmi*).” Trong lịch sử Phật giáo, cũng như trong ngành học thuật hiện đại, câu hỏi “liệu Đức Phật có tuyên bố về sự toàn-tri hay không” đã là một chủ-đề bàn luận xưa nay. Đức Phật chắc chắn đã từ chối và không tuyên bố rằng một người có thể *biết tất-cả mọi thứ trong tất-cả mọi lúc* [coi kinh MN 71, mục 5] hay một người có thể *biết tất-cả mọi thứ cùng một lúc* [coi kinh MN 90, mục 8]. Nhưng Phật cũng lại nói nếu ai chấp rằng Phật hoàn toàn bác bỏ khả năng của sự toàn-tri thì người đó diễn dịch sai ý Phật [coi kinh MN 90, mục 5]. Như vậy có lẽ phải suy ra rằng: cái mà Phật từ chối là khả năng có ‘*sự-biết về mọi thứ (một cách) liên-tục và đồng-thời*’, chứ không phải là ‘*sự-biết riêng-biệt và theo cố-ý*’ về bất cứ thứ thì có thể được biết [điều này có lẽ loại trừ hầu hết tương lai, vì tương lai là không được định trước]. (662)

- (Nói nôm na cách khác: (i) Phật từ chối khả năng có ‘*sự-biết tất-cả cùng lúc*’ và ‘*sự-biết tất-cả liên tục*’; (ii) Phật chỉ công nhận có ‘*sự-biết tất-cả mọi điều riêng biệt nếu cố-ý biết*’. Tức là: Phật không phải cùng-lúc và liên-tục biết tất-cả mọi thứ, nhưng tất-cả mọi sự và mọi hiện-tượng, Phật đều có thể biết nếu Phật để ý tới sự đó hay hiện-tượng đó. Ví dụ, Phật không cùng-lúc và liên-tục biết tất-cả mọi điểm trên thân mình; nhưng đối với tất-cả chúng, nếu cần biết điểm nào trong thân, thì Phật có thể biết về nó khi cố-ý (chủ tâm, chú tâm) biết nó. Theo người dịch nghĩ vậy, chiếu theo các kinh khác mà Phật đã bác bỏ việc giáo chủ Ni-kiền-tử tuyên bố là người biết cùng-lúc và

liên-tục mọi thứ.)

⁶⁶³ [Nguyên văn câu này: *Tam tathāgato na upaṭṭhāsi*. **Mp** giải nghĩa là: “Nhu Lai đã không còn bị lệ thuộc (đối đãi) theo bất cứ đối-tượng nào ở sáu cửa giác-quan (sáu căn), nghĩa là, Nhu Lai đã không tiếp nhận chúng (*na upagañchi*) thông qua dục-vọng (ái) hay những quan-điểm này nọ (tà kiến). Bởi vì điều này đã được nói: ‘Đức Thế Tôn nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, nhưng bậc ấy không có dục và tham (*chanda-rāga*) đối với nó; đức Thế Tôn đã hoàn toàn giải-thoát trong tâm ... Đức Thế Tôn nhận biết những hiện-tượng bằng tâm, nhưng bậc ấy không có dục và tham đối với nó; đức Thế Tôn đã hoàn toàn giải-thoát trong tâm.’ [coi kinh **SN 35:232** (Quyển 4)]. Chỗ này chỉ lãnh địa hay cảnh giới của A-la-hán (*khīṇāsavabhūmi*).”] (663)

⁶⁶⁴ [Nguyên văn câu này: *Tam p’assa tādisameva*. **Mp** giải nghĩa là: “*Câu đó cũng là sự nói sai.*” (như câu trên).] (664)

⁶⁶⁵ [Nguyên văn này: *Tam mam’assa kali*. **Mp** chú giải: “*Câu đó là một lỗi sai của ta.*”—*Bảng 03 câu tuyên thuyết trên đây, cảnh giới của sự-thật (saccabhūmi) đã được (Phật) giải thích.*”] (665)

⁶⁶⁶ [**Mp** giải nghĩa câu này là: “Phật không nhận lầm (*na maññati*) hình-sắc được nhìn thấy theo cách của dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn) hay quan-điểm này nọ (tà-kiến) ... và tương tự đối với những đối-tượng giác quan khác. —*Bảng đoạn này, cảnh giới của tánh-không (suññatābhūmi) đã được (Phật) giải thích.*”] (666)

⁶⁶⁷ [*“Tự tại”* (ung dung, ổn định, vẫn vậy, bình ổn, bình tâm) là dịch ý nghĩa chữ *tādī*, nghĩa gốc của nó là “*vẫn người đó, bậc đó*”, là nghĩa đặc biệt được dùng để chỉ Đức Phật hay một vị A-la-hán. **Nidd** I 114–15 đã giải thích rằng một A-la-hán được gọi là *tādī* bởi vì bậc ấy đã vượt khỏi mọi sự thích-ghét (tham u), đã từ bỏ (*catto*) những ô-nhiễm (lậu hoặc), đã vượt qua (*tiṇṇo*) những dòng-lũ (bộc lưu), và đã có một cái tâm được giải-thoát (*mutto*). **Mp** chú giải rằng: “(Về câu) *Luôn tự tại ... là một bậc tự tại (tādīyeva tādī)*: ‘*Tự tại*’ có nghĩa là *vẫn y như vậy (ekasadisatā)*. Nhu Lai là *vẫn y như vậy* đối với mọi sự ‘được-mất, vinh-nhục, khen-chê, và sừng-khỏ’ ... —*Bảng lời kinh này, cảnh giới của bậc tự tại (tādībhūmi) được (Phật) giải thích.* Khi

Phật đã kết luận giáo lý bằng 05 cảnh giới đó, mỗi lần nói về một cảnh giới thì mặt đất đều rung chuyển như sự chứng minh.”.] (667)

⁶⁶⁸ [Tôi dịch nghĩa sự chú-giải của **Mp** về phần thi kệ này: “Bậc ấy thậm chí không nhận lấy một điều tuyên bố nào của những người triết lý do suy đoán (*ditthigatikā*)—đó là những người là ‘tự ép buộc mình’ (*sayasaṃvutesu*) theo cái nghĩa rằng họ bị nài ép hoặc bị nhốt chặn bởi những khái-niệm này nọ của họ—là rõ rệt hay tối cao và tin tưởng điều đó, tin vào nó, cứ coi nó là đúng hoặc sai (*evaṃ saccaṃ musā vāpi paraṃ uttamaṃ katvā na odaheyya, na saddaheyya, na pattiyaeyya*), nghĩ rằng: ‘Chỉ đây là đúng và mọi sự khác đều sai.’” Sự chú-giải này rất hài hòa kết nối bài thi kệ với câu kinh trong phần văn xuôi, cuối đoạn (ii): “*Như Lai đã không bị lệ thuộc theo nó.*”] (668)

⁶⁶⁹ [**Mp** nhận dạng “mũi tên” ở đây là *mũi tên tà-kiến* (*ditthisalla*). Trong kinh khác thì *mũi tên* được cho là *dục-vọng* (ái), như trong kinh **MN 105**, mục 18, và **SN 1:40** (Quyển 1); còn có trong kinh khác của **AN** thì *mũi tên* là *sự sầu ưu, sự buồn sầu*, như trong kinh **5:48, 5:50.**] (669)

⁶⁷⁰ [Nguyên văn: *Samvaratthaṃ pahānatthaṃ virāgatthaṃ nirodhatthaṃ*. Đây là 04 mục-tiêu của đời sống tâm linh (phạm hạnh, đời tu); có lẽ do “04” này nên bài kinh đã được kết tập vào *Quyển “Bốn”* này. (Cho dù ở trên cũng nói về 04 điều không phải mục đích).] (670)

⁶⁷¹ **Mp** giải thích chữ cụm chữ *nibbānogaḍḍhagāmināṃ* là đồng nghĩa *nibbānassa antogāmināṃ* (*dẫn tới Niết-bàn*).] (671)

⁶⁷² [Cả 03 phiên bản kinh mà tôi đã tham vấn đều có ghi *mahantehi*, nhưng tôi ưu tiên chọn cách ghi như trong tập *Kinh Phật Tự Tuyền*, kinh **It 35**, là *mahattehi*, được giải nghĩa bởi **It-a I 112** là: *mahāātumehi ulārajjhāsayehi* (*bởi những linh hồn vĩ đại, bởi những người có khuynh hướng cao siêu*).] (672)

⁶⁷³ [Kinh này cũng lặp lại trong kinh **It 108**. Tôi phân kinh này thành 04 phần là theo giả thuyết của tôi, bởi vì nếu không làm vậy thì không nhìn ra khuôn mẫu “04 điều” của bài kinh để nó được kết tập vào *Quyển “Bốn”* này.] (673)

⁶⁷⁴ [Nguyên văn câu này: *Na me te bhikkhave bhikkhū māmakā*. **Mp** chú giải:

“Họ không phải là những Tỳ kheo của ta; họ không thuộc về ta” (*te mayham bhikkhū mama santakā na honti*).] (674)

675 [Nguyên văn: *pūtimuttam*. Y học cổ truyền thời đó tin rằng nước tiểu của bò nếu ngâm với hạt mật sẽ có được nhiều dược tính để trị liệu một số bệnh tật.] (675)

676 [Nguyên văn câu kệ này: *Disā na paṭihaññati*. Nghĩa chữ là “Vùng miền [phương, xứ] không bị cản trở.” Nhưng chữ *disā* có thể là chữ công cụ bị cản ngăn, với chữ *paṭihaññati* đề cập vị Tỳ kheo đó. Như vậy nên có nghĩa là “người đó không bị cản trở bởi [hoặc ‘trong’] phương (vùng, xứ, nơi ở) nào.”] (676)

677 [Chỗ này đọc theo **Ce** là *bhikkhuno* (Tỳ kheo), khác với trong **Be** và **Ee** ghi là *sikkhato* (người đang tu học, học nhân).] (677)

678 [Đây là một trong những bài kinh phổ biến nhất của truyền thống Phật giáo Nguyên thủy (Theravāda). Ở Tích Lan, suốt thời kỳ Anurādhapura, nó thường được dùng làm chủ-đề cho những bài kinh dài tôn vinh một lễ hội; đọc thêm chuyên luận của nhà sư **Rahula 1956**: trang 268–273. **Mp** giải thích “những truyền thống thánh thiện” (*ariyavaṃsā*) là những dòng truyền của những bậc thánh gồm: tất cả những vị Phật, những vị Phật Duyên Giác (*paccekabuddha*), và những vị đệ tử của Phật.] (678)

679 [Coi thêm kinh **AN 1:65** và chú thích 55 trong đó **Mp** đã giải thích *sự biết-hài-lòng* về mỗi thứ vật dụng thiết yếu theo cách của 03 loại sự biết-hài lòng (tri túc, biết đủ).] (679)

680 [**Mp** diễn dịch: “*Tìm thấy niềm vui-thích trong sự thiền-tập* (*bhāvanārāmo*) nghĩa là: người đó vui thích tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ), ‘bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn’ (tứ chánh cần), ‘bốn cơ-sở (tu tạo) thần thông’ (tứ thần túc), ‘năm căn’ (ngũ căn), ‘năm năng-lực’ (ngũ lực), ‘bảy chi giác-ngộ’ (thất giác chi), bảy sự thiền-quán, mười tám sự minh-sát lớn, ba mươi bảy sự trợ-giúp giác-ngộ (37 bồ đề phần), và ba mươi tám đối-tượng thiền. “*Tìm thấy niềm vui-thích trong sự đẹp-bỏ* (*pahānārāmo*) nghĩa là: người đó vui thích việc trừ bỏ những ô-nhiễm như tham, sân, si.”] (680)

681 [Chỗ này đọc theo **Be** và **Ee** là *dhīraṃ*. **Ce** ghi chữ *vīraṃ* trong các câu kệ (*pāda*) *a* và *b*, nhưng lại ghi *dhīro* trong các dòng *c* và *d*.] (681)

682 [**Mp** nói rằng câu kệ *b* giải thích cho câu kệ *a*. Bởi vì sự bất-mãn thì không khả năng chiến thắng bậc kiên trung, không thể chinh phục bậc ấy, do vậy nên sự bất-mãn không thắng bậc kiên trung.] (682)

683 [Nguyên văn: *Dhammapadāni (những yếu-tố Giáo Pháp)*. **Mp** giải nghĩa đó là: *những phần của Giáo Pháp (dhammakotṭhāsā)*.] (683)

684 [Về chữ “*cơ-sở hữu lý*”, mời coi lại chú thích số 416, kinh **3:57**.] (684)

685 [02 đạo sĩ này cũng được nói đến trong kinh **MN 117**, mục 38, và kinh **SN 22:62** (Quyển 3). Ngoài 02 kinh đó ra chúng ta không có thông tin nào khác về họ.] (685)

686 [03 trong 04 “*bánh xe*” (*cakkāni*) này đã được nói trong kinh **Sn 260**. Bánh xe còn lại là “*dựa hay nhờ vào những người tốt*” là tương ứng đồng nghĩa = câu “*giao lưu thân cận với người trí hiền*” (*paṇḍitānañca sevanā*) như được ghi trong kinh **Sn 259** (và trong nhiều kinh khác, như *kinh Điềm Lành ...*). (Nhân tiện: các điều được nói trong kinh này là tương tự giống như trong thi kệ đầu tiên của kinh *Điềm Lành*: sống ở nơi thích hợp, gặp gỡ người trí hiền, đã tạo nhiều công đức ... là phúc lành cao nhất.)] (686)

687 [“*Duy trì một mối quan hệ*” là tạm dịch nghĩa của chữ *saṅgha*, vốn có nghĩa gốc là “*bao gồm, hợp lại với nhau, giữ nhau*”; đó xuất phát từ đuôi chữ *saṃ + gaha*: “*giữ, nắm giữ*”. Danh từ này xuất phát từ động từ *saṅgaṇhāti*, động từ này xuất phát từ *saṃ (cùng nhau)* và *gaṇhāti (nắm giữ, giữ)*. - *Bốn saṅgahavatthu* có nghĩa là 04 phương tiện người có thể dùng để *hấp dẫn người khác và duy trì một mối quan hệ với họ bằng sự giao hữu và sự tôn trọng*. - 04 phương tiện đó trong tiếng Pāli là: *dāna, peyyavajja, atthacariyā, samānattatā* (Quà tặng [bố thí, cho, tặng], lời nói thân ái, hành vi thiện ích, và sự không thiên vị) - Nếu dịch cho đủ 02 ý nghĩa gốc của chữ *saṅgha* thì có lẽ phải dùng tới 02 chữ để dịch là “*hấp dẫn và duy trì*”.

- **Mp** chú giải rằng: “Một số người được duy trì (quan hệ) bằng cách *tặng-quà*, vậy nên tặng quà hay bố thí cho họ. Một số người khác cần nghe lời nói

thân ái, vậy nên nói với họ bằng những lời thân ái. *Hành vi thiện-ích* là cách nói chuyện để tăng sự tốt lành; những người đó nên được nói hay khuyên ‘Anh nên làm như vậy. Anh không nên làm như vậy. Anh nên giao lưu với người này, không nên giao lưu với người kia’. *Sự không thiên-vị* (vô tư, công tâm) là sự vô tư trước những sự sừng-khổ (hơi giống nghĩa buông xả). Điều này có nghĩa là luôn ngồi với nhau, khi sống với nhau, và ăn với nhau (sưng khổ đều có nhau).” Trong phiên bản tiếng Phạn thì yếu-tố thứ tư để duy trì sự giao hảo này là “*có cùng mục-đích*” hay “*có chung ích-lợi*” (*samānārtha*; là chữ đồng nghĩa với chữ *samānattha* tiếng Pāli).] (687)

688 [“*Sự hiện-hữu cá thể*” (*sakkāya*, danh tính) được thể hiện bằng ‘*thân này*’ của mỗi ‘*con người*’, đó thực ra chính là *năm-uẩn bị dính chấp*. Coi thêm định nghĩa về *danh-tính* trong kinh MN 44, mục 2; kinh SN 22:105 (Quyển 3).] (688)

689 [Mp chú giải: [“*Hầu hết*’ (*yebhuyyena*) nghĩa là không phải tất cả, vì ngoại trừ những thiên thần là những thánh đệ tử (chẳng hạn, đó là những bậc thánh Bất lai đang ở 1 trong 05 cõi Tịnh Cư Thiên, họ là những bậc đã giác-ngộ và đang chuẩn bị bát niết-bàn luôn từ cõi đó). - Cũng ngoại trừ luôn những A-la-hán: cho dù họ *cảm nhận sự cấp-bách của sự-biết* (*ñāṇasamvega*) (biết về sự nguy hại, về vô thường) nhưng không còn sự sợ-hãi nào khởi sinh trong họ nữa, bởi vì họ đã chứng ngộ những gì cần được chứng ngộ thông qua sự chuyên-cần tu kỹ càng. - Còn lại những thiên thần khác, khi họ nghe về sự vô-thường họ đều sợ hãi bằng “*sự kinh-sợ của tâm*” (*cittutrāsabhaya*) và cùng lúc minh-sát (tuệ quán) mạnh mẽ họ có “*sự sợ-hãi mang tính nhận-biết*” (*ñāṇabhaya*)” (tạm dịch).] “*Sự sợ-hãi mang tính nhận-biết*” có lẽ là giai đoạn minh-sát (tuệ) được gọi là (tạm dịch) “*sự-biết về sự có-mặt là đáng sợ*” (*bhayat’upaṭṭhānañāṇa*); mời đọc thêm trong *Thanh Tịnh Đạo*, Vism 645–47, Ppn 21.29–34.]] (689)

690 [Mp: “*bị bao gồm trong sự hiện-hữu cá thể*” hay “*bị nằm trong danh tính*” (*sakkāyapariyāpannā*): nghĩa là *còn nằm trong năm-uẩn*. Do vậy, khi Phật dạy Giáo Pháp được ấn chứng bằng ba 03 đặc tính (vô thường, khổ, vô ngã), chỉ ra những nhược-điểm và sự nguy-hại trong vòng luân-hồi hiện-hữu, thì sự sợ-hãi đã khởi sinh trong họ sau khi họ nhận ra những lẽ-thực đó.] (690)

691 [Nguyên văn câu này: *Yāvata bhikkhave dhammā saṅkhatā vā asaṅkhatā vā*. Trong các bộ kinh *Nikāya*, trạng thái (*pháp, dhama*) duy nhất được gọi là không còn điều-khiên (vô vi) là Niết-bàn. Còn tất cả những trạng thái và hiện tượng (những pháp) khác đều là có điều-khiên (hữu vi). Như vậy những pháp hữu-vi tốt nhất là Bát Thánh Đạo vì chúng dẫn tới trạng thái vô-vi là mục tiêu của chúng.] (691)

692 [Nguyên văn là: *Aggassa dātā*. Luận giảng **It-a** II 111,5–7, giải thích chữ *aggassa*, loại từ vừa chỉ-danh vừa thuộc-cách, có thể được hiểu là chỉ (i) người-nhận những thứ cúng dường hoặc (ii) chỉ vật-phẩm được cúng dường. - “Một người bố thí cho chỗ bậc nhất” là (i) người cúng dường cho Tam Bảo—vốn là chỗ bậc nhất, hoặc là (ii) một người thực hiện món quà cao quý thuộc loại bậc nhất” (*aggassa ratanattayassa dātā, atha vā aggassa deyya hammassa dānaṃṣāraṃ katvā tattha puññaṃ pavattetā*).] (692)

693 [**Mp** chú giải: *phương pháp thánh thiện (ariyañāya)* là = đạo cùng với tuệ minh-sát, và *sự tốt đẹp của Giáo Pháp (kalyāṇadhammatā)* và *sự thiện lành của Giáo Pháp (kusaladhammatā)* thì có nghĩa như chữ đã nói rồi.] (693)

694 [Về câu này, mời đọc lại chú thích 428 ở kinh **3:60**.] (694)

695 [Đây chỉ 01 trong 32 tướng tốt của một bậc vĩ-nhân, được cho là hệ quả tốt của của nghiệp vì đã sống vì hạnh-phúc của nhiều người, vì sự xua tan sự sợ-hãi và khủng-khiếp, mang lại sự bảo-hộ và nơi nương-tựa hợp pháp, và chu cấp mọi thứ thiết yếu (cho nhiều người). Coi thêm kinh dài **DN 30**, mục 1.7.] (695)

696 [**Mp** đã diễn dịch phần đối thoại này về cả 02 phía đều là đề cập tới tương lai: bà-la-môn đã hỏi về sự tái sinh của Đức Phật và Phật đã trả lời về phương diện là sự tái sinh tương lai của Phật. Tuy nhiên, như tôi đọc thấy từ sự đối thoại có một sự chơi chữ tế nhị ở đây. Bà-la-môn đã dùng chữ ở thì tương lai *bhavissati* là một phép lịch sự để hỏi về hiện tại, mà tôi đã dịch ở đây là “*Liệu có phải ngài là?*” [Chữ *bhavissanti* đã được dùng đơn giản là theo cách như vậy, một cách phủ định, trong câu hỏi: *na vat'imāni manussabhūtaṃ padāni bhavissanti* (“*Liệu những điều này có thể là ...*”)]. Nhưng Phật thì dùng chữ ở thì tương lai một cách đúng theo ngữ nghĩa và do vậy trong mỗi

trường hợp đều trả lời là “*Ta sẽ không phải là*” (*na bhavissāmi*) để đề cập tới nơi-đến trong một kiếp tương lai. Có 02 phiên bản Hán tạng của kinh này, **SĀ 101** [ở **T II 28a19–28b17**] và **EĀ 38.3** [ở **T II 717c18–718a12**], đã dịch toàn bộ đối thoại này đều thuộc thì hiện tại. Bà-la-môn hỏi Phật liệu Phật có phải là (為) một thiên thần, một rồng nāga ... hay một con người, và Phật đơn giản từ chối (非) rằng mình không phải là loại gì trong số đó. Và không nói gì đề cập tới tương lai.] (696)

697 [*Càn-thát-bà (gandhabba)* là những chúng sinh cõi trời nhiều lúc được mô tả là những nhạc công của những thiên thần. Còn *dạ-xoa (yakkha)* là những quỷ thần hung dữ, chúng nổi tiếng vì sự hủy diệt tàn bạo của chúng.] (697)

698 [Động từ *abbaje* ở đây thể nguyện vọng từ của *abbajati* [Phạn: *āvrajati*]. Coi thêm **DOP**, mục chữ *abbajati*.] (698)

699 [Theo **Mp** chú giải rằng: “Khi kết thúc bài kinh này, bà-la-môn đó đã chứng được 03 thánh đạo và 03 thánh quả, và, bằng 12.000 cụm chữ, ông đã nói lời ca ngợi được đặt tên là ‘*Tiếng Sấm của Doṇa*’. Ngay sau khi Đức Phật qua đời đã xảy ra cuộc tranh giành lớn để phân chia xá lợi của Phật, chính bà-la-môn Doṇa này là người đã đứng ra phân xử và phân phát những phần chia (cho 08 nước tranh giành đó), như trong kinh dài **DN 16**, mục 6.25 có ghi.] (699)

700 [Nghĩa là làm hết cảm-giác khó chịu là cảm-giác đói, mà cũng không tạo ra cảm-giác mới là cảm-giác khó chịu do ăn quá nhiều (như tức bụng, mệt, buồn ngủ...)]

- (Và câu cuối đoạn “*sống được an ổn*” ở đây có thể gồm cả 02 nghĩa: (1) *trước tiên là: được dễ chịu*: sau bữa ăn uống đúng mực, không quá no thì sẽ thấy người dễ chịu, ở dễ chịu (vì không bị tức bụng, mệt, buồn ngủ, khó thở ...); (2) *sau đó là: tốt cho ngày tu*: ăn nhiều cơ thể sẽ mệt, đòi nghỉ ngơi, bị sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hồn trầm thụy miên) là sự cản trở cho việc thiền tập buổi xế chiều và buổi tối; (3) *về lâu dài: không bị mập và khổ sở*: nếu ăn uống quá mực sẽ bị mập, (i) người bị mập ăn nhiều thì khổ sở, vì mỗi ngày bị những lúc quá-đói và lúc quá-no đều khổ sở; (ii) người mập thì khổ sở trong mọi sự đi lại, làm việc, thiền tập, và nhiều thứ bệnh do mập gây ra ... Do

vậy, nếu ăn uống quá độ sẽ dẫn tới *sự ở không được để chịu và sự sống không được an ổn thư thái.*)] (700)

701 [Tôi coi chữ *dhammaṃ* ở đây là thể hiện chữ *dhammān* trong tiếng Phạn ở thể đối cách số nhiều. Cách dùng như vậy không phải là hiếm thấy trong những thi kệ Pāli.] (701)

702 [Thi kệ này giống thi kệ *Pháp Cú Dph 32.*] (702)

703 [*Patilīno*: rút lui. **Mp** giải nghĩa là “ăn náu, lui về ăn dật, đi vào độc-cu” (*nilīno ekībhāvaṃ upagato*). (Còn theo lời kinh giải thích là rút-lui khỏi sự tự-ta (ta-là, ngã mạn).)] (703)

704 [Nguyên văn: *panuṇṇapaccekasacco*. **Mp** diễn dịch đây là “những sự thật về cách-nhìn” (*diṭṭhisaccāni*), được gọi là “thuộc cá nhân” bởi vì mỗi cá nhân nắm giữ những cách-nhìn (tà kiến, quan điểm này nọ) theo cách của mình, ai cũng chấp ‘*Chỉ điều này là đúng; vậy mới đúng; đây là sự thật*’” (tức ai cũng tin sự thật theo cách-nhìn của mình, nên mới nói đó là “những sự-thật thuộc cá nhân”, chúng không thuộc phổ quát, không phải là chân lý, không thuộc diêu đế.) [704]

705 [Nguyên văn cum chữ này trong **Be** là: *sabbāni nuṇṇāni honti panuṇṇāni honti cattāni vantāni muttāni pahīnāni, paṭinissatṭhāni*. Trong kinh **10:20**, **Ce** và **Ee** cũng ghi y hệt cụm chữ này.] (705)

706 [**Mp**: *brahmacariyesanā*: *sự tìm-kiếm một đời sống tâm linh* (đời sống phạm hạnh, trạng thái thánh thiện) gồm có khát nguyện xảy ra như vậy: ‘*Tôi sẽ tìm ra, tôi sẽ tìm kiếm, một đời sống tâm linh*’. Sự khát nguyện này sẽ lặn mất và được làm lặn lạng bởi chặng thánh đạo A-la-hán. Nhưng *sự tìm-kiếm một đời sống tâm linh theo kiểu do những kiến chấp [quan-điểm] (diṭṭhi-brahmacariyesanā)* thì sự kiến chấp này sẽ lặn mất khi người tu bước vào thánh đạo Nhập-lưu. (vì bước vào Nhập-lưu là sau khi đã đắc chánh-kiến)”]

- (Nói nôm na: sự tâm-cầu đời sống tâm linh (phạm hạnh) chân chính sẽ kết thúc khi người tu đã tu thành, đã đắc thánh đạo A-la-hán. Còn sự tâm-cầu đời sống tâm linh (để thành thần này thánh nọ, để có được thần thông, uy lực ... một cách theo tà-kiến) sẽ kết thúc ngay khi người tu chứng đắc chánh-kiến và

nhập vào dòng thánh Nhập-lưu.) (706)

707 [Lời kinh: *những hành-vi của thân = những sự tạo-tác của thân = thân hành (kāya-saṅkhāra)* ở đây được nhận dạng trong những kinh khác chính là “*sự thở-vào và thở-ra*”, và “*sự thở vào-ra*” sẽ ngưng lặn trong trạng thái chứng đắc tầng thiền định thứ tư (tứ thiền). Coi thêm kinh **9:31**, đoạn (4). Các kinh **MN 44**, mục 15 và **SN 41:06** (Quyển 4), đoạn (2) cũng nói *sự tạo-tác của thân* (thân hành) chính là “*sự thở-vào và thở-ra*”.] (707)

708 [**Mp**: “Sự nắm chặt” (cố chấp): ‘*Như vậy mới là sự-thật*’ (iti sac-caparāmāso) là nắm giữ những quan-niệm như “*Đây mới là sự-thật, vậy mới đúng sự-thật*”. Những quan-điểm hay kiến-chấp (*ditṭhiṭṭhānā*) này nọ cũng chỉ là những quan-điểm mà thôi, chúng được gọi là “*những sự phồng lên*” (*samussayā*) vì do sự phồng lên (*samussitattā*) chúng, vì do chúng phát lên và có như vậy (và được người ta tin lấy và chấp theo chúng).] (708)

709 [*Niccadānaṃ anukulayaññaṃ* (sự cúng-kính theo phong tục gia đình, sự cúng giỗ theo truyền thống gia phong). **Mp** chú giải chữ *anukulayaññaṃ* là một sự cúng-tế nên được làm để duy trì phong tục gia đình, dựa trên những nền tảng đã được truyền lại bởi cha ông, tổ tiên. Về *sự cúng-kính theo phong tục gia đình (niccadānaṃ anukulayaññaṃ)* là tốt hơn sự giết tế súc vật, mời coi thêm đặc biệt trong kinh **DN 5**, mục 22–23, đó có thể hầu như được coi là sự trình bày lại một cách chi tiết của kinh này.] (709)

710 [Tôi tự phân thành 04 đoạn như vậy, vì ngoài ra tôi không thấy căn cứ nào khác để kinh này được kết tập trong *Quyển “Bốn”* này.] (710)

711 [Những chữ cúng tế này trong kinh Vệ-đà.] (711)

712 [Tôi làm theo **Ce** và **Be**, ghi chữ *niraggaḷaṃ* trong ở câu kệ *b* và có chữ *mahāyaññā* ở câu kệ *c*. **Ee** ghi thiếu chữ *mahāyaññā*, nhưng 02 phiên bản Hán tạng của kinh thì có chữ ghép tương ứng với chữ này: **SĀ 89** [ở **T II 22c19**] có chữ 大會, theo nghĩa chữ là “*đại tụ tập*” và **SĀ2 89** [ở **T II 404b4**] có ghi chữ 大祀, trong đó 祀 có nghĩa là “*hiến tế cho các thần thánh hay tổ tiên*”. **Mp** chú giải chữ *mahārambhā* là: “Với những trọng trách lớn, những công việc lớn; hơn nữa, chúng thuộc loại (những việc) ‘đại bạo lực’ bởi vì quy mô sát-sinh (hàng loạt) của chúng.”] (712)

713 [Những cách ghi thuật ngữ bí ẩn huyền nghĩa này là *khác nhau* ở đây và trong các kinh khác trong khắp các bộ kinh *Nikāya*. Ở đây, **Ce** ghi: *vivattacchaddā*; **Be**: *vivaṭacchadā*; **Ee**: *vivattacchadā*. Lời diễn đạt thường thấy trong những “đoạn-mẫu” nói về 02 đường hướng có thể xảy ra đối với một người có 32 tướng tốt của một bậc đại nhân: (i) nếu vẫn ở tại gia, người đó sẽ trở thành vị vua quay chuyển bánh xe (chuyên luân vương), nhưng (ii) nếu xuất gia thì người đó sẽ trở thành vị Phật toàn-giác, như đã được mô tả trong câu “*Người trong thế gian là vivaṭacchado*” [chữ này có thể biến thể là: *vivaṭṭacchado*, *vivaṭṭacchaddo*, *vivattacchaddo*]. Về vấn đề này, mời coi thêm kinh dài **DN 3**, mục 1.5; **DN 14**, mục 1.31; **DN 30**, mục 1.1; **MN 91**, mục 5; **Sn 106**.

- Mặc dù những nguồn gốc của thuật ngữ này và nghĩa chính xác của nó là rắc rối nan giải, nhưng lạ thay là những luận giảng đã phân tích và chú giải nó một cách nhất quán y kiểu như nhau.

- Do **Mp** [khi luận giải về kinh này] đã không đưa ra lời chú giải về thuật ngữ này, cho nên tôi phải dựa vào luận giảng về bộ kinh dài **DN** (Trường kinh bộ) là chỗ **Sv I 250,34–251,3** có ghi như vậy: “*Vivaṭṭacchado* (nghĩa là): Ở đây, sau khi đã sinh vào thế gian, người đó đó sống sau khi đã hoàn toàn loại bỏ sự che-phủ trong thế gian (*loke taṃ chadanam vivaṭṭetvā*), trong bóng tối của những ô-nhiễm được bao bọc bởi 07 sự che-phủ (*chadanehi*, sự ngăn che, màn bọc, vỏ bọc) đó là: tham, sân, si, ngã-mạn, tà-kiến, vô-minh, và tà-hạnh.”

- Luận giảng kinh điển cổ xưa là *Cūḷaniddesa* (*Tiểu Diễn Giải*), khi chú giải về kinh **Sn 1147**, có ghi: “*Vivaṭacchado*: Có 05 sự che-phủ (*chadanāni*) đó là: dục-vọng, tà-kiến, những ô-nhiễm (lậu hoặc), tà-hạnh, vô-minh. Những sự che-phủ đã được loại bỏ (*vivaṭāni*) bởi Đức Phật; chúng đã bị xua tan, bị búng bỏ, bị trừ bỏ, bị tẩy bỏ, được giải quyết, được làm lẩn lộn, bị thiêu cháy bởi lửa của trí-biết (minh) cho nên chúng không còn khả năng khởi sinh. Do vậy Đức Phật được gọi là *bậc đã loại bỏ những sự che-phủ*.” (**Nidd II 251,18–22**; bản in **VRI 204**).

- Dịch giả Norman (1991: 71–76) đã cho rằng sự diễn đạt tiếng Pāli này là xuất phát từ dạng chữ **BHS** là *vighuṣṭasabda* và do vậy có nghĩa là “*người có*

tên [hoạc danh] đã lẫn qua khắp mọi phương” hay “người có danh tiếng rộng khắp”. Trong quyển sách sau đó [2006b: 228–29] ông đã thay đổi lập trường của mình, ghi rằng: “Mặc dù tôi đã đúng khi nhìn thấy sự kết nối giữa các chữ Pāli và Phạn, nhưng hướng triển khai thì bị lộn chiều, và chắc hẳn phải trình bày sự siêu Phạn-hóa từ chữ *vivattacchadda*.” Trong kinh **Sn 372** và kinh khác ông đã dịch cụm chữ này là “với sự tự-ta (ngã mạn) đã bị loại bỏ”.

- Những nhà Hán dịch các bộ kinh A-hàm (Āgama) chắc hẳn đã dịch với lời kinh có ghi là *vighuṣṭasabda* hay biến thể khác có cùng nghĩa như vậy. Do vậy một phiên bản tương ứng của kinh **AN 4:40** này là **SĀ2 90** [ở **T II 404c6**] có ghi 名聞極遠者 (*tên người đó được nghe từ cách xa cực kỳ*). Bản tương ứng của kinh **DN 30** là **MĀ 59** [ở **T I 493b7–8**] có ghi: 必得如來無所著等正覺名稱流布周聞十方 (*người đó nhất thiết sẽ trở thành một Như Lai, không còn ràng-buộc [= A-la-hán], đã giác-ngộ toàn thiện, tên của người đó lan truyền xung quanh và được nghe khắp mười phương*). Kinh **MĀ 161**, là kinh tương ứng với **MN 91**, cũng ghi y hệt như vậy [ở **T I 685b2–4**].

- Mặc dù có nhiều sự phán đoán khác nhau về cách ghi nguyên thủy và ý nghĩa chính xác của cụm chữ thuật ngữ này, với sự khó khăn trong việc giải quyết những câu hỏi này cho dù đã tìm hết những nguồn kinh điển gốc của các truyền thống của Phật giáo, nhưng đây là đường hướng tiện lợi khả dĩ nhất đã mở ra cho tôi để tôi dịch thuật ngữ này như nó đã được bảo tồn và diễn dịch trong truyền thống Pāli.] (713)

714 [Những cách ghi chỗ này trong các phiên bản khác nhau đáng kể. **Ce** và **Be** ghi là: *vītivattā kulam gatim* (*người đã vượt khỏi (thoát khỏi) gia đình và nơi-đến (tái sinh)*); **Ee** ghi thành một chữ ghép tương-quan (*bahubbīhi*) là: *vītivattakālamgatī*, và vẫn còn những biến thể khác trong phần ghi chú của nó. **Mp** (của **Be**) ghi cụm chữ là *kulam gatim* trong một bồ đề, nhưng **Mp** (của **Ce**) thì ghi là *kālam gatim*. Cách dịch của tôi là theo **Ee**. Lưu ý rằng trong kinh **5:55**, chữ *kālam* và *gatim* là nằm kế cận lập tức nhau, điều này ủng hộ giả thiết rằng chỗ này chúng ta nên đọc là *kāla-/kālam*.] (714)

715 [Tôi đọc theo **Be** là *yaññassa kovidā*, khác với **Ce** và **Ee** là *puññassa kovidā* (*thành thạo, rành rẽ về công đức*). **Mp** (của **Be**) và **Mp** (của **Ce**) đã

chỉ ra sự khác nhau về những bổ đề và những sự giải nghĩa. Hai phiên bản Hán tạng tương ứng với phiên bản của **Be** là **SĀ 90** [ở **T II 23a11**] đã ghi: 佛於邪盛善 (*Phật là người thiện khéo về sự (vấn đề) cúng tế*) và **SĀ2 90** [ở **T II 404c8**] ghi: 諸佛所稱善祀及祀之道 (*đây là sự dâng cúng tốt và đạo của sự dâng cúng được khen ngợi bởi những vị Phật*).] (715)

716 [Chữ Pāli ghi là: *atthi bhikkhave samādhībhāvanā bhāvitā bahulīkatā diṭṭhadhammasukhavihārāya samvattati*, nghĩa nguyên chữ là “*Này các Tỷ kheo, có một sự tu tập sự định-tâm, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự an trú một cách hạnh-phúc ngay trong kiếp này*”. Nhưng do cụm chữ “*khi được tu tập và tu dưỡng*” nghe bị thừa nên tôi đã bỏ đi trong lời dịch để cho cách diễn tả được tự nhiên hơn (vì cái “*sự tu tập*” đã được nói ngay đầu câu rồi). Tôi cũng áp dụng sự lược bỏ tương tự cho 03 sự tu tập sự định-tâm còn lại.] (716)

717 [Rõ ràng, toàn bộ đoạn (1) này nói về sự chứng đắc 04 tầng thiền định sắc giới (*jhāna*) bởi (a) một người tu thiền định nhưng không dùng chúng để tu tập sự minh-sát (quán, tuệ), hoặc bởi (b) một vị A-la-hán, vị ấy chứng nhập trong tầng thiền định chỉ để an trú trong đó một cách thư thái (lạc trú) mà thôi. Ở chỗ khác (như đoạn (4) bên dưới) thì các tầng thiền định này được nói là dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. **Ce** dùng chữ *vuccati* trong đoạn này, nhưng không có chữ này trong những câu tương ứng trong 03 đoạn tiếp theo. **Ee** thì đảo ngược lại, nó không có chữ *vuccati* trong đoạn này, nhưng lại có trong 03 đoạn sau. Còn **Be** thì không có chữ *vuccati* này trong tất cả 04 đoạn.] (717)

718 [**Mp** chú giải: “*sự-biết và sự-thấy*” (trí-biết và tâm-nhìn) trong ngữ cảnh này là = *mắt thiên thánh (thiên nhãn minh) (dibbacakkhuññānadassanassa paṭilābhāya)*. Ở trong kinh khác thì nó được dùng với nghĩa là = *sự-biết của sự minh-sát* (tuệ tri) hay thậm chí có khi là = *sự toàn giác*.] (718)

719 [Nguyên văn: ‘*Yathā divā tathā rattim, yathā rattim tathā divā.*’ **Mp** giải nghĩa là: “*Người đó chú-tâm [tác ý] tới nhận-thức về ánh sáng ban ngày ra sao, thì người đó chú-tâm tới sự nhận-thức về ánh sáng ban đêm như vậy; và đảo ngược lại, đêm sao ngày vậy.*”] (719)

720 [Mp chú giải: “Cách những cảm-giác (thọ) được biết khi chúng khởi sinh ... vân vân? Ở đây, một Tỷ kheo hiểu biết *cơ-sở* (*vatthu*, xứ = giác quan) và *đối-tượng* (*ārammaṇa*). Bằng sự hiểu rõ *cơ-sở* và *đối-tượng* người đó biết: ‘*Những cảm-giác đó đã khởi sinh (sinh) như vậy; những cảm-giác đó có mặt (trụ) như vậy; những cảm-giác đó chấm dứt (diệt) như vậy.*’ Phương pháp này cũng áp dụng tương tự cho *những nhận-thức* (tưởng) và *những ý-nghĩ* (hành).”] (720)

721 [Thi kệ này cũng có trong kinh Sn 1048, nó cũng được ghi trong kinh AN 3:32. Chương “*Pārāyana*” (Đáo Bỉ Ngạn) là chương thứ năm và cuối cùng của tập *Kinh Tập*, thuộc *Bộ Kinh Ngăn* (*Tiểu Kinh Bộ*). (Chữ ‘*hiền dụ*’ là tạm dịch từ nguyên văn là “*không còn bốc khói = không còn sân giận*”).] (721)

722 [Chỗ này nên coi thêm lại kinh 3:67, đoạn (A), chú thích 464 ở đó.] (722)

723 [Kinh này giống kinh SN 2:26 (Quyển 1) (và kinh này coi như đã được giảng giải ý nghĩa bởi ngài Ananda trong kinh SN 35:116 (Quyển 4)).] (723)

724 [Nguyên chữ là: *dalhadhammā*. Đuôi chữ *-dhamma* ở đây là tiếng Pali, tương đương như trong chữ Phạn là *dhanvan* (có một thanh cung). Mp diễn dịch: “*Dùng cung cứng lớn nghĩa là có được một thanh cung cỡ lớn nhất*” (*dalhadhanu uttamappamāṇena dhanunā samannāgato*).] (724)

725 [Nguyên văn cụm chữ này: *dhanuggaho sikkhito katahattho katūpāsano*. Mp giải thích *dhanuggaho* nghĩa là: một bậc thầy về cung tên xạ thủ; *sikkhito* là: người đã thao luyện về cung tên 12 năm; *katahattho* là: người thiện thạo đến mức có thể bắn tên chẻ đôi cọng tóc từ một khoảng cách bằng một *usa-bha*, và *katūpāsāno* là: người có kinh nghiệm trong việc bắn những mũi tên thể hiện kỹ thuật tài bắn của mình. Coi thêm chú thích 1935 trong kinh 9:38; coi tương tự chú thích 365 trong kinh SN 20:06 (Quyển 2).] (725)

726 [Mp diễn dịch: “Giáo lý của người thiện là 37 phần trợ giúp giác-ngộ của đạo Phật. Còn giáo lý của người xấu ác là loại 62 tà-kiến do suy đoán.”] (726)

727 [Lời bài kinh này giống hết kinh SN 21:07 (Quyển 2), chỉ khác nhau về nơi chốn. Tôi không nhìn thấy có khuôn mẫu “04-điều” hay “04-pháp” trong

bài kinh này, nên không hiểu tại sao nó được kết tập trong quyển “Bón” này của AN.] (727)

728 [Tôi đọc (kinh này) theo **Be** và **Ee** ghi là *nābhāsamānaṃ jānanti*, khác với **Ce** ghi là *na bhāsamānaṃ jānanti*. Ngữ cảnh bài kinh rõ ràng yêu cầu cách ghi như **Be** và **Ee** thì mới đúng. Bản Hán tạng tương đương của kinh này là **SĀ 1069 (at T II 277c12)** cũng ủng hộ nghĩa này bằng câu 若不說法者 (*Nếu người đó không thuyết giảng Giáo Pháp*). (Coi thêm chú thích về câu này trong kinh giống hệt là **SN 21:07** (Quyển 2) chú thích về câu này trong những phiên bản khác nhau, chú thích số đuôi (392).)] (728)

729 [Nguyên văn ba chữ này: *saññāvipallāso, cittavipallāso, diṭṭhivipallāso*. Chữ *vipallāsa* là từ *vi + pari + āsa*, nghĩa là “bị đảo lộn, bị điên đảo, bị lệch lạc”. Những chữ này được giảng giải trong những phần nói về “sự đẹp-bỏ” và “sự không đẹp-bỏ” của luận giảng **Paṭi II 80–81**. (729)

730 [Chỗ này tôi dịch theo theo **Ce** và **Be** ghi là *dukkhe bhikkhave sukhan ti saññāvipallāso*, khác với **Ee** ghi là *adukkhe bhikkhave dukkhan ti saññāvipallāso*.] (730)

731 [Chỗ này tôi dịch theo **Ce** và **Ee** ghi là *micchādiṭṭhigatā*, khác với **Be** ghi *micchādiṭṭhihatā*. Nhưng cách phân chia thì kệ thì tôi làm theo **Be** hơn là **Ce**.] (731)

732 [**Mp** giải nghĩa chữ *mahikā* là *himam* (tuyết), nhưng **PED** thì nói đó là “sương mù” nghe có vẻ đúng hơn. - (Nhân tiện: Trong câu kể dưới, Rāhu là vua của các quỷ thần a-tu-la [asura], được cho là đã bắt cóc mặt trời và mặt trăng, do đó có các hiện tượng nhật thực và nguyệt thực. Coi chú thích 643 kinh 4:15 ở trên. Coi thêm kinh **SN 2:09–10** (Quyển 1).)] (732)

733 [Trong 04 *sự ô-nhiễm (upakkilesa)*: (i) sự uống rượu bia (các chất lên men) bởi các Tỷ kheo là bị cấm ngặt bởi điều luật **Pācittiya 51**; (ii) dâm dục là bị cấm ngặt bởi điều luật **Pārājika 1**; (iii) nhận lấy vàng bạc [cũng như tiền, phương tiện trao đổi mua bán] là bị cấm ngặt bởi điều luật **Nissaggiya-pācittiya 18**. (iv) Nhiều sự mưu-sinh khác nhau là sai trái bị cấm đối với những tu sĩ Phật giáo đã được liệt kê trong kinh dài **DN 2**, mục 1.21–1.27. Coi thêm kinh trung **MN 117**, mục 29.] (733)

- 734** [Câu này tôi đọc theo **Be** ghi là: *asuddhā sarajā magā.*] (734)
- 735** [Ở đây, ‘*bốn dòng chảy phước-đức [công-đức]*’ được giải thích theo 04 phương tiện thiết yếu được cúng dường cho những tăng ni, đó là: y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang.] (735)
- 736** [*Sự định-tâm vô lượng của tâm: appamāṇaṃ cetosamādhim.* **Mp** giải nghĩa đó chính là: “*sự định-tâm của thánh quả A-la-hán*” (*arahattaphalasamādhim.*)] (736)
- 737** [Lời bài kinh **4:52** này cũng giống như kinh **SN 55:31** (Quyển 5), chỉ khác trong kinh **SN 55:31** không có phần thi kệ, và cũng giống như kinh **SN 55:41** (Quyển 5), chỉ khác trong kinh **SN 55:41** có phần thi kệ giống hết thi kệ trong kinh **4:51** kể trên.] (737)
- 738** [Phần thi kệ giống tương tự vậy cũng có trong kinh **5:47**; và cũng có ở các kinh **SN 11:14** (Quyển 1); **SN 55:26** và **SN 55:51** (Quyển 5).] (738)
- 739** [“*Kẻ khôn khổ [khôn nạn, bất hạnh]*” là dịch chữ “*chava*”: nghĩa gốc là “xác chết”. **Mp** diễn dịch: “Người như vậy được coi như xác chết vì người đó đã chết vì những phẩm chất đức-hạnh của họ đã chết.”] (739)
- 740** [Gia chủ Nakulapitā (nghĩa: *cha của Nakula*) và nữ gia chủ Nakulamātā (nghĩa: *mẹ của Nakula*) là 02 người đệ tử tại gia ưu tú của Đức Phật, được Phật cho là đệ tử tại gia đệ nhất về “*có sự tin-tưởng vào Đức Phật*”. Riêng bà Nakulamātā là đệ tử tại gia nhất về sự “*thân thiện với mọi người*”. – Mời đọc thêm quyển “*Những Vị Đại Đệ tử của Đức Phật*” bởi nhà sư Nyanaponika và học giả Hecker, trang 375–378. Về họ, mời coi thêm các kinh ngắn **1:257**, **1:266**, và **6:16**.] (740)
- 741** [Trong kinh **1:263** nữ đệ tử Suppavāsā được Đức Phật tuyên bố là nữ đệ tử tại gia đệ nhất về sự *bổ thí và cúng dường những thứ tốt nhất*.] (741)
- 742** [**Mp** nhận định chữ “*những bậc hiểu-biết thế giới*” (*lokavidūna*) chính là những vị Phật.] (742)
- 743** [**Ee** có vẻ đã lầm ở chỗ này. Thứ nhất nó đánh dấu phẩy không đúng, và

rồi ghi thêm chữ *paccupaṭṭhito hoti* ở cuối. Sự đánh dấu phẩy của **Ce** và **Be** hàm chỉ rằng đối-tượng gián tiếp [thứ được cúng dường] là thuộc về chữ *paccupaṭṭhito* đặt trước đó, và cả **Ce** và **Be** đều thiếu chữ *paccupaṭṭhito hoti* ở cuối câu. Như vậy là trong **Ce** và **Be** không có cụm chữ riêng biệt chỉ ra rằng người đệ tử tại gia chỉ đơn giản phục vụ Tăng Đoàn mà không đề cập gì tới một vật phẩm được dâng cúng.] (743)

744 [Nguyên văn câu này: *saha nātīhi saha upajjhāyehi*. Trong văn hóa Tăng Đoàn Phật giáo, *upajjhāya* (thầy thụ giới; y chỉ sư) là vị thầy chủ trì sự thụ giới cho một người nào đó. Như vậy việc dùng chữ này ở đây là *bất thường* trong bối cảnh không phải nói về Tăng Đoàn. **Mp** chú giải chữ này trong đoạn kinh này như có nghĩa chỉ “các bạn hữu”, lý do: “bởi vì bạn hữu (tốt) thì quan tâm đến hạnh phúc và khổ đau của mình” (*sukhadukkhesu upanijjhāyitabbattā*), nhưng sự chú giải này chỉ dựa vào sự chơi chữ chứ không thực sự thuyết phục. Chẳng hạn, chữ *upajjhāya* là không liên quan đến động từ *upanijjhāyati* (Phạn: *upanidhyāyati*) nghĩa là: “suy nghĩ, suy xét”, nhưng chỉ liên quan đến chữ *ajjheti* (Phạn: *adhyeti*) nghĩa là: “học, học hỏi [từ một vị thầy]”.] (744)

745 [“Nhìn thấy tâm-vóc [tâm-cỡ]” (tức = *tâm hiểu biết, phạm vi hiểu biết*) là dịch chữ *āpāthadaso* theo **Ce** và **Ee**; trong **Be** ghi là *āpātadaso*. **Mp** [của **Ce**] giải nghĩa là: “Người đó nhìn thấy mọi thứ đi vào trong tâm (hiểu biết), ngay cả một thứ vi tế đi vào trong tâm” (*taṃ taṃ atthaṃ āpātheti tameva passati, sukhumampissa atthajātaṃ āpāthaṃ āgacchatiyevā ti attho*). (Chỗ này thầy Thích Minh Châu dịch (HV) là “bước vào giới ức minh kiến”, nhà sư Sujato dịch rõ hơn là “nhìn thấy những thứ quan trọng, những thứ có vấn đề”).] (475)

746 [Ở đây **Mp** đã chính xác khi chỉ ra chữ *sovaggika* là xuất thân từ chữ *sagga*, nó chú giải như vậy: *Sagghassa hitā ti tatr’upapattijananato sovaggikā*.] (746)

747 [Ngay chỗ này tôi đã chia đoạn kệ này với đoạn thi kệ sau cho giống với các đoạn kệ trong kinh **5:41**. Vì phiên bản **Ce** được kết tập bởi nhiều người biên tập và họ rõ ràng đã không phối hợp với nhau, cùng những đoạn thi kệ giống nhau này nhưng trong những chương hay quyển khác nhau nhiều lúc

đã được phân đoạn khác nhau. Cách phân đoạn được dùng trong kinh **5:41**, gom lại mấy cách tiêu dùng tài sản, có vẻ tương ứng tốt hơn phù hợp hơn với nghĩa của bài kinh.] (747)

748 [Nguyên văn Pāli là: *atthisukha, bhogasukha, anaṇasukha, anavajjasukha*. **Mp**: “Thứ nhất là sự hạnh-phúc đã khởi sinh ở ý-nghĩ là ‘Có’ [*atthi*, như có của cải, giàu có]; thứ hai là sự hạnh-phúc đã khởi sinh trong sự giàu-có; thứ ba là sự hạnh-phúc đã khởi sinh với ý-nghĩ ‘*Ta không có nợ nần*’; thứ tư sự hạnh-phúc đã khởi sinh với ý-nghĩ ‘*Ta không tội lỗi, không bị chê trách*’.”] (748)

749 [Chữ này tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là *sare*, khác với **Be** ghi là *param*] (749)

750 [Chữ này đọc theo **Ce** và **Be** là *bhāge*, khác với **Be** ghi là *bhoge*.] (750)

751 [**Mp** chú giải: “Đức Phật đã chia những sự hạnh-phúc thành 02 phần. Ba sự hạnh-phúc đầu làm 01 phần, và ‘*sự hạnh-phúc vì không tội lỗi*’ là 01 phần. Rồi Phật nhìn thấy bằng trí-tuệ và biết được 03 sự hạnh-phúc đầu cộng lại cũng không đáng bằng 1/16 của ‘*sự hạnh-phúc vì không tội lỗi*’.”] (751)

752 [Kinh này như một kinh song hành được mở rộng thêm từ kinh **3:31**, chỉ thêm điều (3) [*với các vị tiên đầu tiên*] cho thành 04 điều. Phần thi kệ giống nhau. Một kinh song hành khác là kinh **It 106**.] (752)

753 [Số kinh này không thấy có trong **Ee** (chỉ có lời kinh), điều này làm chúng ta có cảm giác kinh này là phần liên tục của kinh kể trên.] (753)

754 [Ý nghĩa ở đây là chỉ về sự suy-xét và niềm-tin của một người tu đối với vị thầy tâm linh (đạo sư, sư phụ) của mình. (i) Loại người đầu tiên đặt niềm-tin vào vị thầy dựa trên cảm nhận về thân-sắc (*rūpa*) (như tướng mạo, thân tướng của ông ta) ví dụ như về đẹp tướng tá, uy nghi, phong độ của ông ta. (ii) Loại thứ hai có niềm-tin vào người thầy dựa theo lời-nói (hay giọng nói, giọng điệu nghe hay, đáng thích) [*ghosa*: có lẽ là giọng nói êm dịu và hay ho]; (iii) loại thứ ba là người có niềm-tin vào người thầy dựa theo sự bản-thô tiết-độ hay sự khổ-hạnh ông ta [chữ *lūka*: **Mp** chú giải như vậy và đã đưa ra ví dụ như cách vị đó dùng áo cà-sa và bình bát thô sơ, bản thô]; và (iv) loại thứ tư là người có niềm-tin vào người thầy vì giáo pháp (*dhamma*) mà ông ta

đã chỉ dạy. **Mp** nói rằng: (trong đời) chỉ có 1 trong 100.000 người là biết đặt niềm-tin dựa trên Giáo Pháp của người thầy chỉ dạy (hơn là 03 điều đầu); đó là người đệ tử đứng đắn.) (754)

755 [Câu này đọc theo **Be** là *nābhijānanti te janā.*] (755)

756 [Tôi đọc câu này theo **Ce** là *mohena adhamā sattā*, khác với **Be** ghi là *mohena āvutā sattā*. **Ee** ghi là *mohena adhamasattā* là cùng nghĩa cách ghi của **Ce**.] (756)

757 [Tôi đọc đoạn thi thứ hai theo **Be** và **Ee** là: *yathādhammā tathāsantā, na tass’evan ti maññare*. **Ce** thì ghi là câu sau là: *nassevanti na maññare*. **Mp** diễn dịch: “Đúng theo bản chất của chúng” nghĩa là: ‘chúng đều có chứa những bản chất tham, sân, si’. Câu “[Họ] không nghĩ suy về mỗi sự theo cách như vậy” có nghĩa là: ‘Nó hiện hữu theo cách như vậy, nó có bản chất như vậy.’” (*yathādhammā tathāsantā ti yathā rāgādayo dhammā tithā, tathā sabhāvā’va hutvā; na tass’evan ti maññare ti mayam evamsantā evamsabhāvā ti tassa na maññare, na maññantī ti attho*.) (757)

758 [Sự việc này cũng được ghi lại trong luật tạng **Vin II 109–10**.] (758)

759 [Nguyên văn câu cuối này: *Imāni cattāri ahirājakulāni*. **Mp** giải thích: “Phật nói điều này là chỉ chung những loại rắn có nọc độc sát hại. Bởi tất cả những loại rắn có nọc độc đều thuộc bốn họ rắn vua.”] (759)

760 [**Be** đã ghi lời tuyên bố này ở dạng thi kệ, nhưng tôi làm theo **Ce** và **Ee** ghi ở dạng văn xuôi. Đây là một lời *quả-quyết về sự-thật* (*saccakiriya*), và do vậy nó thuộc về phần thi kệ cuối kinh luôn, tuy nhiên do không có văn điệu rõ ràng nào cho nên khó có thể nguyên thủy nó là dạng thi kệ. - Lời *quả-quyết* này thường được các Tỷ kheo trong rừng tụng đọc để phòng hộ khỏi bị rắn cắn. Đoạn kinh này cũng thường được đưa vào trong các phần kinh nhật tụng hàng ngày.] (760)

761 [Kinh này và phần thi kệ giống tương tự kinh **SN 17:35** (Quyển 2), mời đọc thêm các chú thích ở kinh đó. Coi thêm Luật tạng **Vin II 187–88**.] (761)

762 [Tôi không thể thấy lý do tại sao kinh này lại được kết tập trong quyển

“*Bón*” này. Tôi đoán lời giải thích có thể nằm ở chỗ 04 nhóm người bị lệch lạc khỏi sự chân chính, đó là: vua chúa; các quan thần; các bà-la-môn và các gia chủ; và những người ở những thành thị và miền quê. – Nhưng, nếu coi là vậy thì lại bỏ mất phần nói về những hiện tượng tự nhiên (mặt trăng, mặt trời, sao, ngày, đêm, tháng, mùa ...) vốn cũng là một phần trong các nội dung của kinh ở đây.] (762)

763 [Cụm chữ này là: *adhammikā honti*. **Mp** chú giải nó có nghĩa là: “Do không thực hiện ‘*10 sự dâng cúng bởi những vị vua*’ và không phân định hình phạt tương xứng với những tội phạm, cho nên họ đã thực hiện những sự dâng cúng quá đáng và phân định những hình phạt quá đáng.” Thuật ngữ ‘*10 sự dâng cúng*’ (*dasabhāgabalī*) chỉ thấy được nói duy nhất ở đây trong kinh này (không thấy có trong những kinh khác trong toàn Kinh Tạng).] (763)

764 [Để ủng hộ cho cách dịch của tôi coi cụm chữ *brāhmaṇagahapatikā* (các bà-la-môn và các gia chủ) là một chữ ghép đồng-đẳng (đẳng lập; *dvanda*) chứ không chỉ là một chữ ghép bổ-nghĩa là *kammadhāraya* (những gia chủ bà-la-môn), mời đọc luận giảng **It-a** II 162,7–9 có ghi: *Brāhmaṇagahapatikā ti brāhmaṇā c’eva gahapatikā ca. Thapetvā brāhmaṇe ye keci agāraṃ ajjhāvasantā idha gahapatikā ti veditabbā.*] (764)

765 [Sự bỏ mất chữ *dubbalā* trong phiên bản VRI (?) cho thấy là một sai sót. Những phiên bản khác, gồm cả phiên bản in giấy của **Be**, đều có chữ này.] (765)

766 [Coi lời tương tự ở đầu kinh **3:16**; coi thêm chú thích 352 ở đó.] (766)

767 [*Cách-nhìn đúng đắn* hay *chánh kiến* (*sammāditṭhi*) là chi phần đầu tiên của *Bát thánh đạo*, và 03 loại ý-nghĩ thiện gộp chung chính là chi phần ý-định đúng đắn hay *chánh tư duy* (*sammāsāṅkappa*), là chi phần thứ hai của *Bát thánh đạo*.] (767)

768 [**Ee** tách phần (III) này thành 01 kinh riêng và đánh số kinh là **4:74**; trong khi đó **Ce** và **Be** thì coi đây là phần thứ ba của kinh **4:73** này, giống như bản dịch này. **Mp** cũng ủng hộ **Ce** và **Be**, chỉ ra rằng ví dụ ‘cô dâu’ được đưa vào là để chỉ tính cách của người xấu.] (768)

769 [Bên phiên bản **Ee** thì tính gộp 02 kinh **4:74** và **4:75** (của/theo bản dịch này) thành một kinh duy nhất, ngược lại với **Ce** và **Be** tách ra thành 02 kinh khác nhau vậy (bản dịch này làm theo cách **Ce** và **Be**).] (769)

770 [Từ câu này trở đi lời kinh cũng giống như trong *Đại Kinh Bát-niết-bàn* (*Mahāparinibbāna Sutta*), tức kinh dài **DN 16**, mục 6.5.] (770)

771 [*Không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ tới* (*acinteyyāni*). **Mp** chỉ giải thích đó là “không phù hợp để nghĩ tới” (*cintetuṃ ayuttāni*).] (771)

772 [**Mp** giải thích 04 *trú-xứ* (lãnh địa, cảnh giới) như sau: (i) *Trú xứ của những vị Phật* (*buddha-visaya*) là phương pháp và sức mạnh tâm linh (*pavatti ca ānubhāvo ca*) của những phẩm-hạnh của vị Phật, ví dụ như sự-biết toàn diện (toàn tri) của một vị Phật ... và vân vân. (ii) *Trú xứ của người tu trong (trạng thái) tầng thiền định* (*jhāna-visaya*) chính là những sự-biết trực tiếp và những tầng thiền định (*jhāna*). (iii) *Quả của nghiệp* hay *nghiệp quả* (*kamma-vipāka*) là kết quả của nghiệp được nếm trải trong kiếp này và kiếp sau. (iv) *Sự suy đoán về thế giới* (*lokacintā*) là những sự phán đoán thuộc thế tục, ví dụ như suy đoán: “Ai làm ra mặt trăng và mặt trời? Ai làm ra trái đất và biển cả? Ai tạo ra chúng sinh? Ai làm ra núi non, trái xoài, trái, trái dưa?”.] (772)

773 [Kinh này giống nội dung kinh **MN 142**, mục 9–13.] (773)

774 [**Mp**: Họ “không ngồi trong hội đồng” (*n’eva sabhāyaṃ nisīdati*) nghĩa là không ngồi trong những nơi xử án để tham gia việc xét xử. Họ “không tham gia công việc làm ăn kinh doanh” (*na kammantaṃ payojetī*) nghĩa là không tham gia vào những ngành nghề chính vào thời đó như nông nghiệp, thương mại, vân vân. Họ “không đi đến Kamboja” (*na kambojaṃ gacchati*) nghĩa là họ không đi buôn bán hàng hóa tới xứ Kamboja. Câu này chỉ là một cách nói thông dụng. Nghĩa rộng của nó là họ không đi tới những vùng xa, những xứ sở hay lân bang khác.”] (774)

775 [Kinh này, nếu có thêm phần ví dụ và phần thi kệ, là giống kinh **SN 3:21** (Quyển 1); coi thêm **Pp** 51–52. **Mp** chú giải rằng: “Người ở *trong tối* (*tamo*) bởi vì người đó dính với bóng tối bằng sự bị tái sinh trong một gia đình thấp hèn, và người đang *hướng tới tối* (*tamoparāyaṇa*) bởi vì người đó đang đến gần bóng tối của địa ngục thông qua những hành-vi sai trái tội lỗi của thân,

lời-nói, và tâm ... Người ở *trong sáng* (*joti*) bởi vì người đó dính liền với ánh sáng bằng sự được tái sinh trong một gia đình cao quý, và người đang *hướng tới sáng* (*jotiparāyana*) bởi vì người đó đang đến gần ánh sáng của sự tái sinh trong cõi trời nhờ những hành-vi tốt thiện của thân, lời-nói, và tâm .” (Gần giống chú thích 249 trong kinh tương đồng SN 3:21 (Quyển 1)).] (775)

776 [Cụm chữ mô tả này cũng giống kinh AN 3:13 và AN 6:57. Ở đây, tôi đọc theo **Ce** và **Be** là *veṇakule vā nesādakule*; khác với **Ee** ghi là *nesādakule vā veṇakule*. (Nhưng chỗ này kinh 6:57 của tất cả 03 phiên bản đều đặt chữ *nesādakule* trước chữ *veṇakule*. Coi chú thích 1381 ở kinh 6:57.)] (776)

777 [**Ce** định nghĩa 04 loại người này lần lượt giống nghĩa 04 loại người trong kinh 4:85 kể trên. Tuy nhiên **Be** và **Ee** thì không chú thích gì cả.] (777)

778 [**Mp** chỉnh chữ *samaṇamacalo* thành *samaṇa-acalo*, chỉ khác chỗ phụ âm kết hợp *-m-*. **Mp** nhận định hình tượng “*sa-môn bất lay động*” là chỉ 01 trong 07 hạng học nhân (*sattavidhampi sekhaṃ dasseti*). Về 02 hạng sa-môn tiếp theo, **Mp** nói: “*Sa-môn hoa sen trắng* (*samaṇapundarīka*) là một sa-môn giống một bông sen trắng (*pundarīka*), có dưới 100 cánh. Đây là một danh từ Đức Phật đã dùng để chỉ một *A-la-hán chỉ tu thiền minh-sát khô* (*sukkhavipassakakhīṇāsavaṃ dasseti*; = chỉ tu thiền quán, không tu thiền định, không bị dính ướt bởi thiền định), được gọi là *sa-môn sen trắng* bởi vì những giới-hạnh của người đó là chưa toàn thiện, do người đó còn thiếu những tầng thiền định (*jhāna*) và những trí-biết trực tiếp (thông, minh). *Sa-môn sen đỏ* hay *sen hồng* (*samaṇapaduma*) là một sa-môn giống như một bông sen hồng (*paduma*), có đầy đủ 100 cánh. Đây là danh từ để chỉ một *A-la-hán đã được giải-thoát về cả hai phương diện* (*ubhatobhāgavimuttam khīṇāsavaṃ dasseti*; đó là cả sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ), được gọi là *sa-môn sen hồng* bởi vì những giới-hạnh của người đó là toàn thiện, do người đó đã có được những tầng thiền định (*jhāna*) và những trí-biết trực tiếp (thông, minh).”

- Về màu sắc của 02 loại sen, *pundarīka* và *paduma*, chữ nào là chỉ sen trắng, chữ nào chỉ sen hồng, mời coi lại thêm chú thích 389 ở kinh 3:39. Còn “*sa-môn tinh tế trong số những sa-môn*” (*samaṇesu samaṇasukhumālo*) là: “*người có tâm và thân mềm mại, người chỉ trải nghiệm sự sống, không còn*

sự khổ đau của thân và tâm” (*muducittasarīro kāyīkacetasikadukkharahito ekantasukhī*.) (778)

779 [Mp giải thích một tràng như vậy: “*Macalappatto ti rañño khattiyassa muddhāvasittassa puttabhāvena ceva puttesu jeṭṭhakabhāvena ca na tāva abhisittabhāvena ca abhisekappatti-atthāya acalappatto niccalappatto*”. Nhưng đại ý là vị thái tử đó coi như “đã đạt được sự bất lay động” (tức sự chắc chắn, vững chãi) vì anh ta đã được định đoạt kế thành một vị vua được phong vương. Về nghĩa sự “bất lay động” hay “vững chãi”, mời coi lại thêm chú thích 345 ở kinh **3:13**.] (779)

780 [Nguyên văn câu cuối: *Anuttaram yogakkhemam patthayamāno viharati*. Mp giải nghĩa là: “*Người đó sống khát nguyện đạt tới quả A-la-hán*” (tức là ‘sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc’ ở đây là đồng nghĩa = quả A-la-hán).] (780)

781 [Trái với cách luận giải của Mp, định nghĩa được ghi ở đây về *sa-môn sen trắng* còn mơ hồ; vì cách diễn đạt của lời kinh “*nhưng người đó vẫn chưa an trú (trong trạng thái sau khi) đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải-thoát*” (*no ca kho aṭṭha vimokkhe kāyena phusitvā viharati*) thì có thể biểu thị về 01 trong 02 trường hợp: (1) người đó vẫn chưa chứng đắc sự giải-thoát nào trong 08 sự giải-thoát đó, điều này có thể chỉ người tu là *một A-la-hán tu thiền minh-sát khô* (tức không có tu thiền định) [như Mp cũng đã khẳng định], hoặc: (2) người đó đã chứng đắc *một số* sự giải-thoát trong 08 sự giải-thoát đó, *nhưng chưa đầy đủ 08*, có thể chỉ mới chứng được 03 sự giải-thoát trên cơ sở sắc-giới nhưng chưa chứng được những tầng chứng đắc vô-sắc giới và trạng thái diệt-định (sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức; diệt thọ tưởng). Trong trường hợp đó, người tu thiền ở đây là phù hợp hơn với định nghĩa tiêu chuẩn về *một A-la-hán được giải thoát nhờ trí-tuệ (paññāvimutta)*, là người được cho là đã loại bỏ mọi ô-nhiễm trong khi chưa chứng đắc những tầng thiền vô-sắc giới đầy bình-an [coi thêm kinh **MN 70**, mục 16]. Những luận sư thì cho rằng một *A-la-hán được giải-thoát bằng trí tuệ (paññāvimutta)* thì có thể sở hữu (đã chứng đắc) 1, 2, 3, hay 4 tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*), hoặc cũng có thể không đắc tầng thiền định nào; và trong số này chỉ có loại không đắc tầng thiền định nào mới được gọi là loại *A-la-hán tu thiền minh-sát khô*. ► Loại *A-la-hán chỉ tu thiền minh-sát khô (sukkhavipassakakhīṇāsava)* đã chưa từng

được nói rõ trong 05 bộ kinh Nikaya, mà chỉ được đề cập và công nhận lần đầu trong những quyển luận giảng sau kinh mà thôi. Cho dù là gì đi nữa, sự khác biệt của các định nghĩa giữa *A-la-hán được giải thoát nhờ trí-tuệ* và *A-la-hán hoa sen trắng* đã gợi ý rằng: *tại một thời điểm nào đó có một sự chuyển-dịch đã xảy ra trong bậc thang của các tầng thiền định và tại chỗ đó một loại A-la-hán. Loại A-la-hán được giải-thoát nhờ trí-tuệ* thì chỉ thiếu những tầng chứng đắc vô-sắc giới, còn loại *A-la-hán hoa sen trắng*, theo những diễn dịch của các luận sư trước giờ, thì thiếu luôn cả những tầng thiền định sắc-giới (jhāna), tức hoàn toàn phi thiền định.

- 08 sự giải-thoát (*aṭṭha vimokkhā*), như đã được định nghĩa trong kinh **AN 8:66**, thì cũng không hoàn toàn đồng nhất = 04 tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*) và 04 tầng chứng đắc vô-sắc-giới. Dường như 03 sự giải-thoát đầu tiên là tương ứng với 04 tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*), nhưng lại phân biệt chúng dựa theo những đối-tượng (thiền) hơn là những yếu-tố thuộc tâm.] (781)

782 [Lại nữa, ở đây cũng có sự mơ hồ trong định nghĩa về *sa-môn hoa sen đỏ (hồng)*. Câu hỏi là: để thành một sa-môn sen đỏ thì người tu đó phải có đủ tất cả 08 sự giải-thoát hay chỉ cần một số sự giải-thoát trong đó cũng đủ? Theo như giải thích của các luận giảng, là so sánh *sa-môn sen đỏ* với *đầy đủ 100 cánh sen*, thì dường như *sa-môn sen đỏ* là phải có đủ 08 sự giải-thoát. Nhưng định nghĩa về *A-la-hán được giải-thoát về cả hai phương diện (ubhato-bhāgavimutta)* bởi các luận giảng thì lại nói người tu chỉ cần sở hữu *bất kỳ một tầng chứng đắc vô-sắc giới* nào thì có thể được coi là “*được giải-thoát về cả hai phương diện*” (tức *sự giải-thoát của tâm nhờ tâm không còn ô-nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ*). Điều này cũng thể hiện sự hạ thấp một tiêu-chuẩn nghiêm ngặt vốn hạn chế sự chỉ định mô tả về một A-la-hán sở hữu tất cả 08 sự giải-thoát.] (782)

783 [Nói rõ nghĩa hơn là: “*Người đó thường dùng y-phục được (thí chủ) mời nhận, hiếm khi dùng thứ mà vị ấy không được mời nhận.*” Tương tự đối với những thức-ăn, chỗ-ở, thuốc-thang.] (783)

784 [Khi luận giải về chữ *sannipātikāni*, **Mp-t** có ghi: “*đó được tạo ra từ sự kết hợp của ba thứ—mật, đờm, gió (trong thân)—bị mất cân bằng*” (*pittādī-*

nam tinṇampi visamānaṃ sannipātena jātāni). Còn chỗ luận giảng **Spk III** 81,22–23, khi luận giải về chữ này trong kinh **SN 36:21** (Quyển 4) thì ghi: “*phát sinh từ sự xáo trộn của ba thứ (mật, đờm, gió)*” (*tinṇampi pittādīnaṃ kopena samuṭṭhitāni*).] (784)

785 [Đoạn này là chỉ về 08 loại cảm-giác (thọ), cũng được nói trong kinh **SN 36:21** (Quyển 4).] (785)

786 [**Mp** nói rằng: đoạn (1) nói về 07 bậc học-nhân; đoạn (2) nói về A-la-hán tu thiền minh-sát khô; đoạn (3) nói về A-la-hán được giải-thoát về cả hai phương diện; và đoạn (4) nói về Như Lai và những bậc A-la-hán giống Như Lai.] (786)

787 [**Mp** giải thích: “*sự tĩnh-lặng bên trong của tâm*” (*ajjhataṃ cetosamatha*) là sự đạt-định của tâm ở mức độ sự thấm định sâu (*niyakajjhatte appanācittasamādhī*). *Trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng* (*adhipaññādharmavipassanā*) chính là *sự-biết của minh-sát* (tuệ tri) nhìn thấu tỏ những hiện-tượng có điều-kiện (những pháp hữu vi) (*sankhāra-pariggā-hakavipassanāñāṇa*). Đây là trí-tuệ bậc cao gồm có sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng, đó chính là, nhìn thấu năm-uẩn.

- (Chữ “*phần định*” và “*phần tuệ*” là do người dịch Việt đặt ra cho gọn và dễ đọc, chữ gốc là trong các ngoặc [...]).] (787)

788 [**Mp** diễn dịch là: “Những hiện-tượng có điều-kiện nên được nhìn thấy là *vô thường*, nên được phàm phá là *vô thường*, và nên được nhận biết bằng sự minh-sát là *vô thường*; và tương tự là *khổ* và *vô ngã*.”] (788)

789 [**Mp** giải nghĩa là: “Tâm nên được (làm cho) ổn định, được bình tĩnh, và được đạt định theo cách của tầng thiền định thứ nhất; và tương tự ... theo cách của tầng thiền định thứ hai ... ba ... tư.] (789)

790 [[TKBĐ] Chỗ này trong kinh gốc ông du sĩ cũng lặp lại từng mỗi loại người như Phật đã nói. Nhưng tôi đã lược bỏ bớt cho gọn.] (790)

791 [Nguyên văn câu cuối: *Abhikkantā h'esā potaliya yadidaṃ tattha tattha kālaññutā*. **Mp** diễn giải: “Đó là phẩm chất của người hiền trí, khi nào họ biết

chắc là lúc thích hợp để nói lời chê trách người đáng bị chê trách và nói lời khen ngợi người đáng được khen ngợi.”] (791)

792 [Nguyên văn Pāli: *suttam, geyyam, veyyākaraṇaṃ, gāthā, udānaṃ, itivuttakam, jātakam, abbhutadhammam, vedallam*. Đây là chỉ những thể loại kinh đã được sắp xếp và kết tập trong 05 bộ kinh Nikāya. Giống chú thích 631 ở kinh **4:06**.] (790)

793 [Phiên bản **Ee** kết thúc kinh **4:104** ngay chỗ đây, coi như kinh **4:104** chỉ có mấy câu này. Và sau đó chuyển qua kinh **4:105** thì lại lấy những câu này làm phần mở đầu, và tiếp tục theo phần lời kinh kế tiếp. Như vậy, kinh **4:105** trong phiên bản **Ee** là giống hệt kinh **4:104** trong bản dịch này. **Ee** ghi dựa theo phần *thi kệ tóm tắt (uddāna)* ở cuối chương có ghi là “*có hai (kinh) hồ nước*”, nhưng bản gốc thì chỉ thấy có 01 kinh nói về hồ nước. Trong phần thi kệ, chữ *dve honti* có thể được hiểu như *udakarahadā* hay *ambāni*. Tôi làm theo **Ce** và **Be**, chọn theo cách hiểu thứ hai, và do vậy chỉ có 01 kinh hồ nước là kinh **4:104**, và kinh **4:106** thì bỏ trống, không có lời kinh.] (793)

794 [Chữ này tôi đọc theo **Ce** và **Be** là *kim nu*; còn **Ee** ghi là *kathan nu*.] (794)

795 [Nguyên văn câu này: *Pahitatto kāyena c’eva paramasaccam sacchikaroti, paññāya ca ativijja passati*. **Mp** giải nghĩa: “*thân*” là thân của tâm, tâm-thân, danh-thân (*nāmakāyena*) (chứ không phải thân-sắc hay thân thể); “*sự-thật tối thượng*” ở đây là = Niết-bàn, và “*trí-tuệ*” ở đây = trí-tuệ của thánh đạo cùng với tuệ (minh-sát).] (795)

796 [Tiếng Pāli chữ *thāna* có thể có nghĩa là: nơi, khả năng, trường hợp, tình huống, nguyên nhân, trường hợp ... **Mp** nói ở đây nó có nghĩa như = *kāraṇa*. Để chuyển tải ý nghĩa thích hợp, tôi diễn dịch nó là “*trường hợp của những việc (mình làm)*” và nhiều lúc chỉ đơn giản dịch là “*việc mình làm, điều mình làm*”] (796)

797 [Nguyên văn câu này: *So na bhāyati samparāyikassa maraṇassa*. **Mp** chú giải rằng: “Những A-la-hán không sợ cái chết dù trong tương lai hay trong kiếp này. Ý lời kinh là chỉ riêng những bậc A-la-hán mà thôi. Tuy nhiên, một số người cho rằng, vì lời kinh có câu “*đã tu tập chánh-kiến*”, cho nên ý lời kinh là chỉ tất cả những bậc thánh, từ Nhập-lưu trở lên (chứ không riêng A-

la-hán).” Tôi không chắc rằng cụm chữ *samparāyikassa maraṇassa* có nghĩa là *cái chết trong một kiếp tương lai*, như cách mà **Mp** đã ngầm hiểu như vậy. Tôi chỉ coi đó đơn giản có nghĩa là “*cái chết trong tương lai*”, chủ yếu đề cập tới thời tương lai của một người trong kiếp này (và do vậy có thể đơn giản dịch là “*cái chết sau này*”).] (797)

798 [“*Chú trọng tới phúc lợi của chính mình*” là dịch nghĩa chữ *attarūpena*. **Mp** giải nghĩa là: “*Thứ gì phù hợp với bản thân mình, thứ gì thích hợp, nghĩa là thứ người đó mong muốn cho phúc lợi của mình*” (*attano anurūpena anucchavikena, hitakāmenā ti attho*).] (798)

799 [Chúng ta thấy có 03 loại *sự say-sưa (mada)* trong kinh **3:39**: là *sự say-sưa (ý lại) với tuổi trẻ, sự say-sưa với sức khỏe, và sự say-sưa với cuộc sống*. **Vibh** 345 [**Be** §832] còn đề cập tới những thứ khác làm say-sưa cái tâm là: *gia thế sinh ra, họ tộc, lợi lộc, sự được tôn trọng, sự giàu có, sắc đẹp, sự học thức ...* (đều làm cho con người say sưa (mê mải, mê muội, ý lại) chạy theo đó mà bỏ lơ những sự-thật ‘*vô thường, khổ, vô ngã*’ hay bỏ quên cái thực-trạng phũ phàng dễ thấy là ‘*sinh, lão, bệnh, tử*’). Chữ *mada* này được lặp lại trong **Vibh** 350 [**Be** §§843–45] có nối kết chữ *mada* với chữ *māna* (*sự tự-ta, ngã mạn*) và với chữ *unnati* (*sự tự-tôn, sự đề cao mình, tự nâng hạng mình*).] (799)

800 [Nguyên văn câu cuối: *Na ca pana samaṇavacanahetupi gacchati*. **Mp** diễn dịch: “Người đó không còn bị phát phơ nghiêng ngã bởi những lời nói của những tu sĩ khác đạo muốn đề cao những giáo thuyết của họ, muốn người đó dẹp bỏ cách-nhìn (chánh kiến) của mình và nghe theo những cách-nhìn (tà kiến) của họ. Ở đây (câu này) chỉ nói về những A-la-hán.”] (800)

801 [Nội dung kinh này cũng có trong *Đại Kinh Bát-niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta)*, **DN 16**, mục 5.8. Tính từ “*truyền cảm hứng*” (thúc giục, gợi ý, đánh động cái tâm) là dịch chữ *saṃvejanīya*, được **Mp** cho là đồng nghĩa với chữ *saṃvegajanaka* (*truyền cảm hứng/ đánh động “một cảm-nhận về sự cấp-bách”*). Nhưng trong ngữ cảnh bài kinh này, nếu dịch là “*truyền cảm hứng một cảm-nhận về sự cấp-bách*” thì không hợp. Thay vì vậy, nghĩa cần có ở đây là thứ *truyền cảm hứng/ khích lệ niềm-tin và sự kính-đạo*.] (801)

802 [*Bốn nơi* (bốn địa danh) đó lần lượt là: Lumbini, Bodhgaya, Isipatana (Sarnath), và Kusinārā: nơi Phật đản sinh, nơi Phật giác-ngộ, nơi Phật khai giảng Giáo Pháp, và nơi Phật bát niết-bàn.] (802)

803 [Nguyên đoạn (3) này mô tả về những hình phạt là giống hệt như đoạn (1) trong kinh **2:01**, mời coi thêm chú thích 216 trong kinh đó.] (803)

804 [Đoạn nói về hậu quả trong những kiếp sau này cũng giống hệt đoạn (2) của kinh **2:01**, chỉ khác là kinh này chỉ ghi “*hậu quả xấu*” (*pāpako vipāko*) còn kinh **2:01** thì ghi “*hậu quả xấu và khổ đau*” (*pāpako dukkho vipāko*). Do kinh **2:11** cũng thiếu tính từ “*khổ đau*” (*dukkho*) nên có thể là chữ “*dukkho*” chỉ là chữ một luận sư dùng để giải nghĩa chữ “*xấu*” (*pāpako*), rồi dần dà nó bị đưa luôn vào trong kinh **2:01**.] (804)

805 [Mp chú giải: “Trong số những hiêm-họa này, (1) đối với người suy xét về ‘*hiêm-họa phải tự trách mình*’, thì một [cảm-nhận] ‘*sự biết xấu-hổ lương tâm* (*hiri, tầm*) được thiết lập ở bên trong (mình). Điều này sản sinh bên trong người đó sự kiềm-chế ở 03 cửa (thân, miệng, tâm), và sự kiềm-chế đó chính là = *Giới-hạnh Bốn phần* (Tứ Phần Giới-Luật). Dựa trên giới-hạnh đó, người đó tu tập sự minh-sát (quán tuệ) và đạt tới tới đạo quả cao nhất. (2) Đối với người suy xét về ‘*hiêm-họa bị quở trách bởi người khác*’, thì ‘*sự biết sợ-hãi điều sai trái* (*ottappa, quý*)’ được thiết lập đối với bên ngoài (người khác). Điều này sản sinh bên trong người đó sự kiềm-chế ở 03 cửa, và sự kiềm-chế đó chính là = *Giới-hạnh Bốn phần đã được thanh lọc*. Dựa trên giới-hạnh đó, người đó tu tập sự minh-sát và đạt tới tới đạo quả cao nhất. (4) Đối với người suy xét về ‘*hiêm-họa của một nơi-đến xấu dữ*’, thì một ‘*cảm-nhận biết xấu-hổ lương tâm* (*hiri, tầm*)’ được thiết lập đối với bên ngoài (người khác). Điều này sản sinh bên trong người đó sự kiềm-chế ở 03 cửa, và sự kiềm-chế đó chính là = *Giới-hạnh Bốn phần đã được thanh lọc*. Dựa trên giới-hạnh đó, người đó tu tập sự minh-sát và đạt tới tới đạo quả cao nhất.” Riêng trường hợp thứ (3) thì không dẫn trực tiếp tới đạo quả cao nhất mà chỉ dẫn tới sự kiêng-cữ vi phạm năm-giới.] (805)

806 [Lời bài kinh này cũng có trong kinh **MN 67**, mục 14–20; (trong đó cách dùng từ của Tỳ kheo Nanamoli có khác ít nhiều, ví dụ như trong **MN** thầy ấy dịch là: (*đối với người lội xuống nước*) (i) Sự sợ sóng nước, sự sợ cá sấu, sự

sợ nước xoáy, và sợ sợ cá mập, và (đối với những Tỳ kheo) (ii) Sự sợ-hãi như sợ sóng nước, sợ sợ-hãi như sợ cá sấu, sợ sợ-hãi như sợ nước xoáy, và sợ sợ-hãi như sợ cá mập).] (806)

807 [Tiếng Pāli phân biệt 02 loại nhóm thức ăn: nhóm *khādanīya* và nhóm *bhojanīya*. Nhóm sau gồm có cơm, cháo, những thứ từ các ngũ cốc khác, cá, và thịt; nhóm đầu gồm tất cả những thứ ‘có thể dùng được để ăn’ khác. Như vậy là, tương ứng với 02 loại nhóm thức ăn này, có 02 động từ thuộc tiến hành cách đã được dùng để chỉ định thứ gì có thể ăn được, đó là: *khāditabba* và *bhujitabba*, mà tôi đã dịch ở đây tương ứng là “những thứ có thể dùng được” (tính cả những thứ ăn sống được, chưa nấu chín, và đã nấu chín?) và “những thứ có thể ăn được” (đã nấu chín?).] (807)

808 [Mp chú giải: “Tầng thiên định thứ nhất có ba hạng: hạng thấp, hạng trung, và hạng thượng. Đối với người được tái sinh thông qua (tầng thiên định) hạng thấp, tuổi thọ là 1/3 đại kiếp; đối với người được tái sinh thông qua hạng trung, tuổi thọ là 1/2 đại kiếp; và đối với người được tái sinh thông qua hạng thượng, tuổi thọ là 1 đại kiếp. Như vậy câu kinh này là chỉ (tầng thiên định) hạng thượng.” Về chi tiết những tuổi thọ trong các cõi theo mô hình được đưa ra bởi Phật giáo *Trưởng Lão Bộ* (Theravāda), mời coi thêm **Vibh** 422–26 [**Be** §§1022–28]; **CMA** 196–99.] (808)

809 [Mp chú giải là: “Người đó ‘đi xuống địa ngục’ trong kiếp kế tiếp, theo cái nghĩa chung là hiện thời người đó vẫn chưa trừ bỏ hết *ngiệp dẫn xuống địa ngục*; chứ không phải theo nghĩa là người đó phải bị tái sinh xuống địa ngục *lập tức* trong kiếp kế tiếp.” Theo *Vi Diệu Pháp* (*Abhidhamma*), một người chết đi từ cõi sắc-giới thì không lập tức bị tái sinh trong một trong 03 cõi xấu dữ đầy đọa đó; coi thêm **CMA** 226–27.] (809)

810 [Nguyên văn câu cuối này: *Tasmimyeva bhava parinibbāyati*. Mp nói: “Vị đó chứng luôn Niết-bàn cuối cùng trong khi đang hiện hữu trong cõi sắc-giới đó; không bị rớt xuống cảnh giới nào thấp hơn.” (tức từ thiên thần chứng luôn bát niết-bàn).] (810)

811 [Chỗ này mời coi lại chú thích dài số 581 của kinh **3:116**.] (811)

812 [Những thiên thần phóng quang thành dòng (*devā ābhassarā*; quang âm

thiên) là hạng thiên thần cao nhất trong 03 hạng cảnh giới của tầng thiên định thứ hai. **Mp** nói: “Tầng thiên định thứ hai có 03 hạng [cũng tương tự như cách 03 hạng của tầng thiên định thứ nhất đã nói trong chú thích 808 kể trên]. Đối với người được tái sinh thông qua (tầng thiên định) hạng thượng, tuổi thọ sẽ là 08 đại kiếp; hạng trung là 04 đại kiếp; và hạng thấp là 02 đại kiếp. Như vậy lời kinh ở đây chỉ (tầng thiên định) hạng thấp.”] (812)

813 [*Những thiên thần hào quang chói lọi (devā subhakiṇhā)* là hạng thiên thần cao nhất trong 03 hạng cảnh giới của tầng thiên định thứ ba. Theo hệ thống *Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)*, những tuổi thọ của 03 hạng thấp, trung, và thượng là 16, 32 và 64 đại kiếp. Do định nghĩa này bị mâu thuẫn với lời kinh chỗ này, **Mp** đã giải thích lời kinh ở đây là chỉ hạng thấp trong 03 hạng cảnh giới của tầng thiên định thứ ba. Tuy nhiên, cũng theo **Mp**, *những thiên thần hào quang chói lọi* thực ra lại là cao nhất trong 03 cõi thiên thần này, với tuổi thọ là 64 đại kiếp. Như vậy, ở đây dường như có một sự mâu thuẫn giữa bài kinh và định nghĩa tuổi thọ của các hạng thiên thần theo hệ thống Phật giáo *Trường Lão Bộ (Theravāda)*.”] (813)

814 [*Những thiên thần phúc quả lớn (devā vehapphalā)* là một hạng cảnh giới tái sinh duy nhất tương ứng với tầng thiên định thứ tư. Con số tuổi thọ 500 đại kiếp là đúng theo định nghĩa của hệ thống *Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)*.] (814)

815 [Nguyên câu tả thực về năm uẩn là: *Te dhamme aniccato dukkhato rogato gaṇḍato sallato aghato ābādhato parato palokato suññato anattato samanupassati*. **Mp** nói: “Trong 11 tính từ này, 2 tính từ—vô-thường và đang tan rã—chỉ đặc tính *vô-thường*. Tiếp theo, 2 tính từ—trống rỗng và vô ngã—chỉ về đặc tính *vô-ngã*. Và 7 tính từ còn lại chỉ đặc tính *khổ*. Bằng cách gán 03 đặc-tính này cho năm uẩn và nhìn thấy chúng như vậy, người đó đạt tới 03 thánh đạo và thánh quả. Sau khi tu tập tầng thiên định thứ tư, được vững chắc trong (cảnh giới) đó, thì ‘người đó được tái sinh trong số những thiên thần ở một cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên)’.”] (815)

816 [*Những cõi trong-sạch, Tịnh cư thiên (suddhāvāsā)* là 05 cảnh giới hiện-hữu thuộc cảnh trời sắc-giới mà bậc thánh Bất-lai được tái sinh trong đó. Những bậc Bất-lai sẽ từ chỗ đó chứng luôn thánh quả A-la-hán chứ không

quay xuống cõi nào thấp hơn. Coi thêm **CMA** 192–93.] (816)

817 [Trong kinh này, *tâm-từ* là tương ứng với tầng thiên định thứ nhất, *tâm-bi* với tầng thiên định thứ hai, *tâm-(tùy) hỷ* với tầng thiên định thứ ba, và *tâm-xả* với tầng thiên định thứ tư. Tuy nhiên, theo hệ thống Phật giáo *Trường Lão Bộ* (*Theravāda*) thì cả 03 *tâm từ, bi, hỷ vô lượng* đầu tiên đều có thể dẫn tới tất cả 03 tầng thiên định đầu, chỉ trừ tầng thiên định thứ tư; và chỉ có *tâm-xả vô lượng* mới có thể dẫn tới tầng thiên định thứ tư. Coi thêm **Vism** 322,5–12, **Ppn** 9.111.] (817)

818 [Về những sự kiện thần diệu khác nhau đã xảy ra từ lúc vị *Bồ-tát* (tức Phật) nhập thai và sinh ra, coi thêm kinh **MN 123**.] (818)

819 [**Mp** chú giải: “Giữa mỗi hệ ba thế giới có một thế giới là khoảng trống nằm giữa ba thế giới đó, giống như khoảng trống ở giữa ba bánh xe tiếp xúc nhau. Đây là vùng ‘*địa ngục nằm-giữa những thế giới*’ (*lokantarikanirayo*), được cho là (có đường kính) lớn bằng 08 ngàn do-tuần (*yojana*, dặm Ấn).”] (819)

820 [**Mp** chú giải: “*Những chúng sinh đó đã (bị) tái sinh trong cõi đó*: Vì những nghiệp gì mà những chúng sinh đó bị tái sinh trong cõi u minh địa ngục tối đen nằm giữa những thế giới? Họ tái sinh trong đó do họ đã gây ra *những tội ác kinh khủng* đối với cha mẹ, đối với những tu sĩ và bà-la-môn, và do *những nghiệp ác như sát-sinh liên tục hàng ngày nhiều ngày*. - Thân của họ dài 03 *gāvuta* [cỡ bằng 05 dặm Anh = 8 km] và họ có móng tay dài giống những con dơi. Giống như những con dơi đu ngủ trên cây trên vách, những chúng sinh này đu ngủ bằng móng tay trên núi của hệ thế giới đó. Khi bò, họ cách nhau khoảng cách cỡ bằng 1 cánh tay. Rồi khi họ nghĩ rằng ‘Chúng ta có thức ăn’, họ ào bu tới, ngã lăn, và rớt xuống nước [nước đó là biển nước nâng đỡ thế giới đó]; họ giống như những trái mật, khi bị gió thổi sẽ vỡ tan ngay và rớt chìm xuống nước. Ngay sau khi rớt xuống nước, họ tan nhanh như một cục bột trong nước a-xít. - Hào quang này [khi vị bồ-tát nhập vào bụng mẹ] chỉ chớp nhá lên không lâu bằng một cái húp cháo, nhưng chỉ đủ lâu để làm họ thức tỉnh khỏi giấc ngủ và nhận ra đối-tượng xung quanh. Nhưng những người truyền tụng bộ kinh dài **DN** thì nói đó như một tia chớp, chỉ sáng lên trong một chốc bằng một cú búng ngón tay và biến mất ngay khi

lúc họ kịp la lên ‘Cái gì vậy?’.”Nhưng những nhà truyền tụng bộ kinh dài **DN** thì nói rằng, sự chiếu sáng hào quang nhanh như một tia chớp chỉ trong khoảng thời gian bằng cái búng ngón tay rồi tắt, nhưng trong khoảng khắc đó họ vẫn kịp nhìn thấy (những chúng sinh khác) xung quanh mình, và họ thốt lên: ‘Đó là gì vậy?’.”.] (820)

821 [*Ālaya*: tạm dịch là *sự dính-mắc*. **Mp** đã chú giải chữ này *theo nghĩa hẹp* là *chỉ năm đối-tượng khoái lạc giác quan* (năm thứ đục-lạc), hoặc *theo nghĩa rộng* là *chỉ toàn bộ vòng luân-hồi* (saṃsāra).] (821)

822 [*Anālaye dhamme*: *Giáo Pháp về sự không dính-mắc*. **Mp** chú giải: đó chính là “*Giáo Pháp thánh thiện đối ngược với sự dính-mắc, nhắm tới sự chấm-dứt vòng luân-hồi*.”] (822)

823 [*Anupasama*: *sự phần khích, sự khích động, tức sự bất an*. Nghĩa gốc chữ này là “*thiếu bình-an, bất-an*”.] (823)

824 [Nguyên văn câu này: *Avijjāgatā, bhikkhave, pajā aṇḍabhūtā pariyonaddhā*. **Ce** và **Be** ghi như vậy, nhưng **Ee** có ghi thêm chữ *andhabhūtā* (trở thành bị mù, bị đui mù). Cách ghi của **Ee** mới nhìn có vẻ là lời kinh nguyên gốc hơn, nhưng ví dụ về con gà mái trong kinh **8:11** lại cho đó là chữ *aṇḍabhūtā* (trở thành như cái trứng) thì mới đúng. **Mp** cũng chấp nhận chữ này và luận giải rằng: “*bị bịt kín trong vỏ trứng của sự vô-minh, nó trở thành như (trong) một cái trứng*” (*avijjaṇḍakosena pariyonaddhattā aṇḍam viya bhūtā ti aṇḍabhūtā*). (Người dịch ghi luôn chữ “*trong*” cho dễ hiểu trong tiếng Việt).] (824)

825 [Coi thêm kinh dài **DN 16**, mục 5.16.] (825)

826 [Trong tiếng Pāli, 03 loại gông-cùm (kiết sử) đó lần lượt là: *orambhāgiyāni saṃyojanāni, upapattipaṭilābhīyāni saṃyojanāni, bhavapaṭilābhīyāni saṃyojanāni*. **Mp** phân biệt 02 loại sau với nguyên văn như vậy: “*những gông-cùm để đạt được sự tái-sinh*” là do nó một người đạt được sự tái-sinh kiếp sau (*yehi anantarā upapattiṃ paṭilabhati*); “*những gông-cùm để đạt được sự hiện-hữu*” là những điều-kiện (duyên) để đạt được sự tái-sinh—sự hiện-hữu (*upapattibhavassa paṭilābhāya paccayāni*). - Rõ ràng nghĩa có khác nhau, theo những luận giảng, thì gông-cùm trước chỉ trói buộc một người bị

tái-sinh trong một kiếp sau; còn còn gông-cùm sau thì trói buộc một người bị nhiều tái-sinh trong nhiều nhiều kiếp sau nữa. Nhưng quý vị cũng nên coi thêm chú thích 829 bên dưới **Mp** lại diễn dịch theo một cách khác nữa.] (826)

827 [Trước hết, tính luôn bậc *Nhập-lưu* thì cũng chưa đẹp bỏ hết những gông-cùm (kiết sử) này, cho nên **Mp** đã giải thích rằng: “*Bậc thánh Nhất-lai được nói ra ở đây là để chỉ bậc cao nhất trong số những bậc thánh chưa đẹp bỏ được gông-cùm nào.*” **Mp-t** nói thêm: “Đó là những người chưa đẹp bỏ những gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử). Bởi vì trên bậc Nhất-lai thì không có bậc thánh nào chưa đẹp bỏ hết năm gông-cùm thấp hơn. Nhưng liệu có phải rằng những bậc Nhất-lai đã đẹp bỏ [một số] gông-cùm thấp hơn hay không, vì họ rõ ràng đã đẹp bỏ những gông-cùm là *những tà-kiến, sự nghi-ngờ, và giới-cấm thủ?* Nếu đúng là vậy thì tại sao lại nói rằng họ chưa đẹp bỏ những gông-cùm thấp hơn? (Câu giải thích là) Bởi vì những bậc Nhất-lai chưa đẹp bỏ những gông-cùm là *tham-dục* và *sự ác-y;* do vậy nên câu nói rằng ‘họ chưa đẹp bỏ những gông-cùm thấp hơn’ là được nói với hàm ý chỉ những gông-cùm mà họ chưa đẹp bỏ. Câu đó không có nghĩa là họ chưa đẹp bỏ được gông-cùm nào.”] (827)

828 [Nguyên văn câu cuối chỗ này: *Uddhamṣotassa akaniṭṭhagāmino puggalassa*. Chỗ này là chỉ *hạng chậm-trễ nhất* trong 05 hạng thánh Bất-lai; đây là người đang *tiến dần dần từ cõi thấp đến cõi cao hơn trong 05 cõi trời trong-sạch* (05 Tịnh cư thiên) và đang hướng thượng tới cõi cao nhất trong số đó là cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên). Loại người này cũng được nói ra để chỉ *hạng còn thô tế nhất* (trong 05 hạng thánh Bất-lai) là người vẫn còn dính *những gông-cùm tái-sinh*, mặc dù những hạng tinh tế nhạy bén hơn của bậc Bất-lai cũng còn dính những gông-cùm này. (Tái-sinh ở đây là họ tái-sinh từ cõi thấp tới cõi cao *trong 05 cõi trời trong-sạch đó*, chứ không còn tái sinh lại cõi nào thấp hơn.)] (828)

829 [Nguyên văn chữ này là “*antarāparinibbāyī*”, có nghĩa chữ là: *chúng Bất-Niết-bàn ở thời trung-gian* (giữa hai khoảng thời gian). Lời tuyên bố này đã gây ra sự khó-xử cho sự diễn-dịch truyền thống xưa giờ của Phật giáo nguyên thủy *Trường Lão Bộ* (Theravāda) về 05 hạng của bậc thánh Bất-lai, vốn dựa trên **Pp** 16–17 và phân luận giảng của nó là **Pp-a** 198–201. Cốt yếu của sự diễn-dịch này là sự từ-chối có một trạng thái *trung-chuyển* hay *trung-hữu*

(*antarābhava*), (hay thân trung-âm, trạng thái trung-hữu), nằm giữa 02 kiếp trước và sau. Sự từ-chối này làm phát sinh sự cần thiết phải diễn dịch chữ *antarāparinibbāyī* là một bậc Bất-lai đã chứng thánh quả A-la-hán trong nửa-đầu kiếp sau. Tuy nhiên, chữ *antarāparinibbāyī* nghĩa gốc như đã nói là “người chứng ngộ bát-Niết-bàn ở thời trung-gian”, và dường như không có lý do chính đáng nào, dựa theo bài kinh, để từ chối một khả năng là có thể có những bậc Bất-lai, sau khi làm người và khi chết đi, đã chứng nhập trong một trạng thái trung-gian và chứng ngộ bát Niết-bàn từ trạng thái trung-gian đó, và nhờ vậy không cần [tránh được] sự tái-sinh lần nữa (trước khi bát-Niết-bàn). Điều này có lẽ chính là ý-nghĩa của câu kinh này, theo đó mới nói bậc thánh “*antarāparinibbāyī*” đã loại bỏ những “gông-cùm tái-sinh” nhưng vẫn chưa loại bỏ “gông-cùm hiện-hữu”.

- ► Tôi có thảo luận *một cách chi tiết* về 05 hạng của bậc Bất-lai trong phần chú thích số 65 ở kinh SN 46:04 (Quyển 5)!

- ► Thêm nữa, quý vị có thể coi thêm các chú thích từ số 1535—1538 ở kinh AN 7:55.

- Hoặc thêm nữa, quý vị có thể coi thêm “sự phân tích về lời kinh này” bởi học giả Harvey, trong Harvey 1995: trang 98–108.] (829)

830 [Nguyên văn câu này: *Yuttapaṭibhāno no muttapaṭibhāno*. **Mp** giải thích nghĩa là: “Khi trả lời một câu hỏi, người đó trả lời một cách đúng (*yuttameva*), nhưng không trả lời một cách nhanh chóng (*sīghaṃ pana na katheti*). Nghĩa nôm na là người đó trả lời một cách chậm chạp. Tương tự suy ra cách giải thích cho những trường hợp còn lại.” **Pp 42** [**Be** §152] định nghĩa giống nghĩa như vậy: “Một người khi được hỏi thì nói đúng nhưng nói không được nhanh thì được gọi là người có sự nhận định sáng suốt nhưng không trôi chảy” (*idh’ekacco puggalo pañhaṃ puṭṭho samāno yuttaṃ vadati no sīghaṃ, ayaṃ vuccati puggalo yuttapaṭibhāno no muttapaṭibhāno*).] (830)

831 [04 cụm chữ này là: *ugghaṭitaññū, vipacitaññū* [trong **Ce** và **Ee**; **Be** ghi: *vipañcitaññū*], *neyyo, padaparamo*. Sự khác nhau về cách ghi đã cho ra sự chọn lựa giữa nghĩa dịch là “người hiểu được khi đã chín muồi” [dựa theo cách ghi của **Ce** và **Be**] và “người hiểu được sau khi đã được lập lại” [dựa

theo cách ghi của **Be**]. Đối với tôi cách ghi của **Be** có lẽ phù hợp và đúng hơn với định nghĩa chính thức về loại người này trong những nguồn kinh luận khác. Tôi trích dẫn những định nghĩa trong **Pp 41 [Be §§148–51]** cùng với những sự giảng-nghĩa bởi luận giảng **Pp-a 223**: (1) “Người có sự hiểu liền là người đối với người đó sự đột-phát vào (chứng ngộ) Giáo Pháp (*dhammā-bhisamaya*) xảy ra cùng lúc lời nói được thốt ra. [**Pp-a** chú giải thêm: chữ *ugghaṭita* có nghĩa là sự mở-ra hay sự mở-mang của sự-biết (*ñāṇugghāṭana*); nghĩa là người đó biết lập tức ngay khi sự-biết mở ra. Cùng lúc lời nói được thốt ra có nghĩa là: ngay khi [một câu nói về Giáo Pháp] được nói ra. Sự đột-phá (sự chứng ngộ) xảy ra cùng lúc với sự-biết về Giáo Pháp của Bốn Diệu Đế.] (2) “Người hiểu được nhờ có sự lập lại” là người đối với người đó sự chứng ngộ Giáo Pháp xảy ra sau khi ý nghĩa của điều được nói ra một cách vẫn tất được phân giải một cách chi tiết. [**Pp-a** chú giải thêm: Đây là người có khả năng chứng ngộ A-la-hán khi mà, sau khi một một lời đề-cương (toát yếu, *matika*) của Giáo Pháp đã được lập ra, ý nghĩa của nó được phân giải một cách chi tiết.] (3) “Người cần được chỉ dẫn là người đối với người đó sự chứng ngộ Giáo Pháp xảy ra từ từ dần dà, thông qua sự chỉ dạy, sự vấn hỏi, sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và sự dựa vào sự có những đạo-hữu tốt.” Và (4) “Người đối với người đó lời-nói là sự tối đa (chứ không đi xa hơn; là người học vẹt chứ không hiểu gì) là người—cho dù có nghe nhiều, tụng đọc nhiều, lưu nhớ nhiều trong tâm, và có chỉ dạy nhiều—cũng không đạt tới sự chứng ngộ Giáo Pháp nào trong kiếp đó.”

- **Nett 125 [Be §88]** đã kết nối 04 loại người này với 04 loại sự thực-hành [coi thêm các kinh **4:161–162**]: (1) Loại người đầu (*ugghaṭitaññū puggala*) kết nối với người được giải-thoát bởi sự thực-hành dễ chịu + sự-biết trực tiếp nhanh chóng; (2) loại người thứ hai (*vipañcitaññū puggala*) với người được giải-thoát bởi (i) sự thực-hành khổ + sự-biết trực tiếp nhanh chóng, hoặc bởi sự thực-hành dễ chịu + sự-biết trực tiếp chậm chạp, và (3) loại người thứ ba (*neyya puggala*) với người được giải-thoát bởi sự thực-hành khổ + sự-biết trực tiếp chậm chạp. (4) Còn loại người thứ tư (*padaparama puggala*) là không được giải-thoát và do vậy 04 trường hợp thay thế như trên không áp dụng được.] (831)

832 [Mp]: (1) “Người sống nhờ kết quả của cố-gắng, không nhờ kết quả của nghiệp” nghĩa là: sống nhờ kết quả của sự cố gắng nỗ lực hàng ngày, nhưng

không tích được phước quả gì từ cố gắng nỗ lực đó. (2) “*Người sống nhờ kết quả của nghiệp (nghiệp quả) chứ không sống nhờ kết quả của cố-gắng*”: đây là chỉ tất cả những thiên thần, họ đều sống hưởng phước-quả (ở cõi trời) chứ không cần bỏ công sức cố-gắng hay nỗ-lực gì cả. (3) “*Người sống nhờ kết quả của cố-gắng và kết quả của nghiệp*”: đây là chỉ những vua chúa, quan thần, quý tộc ... và (4) “*Người sống không nhờ kết quả của sự cố-gắng cũng không nhờ kết quả của nghiệp*”: đây là chỉ những chúng sinh trong địa ngục (sống chỉ chịu đày đọa như chết liên tục chứ không có cơ hội nào để cố-gắng hay nỗ-lực, cũng không có phước quả gì để nhờ. Trong bài kinh này, chữ “*kết quả của nghiệp*” [*nghiệp quả*] là chỉ riêng *phước-quả* (quả của phước-đức) hay *công-quả* (quả của công-đức) mà thôi.”] (832)

833 [Mp chú giải: “Ở đây, loại (1) là người phạm phu ngu dốt vô minh; loại (2) là người phạm phu liên tục làm những điều bất thiện; loại (3) là những bậc học-nhân [Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất-lai]; và loại (4) là những A-la-hán.] (833)

834 [Mp chú giải: “Ở đây, loại (1) là số đông người phạm phu; loại (2) là bậc Nhập-lưu và Nhất-lai nhờ chỉ tu thiên minh-sát (minh-sát khô); loại (3) là bậc Bất-lai. Vì người chỉ tu thiên minh-sát khô cũng chứng đắc tầng thiên định tức-thời (sát-na định) khởi sinh dựa trên đối-tượng (thiên quán) của người đó (*tañkhañikampi upapattinimittakam jhānam pañilabhati yeva*), nên người đó cũng đạt sự định-tâm; đó là những bậc học-nhân [Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất-lai]; và loại (4) là những A-la-hán. ► Bài kinh kế tiếp cũng được hiểu theo cách hiểu tương tự như vậy.] (834)

835 [Về 04 loại *trí-biết* (*mang tính*) *phân tích* (*pañisambhidā*; vô ngại giải trí), mời coi chú thích 875 ở kinh **4:172** bên dưới.] (835)

836 [“*Sự vắng-lặng*”: ngay chỗ này, và cả trong kinh kế tiếp, tôi đọc theo **Ce** và **Ee** ghi là *samatho*; khác với **Be** ghi là *sammasanā*.] (836)

837 [Thông thường thì danh sách của các *căn* (*indriya*) và các *năng-lực* (*bala*) gồm 05 thứ, với *trí-tuệ* (*paññā*) là cái thứ năm. Về các định nghĩa về *năm căn*, coi thêm các kinh **SN 48:9–10**. Về *năm năng-lực*, coi thêm kinh **AN 5:14**.] (837)

838 [Nguyên văn câu này: *Cattāri kappassa asaṅkheyyānī*. Mặc dù là “không thể tính được” [**Ce** và **Ee** ghi *asaṅkheyya*; **Be** ghi *asaṅkheyya*], nhưng độ dài của thời kỳ này thực ra là hữu lượng. Về những ví dụ (rất hay của Phật) để minh họa độ dài của một đại kiếp—được nói là khó mà tính được bằng con số—mời quý vị coi thêm các kinh **SN 15:05**, **SN 15:06** (Quyển 2). Và, về số lượng đại kiếp đã “trôi qua”, mời quý vị coi thêm các kinh **SN 15:07**, **SN 15:08** (Quyển 2).] (838)

839 [**Mp** giải thích có 03 cách tan-hoại mà một đại kiếp xảy ra: bằng nước, bằng lửa, và bằng gió. Khi một đại kiếp bị hủy diệt bởi lửa, nó tốn thời gian bằng tuổi thọ của *những thiên thần phóng quang thành dòng* (Quang âm thiên; 02 đại kiếp vũ trụ). Khi một đại kiếp bị hủy diệt bởi nước, nó tốn thời gian bằng tuổi thọ của *những thiên thần hào quang chói lọi* (Biển tịnh thiên; 04 đại kiếp). Khi một đại kiếp bị hủy diệt bởi gió, nó tốn thời gian bằng tuổi thọ của *những thiên thần có phước quả lớn* (Quảng quả thiên; 500 đại kiếp).] (839)

840 [**Mp** giải nghĩa là: “Người đó không biết hài lòng bởi 04 thứ thiết-yếu theo cách của 03 loại sự biết hài-lòng (sự bất tri túc).” Coi lại chú thích số 55 ở kinh **1:65**.] (840)

841 [Chữ “*đầy toan tính*” (có mưu mô) là dịch chữ *saṅkhāya*: nghĩa gốc là “*đã có tính toán*”. **Mp** nói chữ này chỉ một người cố gắng làm ra vẻ để cho những gia đình có ấn tượng tốt về mình [để họ cúng dường tốt cho người đó]. Câu cuối cùng của đoạn (4) nghe giống nghĩa một câu tiếng lóng của người Anh (để chỉ số người dân của họ đầy mưu tính và giả tạo).] (841)

842 [**Ee** ghi là: *gambhīresu ... thānāṭṭhānesu*, có thể dịch là: “*nhiều vấn đề sâu sắc khác nhau*” (giống cách dịch của thầy Sujato). Có thể rằng chữ *thānāṭṭhānesu* là cách ghi nguyên gốc hơn, rồi sau đó nó bị đổi thành chữ *thānāṭṭhānesu* do sự ảnh hưởng bởi cách ghi sau là phổ biến hơn. Nhưng vì **Mp** đã chú giải như thể chữ sau là cách ghi đúng, nên dễ thấy rõ rằng chữ *thānāṭṭhānesu* đã có ít nhất vào thời của luận sư của **Mp**. Trong kinh **MN 115**, mục 12–19, Phật cũng có giảng giải cách mà một Tỷ kheo là “*thiện khéo về điều có thể và điều không thể*” (*thānāṭṭhānakusalo*).] (842)

843 [Thật là khó hiểu rằng thầy Ānanda đã đi đến chỗ Tỳ kheo ni đó mà đi một mình, không có một Tỳ kheo khác đi theo thầy. Vì hầu như luôn luôn rằng, khi một Tỳ kheo đến thăm một người xuất gia hay đệ tử tại gia, cho dù người đó là nam hay nữ, thì Tỳ kheo phải luôn đi chung với Tỳ kheo khác, chứ không đi một mình. - Theo như bản Hán tạng của kinh này [SĀ 564 (T II 148a13–148c10)] thì khi thầy Ānanda đi đến từ xa, Tỳ kheo ni đó đã cởi đồ để lộ thân thể. Khi thầy Ānanda nhìn thấy ni ấy lộ thể, thầy ấy đã kiểm chế các giác-quan và quay mặt chỗ khác. Ni đó cảm thấy xấu hổ và mặc áo lại. Rồi ni ấy mời thầy Ānanda chỗ ngồi, kính lễ thầy, và ngồi xuống một bên. Chỉ riêng tình tiết này là khác, còn lại nội dung là giống hệt như kinh của bản Pāli (đang dịch ở đây).] (843)

844 [“*Sự phá bỏ cây cầu*” hay “*sự cắt cầu*” (*setughāto vutto bhagavatā*). **Mp** giải thích: “*sự phá bỏ cây cầu (setughātam)*: là (gồm 02 việc) phá bỏ tình trạng đó và phá bỏ điều-kiện (phá duyên) tạo ra nó (*padaghātam paccaya-ghātam*).” Cách nói này cũng có trong kinh **3:74**, mời coi thêm chú thích 497 ở giữa đoạn thứ hai trong kinh đó.] (844)

845 [**Mp** giải thích câu này nghĩa là: “Dựa vào (nguồn) dưỡng-chất hiện tại từ những thức-ăn, người đó dùng nó một cách kỹ càng (như lý tác ý: ăn một cách có suy xét lợi và hại đối với tâm và nghiệp của mình), người đó dẹp bỏ (nguồn) dưỡng-chất có trong nghiệp quá khứ; nhưng dục-vọng đối với những thức-ăn hiện tại thì nên bị dẹp bỏ; (tức là ăn mà không tham ăn, ăn để nuôi thân chứ không phải vì ham thích ăn uống, khoái sướng).] (845)

- (Nhân tiện, khi nói về “*cảm-giác cũ*” kể trên, trong kinh khác có chú thích là: “*cảm-giác cũ*”: cảm giác đói khát; “*cảm-giác mới*”: cảm giác (trong tâm) thêm khát, khoái thích, mê ghiền những món ăn đó; “*sống (an trú) được an ổn*”: là sau khi ăn không bị khó chịu, mệt mỏi, buồn ngủ, không bị hôn trầm (khi thiền tập vào buổi chiều hay tối), và không bị chê trách do ham ăn ham uống.)

846 [Bản Hán tạng của kinh này ghi chỗ này là: “*Này ni, bằng cách không thả mình phóng túng, một người dẹp bỏ và cắt đứt ham muốn dâm-dục, là cầu nói (和合橋梁)*.” Đường như chữ *setughāto* chắc hẳn là một thành ngữ có nghĩa là mọi thứ kết nối hay cầu nối với một trạng thái nào đó nên bị phá

hủy. **Mp** nói rằng khi thầy Ānanda nói những lời cuối trong bài kinh thì sự ái-tình của Tỳ kheo ni đó đối với thầy ấy đã biến mất luôn.] (846)

847 [Chữ “*bạc Phúc Lành*” là cách dịch chữ “*Sugata*” bởi thầy Tỳ Kheo Bô-Đề; chữ này có nghĩa gốc: “*đã đi một cách thiện khéo; thiện thế*” (nên thường được dịch (HV) là *bạc Thiện Thế*). Đây là một danh từ mô tả đặc tính (danh tính từ) thường được dùng nhiều nhất để chỉ Đức Phật, đôi khi cũng được dùng để chỉ một đệ tử là A-la-hán.] (847)

848 [Nguyên văn câu này: *Bhikkhū duggahitaṃ suttantaṃ pariyāpuṇanti dunnikkhittehi padabyañjanehi*. Coi thêm kinh **2:20**, (và kinh **5:156**). Tôi làm theo sự gợi ý của nhà sư Brahmāli là chữ *suttantaṃ* ở đây có một hàm nghĩa số nhiều; ví dụ, coi **Vin III** 159,12, và **Vin IV** 344,21.] (848)

849 [Ce thiếu phần *thi kệ tóm tắt (uddāna)* ở cuối NHÓM này. Do vậy tôi đặt các tên kinh dựa theo **Be.**] (849)

850 [Nguyên văn Pāli: *dukkhā paṭipadā dandhābhiññā, dukkhā paṭipadā khippābhiññā, sukhā paṭipadā dandhābhiññā, sukhā paṭipadā khippābhiññā.*] (850)

851 [Nguyên văn câu cuối này: *anantariyaṃ pāpuṇāti āsavānaṃ khayāya*. Chữ *ānantariya* là hiếm thấy trong các bộ kinh, vì vậy nghĩa thực của nó ở đây phải được xác định theo cách suy luận. Một manh mối là kinh *Châu Báu (Ratana Sutta, Sn 226)* có nói: *yam buddhaseṭṭho parivaṇṇayī suciṃ samādhim ānantarikaññam āhu*. Sự khác nhau giữa chữ *ānantarika* và *ānantariya* là không đáng kể, vì các đuôi chữ *-iya* và *-ika* thường được dùng hoán đổi lẫn nhau. Một manh mối khác là kinh **SN 22:81** (Quyển 3), trong đó Phật đã nói câu hỏi như vậy: “*Theo cách nào một người biết và thấy để chứng ngộ sự lập-tức tiêu diệt những ô-nhiễm?*” (*evam ... jānato evaṃ passato anantarā āsavānaṃ khayō hoti*); [“*lập tức*” theo nghĩa gốc là “*không qua trung gian*” hay “*trực tiếp*”]. Một manh mối khác khác trong kinh **AN—3:102** đoạn (II) và **5:23** đoạn (2)—có nói về cái tâm được “*đạt định một cách thích hợp để đạt tới sự tiêu-diệt những ô-nhiễm*” (*sammā samādhivati āsavānaṃ khayāya*). Thêm nữa, trong kinh **AN 5:170** đoạn (1) sau, có nói về những điều-kiện nhất định rằng “*như vậy để mà ngay lập tức sau đó xảy ra*

sự tiêu diệt những ô-nhiễm” (*anantarā āsavānaṃ khayoti*). - Như vậy là: chữ “*điều-khien lập tức*” được dịch ở đây dường như là một trạng thái trong đó tâm được đạt-định một cách đúng đắn (thích hợp) và nó, cùng lúc, đạt được trí-tuệ dẫn đến sự diệt sạch ô-nhiễm. **Mp** có chú giải chữ *ānantariya* bằng cách đề cập đến khái niệm trong *Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)* về *sự kế tục lập-tức* từ thánh đạo qua thánh quả, như vậy: “*Cái ‘điều-khien lập tức’ chính là sự định-tâm của đạo, nó lập tức tạo ra quả*” (*anantaravipākādāyakaṃ maggasamādhim*).

- Mặc dù các kinh không dùng theo khuôn-mẫu “*tiến trình nhận-biết*” vốn nằm bên dưới khái-niệm về những khoảng-khắc (sát-na) của đạo và quả, nhưng lời diễn đạt “*điều-khien lập tức*” đã gợi ý có một trạng thái “*chín-muôi trọn vẹn*” để chứng ngộ tới thánh quả A-la-hán.] (851)

852 [05 *năng-lực của bậc học-nhân (sekhalāni)* này được định nghĩa trong kinh **5:2**, chúng có phần khác với 05 *năng-lực* nằm trong *37 phần tu trợ giúp giác-ngộ* (37 phần trợ đạo, 37 bồ-đề phần).] (852)

853 [Ở đây, chữ *sameti* (*làm tĩnh lặn, làm lắng lặn*) là một sự bổ sung vào công-thức thông thường, với mục đích đưa thêm sự tu tập này dưới tiêu đề “*sự tu-tập [bằng cách] làm lắng lặn*”, (ví dụ như làm lắng lặn các hành tạo-tác) – (Bình thường cụm chữ này không có chữ ‘*làm lắng lặn*’ và nó thường được nói dưới các tiêu đề, ví dụ như, “*bằng cách dẹp bỏ, trừ bỏ, hay hủy diệt*”).] (853)

854 [**Mp** chú giải rằng: đối với Ngài Mục-kiền-liên, 03 thánh đạo đầu tiên thành tựu được là nhờ ‘*cách tu sưng mà chậm tới trí-biết trực tiếp*’, nhưng thánh đạo A-la-hán thì được chứng ngộ nhờ ‘*cách tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp*’. Trong kinh **AN 7:61** chúng ta đọc thấy thầy Mục-kiền-liên thường phải vật lộn với *sự buồn-ngủ* (hôn trầm) trong khi tu tập để chứng đắc A-la-hán. Thầy ấy thường bị tụt lùi và cần sự giúp đỡ của Phật để tiến bộ hơn, như được kể lại trong dãy kinh **SN 40:01–09** (Quyển 4).] (854)

855 [Trong kinh này, cụm chữ *kāyassa bheda* (*khi thân tan rã; với sự tan rã của thân*) không được theo sau bởi cụm chữ *param maraṇā* (*sau khi chết*) như chúng ta thường thấy trong rất nhiều kinh khác đều luôn ghi đủ cụm chữ

“khi thân tan rã, sau khi chết”. Sự bỏ bớt này dường như do cố ý. Có lẽ mục đích để chỉ rằng người được mô tả như vậy có thể chứng ngộ Niết-bàn ngay thời-khắc chết, chứ không phải (sau khi ‘chết rồi’ và) tiếp tục qua một sự hiện-hữu khác thì mới Niết-bàn.] (855)

856 [Theo như nội dung của bài kinh này, (i) sự phân biệt giữa việc dùng ‘những đối-tượng đáng ghê-tởm’ và ‘những tầng thiên định’ sẽ quyết định người tu sẽ chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm (*sasaṅkhāra-parinibbāyī*) hay không cần sự cố-gắng thêm (*asaṅkhāraparinibbāyī*). (ii) Sự phân biệt giữa ‘năm-căn là yếu ớt’ và ‘năm-căn là nổi trội’ sẽ quyết định người tu chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này (*ditṭh’eva dhamme*) hay khi thân tan rã (*kāyassa bheda*). **Mp** nói rằng: loại người (1) và (2) là những người tu thiên minh-sát khô (*sukkhavipassakā*) (tức không tu thiên định), là những người lấy ‘những hiện-tượng có điều-kiện’ (pháp hữu vi) làm đối-tượng thiên quán (*saṅkhāranimittam upaṭṭhapenti*) để chú-tâm vào đó (thiên quán). - Chữ *sasaṅkhārena* được giải nghĩa là = *sappayogena*, điều này cũng ủng hộ cách diễn dịch của tôi là: “nhờ sự cố-gắng, thông qua sự cố-gắng”. Hai loại người còn lại (3) và (4) là những người chọn thiên-định là cỗ xe tu tập (tu thừa) (*samathayānikā*) của họ. (Tương tự giống 04 loại người đã được nói trong kinh **4:163** ở trên).] (856)

857 [Tôi đọc theo **Ce** và **Be** ghi chữ *maggehi*, khác với **Ee** ghi *aṅgehi*. Chữ sau có lẽ sai do lỗi biên tập. Mặc dù **Mp** không chú giải về chỗ này, nhưng đoạn văn được đọc trong **Paṭis** II 92,9, và được chú giải trong **Paṭis-a** III 584,24–25, theo một cách chữ *maggehi* là cần phải có, như vậy: *Catūhi maggehi ti upari vuccamānehi catūhi paṭipadāmaggehi, na ariya-maggehi* (Bằng bốn con-đường: (nghĩa là) bằng bốn con-đường (đường lối, cách thức) tu tập được trình bày tiếp theo trong bài kinh, chứ không phải bằng (bát) thánh đạo).] (857)

858 [**Mp** giải thích đây chính là con-đường vượt trên thế gian (đạo siêu thế), nhưng **Mp-t** thì nói rằng: “Đây được nói với sự tham chiếu tới thánh đạo Nhập-lưu (*sotāpattimagga*), nhưng nghĩa của đoạn này có thể được hiểu một cách đơn giản theo cách là phần đạo thế tục [thuộc bước chuẩn bị]” (*lokiyamaggavasen’eva*).] (858)

859 [Mp và Mp-t đều nói rằng bởi do không có sự tu tập và tu dưỡng [con-đường] đạo siêu thế [nó chỉ kéo dài trong một khoảng-khắc (sát-na) tâm] nên người đó tu tập và tu dưỡng phân đạo thế tục [thuộc bước chuẩn bị] (*pubbabhāgiyo lokiyamaggo*) cho mục đích chứng đắc những phân đạo siêu thế cao hơn. Rồi những *gông-cùm* (kiết sử) được dẹp bỏ và những *khuyन्ह- hướng tiêm-ấn* (tùy miên) được búng bỏ lần lượt bằng các chặng thánh đạo (*maggappatipāṭiya pahīyanti byantī honti*).] (859)

860 [Mp: “Đây là một người một cách tự nhiên đạt được sự minh-sát (tuệ). Dựa trên sự minh-sát (quán tuệ), người đó tạo ra sự định-tâm (định).”] (860)

861 [Nguyên văn cụm chữ này: *Yuganaddham bhāveti*. Mp nói rằng mỗi lần người tu chứng định (*samāpatti*), người đó khám phá nó theo cách của hiện-tượng hữu vi [có điều-kiện] của nó. Và sau khi khám phá hiện-tượng hữu vi của nó, người đó chứng nhập trong tầng chứng định kế tiếp. Như vậy là: sau khi (1) chứng đắc tầng thiền định thứ nhất, người đó thoát ra và khám phá hiện-tượng hữu vi của nó là ‘vô-thường, khổ, vô-ngã’. Sau đó (2) chứng nhập tầng thiền định thứ hai, và thoát ra, và khám phá hiện-tượng hữu vi của nó ... (và tiếp tục như vậy) ... (8) chứng nhập phi tướng phi phi tướng xứ. Tuy nhiên, vì chữ *yuganaddha* có nghĩa gốc là “được gông với nhau, trói với nhau” cho nên có một số người đã dịch thuật ngữ này theo nghĩa rằng: trong cách tu này thì sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) xảy ra *đồng lúc với nhau*. Hệ thống các luận giảng không công nhận có khả năng này, nhưng một số kinh có lời kinh gợi ý và được hiểu như thể rằng sự minh-sát (tuệ quán) có thể xảy ra bên trong tầng thiền định (*jhāna*) và không đòi hỏi người thiền phải thoát ra trước lúc bắt đầu sự thiền quán. - Đặc biệt mời coi kinh AN 9:36; cũng coi thêm kinh MN 52, mục 4–14, MN 64, mục 9–15.] (861)

862 [Chỗ này các phiên bản kinh ghi khác nhau. Ee ghi là *dhammuddhacca-viggahītamānā*; đuôi chữ *-manā* nghĩa là *ngờ vực, hoài nghi*. Be ghi là *-viggahītaṃ mānaṃ*. Ce ghi là *-viggahītaṃ mānaṃ*. Chữ *manā* và *mānaṃ* đều có thể được dịch là “tâm”, nhưng chữ *mānaṃ* thì thường có nghĩa là “sự tự-ta” (ngã mạn). Bản dịch tiếng Sinhala (Tích Lan cổ) hình như cũng ủng hộ nghĩa này, vì nó không dịch *mānaṃ* là “tâm” mà nó diễn dịch *mānaṃ* là *adhimānaya* (Pāli: *adhimāna*) có nghĩa là “sự đánh giá quá cao bản thân, sự tự cao, tự đắc” như để nói về cái “sự tự-ta” (ngã mạn)—là ngược lại với cái

“tâm”—đang “bị nắm giữ bởi sự bắt-an” thì nghe không hữu lý hữu nghĩa cho lắm. **Mp** đã chú giải thuật ngữ này như sau mà không xác định chủ-thể là gì: [“Bị nắm giữ, bị nắm giữ hoàn toàn, bởi sự bắt-an, đó là nằm trong 10 sự sa-sút của sự minh-sát (*dasa vipassan’upakkilesā*; coi thêm **Vism** 633–38, **Ppn** 20.105–28 nói về các pháp (*dhamma*) là sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ).”] - Bản thân lời kinh ở đây thì không có chữ nào nói về thứ gì dính tới những sự sa-sút của sự minh-sát. Tôi thì hiểu người được mô tả ở đây là một người tu có suy-xét (*quán chiếu*) một cách sâu sắc về Giáo Pháp, có được một cảm-nhận về sự cấp-bách, và rồi cuối cùng đã ổn định và đạt được sự minh-sát (tuệ) sau khi đã gặp được những điều-kiện hỗ trợ (trợ duyên). Trong câu kế tiếp của lời kinh, chữ được dịch là “tâm” là chữ *cittam*.] (862)

863 [Phần (I) của kinh này là giống phần **[iii]** của kinh **SN 12:25** (Quyển 2), trong kinh đó Ngài Bhūmija nói với Ngài Ānanda.] (863)

864 [**Mp** đã chú giải dựa theo khuôn-mẫu của *Vi Diệu Pháp* (*Abhidhamma*) về các loại tâm thức (*citta*); coi thêm **CMA** 32–40, 46–64. Tôi tóm lược sự chú giải của **Mp** như vậy: [*Sự cố-ý của thân* (thân tư) là thuộc 20 loại theo cách của 08 loại tâm thức (*citta*) thiện và 12 loại tâm thức bất thiện thuộc dục giới. Cũng tương tự vậy đối với *sự cố-ý của lời-nói* (khẩu tư). Nhưng *sự cố-ý của tâm* thì gồm có những loại tâm thức này cộng với 09 loại *sự cố-ý siêu vờ* (*mahaggata*) {các người dịch trước đây dịch là *đại-hành* vì nghĩ từ *maha-* là *mahā-*}—đó là *sự cố-ý* có nối kết với 05 tầng thiền định sắc giới (*jhāna*) [theo định nghĩa của *Vi Diệu Pháp*] và 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới.

- Do có *sự cố-ý của thân* (thân tư) nên ở đó khởi sinh sự sướng do điều-kiện (duyên) bởi 08 loại nghiệp thiện, và sự khổ do điều-kiện (duyên) bởi 12 loại nghiệp thiện, đó chính là nghiệp được tạo ra ứng với những loại chủ-động của thức. – Sự giải thích tương tự đối với 02 cửa kia (*lời-nói* và *tâm*). Vô-minh là một điều-kiện (duyên) (*avijjāpaccayā va*) bởi vì: hễ khi có vô-minh thì có *sự cố-ý* (tư) xảy ra trong 03 cửa làm điều-kiện (duyên) tạo ra sự sướng và sự khổ. Do vậy lời tuyên bố của kinh này muốn chỉ ra chính vô-minh là nguyên nhân gốc rễ. Sự sướng và khổ khởi sinh “ở bên trong” (*ajjhattam*) là khi chúng khởi sinh bên trong một người. Chữ này dường như muốn nhấn mạnh khía cạnh báo ứng (chịu trách nhiệm, thưởng phạt) của nghiệp

(*kamma*).]

- ► (Mời đọc thêm các chú thích quan trọng trong phần kinh song hành y hết nội dung kinh này là phần [iii] của kinh SN 12:25 (Quyển 2).] (864)

865 [Mp chú giải 04 hành-động này là: “(i) Một người hành động *do tự-phát* (*sāmaṃ*) là người đó phát khởi hành-động không do sự kích giục từ người khác. (ii) Một người hành động *do bị kích-giục của người khác* là do có người khác xúi giục, khuyến khích hay ra lệnh mà làm. (iii) Người hành động *do cố-ý* là hành động với *sự rõ-biết* (*sampajāno*, sự tỉnh-giác), là người đó biết rõ những điều thiện và điều bất thiện là ra sao và những kết quả tương ứng là ra sao. (iv) Và một người hành động *do vô-ý* là do không hiểu biết những điều thiện và điều bất thiện là ra sao và những kết quả tương ứng là ra sao, tức hành động mà không có *sự rõ-biết*.”] (865)

866 [Nguyên văn: *Imesu bhikkhave dhammesu avijjā anupatitā*. Mp chú giải rằng: “Vô-minh nằm trong những trạng thái cố-ý mới được phân tích ở trên, nó có chức năng (i) vừa là *điều-kiện cùng tồn tại* (duyên đồng hữu) và (ii) vừa là *điều-kiện hỗ trợ và định đoạt* (duyên trợ-quyết, điều-kiện hỗ trợ mang tính quyết định) (*sahajāta-vasena ca upanissayavasena ca*). – Như vậy ở đây đã chỉ ra *vòng luân-hồi hiện-hữu* và *gốc rễ của nó*, chính là *vô-minh*.”] (866)

867 [Mp nói: “Chúng ta thấy những A-la-hán hành động bằng thân. Thấy họ vẫn quét sân đền, quét lá bồ-đề, đi và về, làm những công việc phận sự ... vân vân, nhưng trong trường hợp của họ thì 20 *sự cố-ý* (tư) xảy ra ở cửa thân đã không còn tạo ra những nghiệp quả (*avipākadhammatam āpajjanti*). Ở đây là chủ ý muốn chỉ *sự cố-ý* xảy ra ở cửa thân bằng chữ “*thân*”—Cách chú giải tương tự cho 02 cửa kia.” Mp-† thì chú giải: “Khi những A-la-hán thực hiện những hành-động, thì theo cách nào là họ không tạo thân nghiệp hay những loại nghiệp khác? [Trả lời] Đó là nói theo cái nghĩa những hành-động này không mang các quả, vì một hành-động (nghiệp) được làm bởi một A-la-hán là không còn thiện hay bất thiện, mà chỉ *đơn thuần là một hoạt-động* [*chức năng*] (*kiriyamatta*) mà thôi cho nên nó không tạo ra các quả.”.] (867)

868 [(Tức là: hết vô-minh thì không còn khởi sinh năm-uẩn (= cơ sở của mọi trải nghiệm), hết năm-uẩn thì đâu còn trải nghiệm sướng và khổ gì nữa!).]

- **Mp** diễn dịch: “*ruộng đất*’, ‘*căn cứ*’ ... là danh từ để chỉ những nghiệp thiện và nghiệp bất thiện. Bởi vì đó là *ruộng-đất* (*khetta*) theo nghĩa là một nơi kết quả phát sinh; *căn-cứ* (*vatthu*) theo nghĩa là nền tảng; *cơ-sở* (*āyatana*) theo nghĩa là nguyên nhân; *nơi-chốn* hay *địa-chỉ* (*adhikaraṇa*) theo nghĩa là nơi xảy ra.” ► (So sánh chú thích này với chú thích tương tự *nhưng hơi khác* bởi luận giảng **Spk** ở cuối kinh **SN 12:25** (Quyển 2), chú thích 82.) (868)

869 [(*Sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể* (danh-tánh sanh y) nghĩa là sự đạt thành một ‘*con người*’, một ‘*danh tánh*’ hay ‘*ngã tánh*’).

- Phần (II) này thì **Ee** coi là một kinh mới, và do vậy sự đánh số kinh của **Ee** lúc này là nhiều hơn sự đánh số kinh của tôi là 01 số. Cả **Ce** và **Be**, cũng đồng tình với **Mp**, đã coi phần (I) và phần (II) là 01 kinh duy nhất. Trong khi phần này chắc chắn giống như sự bắt đầu của một kinh riêng mới, và có lẽ do ban đầu **Mp** đã coi nó là phần liên tục khi nó chú giải và phân tích về *sự cố-ý* như chú thích ở trên. **Mp** đã nói rằng cho tới chỗ này là Đức Phật đã chỉ ra nghiệp được tích lũy ở 03 cửa; và giờ Phật bắt đầu chỉ ra những nơi mà nghiệp chín muồi.

- (“*Sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể*” (danh-tánh sanh y) là tạm dịch chữ *attabhāvappatilābha*, chính là một *sự hiện-hữu cá thể* (danh tánh), là *sự kết-hợp của thân và tâm* cấu thành một *sự-sống* riêng biệt. (Chữ này HT. Thích Minh Châu dịch là “*cách được ngã tánh*”).] (869)

870 [**Mp** nhận dạng *những chúng sinh* ở đây chính là *những thiên-thần bị suy đồi do ham vui chơi* (*khīḍḍāpadosikā devā*). Trong khi họ đang thụ hưởng ‘*những dục-lạc cõi trời*’ trong cõi tiên bồng của họ, nhiều lúc họ quên cả ăn uống, và do họ thường bỏ ăn bỏ uống nên họ bị gầy héo như cánh hoa phơi dưới nắng. Coi thêm giải thích trong **Bodhi 2007: 159–60.**] (870)

871 [**Mp** chú giải rằng: đây chính là *những thiên-thần bị suy đồi do tâm trí* (*manopadosika devā*), là những thiên thần sống trong cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Khi họ tức giận với nhau, thì sự tức giận lẫn nhau của họ trở thành nguyên nhân cả hai bên đều qua đời. Coi thêm giải thích trong **Bodhi 2007: 160–61.**] (871)

872 [**Mp** chú giải rằng: đây chính là chúng sinh *con người*. Vì người đời có

khi tự giết mình, có khi người khác giết họ. Do vậy họ cứ chết do chính sự cố-ý của mình hay do sự cố-ý của người khác (như chiến tranh, giết hại lẫn nhau).] (872)

873 [Mp chú giải: “[Hỏi:] Tại sao thầy Xá-lợi-phất đặt ra câu hỏi này? Có phải do thầy ấy không thể tự trả lời? [Đáp:] Thầy ấy có thể tự trả lời, nhưng thầy ấy không nói ra vì thầy ấy nghĩ ‘Vấn đề này thuộc lãnh địa [trú xứ] của Phật’.” (tức để Đức Phật trả lời thì phải lý phải đạo hơn).] (873)

874 [Mp nói: “Trong nhóm [loại (4)] này): *những người quay-lại trạng thái hiện-hữu này (āgantāro itthattam)* là những người trở lại với năm-uẩn trong những cõi dục-giới (như người, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục); họ không tái sinh lại trong cõi trời đó [cõi trời họ đang ở và qua đời] hay cõi trời cao hơn nào khác. Còn *những người không quay-lại trạng thái hiện-hữu này nữa (āgantāro itthattam)* là những người không trở lại với năm-uẩn cũng không tái sinh trong những cõi thấp hơn; có thể họ tái sinh lại ngay trong cõi trời đó hoặc trong một cõi trời cao hơn đó, hoặc chúng luôn Niết-bàn cuối cùng ở đó. Khi nói họ có thể ‘*được tái sinh trong cõi trời cao hơn cõi đó*’ là nói cho những thiên-thần đang hiện-hữu trong những cõi trời thấp hơn đó. Nhưng từ *cảnh phi tướng phi phi tướng xứ* thì không còn sự tái sinh trong cõi trời nào cao hơn nữa.]

- (Nhân tiện, khi đọc câu cuối của đoạn (b) bên dưới cho thấy rằng, ý Phật nói: khi người tu đã trừ bỏ được năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), thì người đó sẽ thành bậc thánh Bất-lai trở lên, tức không còn bị tái sinh lại thành ‘cá thể hiện hữu’ trong những cõi dục-giới như cõi người hay súc sinh, cảnh ngạ quỷ và địa ngục đầy thống khổ!) (874)

875 [Nguyên văn 02 chữ cuối là: *odhiso vyañjanaso* tạm dịch là: *theo cách những sự phân-chia và sự hình-thành của nó*. Mp đã giải nghĩa 02 chữ này lần lượt là = *kāraṇaso akkharaso* (theo cách của những lý-do [hay những trường-hợp] và theo cách của câu chữ). Nghĩa ở đây là không hoàn toàn rõ đối với tôi và luận giảng Mp-ṭ cũng không chú giải chi tiết.

- (A) Những *trí-biết mang tính phân tích* (paṭisambhidā) đã được giảng giải trong **Vism** 440–43, **Ppn** 14.21–31, dựa trên cơ sở của **Vibh** 292–94 (**Be**

§§718–24), trong đó phân tích chúng theo mấy góc độ khác nhau. Tóm tắt là: (i) *Trí-biết về ý-nghĩa* là loại *trí-biết mang tính phân tích về ý-nghĩa* (*attha-
paṭisambhidā*); (ii) *trí-biết về Giáo Pháp* là *trí-biết mang tính phân tích về
Giáo Pháp* (*dhammapaṭisambhidā*); (iii) *trí-biết về cách biểu đạt và trình bày
về Giáo Pháp* là *trí-biết mang tính phân tích về ngôn-ngữ* (*niruttipaṭisam-
bhidā*); và (iv) *trí-biết về những sự-biết về sự nhận-biết* (*paṭibhānapaṭisam-
bhidā*). Loại *trí-biết mang tính phân tích thứ (iv)* này có lẽ là chỉ cái năng-lực
có thể áp dụng cùng-lúc 03 loại *trí-biết* trên để có thể thuyết trình và truyền
đạt Giáo Pháp một cách tường tận.

- (B) Theo một cách nhìn về mặt triết học hơn, thì *attha* được coi là *quả của
một nhân* (*hetuphala*) và *dhamma* là một *nhân* (*hetu*) tạo ra một quả (tác
động). Vì vậy loại (i) *trí-biết mang tính phân tích về ý-nghĩa* đã được coi là
tương quan với *trí-biết về Điều đế 1* và *Điều đế 3*; (ii) *trí-biết mang tính phân
tích về Giáo Pháp* thì được coi là tương quan *Điều đế 2* và *Điều đế 4*. (i) *Trí-
biết mang tính phân tích về ý-nghĩa là sự-biết* (*tri*) *về từng mỗi yếu-tố* của ‘sự
khởi-sinh tùy thuộc’ (vòng nhân duyên) trong vai trò của nó là một *quả* vốn
đã khởi sinh từ một *điều-kiện* (duyên), {ví dụ *sự sinh-ra* là *quả* khởi sinh từ
điều-kiện (duyên) là *sự hiện-hữu* kế trước nó}, và (ii) *trí-biết mang tính phân
tích về Giáo Pháp là sự-biết về mỗi yếu-tố* đó trong vai trò của nó là một
điều-kiện (duyên) tạo ra sự khởi sinh của một *quả*, {ví dụ *sự hiện-hữu* là một
điều-kiện (duyên) làm khởi sinh *sự-sinh* kế sau nó.} (875)

876 [Chỗ này **Ee** có ghi chữ *pakāsemi*, là động từ thứ ba; trong **Ce** và **Be**
không có. Chữ *pakāseti* không có trong chuỗi động từ tương tự như trong
kinh **3:136**, cũng không có trong **Ee**.] (876)

877 [Lời kinh gốc chỗ này rất khó hiểu và có lẽ nó đã bị cắt xén trong quá
trình truyền thừa. **Mp** đưa vào một động từ ở phần đầu của câu, là *upagac-
chatu*, tôi cũng đưa nó vào và dịch nó trong ngoặc [...]. **Mp** thay câu *aham
veyyākaraṇena* bằng câu *ahamassa pañhakathanena cittaṃ ārādhessāmi* (Tôi
sẽ làm thỏa mãn tâm người đó bằng sự trả lời cho câu hỏi). Tôi cũng để câu
này trong ngoặc [...].] (877)

878 [**Mp** giải thích câu này có nghĩa như là: [“Vị Thầy của chúng ta, bậc
thiện siêu về những giáo lý mà chúng ta đã chứng ngộ, đang có mặt ở đây.

Nếu tôi chưa chứng ngộ *trí-biết mang tính phân tích về ý-nghĩa*, thì có lẽ Vị Thầy sẽ đuổi tôi đi, bảo tôi hãy lo mà tu chứng (trước khi chỉ dạy cho người khác).’ Ngay cả khi đang ngồi trước mặt Đức Phật, thầy Xá-lợi-phất vẫn đồng đạc cát tiếng gầm sư tử như vậy.”] (điều này có nghĩa là thầy đang giảng giải đúng nên đã không bị Phật quả trách).] (878)

879 [Sự đối thoại ở đây dường như là liên quan tới “*tình trạng bản thể*” (bản thể: về bản chất của chúng sinh) của bậc A-la-hán là người đã chứng ngộ yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn giới), nghĩa là, câu hỏi liệu một người đã giải-thoát còn hiện-hữu hay không còn hiện-hữu sau khi chết.] (879)

880 [**Mp** giải nghĩa *mā h’evaṃ* là = *evaṃ mā bhaṇi* (Đừng nói như vậy), và giải thích rằng 04 câu hỏi được hỏi lần lượt theo cách của (1) tư tưởng *bất-diệt* (thường kiến), (2) tư tưởng *diệt-vong* (đoạn kiến), (3) tư tưởng *bất-diệt từng phần*, và tư tưởng *vận-vẹo* (*sassata-uccheda-ekaccasassata amarā-vikkhepa*). Như vậy là thầy Xá-lợi-phất đã từ chối từng câu hỏi. Sự “*vận vẹo*” hay sự “*lươn lẹo*” là chủ nghĩa *bất khả tri* (không thể biết được), là chủ nghĩa *hoài-nghi*, hay sự *thối-thác* (lẩn tránh) về mặt tri thức.] (880)

881 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *appapañcaṃ papañceti*. **Mp** giải thích nghĩa là: “Người đó tạo ra sự tăng phóng [*phóng đại, phóng tâm, tăng phóng*] liên quan đến thứ không nên được tăng phóng. Người đó đi theo con đường mà người ta không nên đi.” Chữ *papañca* trong tiếng Pāli (tạm dịch là *tăng phóng, phóng đại*) gọi tả sự *tự-chế của tâm, sự dựng-lên một cách ám muội của tâm, và sự quan-niệm một cách ngu mờ*, mà những luận giảng nói chúng khởi sinh từ/do *dục-vọng, sự tự-ta, và những quan-điểm này nọ* (*taṇhā, māna, diṭṭhi*; ái, ngã mạn, tà kiến). Đối với tôi dường như **Mp** hiểu chữ *appapañcaṃ* là một dạng rút ngắn của chữ *appapañciyaṃ*.

- Luận giảng bên Hán tạng, là **SĀ 249** [ở **T II 60a16–20**] rằng: “Nếu một người [*khẳng định điều gì như vậy về sáu cơ-sở tiếp-xúc*], thì đó chỉ là những lời sáo rỗng (此則虛言). Với sự biến đi, sự phai biến, sự chấm dứt, và sự làm lắng lặn sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì người tu đã từ bỏ cái sự giả-lập trống không (離諸虛偽) và chứng ngộ Niết-bàn.”] (881)

882 [Nguyên văn: *tāvatā papañcassa gati*. **Mp** giải nghĩa là: “Sáu cơ-sở tiếp-xúc vươn xa tới đâu, thì tầm phóng đại [suy đoán] sẽ vươn xa tới đó, được phân biệt theo cách của dục-vọng, những quan-điêm, và sự tự-ta (ái, tà-kiến, ngã-mạn).”] (882)

883 [**Ee** coi kinh này là sự liên-tục của kinh kể trên nên không tính thành 01 kinh riêng. Như vậy tới chỗ này, sự đánh số kinh của **Ee** trùng lại với sự đánh số của **Ce** và **Be**.] (883)

884 [Theo **Mp**: Lời đối thoại ở đây là đề cập [*sự kết-thúc*] chính là *sự chấm-dứt vòng luân-hồi (saṃsāra)*, toàn bộ cái vòng khổ đau (*vaṭṭadukkhassa antakaro hoti, sakalaṃ vaṭṭadukkhamaṃ paricchinnamaṃ parivaṭṭamaṃ katvā tiṭṭhati*).] (884)

885 [Nguyên văn câu cuối: *Carāṇasampanno yathābhūtaṃ jānāti passati. Yathābhūtaṃ jānaṃ passaṃ antakaro hoti*. Câu cuối này khác với câu tuyên bố trước [rằng người tu không thể trở thành người làm nên sự kết-thúc nhờ phương tiện là “trí-biết và phẩm-hạnh” (minh và hạnh)], khác ở chỗ là nó nhấn mạnh “*sự-biết và sự-thấy*” [cộng với hạnh] là những chức-năng *năng động* chứ không nhấn mạnh những sự sở-đắc chủ quan (có này, có nọ) còn nhuộm màu sự chấp-thủ (còn chấp thủ thì không thể diệt khổ hay giải thoát kết thúc vòng luân-hồi).] (885)

886 [Kinh này thực ra là sự sát nhập của 04 kinh AN 2:130—133. So sánh thêm với 02 kinh SN 17:23—24 (Quyển 2).] (886)

887 [Phần lớn nội dung kinh này cũng có trong kinh MN 62, mục 8—11. Coi thêm kinh MN 28 và MN 140 cũng có lặp lại chủ đề của kinh này.] (887)

888 [**Ee** ghi câu *paññāya cittaṃ virājeti* là bị sai. Trong mỗi đoạn của 04 đoạn, chữ *paññāya* ở đây nên được thay thế bằng tên của mỗi yếu-tố (đất, nước, khí, nhiệt).] (888)

889 [“*Sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá thể*” là dịch chữ “*sakkāyanirodham*”: có nghĩa gốc là sự chấm-dứt “*thân-này*”, sự chấm-dứt cái ‘*danh tính*’ này (của mình); (có nghĩa rớt ráo luôn là *sự chấm-dứt sự hiện-hữu, sự không còn hiện-hữu nữa*). **Mp** nói: “*Sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá thể*, đó là, *chấm dứt vòng*

luân hồi hiện-hữu trong ba cõi; nghĩa là = Niết-bàn.”] (889)

890 [Ý nghĩa lời kinh ở đây đã được giảng giải trong **Vibh** 330–31 [**Be** §799], mặc dù trong đó đã giảng giải dựa theo cơ-sở là *trí-tuệ* (*paññā*). Tôi chỉ trích ra ở đây phần nói về tầng thiền định thứ nhất: “(i) Khi nhận-thức và sự chú-tâm có đi kèm bởi tham-dục trong một người tu chứng đắc tầng thiền định thứ nhất, thì trí-tuệ là thuộc về sự suy-đổi; (ii) khi sự chánh-niệm được ổn định đúng theo bản chất của nó, thì trí-tuệ là thuộc về sự ổn-định; (iii) khi sự thâm-nhập và sự chú-tâm có đi kèm bởi ý-nghĩ (tâm), thì trí-tuệ thuộc về sự khác-biệt (phân biệt). Khi nhận-thức và sự chú-tâm có đi kèm bởi sự tỉnh-ngộ [không còn mê-thích, mê-làm], kết hợp với sự chán-bỏ, thì trí-tuệ là thuộc về sự thâm-nhập” (*paṭhamassa jhānassa lābhiṃ kāmasahagatā saññāmanasikārā samudācaranti hānabhāginī paññā; tadanudhammatā sati santiṭṭhati thitibhāginī paññā; avitakkasahagatā saññāmanasikārā samudācaranti visesabhāginī paññā; nibbidāsahagatā saññāmanasikārā samudācaranti virāgupasamhitā nibbedhabhāginī paññā*). — Cách giải thích tương tự cho các tầng thiền định cao hơn.] (890)

891 [Nội dung kinh này cũng được ghi thành một mục trong kinh dài “Đại kinh Bát-Niết-bàn” (*Mahāparinibbāna Sutta*), **DN 16**, mục 4.7.] (891)

892 [*Mahāpadese*: sự tham chiếu lớn. **Mp** giải nghĩa chữ này (i) là = *mahā-okāse* [rõ ràng nó coi chữ ghép này có thể được phân giải là *mahā* + *padese* vậy] và (ii) là = *mahā-apidese*, chữ sau giải thích là “những lý do lớn được nói ra với sự tham chiếu (đề cập) tới những vĩ nhân như Phật và những vĩ nhân khác” (*buddhādayo mahante mahante apadisitvā vuttāni mahākāraṇāni*). Sự phân giải thứ hai (ii) này chắc chắn đáng được chọn hơn. Trong số các nghĩa của chữ *apadesa*, **DOP** đưa ra các nghĩa là “sự chỉ định, sự chỉ ra, sự tham chiếu, sự chứng thực, sự thẩm quyền”. *Cattāro mahāpadesā* đôi lúc được dịch là “bốn sự thẩm quyền lớn”, nhưng bài kinh thực ra chỉ mô tả 02 sự thẩm quyền mà thôi: đó là “những bài kinh” (*sutta*, Kinh tạng) và “giới luật” (*Vinaya*, Luật tạng). Dịch giả Walshe, trong bản dịch bộ kinh **DN**, đã dịch nó là “bốn tiêu chí”. Tôi thì hiểu thuật ngữ này có nghĩa là “bốn sự tham chiếu”, tức là bốn xuất-xứ của một giáo lý.] (892)

893 [Nguyên văn cả câu này: *Tāni padabyañjanāni ... sutte otāretabbāni vi-*

naye sandassetabbāni. **Mp** đã đưa ra nhiều nghĩa khác nhau của chữ *sutte* và *vinaye* ở đây, một số nghĩa không thể phù hợp. ► Rõ ràng lời hướng-dẫn này của Phật cứ như đã giả định trước như phần Kinh Tạng đã được kết tập và phần Luật Tạng đã được hệ thống và có thể được dùng để làm cơ sở thẩm quyền để kiểm chứng những lời kinh do người khác nói có đúng là lời của Phật hay không. Ở đây chữ *otāretabbāni* là thể số nhiều tiến hành cách của chữ *otārenti* (*hạ xuống, đặt xuống, hay đặt vào*) và chữ *otaranti*, ghi kế dưới, có nghĩa là “*xuống, đi xuống, đi vào*”. Ở đây cách dịch 02 chữ này của tôi là “*kiểm tra chúng*” và “*có nằm trong những*” là để cho phù hợp với ngữ cảnh chỗ này. Chữ *sandassetabbāni* là chữ số nhiều tiến hành cách của chữ *sandassenti* (*chỉ ra, cho thấy, làm cho được thấy*) và chữ *sandissanti* có nghĩa là “*được thấy*”.] (893)

- (Nhân tiện, sau khi đọc hết bài kinh, quý vị sẽ thấy: Toàn bộ bài kinh muốn nói, dù ai nói giáo lý được nói bởi Phật, bởi Tăng Đoàn, bởi những cao tăng, hay bởi một cao tăng nào đó, thì người nghe đừng vội tin chắc cũng không vội bác bỏ những lời đó. Thay vì vậy, người học Phật luôn ghi nhận, và sau đó kiểm tra để thấy những điều đó có được ghi lại trong Kinh Tạng hoặc Luật Tạng hay không. Nếu có thì đúng là lời của Phật, nếu không có hay khác thì không phải là lời của Phật. Ở đây nhấn mạnh Kinh Tạng và Luật Tạng là 02 cơ sở thẩm quyền để đối chứng trong 04 trường hợp được nói trong bài kinh).

⁸⁹⁴ [Hai phiên bản Hán tạng của kinh này được ghi với lời kinh rõ nghĩa hơn, đó là là kinh **DĀ 2** [ở **T I** 17b29–18a22]. Ở đây cụm chữ *cattāro mahāpadesā* đã được dịch qua tiếng Hán là 四大教法 (*bốn giáo lý (dhamma) lớn*). Tôi dịch lời tuyên bố thứ nhất của Phật (ở **T I** 17c2–13) như sau: [*“Nếu có một Tỷ kheo nào tuyên bố: ‘Thưa các vị, ở trong làng, phố, xứ đó, tôi đã đích thân nghe được [điều này] từ Đức Phật, tôi đã đích thân nhận được giáo lý này’, thì các thầy không nên không tin điều các thầy nghe được từ người đó, cũng không nên từ chối nó, mà thông qua những bài kinh [Kinh Tạng] để quyết định nó là đúng hay sai; dựa vào phần Giới-Luật [Luật Tạng], dựa vào Giáo Pháp, để dò xét nó kỹ lưỡng. (i) Nếu điều người đó nói không phải là kinh, không phải là Giới-Luật, không phải là Giáo Pháp, thì các thầy nên nói với người đó: ‘Đức Phật không nói điều này. Điều mà thầy nghe nhận được là sai lầm! [Hoặc nói: Thầy đã nghe nhận nó một cách sai lỗi!] Vì lý do gì? Bởi vì dựa vào (căn cứ vào) những bài kinh, dựa vào phần Giới-Luật, dựa vào*

Giáo Pháp, chúng tôi [thấy] rằng điều thầy đã nói là trật khỏi Giáo Pháp. Thưa thầy, thầy không nên đề bạt điều này, thầy không nên truyền bá điều này cho người khác, mà nên dẹp bỏ nó.’ (ii) Nhưng nếu điều người đó nói (đích thực) là dựa vào những bài kinh, dựa vào Giới-Luật, dựa vào Giáo Pháp, thì các thầy nên nói với người đó: ‘Điều thầy đã nói là đích thực được nói bởi Phật. Vì lý do gì? Bởi vì dựa vào (căn cứ vào) những bài kinh, dựa vào Giới-Luật, dựa vào Giáo Pháp, chúng tôi [thấy] rằng điều thầy đã nói là đúng hợp với Giáo Pháp. Thưa thầy, thầy nên đề bạt điều này, thầy nên truyền bá điều này cho người mọi người, không nên bỏ nó.’ Đây là giáo lý (dhamma) lớn thứ nhất.”.] (894)

895 [Chỗ này tôi dịch theo **Ce** và **Ee. Be** thì ghi khác và được dịch là: “Nhưng nếu, khi một người nói về điều mình đã thấy, những phẩm chất thiện lành gia giảm và những phẩm chất bất thiện gia tăng, thì ta nói rằng người đó nên nói về điều mình đã thấy.” - Mỗi điều trong những đoạn sau cũng được nói khác theo cách tương tự vậy.] (895)

896 [Nguyên văn cả câu này là: *Nāhaṃ kvacana, kassaci kiñcanatasmim, na ca mama kvacana, katthaci kiñcanatātthi*. Trong kinh **3:70**, đoạn (2), câu công-thức này đã được dùng bởi những Ni-kiền-tử (những Nigaṇṭha của đạo Jain, Kỳ-na giáo) để tu dưỡng ‘sự phi sở-hữu’. Tôi đọc theo phiên bản **Ce. Be** cũng ghi gần giống y vậy, ngoại trừ có chữ *kvacani* 02 lần đặt trước chữ *kvacana*. **Ee** thì mấy chữ cuối ghi là *kiñcanaṃ n’atthi* thay vì là *kiñcanat’atthi* hay *kiñcanatātthi* (như trong 02 phiên bản kia). Cách ghi này của **Ee** cũng thấy có trong ấn bản chữ Tích Lan cổ (Sinhala), và trong kinh **MN 106**, mục 8 của phiên bản **Be**. Cách diễn dịch của tôi giống theo **Mp, Mp** đã chú giải như vậy: “Đây là sự giảng-giải bốn-lần về tính-không (*catukkoṭisuññatā*). (i) *Ta không là bất cứ đâu (nāhaṃ kvacana)*: (nghĩa là) người đó không thấy cái ‘ta’ (ngã) [của mình] ở bất cứ đâu. (ii) [*Không*] là của-ai hay cái thuộc về ai (*kassaci kiñcanatasmim*): (nghĩa là) người đó không coi cái ‘ta’ của mình là một thực-thể gì để bất cứ ai có thể lấy nó ra, ví dụ không phải là anh, em, bạn hay người làm của-ai cả. (iii) *Cũng không ở bất cứ đâu có bất cứ gì là của-ta (na ca mama kvacana)*: Chỗ này, chúng ta tạm bỏ qua một bên chữ ‘của-ta’ (*mama*). Thì nghĩa của câu sẽ là: ‘Người đó không thấy cái ‘ta’ của người khác ở bất cứ đâu.’ Giờ gắn lại chữ ‘của-ta’, chúng ta có được câu nghĩa như vậy: [*Không là*] [*Bất cứ thứ gì*] ở bất cứ đâu đó là của-ta (*mama kvacana,*

katthaci kiñcanatātthi): (nghĩa là) người đó không thấy: ‘Ở đâu đó có cái ‘ta’ của người khác có thể trở thành *của-ta*.’ Nghĩa là, người đó không thấy bất kỳ cái ‘ta’ nào của người khác trong bất kỳ vị trí (quan hệ) nào có thể được lấy ra thành cái ‘*của-ta*’ của người đó: ví dụ như một người ‘anh’ ở vị trí là ‘anh trai’, một người ‘bạn’ ở vị trí là ‘bạn’, một ‘người làm’ ở vị trí là ‘người làm’.” (Nói nôm na là: Về thực tại không ai là *của-ta* cả (kể cả anh, em, bạn, người làm ... cũng không phải là *của-ta*), bởi vì cũng đâu có cái ‘ta’ nào hay cái ‘ta’ nào là *của-ta* hay *của-ai* khác là một thực-thể hay một cái-gì; tất cả đều là sự trống-không (tính không) và sự vô-ngã.)] (896)

897 [Nguyên văn câu cuối: *Ākiñcaññāmyeva paṭipadaṃ paṭipanno hoti. Mp* diễn dịch rằng: *người đó đang thực hành đường-lối (con đường, cách thức) không có những cản-trở, không có sự nắm-giữ (nippalibodhaṃ niggahaṇameva paṭipadaṃ paṭipanno hoti)*. Tuy nhiên, kinh **MN 106**, mục 8, đã đưa ra công-thức này như một công cụ thiền định để chứng đắc vô sở hữu xứ (*ākiñcaññāyatanam samāpajati*). (vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì] là tầng chứng đắc thứ ba trong 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới).] (897)

898 [Những câu hỏi này và sự trả lời của Phật cũng được ghi dưới dạng thi kệ ở kinh **SN 1:62** (Quyển 1).] (898)

899 [“*Xuất sắc*” ở đây là dịch nghĩa chung cho 02 chữ này. **Mp** nhận dạng cả 02 chữ *ummagga* và *paṭibhāna* này đều có nghĩa = *trí-tuệ (pañña)*: “Sự tinh nhạy là sự trỗi lên, đó là, sự chuyển động của trí-tuệ. Hoặc bản thân trí-tuệ được gọi là ‘sự tinh nhạy’ theo cái nghĩa là sự trỗi lên. Nó [cũng được gọi] là ‘sự nhận biết’ theo cái nghĩa là đang nhận-biết (*ummaggo ti ummujjanam, paññāgamanan ti attho. Paññā eva vā ummujjanatṭhena ummaggo ti vuccati. Sā va paṭibhānatṭhena paṭibhānam*).] (899)

900 [Có sự thay đổi về lời kinh từ chữ *ceteti* trong câu dẫn trước thành chữ *cintamāno cinteti* trong câu này. Khó mà quyết định cho được liệu sự thay đổi này có ý nghĩa gì không? **Mp** không chú giải gì chỗ này, do vậy tôi cũng cho như rằng điều này không quá quan trọng.] (900)

901 [**Mp** nhận dạng đây là thiền sư *Uddaka Rāmaputta*, một trong 02 vị thầy về thiền-định trước kia của Đức Phật, lúc Đức Phật mới xuất gia đi tu. Coi

thêm về những vị thầy thiên định này trong kinh **MN 26**, mục 16.] (901)

902 [Về phần (II), (i) và (ii): **Mp** giải thích mục đích của phần thảo luận ngoài lề này như vậy: “Bà-la-môn (Todeyya) này, bản thân là một người tốt, khen ngợi Vua Eḷeyya, những quan thần của Vua, và tu sĩ Uddaka Rāmaputta. Bởi vì một người xấu giống như một người mù, một người tốt giống như người có mắt sáng. Giống như người mù không nhìn thấy ai là đui mù hay có mắt sáng, một người xấu không biết ai là người tốt hay người xấu. Nhưng, giống như một người có mắt sáng có thể nhìn thấy cả người đui mù và người có mắt sáng, người tốt có thể biết cả ai là người tốt và ai là người xấu. Bà-la-môn [Vassakāra] do nghĩ rằng: ‘Ngay cả (bà-la-môn) Todeyya, bản thân là một người tốt, đã biết ai là những người xấu’, cho nên ông đã hài lòng về điều đó và nói: “Thật đáng ngạc nhiên và kỳ diệu, thưa Thầy Cò-đàm! ...”.] (902)

903 [**Be** và **Ee** ghi câu này là: *sotānugatānaṃ bhikkhave dhammānaṃ*. **Ce** ghi chữ *sotānudhatānaṃ* ở đây và chữ *sotānudhātā honti* kể bên dưới, khác với **Be** và **Ee** đều ghi là *sotānugatā honti*; tuy nhiên, **Ce** lại ghi chữ *sotānugataṃ* trong phần *thi kệ tóm tắt (uddāna)* ở cuối NHÓM. **Mp** (của **Ce**) ghi chữ *sotānugatānaṃ*. **Mp** giải nghĩa là: “Sau khi dụng giác quan tai, một người đã quyết định [nghĩa] bằng tai của sự-biết” (*pasādasotaṃ odahitvā nāṇasotena*

vavatthapitānaṃ). Điều này có lẽ ủng hộ chữ ghi là *sotānudhatānaṃ*, nhưng ngay bên dưới thì **Mp** (của **Be**) giải nghĩa chữ *sotānugatā honti* là = *sotaṃ anuppattā anupaviṭṭhā honti*, điều này lại ủng hộ chữ ghi là *sotānugatānaṃ*. **Mp** (của **Ce**), mặc dù ghi là *sotānugatānaṃ* trong bổ đề của câu trước, lại không nhất quán và ghi ở đây là chữ *sotānudhatā honti*. Như vậy là, một số phiên bản bài kinh đã lộ ra rằng bản thân những người biên tập kinh cũng không chắc-chắn về cách ghi chữ nào là đúng. Chỗ lời kinh này không có trong phiên bản Hán tạng.] (903)

904 [Câu này rất là nan giải về cả chữ và nghĩa. (1) Thứ nhất, về chữ: câu này tôi đọc theo **Ce** là: *tassa tattha sukhino dhammapadāpilapanti*. Tôi phân giải được chữ *dhammapadāpilapanti* là một chữ-ghép theo âm (*sandhi*) được tạo thành từ chữ *dhammapadā* và chữ *apilapanti*, có nghĩa là “tụng, đọc lại, phát âm”. Động từ này có thể là một dạng biến tấu của chữ *abhilapanti* [coi **DOP**, mục chữ *apilapati*]. **Be** thì ghi câu này là: *tassa tattha sukhino dhammapadā*

plavanti. **Ee** thì ghi là: *dhammapadāni pi lapanti*, với sự cách riêng 02 chữ *pi* và *lapanti*, trông có vẻ không thể chấp chận được. Trong một bài viết ngắn về đoạn kinh này, học giả Norman (1992: 257–59) có ý kiến rằng động từ *apilapanti* = *abhi* + *lapanti*. Phiên bản **Be** ghi chữ *plavanti* rõ ràng là lấy động từ từ chữ gốc là *plu*, có nghĩa là “nổi lên”, có lẽ thông qua chữ *pilavanti*.

- (2) Vấn đề thứ hai, về nghĩa, khởi sinh từ cụm chữ *tassa tattha sukhino*. Chữ *sukhino* có thể là một danh-từ chỉ định phẩm chất số ít hay là một chủ-từ số nhiều, và như vậy cụm chữ có thể được phân giải ra nghĩa là (i) “đối với vị ấy là một người hạnh-phúc ở đó” [với *tassa* và *sukhino* là những danh-từ chỉ định số ít đều cùng bỏ nghĩa cho một chủ-từ], hoặc ra nghĩa là (ii) “đối với vị ấy, có những bậc hạnh-phúc ở đó” [với *tassa* bỏ nghĩa cho người được tái sinh, và *sukhino* là một danh-từ chỉ định số nhiều bỏ nghĩa cho những người đã có ở đó]. Sự nối kết của các cụm chữ với những chữ nào sau đó thì sẽ cho ra những nghĩa tương ứng khác nhau. **Mp** (của **Be**) đã chọn cách thứ nhất, lấy chữ *dhammapadā* là chủ-từ chỉ danh, *plavanti* là động từ, và *tassa sukhino* là vị-ngữ (đối tượng) chỉ định gián tiếp, cho ra nghĩa là: “Những đoạn lời (kinh) Giáo Pháp nổi lên đối với vị ấy là người hạnh-phúc ở đó”. Luận giảng **Mp** (của **Be**) đã chú giải về cụm chữ này theo nghĩa (i) này, nó ghi chú giải rằng: “Đối với một người tái sinh là người bị mờ-rối trong tâm (thất niệm), thì những giáo lý trong những lời của Phật mà người đó đã từng tụng đọc trước đó, được cảm rĩ trong những lần tụng đọc chúng trong quá khứ (khi còn là người), tất cả lại nổi lên và được nhận ra một cách rõ ràng, giống như những hình ảnh trong một cái gương sạch.” - **Mp** (của **Ce**) thì, rất thú vị là, có ghi lại bổ đề là *dhammapadāpilapanti*, và ghi chú giải như vậy: *te sabbe pasanne ādāse chāyā viya apilapanti upatṭhahanti*. Tôi cho rằng động từ *apilapanti* được đưa vào ở đây là bởi vì bản gốc của **AN** bằng tiếng Tích Lan cổ (Sinhala) đã giữ nguyên động từ nguyên gốc, rồi du nhập nó trở lại trong luận giảng để thay thế chữ *plavanti* hay *pilavanti*. Nếu không phải vậy thì khó mà giải thích được cho chữ *plavanti* trong phiên bản **Be**. **Mp** (của **Ce**) cũng chứa động từ *upatṭhahanti*, có nghĩa là “[chúng] hiện ra đối với ...”, chữ này bị mất đi trong phiên bản **Be**, có lẽ do sự vô ý sơ xuất khi kết tập. Động từ này rõ ràng được dùng với chủ ý là một sự giải nghĩa về chữ *apilapanti* / *plavanti*.

- Tôi đã bỏ qua **Mp** và làm theo học giả Norman trong việc lấy chữ *tassa* và *sukhino* để chỉ những cá nhân khác nhau: *tassa* là vị-ngữ chỉ định gián tiếp và

sukhino là chủ-từ chỉ danh số nhiều. Tôi lấy động từ là động từ tha cách *apilapanti* (= *abhilapanti*) với vị-ngữ (đối tượng) trực tiếp của nó là *dhammapadā*. Norman [trang 259] khẳng định những danh từ vô tính ở thể số nhiều đối cách thường kết thúc bằng chữ *-ā*. Do vậy tôi hiểu dòng chữ này có nghĩa là “*những bậc hạnh-phúc—chính là những thiên thần ở cõi trời đó—tụng lại những đoạn lời kinh Giáo Pháp cho người đó*”—*người đó* là người mà bài kinh đang nói tới, là người (qua đời khi bị mờ-rối trong tâm) mới tái sinh trong cõi trời đó.] (904)

905 [Chỗ này và kẻ dưới, tôi đọc theo cách ghi của **Ce** và **Be** là *purimavohārā pacchimavohāraṃ*.] (905)

906 [Tôi dịch thoáng chỗ này để cho phù hợp với nghĩa của ngôn ngữ dịch. Nguyên văn Pāli là: *tathābhūto kho ayam lokasannivāso tathābhūto ayam attabhāvapaṭilābho*, nghĩa theo chữ là: “*Sự sống trong thế gian vốn có một bản chất như vậy, sự đạt được sự hiện-hữu cá thể vốn có một bản chất như vậy ...*”.] (906)

907 [Lời đôn đại như vậy cũng có ghi trong kinh **SN 42:13** (Quyển 4). Còn trong kinh **MN 56**, mục 8, thì lời ‘buộc tội’ này là xuất phát từ những Ni-kiền-tử (theo đạo Jain; tức Kỳ-na giáo).] (907)

908 [Đoạn kinh mẫu này là giống lời Đức Phật khuyên dạy *những người Kālāma* trong kinh **3:65**. Phần những câu hỏi-đáp cũng giống như kinh đó, nhưng có thêm phần (4) nói về động-cơ bất thiện [= sự thái-quá]. (Về ý nghĩa lời dạy, mời coi lại thêm chú thích 458 của kinh **3:65**).] (908)

909 [Về chữ “*sự thái-quá*” (quá đáng, dữ dội) là tạm dịch chữ *sārambha*: **BHSD** định nghĩa chữ *sārambha* là “*sự om sòm, cãi cọm tranh cãi*” và nối kết nó với chữ tiếng Phạn là *saṃrambha*, mà **SED** dịch là “*hành vi nắm giữ hay nắm lấy, giữ chặt*” và cho ra nghĩa là “*sự ghét bỏ, sự giận dữ, sự phẫn nộ đối với (ai, cái gì)*”. Do trong bài kinh này đang nói về sự *sārambha* đang xảy ra trong hành-động, lời-nói, và tâm-ý, nên tôi tạm dịch nó là *sự thái-quá* (quá đáng, quá mức, dữ dội).”] (909)

910 [**Ce** ghi là *lobhaṃ vineyya vineyya viharanto*, và như vậy trong liên hệ với *sân, si, tính thái-quá (dosa, moha, sārambha)* tôi đã cố ‘bắt’ nghĩa này là

“một cách liên tục, luôn luôn, hằng hữu, thường trực” mặc dù nghĩa chữ “một cách lặp đi lặp lại” cũng đúng. **Be** và **Ee** chỉ đơn giản ghi là *lobhaṃ vineyya viharanto.*] (910)

911 [Đoạn này giống tương tự trong kinh **MN 56**, mục 26, do gia chủ Upāli nói với giáo chủ Ni-kiền-tử Nātaputta khi ông từ bỏ đạo Ni-kiền-tử để quy y theo Đức Phật.] (911)

912 [Chữ *sace ceteyyūṃ* (nếu chúng có thể chọn) có ghi trong phiên bản **Ce** và **Ee**, nhưng không có ghi trong **Be**.] (912)

913 [Nguyên văn câu này: *Pārisuddhipadhāniyaṅgāni*. Tôi dịch cụm chữ ghép này theo cách giải nghĩa của **Mp** là: *pārisuddhiatthāya padhāniyaṅgāni.*] (913)

914 [Nguyên văn cả câu này: *Sīlapārisuddhipadhāniyaṅga, citta-pārisuddhipadhāni-yaṅga, diṭṭhipārisuddhipadhāniyaṅga, vimuttipārisuddhipadhāni-yaṅga. Sīlavissuddhi, cittavissuddhi, và diṭṭhivissuddhi*; 04 sự thanh-lọc này nằm trong *07 Sự Thanh-Lọc (satta visuddhi)* đã được ghi trong kinh **MN 24**; *07 sự thanh-lọc* này đã được dùng làm cái “khung sườn” cho bộ luận *Con-Đường Thanh-Lọc*, tức *Thanh Tịnh Đạo (Vism)*. 04 sự thanh-lọc này cũng nằm trong “*09 pārisuddhipadhāni-yaṅgāni*” theo như kinh **DN 34**, mục 2.2, trong đó chúng đều nói kết với chữ *visuddhi*; ví dụ: *sīlavissuddhipārisuddhipadhāni-yaṅgaṃ*. ► Điều thú vị là không có kinh nào nói về “*07 sự thanh-lọc*” được kết tập trong *Quyển “Bảy”* của bộ kinh **AN** này cả! Điều này cho thấy khuôn-mẫu (*bảy sự thanh-lọc*) đó đã ra đời vào hậu kỳ trẻ hơn sau này, và kinh **MN 24** có lẽ cũng có nguồn gốc hậu kỳ như vậy.] (914)

915 [Nguyên văn câu cuối: *Tattha tattha paññāya anuggahessāmi*. **Mp** diễn dịch nghĩa là: “Về mặt này hay mặt khác tôi sẽ trợ giúp thêm cho nó bằng trí-tuệ của sự minh-sát (*vipassanāpaññāya*).”] (915)

916 [Theo các bộ *Nikāya*, *trí-biết trực tiếp* về Bốn Diệu Đế đánh dấu sự chứng ngộ quả Nhập-lưu, cho nên “*sự thanh-lọc cách-nhìn*” ở đây có thể được nhận dạng là *trí-tuệ của bậc Nhập-lưu*. Nhưng điều này vẫn bị trái ngược với khuôn-mẫu của *Thanh Tịnh Đạo (Vism)*, trong đó *sự thanh-lọc cách-nhìn*

(*ditṭhivissuddhi*) mới chỉ là sự thanh-lọc thứ ba trong “07 sự thanh lọc”. **Vism** giảng giải *sự thanh-lọc cách-nhìn* chỉ là *sự hiểu rõ về những hiện-tượng vật chất (sắc) và tâm (danh) (nāmarūpavavattāna)*, nó cũng được gọi bằng thuật ngữ là *sự phân-định những hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi) (saṅkhāra-paricccheda)*. Theo khuôn-mẫu của **Vism**, sự chứng đắc Nhập-lưu [và những chặng thánh đạo cao hơn] chỉ xảy ra khi có sự thanh-lọc thứ bảy, đó là *sự thanh-lọc sự-biết (trí) và tầm-nhìn (kiến) (ñāṇa-dassana-visuddhi)*.] (916)

917 [Riêng cái “*sự thanh lọc sự giải-thoát*” này là không có trong khuôn-mẫu của *Thanh Tịnh Đạo (Vism)*, nhưng dường như nó có thể được coi là chỗ chung-kết hay đỉnh-điểm của “*sự thanh lọc sự-biết và sự-thấy*” (trí-biết và tầm-nhìn).] (917)

918 [Câu này dường như là một giáo lý của những người theo đạo Jain (Kỳ-na giáo, Ni-kiền-tử), là những người tu theo kiểu tự hành xác, để tẩy rửa nghiệp quá khứ. Coi thêm giáo lý này được nói bởi ông Ni-kiền-tử (Nātaputta) [tức ông Mahāvīra (Đại Thiên)] là giáo chủ giáo phái này trong kinh **3:74**.] (918)

919 [Nguyên văn câu dài này: *So navañca kammaṃ na karoti, purāṇaṃ ca kammaṃ phussa phussa vyantīkaroti*. Coi câu tương tự ở kinh **3:74**, đoạn (1) và chú thích 499 của nó. Sự diễn giải của **Mp** trong chú thích ở đây có khác chút ít so với chú thích đó; như vậy: “*Sau khi đã tiếp xúc nghiệp nhiều lần lặp lại bởi sự tiếp-xúc bằng sự-biết (trí), người đó tiêu diệt nghiệp vốn được loại bỏ bởi phương tiện là sự-biết. Sau khi đã tiếp xúc quả nhiều lần lặp lại bởi sự tiếp-xúc với quả, người đó tiêu diệt nghiệp vốn được loại bỏ bởi [sự ném trái] quả.*”

- (Lưu ý: chữ “*chảy vào*” là chỉ *những ô-nhiễm* bên ngoài chảy vào thân. Chữ *ô-nhiễm* (lậu hoặc) là *āsava*, nghĩa gốc là những dòng *chảy-vào* và *chảy-ra* ở tâm).

- (Nhân tiện, lời đoạn kế tiếp mô tả về *sự phai-mòn* là lời đoạn mẫu quen thuộc dùng để mô tả về Giáo Pháp của Phật.)] (919)

920 [**Mp** diễn dịch: “Bởi vì vị đó đã đạt được sự buông-xả được bao bọc bởi sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác), và có sự cân-bằng của tâm là đặc tính của sự buông-xả, cho nên ‘*vị đó an trú buông-xả*’, tâm luôn cân bằng trong

liên quan với những đối-tượng đó” (*satisampajaññapariggahitāya majjhattākāra-lakkhaṇāya upekkhāya tesu ārammaṇesu upekkhako majjhatto hutvā viha-rati*.)] (920)

921 [(Đoạn kết này cũng là đoạn mẫu có trong nhiều kinh khác). Câu cuối này cho thấy thái độ của một A-la-hán đối với sự trải-nghiệm hiện tại. Vị đó biết rằng những cảm-giác của mình chỉ tiếp tục khi thân và sức-sống còn tiếp tục, và rằng với sự hoại-tử của thân và sự tắt-đi của sức-sống, tất cả mọi cảm-giác sẽ đi đến chấm dứt. **Mp** chú giải thành ngữ “*sẽ trở thành nguội mát ngay tại đây*” (*idh’eva sītībhavissanti*) như vậy: “Chúng sẽ trở nên nguội-tắt, là không còn (văng bật) sự quấy nhiễu và phiền rối gây ra bởi sự diễn-ra [của tiến trình sự sống]; chúng sẽ không bao giờ tái diễn-ra. [Trạng thái này xảy ra] ngay tại đây chứ không có sự-đi của người đó tới bất cứ đâu theo cách của sự (còn) tái-sinh nào nữa.”] (921)

922 [**Mp** diễn dịch về ví dụ này như vậy: “Theo ví dụ đã dùng: *Thân* được ví như gốc cây. Những *nghiệp thiện và bất thiện* ví như cái bóng do có gốc cây mà có. *Người tu thiền* giống như người muốn loại bỏ cái bóng; *trí-tuệ* ví như cái xẻng; *sự định-tâm* giống như cái rổ đựng; *sự minh-sát* giống như cái cuộc chim [*khaṇitti*, nhưng chữ này không được ghi trong bài kinh]; **DOP** định nghĩa cái xẻng (*kuddāla*) và cái cuộc chim (*khaṇitti*) là công cụ đào bứng. Thời gian đào bứng rễ bằng cuộc chim giống như thời gian *cắt bỏ vô-minh* ở chặng thánh-đạo A-la-hán vậy. Thời gian chặt gốc cây thành từng miếng nhỏ giống thời gian *nhìn thấy năm-uẩn*; thời gian bằm nhỏ chúng ra giống thời gian *nhìn thấy những cơ-sở cảm-nhận* (sáu xứ); thời gian bằm nát chúng ra giống như thời gian *nhìn thấy những yếu-tố* (các giới). Thời gian phơi khô chúng trong nắng và gió giống như thời gian *vận dụng sự nỗ-lực của thân và tâm*. Thời gian đốt chúng trong lửa giống như thời gian *thieu đốt những ô-nhiễm bằng sự-biết [trí]*. Thời gian đốt chúng thành tro vẫn còn giống như thời gian *khi năm-uẩn vẫn còn diễn ra* [tức năm-uẩn vẫn còn đó sau khi người tu đã thành A-la-hán]. Thời gian quăng tro theo gió mạnh hay rải xuống dòng sông chảy xiết để bị cuốn đi giống như *sự chấm-dứt năm-uẩn*, nó bị cắt bỏ tận gốc gác để không còn khởi sinh trở lại trong tương lai. Giống như tro bị cuốn đi tới một trạng thái nào đó *không thể nhận-biết được* (không thể nghĩ bàn) (*apaññattibhāvūpagamo*), người tu hiểu được trạng thái *không thể mô-tả được* (*appañattibhāvo*) [đã đạt tới] nhờ sự không còn khởi sinh

năm-uẩn hệ quả (do nghiệp quả) trong một sự hiện-hữu mới nào nữa.”] (922)

923 [*Sự vượt qua dòng-lũ (oghassa nittharāṇa)* là chữ ẩn dụ cho *sự vượt qua vòng luân-hồi (saṃsāra)*, tức là sự tẩy sạch những ô-nhiễm. 02 Hai phương tiện mà ông Sālha nói ra là *sīlavisuddhi* và *tapojigucchā*. *Sự khổ-hạnh* là dịch chữ thứ hai; chữ thứ hai này chứa 02 nghĩa là *sự sống khổ-hạnh* và *sự tự hành-xác* vốn đã bị phê phán bởi Đức Phật khi Phật khai giảng về *con đường trung-đạo* (như trong bài kinh đầu tiên, *Kinh Chuyển Pháp Luân*). Khi trả lời ông Sālha chỗ này, Phật chấp nhận phương tiện là *sự thanh-lọc giới-hạnh* là một chi phần của *đời sống tu-sĩ (sa-môn hạnh, sāmāññaṅga)*, nhưng Phật từ chối *sự sống khổ-hạnh* và *sự tự hành-xác*.] (923)

924 [*Về sự cốt-lõi của đời tu và những sự thực-hành*, mời đọc thêm lại kinh **3:78** và chú thích 506 ở đó.] (924)

925 [**Mp** giải thích sự chánh-định được nói ở trên là sự định-tâm của đạo và quả. Sự chánh-kiến là chánh-kiến của đạo; sự đề cập tới Bốn Diệu Đế là chỉ 04 thánh đạo và 03 thánh quả. Sự chánh giải-thoát là sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán. Khỏi ‘vô-minh’ bị phá vỡ bởi thánh đạo A-la-hán, đó là chặng một đệ tử đạt tới trước khi người đó chứng đắc sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán. - Tôi cho rằng bài kinh này được kết tập trong *Quyển “Bốn”* do dựa theo 04-sự là: (i) sự thanh-lọc giới-hạnh [của thân, lời-nói, tâm, và sự muru-sinh], (ii) sự chánh-định, (iii) sự chánh-kiến, và (iv) sự chánh giải-thoát. Tuy nhiên, bản thân bài kinh không nói rõ về điều này và do vậy sự đếm số 04-sự của tôi cũng chỉ là giải thiết mà thôi.] (925)

926 [Hoàng hậu Mallikā là vợ của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tát-la).] (926)

927 [Nội dung kinh này cũng có trong kinh **MN 51**, mục 8–28.] (927)

928 [Lời diễn đạt này cũng có ở cuối kinh **3:66** và chú thích 463 ở đó.] (928)

929 [Từ chỗ này liệt kê những kiểu tự hành hạ thân xác y hệt như đoạn (2) của kinh **3:156**; (cũng được ghi trong các **DN 8**, mục 14; và **MN 12**, mục 45.) (929)

930 [Chỉ riêng **Be** có ghi thêm nghề *goghatako*: người giết mổ trâu bò.] (930)

931 [Y hết chú thích số 481 ở phần (V), đoạn (vi) của kinh **3:70**: [Nguyên văn: *ekabhattika*. Chữ này có thể dịch là “*ăn trong một phần hay một thời của ngày*”. **Mp** giải thích là: “Có hai bữa [thời, lúc] cơm, bữa [lúc] sáng và bữa [lúc] chiều tối. Bữa [thời] sáng kết thúc lúc giữa trưa (ngọ); bữa [thời] chiều tối kéo dài từ sau giữa trưa cho đến rạng sáng hôm sau. Do vậy ngay cả ai có ăn 10 lần (từ sáng đến) trước giờ trưa (ngọ) thì cũng được cho là ăn một bữa [một lần, một thời] trong một ngày.”.] (931)

932 [**Mp**: “Dục-vọng (ái) được gọi là *bầy cảm dõ* (*jālinī*) vì nó giống như bầy lưới giăng. Vì (mạng) lưới được đan chặt và thắt chéo khắp lẫn nhau, cũng giống như dục-vọng (giăng chặt giăng chéo khắp mọi ngõ sự sống). Hoặc nó được gọi là *bầy cảm dõ* vì nó là lưới giăng đầy khắp 03 cõi giới hiện-hữu. Dục-vọng là *chảy khắp nơi* (*saritā*) vì nó chảy và chảy tới mọi ngõ chỗ này chỗ nọ (của sự sống). Dục-vọng là *ở khắp nơi* (*visaṭā*) vì nó trải rộng và lan tỏa khắp nơi. Và dục-vọng là *dính dai* (*visattikā*) bởi vì nó dính vào, nó dính mắc, dính líu, dính buộc, trói buộc khắp chỗ này chỗ nọ.”.] (932)

933 [Tôi dịch những cụm chữ này—một số chữ tối nghĩa khó hiểu—với sự trợ giúp của **Mp**. “*Liên quan với bên-trong*” (*ajjhattikassa upādāya*) có nghĩa liên quan với (thân) *năm-uẩn* của một mình.] (933)

934 [“*Liên quan với bên-ngoài*” (*bāhirassa upādāya*) có nghĩa liên quan với *năm-uẩn* ở bên ngoài.] (934)

935 [**Mp** nói rằng: chữ “*vì do cái này*” (*iminā*) nên được hiểu có nghĩa là “*vì thân sắc này ... vì cảm-giác này ... vì thức này*” (*iminā rūpena vā ... pe ... viññāṇena*). Đoạn này cũng tối nghĩa khó hiểu và tôi không chắc **Mp** đã đoán đúng nghĩa gốc của nó như vậy hay không. “*Vì do cái này*” có thể có nghĩa là “*vì do một thượng đế tạo hóa*”, hoặc “*vì do vấn đề ngẫu nhiên bất ngờ, không phải từ nguyên thủy*”, hoặc “*vì do tình cờ, do cần phải vậy...*” ... vân vân.] (935)

936 [Tôi không nhìn thấy lý do vì sao bài kinh này đã được kết tập trong *Quyển “Bốn”* này. Chắc có lẽ người ta chỉ dựa vào 04 tính từ mô tả về dục-vọng, tức 04 cụm từ nằm giữa hai dấu “—” (như người dịch đánh dấu (i)-(iv)

ở đoạn cuối), nhưng đây cũng chỉ là giả thuyết của tôi.] (936)

937 [**DOP** định nghĩa động từ *usseneti* là: *tạo thành sự kết nối [với], dính lúu với*”, nhưng **Mp** thì giải nghĩa nó là = *ukkipati*, chữ này **DOP** nói có thể có nghĩa là “quăng lên, đưa lên; nâng lên, lấy lên, cầm lên; đề cao, tán dương.” Cái theo sau 20 *quan-điểm có sự hiện-hữu cá nhân* (thân kiến; *sakkāyadiṭṭhi*) là quan-điểm có một cái ‘ta’ (ngã) có thật trong liên hệ với năm-uẩn. Có 04 kiểu trong liên hệ với mỗi uẩn.] (937)

938 [Có những cách ghi khác nhau giữa các phiên bản: **Ce** ghi: *apajjhāyate*, **Be**: *sampajjhāyati*, **Ee**: *pajjhāyati*. **Ee** bỏ mất đoạn này nhưng có ghi đoạn sau; điều này có thể coi là sự sai sót khi biên tập chứ không phải là nguyên thủy của **Ee** ghi khác so với các phiên bản kia.] (938)

939 [Theo chú thích 656 ở kinh **4:23**, đoạn (1): *thứ được nhìn thấy (diṭṭha)* là cơ sở hình-sắc nhìn thấy được (sắc xứ); *thứ được nghe thấy (suta)* là cơ sở âm-thanh (thanh xứ); *thứ được cảm thấy [cảm nhận] (muta)* là gồm các cơ sở mùi-hương, mùi-vị, và những cảm-nhận chạm xúc (hương, vị, xúc xứ); và *thứ được nhận biết hay nhận thức*. – (Nhân tiện, các kinh 4:250-253 cũng nói 04 điều tương tự trong các kinh 4:217-218 và 4:227-228).] (939)

940 [Nguyên văn 04 loại thi sĩ này trong tiếng Pāli là: *cintākaṇṇī, sutakavi, atthakavi, paṭibhānakavi*. **Mp** nói loại thứ nhất làm ra bài thơ/ thi kệ *sau khi suy xét quán chiếu*; loại thứ hai viết ra thi kệ *dựa trên câu chuyện được kể*; loại thứ ba viết ra thi kệ *dựa theo thông điệp truyền dạy*; và loại thứ tư viết ra thi kệ *do tự mình ngẫu hứng viết ra*, giống như Tỳ kheo trưởng lão Vāṅgīsa vậy.] (940)

941 [Coi thêm kinh **MN 57**, mục 7–11.] (941)

942 [Ở đây, một “*sự tạo-tác của/bằng thân gây khổ đau*” (*thân hành khổ*) (*sabyāpajjham kāyasankhāram*) có thể hiểu là *sự cố-ý* (tư, *cetana*) chịu trách nhiệm cho 03 *đường thân-nghiệp bất thiện*; “*sự tạo-tác của/bằng lời-nói gây khổ đau*” (*khẩu hành khổ*) là *sự cố-ý* chịu trách nhiệm cho 04 *đường khẩu-nghiệp bất thiện*; và “*sự tạo-tác của/bằng tâm gây khổ đau*” (*tâm hành khổ*) là *sự cố-ý* chịu trách nhiệm cho 03 *đường ý-nghiệp bất thiện*.] (942)

943 [Đây là chi: 10 đường nghiệp thiện cùng với sự cố-ý (tư) thuộc những tầng thiên định sắc-giới (*jhāna*).] (943)

944 [Đây là chi: những cõi thiên thân cao hơn.] (944)

945 [Nguyên văn: *devā subhakinhā*. Đây là những thiên thân sống ở hạng cõi trời cao nhất tương ứng thuộc tầng thiên định thứ ba (Tam thiên).] (945)

946 [Mp nói đây là: “Sự cố-ý (tư) của thánh đạo dẫn tới sự chấm-dứt cái vòng (luân hồi) (*vivaṭṭagāminī maggacetanā*).] (946)

947 [Mp nói rằng “những giáo phái khác” là chỉ những giáo phái có 62 tà-kiến [được ghi trong kinh MN 63, mục 30-64], họ không có 12 loại sa-môn: gồm 04 loại đã chứng thánh quả, 04 đang tu tập những thánh đạo để chứng đắc thánh quả, và 04 đang tu tập sự minh-sát [quán tuệ] để chứng đắc những chặng thánh đạo đó.] (947)

948 [*Adhikaraṇaṃ vūpasantaṃ* (những vấn đề thuộc về giới-luật). Về cụm chữ này, mời coi lại chú thích 231 ở kinh 2:15.] (948)

949 [Những tội-lớn nhất [tội *pārājika*, tội ba-la-di] là những tội nghiêm trọng nhất. Đối với những Tỳ kheo, những tội lớn đó gồm 04 tội dẫn tới bị trục xuất khỏi Tăng Đoàn, đó là: tội dâm-dục, tội gian-cấp [tùy theo mức độ bị xử lý theo giới luật], tội giết-người, và tội cố tình tuyên bố sai về sự chứng đắc của mình. Đối với những Tỳ kheo ni thì có áp dụng thêm 04 tội lớn nữa. Cách duy nhất để một người đã phạm một tội lớn nhất này có thể “tu sửa đúng theo Giáo Pháp” là thú nhận tội và từ bỏ danh phận của mình, tức không còn là một ‘Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã được thụ cụ túc giới’. Để hiểu rõ hơn về những tội này, mời coi thêm giảng giải của nhà sư Ṭhānissaro, ở Ṭhānissaro 2007a, Chương 4.] (949)

950 [Lời kinh ở đây dùng chữ *bhante*, nghĩa gốc là “ngài, quý ngài, bậc trên”. ► Như vậy cho thấy chữ này không phải chỉ được dùng để gọi những Tỳ kheo (các sư phụ, sư huynh, trưởng lão, cao tăng ...) mà cũng dùng để gọi những người thường khác có vị trí cao hơn mình (như ngài, quý ngài, quý vị ...). Do vậy ở đây dịch chung là “quý vị”.] (950)

951 [*Những tội-lớn nhì [saṅghādisesa, tội tăng tàng]* là những tội lớn nhì (sau những tội *pārājika* ở trên là những tội lớn nhất; người dịch Việt tạm dịch như vậy). Đối với những Tỳ kheo, những tội này gồm có: *tội cố ý xuất tinh, tội đụng chạm phụ nữ với cái tâm nhục dục, tội nói lời tục tĩu gọi dục với một phụ nữ, tội vu khống một Tỳ kheo đức hạnh đã phạm tội lớn nhất hay lớn nhì hay tội khác ...* Sự khôi phục khỏi tội này là một thủ tục phức tạp đòi hỏi phải có những sự cuộc họp-mặt chính-thức của Tăng Đoàn (để phân xử và quyết định). Để hiểu cặn kẽ hơn về những tội này, mời đọc thêm giảng giải của nhà sư Ṭhānissaro, ở **Ṭhānissaro 2007a**, Chương 5.] (951)

952 [Đây là hình phạt *đội bao tro lên đầu*. **Ce** và **Ee** ghi là *assaputaṃ*; **Be** ghi là *bhasmaputaṃ*. **Mp** giải thích: “[Việc làm của người đó] đáng bị hình phạt bằng một bao tro nhục nhã đáng tội để trên đầu” (*garahitabbachārikāpuṭena matthake abhighātārahaṃ*).] (952)

953 [*Những tội lớn nhẹ [pācittiya, tội ba-dật-đề]* là hạng những tội lớn nhẹ có thể được xóa bỏ thông qua việc thú tội hay sám hối với một tu sĩ đồng đạo. Như những tội *nissaggiya-pācittiya*, là những tội cũng đòi hỏi thêm sự từ bỏ một thứ (đồ dùng) không phù hợp, cũng thuộc hạng mục những tội nhẹ này. Để hiểu cặn kẽ hơn về các tội, đọc giảng giải của nhà sư Ṭhānissaro, ở **Ṭhānissaro 2007a**, Chương 7 và 8.] (953)

954 [*Những tội nhỏ nhẹ hơn [pāṭidesanīya]* là hạng những tội nhỏ nhẹ có thể được xóa bỏ thông qua sự thú tội, sám hối. Để hiểu cặn kẽ hơn về những tội này, mời đọc thêm giảng giải của nhà sư Ṭhānissaro, ở **Ṭhānissaro 2007a**, chương 9.] (954)

955 [Nguyên văn câu này: *Sikkhānisamsam idaṃ bhikkhave brahmacariyaṃ vussati paññuttaraṃ vimuttisāraṃ satādhigateyyaṃ*. Trong những kinh AN sau này cũng dùng những ẩn dụ như vậy [kinh **8:83, 9:14, 10:58**], nhưng trong các kinh đó *sự chánh-niệm* được đặt đứng trước *trí-tuệ* và *sự giải-thoát*; chỉ riêng ở kinh này thì thứ tự được đảo ngược lại, tức *sự chánh-niệm* được đặt ở sau cùng như vậy.] (955)

956 [Nguyên văn chữ cuối: *ābhisamācārikā sikkhā* (*những giới-luật về hành-xử hợp quy*). **Mp** giải nghĩa: “Đây là chữ để gọi loại giới-hạnh được quy định

theo cách những bốn-phận” (*vattavasena paññattisīlass’etaṃ adhvacaṇaṃ*). Các luận giảng thường đưa ra sự tương phản rạch ròi giữa (i) phần giới-hạnh tự nhiên (*pakatisīla*), tức dạng giới-hạnh dựa trên ý nghĩa (kiêng cử) về đạo đức và (ii) phần giới-hạnh dựa trên sự quy định [*do quy định thêm*] (*paññattisīla*) xuất phát từ những điều giới luật quy định về sự hành-xử [cư xử, thái độ, hành vi] vốn không thuộc về mặt đạo đức. Ví dụ: (i) những điều giới luật về cấm sát-sinh, gian-cấp ... là thuộc phần giới-hạnh tự nhiên (thuộc về đạo đức); (ii) còn những quy định cấm ăn sau giờ trưa, không nhận và cất giữ tiền bạc, không thọc lét những Tỳ kheo khác ... là thuộc phần giới-luật về hành-xử hợp quy [dựa theo quy định, được quy định thêm]. Chữ *ābhisam-ācārikā sikkhā* tạm dịch là phần giới-luật về hành-xử ‘theo quy định’, thường được ghi và dịch một cách thuật ngữ là ‘hợp quy’.] (956)

957 [Mp nói: “Đây là cách gọi bốn loại điều giới luật chính, là nền tảng cho đời sống tâm linh của đạo” (*maggabrahmacariyassa ādibhūtānaṃ catunnaṃ mahāsīlānaṃ etaṃ adhvacaṇaṃ*). Cho dù Mp dường như chỉ coi loại giới-hạnh này là 04 tội nặng lớn [*pārājika*, ba-la-di], nhưng chắc chắn nó bao gồm nhiều điều luật tu hành hơn nữa trong số những hạng tội khác. (Có thể cụm chữ này hàm chỉ cả *Tứ Phần Giới Luật*).] (957)

958 [Mp không giải thích theo nghĩa nào mà chữ *paññā* được gọi là *uttarā*, nhưng giải nghĩa là: “Chúng được nhìn thấy rõ bởi trí-tuệ của đạo cùng với minh-sát” (*sahavipassanāya maggapaññāya sudiṭṭhā honti*).] (958)

959 [Mp diễn dịch là: “Họ chứng nghiệm bằng trí-biết mang tính thực chứng của sự giải-thoát của quả A-la-hán” (*arahattaphalavimuttiyā ñāṇaphassena phutṭhā honti*).] (959)

960 [Mp nói rằng đoạn này là chỉ trí-tuệ của sự minh-sát hay quán-tuệ (*vipassanāpaññā*).] (960)

961 [Như chú thích 291 ở trong kinh **2:55**: [Tiếng Pāli là *thūpa* (*bảo tháp*): (là phần mộ, hay mô đất cao, đồi đất cao, núi đất được đắp cao lên thành bảo tháp ... để đánh dấu và tưởng niệm dài lâu về một người đã mất. Đắp càng cao càng to càng chắc là để tồn tại thời gian được càng lâu trước sự biến đổi và tàn phá của vô-thường; thời sau này người ta có thể xây bằng những vật

liệu kiên cố hơn nhiều như núi đá, sắt thép, bê tông ...).] (961)

962 [Giống kinh **SN 55:60** (Quyển 5). Những điều này cũng được gọi là *04 yếu-tố [04 chi phần] dẫn tới chứng quả Nhập-lưu* [và những thánh quả cao hơn]. Coi thêm các kinh **SN 55–58** (Quyển 5).] (962)

963 [**Ee** gộp kinh này vào kinh kế trước; **Ce** và **Be** thì coi là một kinh riêng như vậy.] (963)

964 [*Sự-biết trực tiếp* (liễu tri): 04 điều được nói ra ở đây là tương ứng với 04 Diệu Đế, nhưng đảo lộn thứ tự của Diệu Đế 3 và Diệu Đế 4. Thứ tự kinh điển (như trong kinh Chuyên Pháp Luân) là *thứ là khổ, nguồn-gốc gây khổ, con-đường tu-tập, và sự chấm-dứt thứ khổ* [khổ, tập, diệt, đạo].] (964)

965 [*Những sự tìm-kiếm* đã được nói trong kinh **MN 26**, mục 5, nhưng trong kinh **MN** có thêm *02 sự tìm-kiếm* là [(iv) tự mình phải bị chết cứ đi tìm kiếm thứ cũng phải bị chết; (v) tự mình phải bị sàu cứ đi tìm kiếm thứ cũng phải bị sàu.] - Còn *những sự tìm-kiếm thánh thiện* cũng được nói trong kinh **MN 26**, mục 12.] (965)

966 [Coi kinh **4:32** ở trên và chú thích 687 ở đó. Đối với tôi dường như 02 kinh này là một.] (966)

967 [Đây là vị Tỳ kheo đã từng thách sẽ rời bỏ Đức Phật nếu Đức Phật không trả lời những câu hỏi mang tính siêu thể học của thầy ấy. Coi thêm kinh **MN 63**, cũng như kinh **MN 64**, mục 2–3; **SN 35:95** (Quyển 4).] (967)

968 [Lời đoạn này giống kinh **4:09** ở đầu *Quyển* này, với chú thích 636 ở đó ghi: [Nguyên văn: *Itthabhāvaññathābhāvaṃ. Mp* giải thích: “*sự-sống ở đây*” là *sự sống này, sự hiện-hữu này (ayaṃ attabhāvo)*; “*sự-sống chỗ khác*” là chỉ những *sự hiện-hữu trong tương lai (anāgatattabhāvo)*. (Cả 02 đều là *dục-vọng muốn được hiện-hữu* (hữu ái).]] (968)

969 [Coi thêm kinh **SN 42:09** (Quyển 4), đoạn cuối, nói về 8 nguyên-nhân làm sa sút những gia đình.] (969)

970 [Kinh này là kinh song hành với kinh **3:96** được mở rộng thêm yếu tố thứ tư.] (970)

971 [Kinh này là kinh song hành với **3:98** được mở rộng thêm yếu tốt thứ tư. Đây cũng là kinh song hành với kinh **3:97** trong đó có đoạn (3) nói về bậc thánh Bất-lai, nhưng đoạn (3) này không thấy được kết tập trong kinh nào của *Quyển “Bốn”* này).] (971)

972 [Một cách tương tự như “*sát sinh*” ở kinh **4:264**, mỗi bài kinh trong dãy này, từ kinh **4:265–73**, sẽ lần lượt thay bằng mỗi tội kế tiếp.] (972)

973 (Tương tự theo cách của **NHÓM 8** cuối cùng của *Quyển “Ba”*, từ kinh **184–352**.)

++++

Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: (+84)—0898909451; 0909503993, hoặc liên hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính)

Hoặc anh Huỳnh Văn Thịnh, điện thoại: 0363316764 hoặc email: huynhvanthinh@gmail.com